BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VĂN HỌC 12

TẬP MỘT

PHẦN VĂN HỌC VIỆT NAM

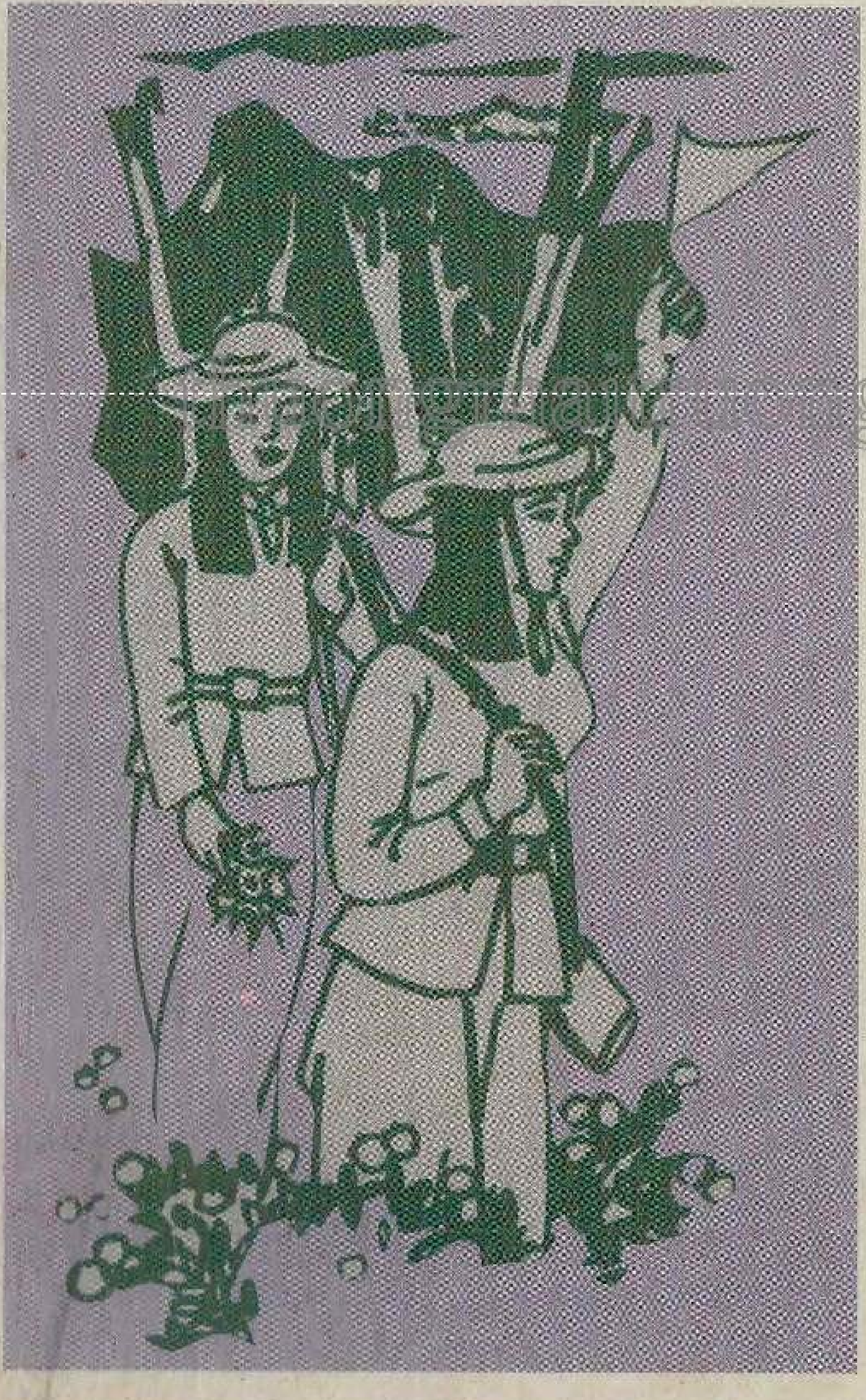

gxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HOÀNG NHƯ MAI - NGUYỄN ĐĂNG MẠNH
(chủ biên)
HÀ MINH ĐỨC - NGUYỄN VĂN LONG - TRẦN HỮU TÁ

VĂN HỌC 12

TẬP MỘT

PHẦN VĂN HỌC VIỆT NAM

(Sách chỉnh lí hợp nhất năm 2000)

truongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

SÁCH CHỈNH LÍ HỢP NHẤT TRÊN CƠ SỞ CÁC SÁCH GIÁO KHOA SAU ĐÂY :

1. *Văn 12 – Phần Văn học Việt Nam* do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chủ trì biên soạn. Tác giả :

   NGUYỄN ĐĂNG MẠNH (chủ biên),
   NGUYỄN VĂN LONG

2. *Văn học 12 – Tập một* do Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn. Tác giả :

   HOÀNG NHƯ MAI (chủ biên),
   NGUYỄN ĐĂNG MẠNH, TRẦN HỮU TÁ

thuongmaitr

8(V) (075) / GD – 00 831/232-99 Mã số : 3H201m0

PHẦN BA

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

(Tiếp theo chương trình lớp 11)

NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

I - ĐÔI NÉT VỀ TIỂU SỬ

Hồ Chí Minh tên gọi thời niên thiếu là Nguyễn Sinh Cung, trong thời kì đầu hoạt động cách mạng mang tên Nguyễn Ái Quốc ; sinh ngày 19-5-1890 tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Song thân của Người là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và cụ Hoàng Thị Loan. Tuổi trẻ Người đã học chữ Hán trong gia đình, học trường Quốc học Huế và có một thời gian dạy học ở trường Dục Thanh (Phan Thiết) với tên gọi là Nguyễn Tất Thành. Năm 1911, Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước. Tháng 1-1919, Người đưa bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* về quyền bình đẳng, tự do đến Hội nghị Vecxay (Pháp). Năm 1920, Người dự Đại hội Tua và là một trong những thành viên đầu tiên tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Hồ Chí Minh đã tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng như Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925), Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông (1925) và chủ tọa hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước tại Hương Cảng, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930). Tháng 2-1941, Người về nước hoạt động và thành lập Mặt trận Việt Minh, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước giành thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945). Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại quảng trường Ba Đình và sau cuộc tổng tuyển cử đầu tiên (6-1-1946), Người được

truongxua.vn

bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ đấy Người luôn đảm nhiệm những chức vụ cao nhất của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo toàn dân giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược. Người qua đời ngày 2-9-1969.

Năm 1990, nhân dịp kỉ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) đã ghi nhận và suy tôn Người là "anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hóa lớn". Hồ Chí Minh là người chiến sĩ kiên cường trên suốt nửa thế kỉ tham gia đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc. Trong sự nghiệp cách mạng lớn lao của Người có một di sản đặc biệt để lại cho dân tộc, đó là sự nghiệp văn học.

II - QUAN ĐIỂM SÁNG TÁC VĂN HỌC

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh không nhận mình là nhà văn, nhà thơ mà chỉ là người bạn của văn nghệ, người yêu văn nghệ. Nhưng

rồi chính hoàn cảnh thôi thúc, nhiệm vụ cách mạng yêu cầu, môi trường xã hội và thiên nhiên gợi cảm cộng với tài năng nghệ thuật và tâm hồn nghệ sĩ chứa chan cảm xúc, Người đã sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị. Những áng văn chính luận giàu chất sống thực tế, sắc sảo về chính kiến và ý tưởng (*Bản án chế độ thực dân Pháp, Tuyên ngôn Độc lập*...), những truyện ngắn độc đáo và hiện đại, hàng trăm bài thơ giàu tình đời, tình người, chứa chan thi vị được viết ra bằng tài năng và tâm huyết. Hồ Chí Minh am hiểu sâu sắc quy luật và đặc trưng của hoạt động văn nghệ, từ phương diện tư tưởng chính trị đến nghệ thuật biểu hiện. Điều này trước hết thể hiện trực tiếp trong hệ thống quan điểm sáng tác văn chương của Người.

1. Hồ Chí Minh xem văn nghệ là một hoạt động tinh thần phong phú và phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng ; nhà văn cũng phải ở giữa cuộc đời, góp phần vào nhiệm vụ đấu tranh và phát triển xã hội. Bài thơ *Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"* được viết ra với tinh thần đó :

ruongxua.vn

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông ;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Chất "thép" ở đây chính là xu hướng cách mạng và tiến bộ về tư tưởng, là cảm hứng đấu tranh xã hội tích cực của thi ca. Đó là sự tiếp tục quan điểm thơ "chuyên chú ở con người" như Nguyễn Văn Siêu đã nói, tinh thần "Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà" của Nguyễn Đình Chiểu và được nâng cao trong thời đại cách mạng vô sản. Sau này, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, qua *Thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951*, Người lại khẳng định : "Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*, anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy"[(1)].

2. Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến đối tượng thưởng thức. Văn chương trong thời đại cách mạng phải coi quảng đại quần chúng là đối tượng phục vụ. Người nêu kinh nghiệm chung cho hoạt động báo

chí và văn chương : "Viết cho ai ?", "Viết để làm gì ? ", "Viết cái gì ?", và "Cách viết thế nào ?"(2). Người chú ý đến quan hệ giữa phổ cập và nâng cao trong văn nghệ. Các khía cạnh trên liên quan đến nhau trong ý thức và trách nhiệm của người cầm bút.

3. Hồ Chí Minh luôn quan niệm tác phẩm văn chương phải có tính chân thật. Phát biểu trong buổi khai mạc phòng triển lãm về hội họa trong năm đầu cách mạng, Người uốn nắn một hướng đi "chất mơ mộng nhiều quá, mà cái chất thật của sự sinh hoạt rất ít". Người yêu cầu văn nghệ sĩ phải "miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn" những đề tài phong phú của hiện thực cách mạng, phải chú ý nêu gương "người tốt, việc tốt", uốn nắn và phê phán cái xấu. Tính chân thật vốn là cái gốc của văn chương xưa và nay. Nhà văn phải chú ý đến hình thức biểu hiện, tránh lối viết cầu kì, xa lạ, nặng nề. Hình thức của tác phẩm phải trong sáng, hấp dẫn, ngôn từ phải chọn lọc. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Theo Người, tác phẩm văn chương phải thể hiện được tinh thần của dân tộc, của nhân dân và được nhân dân yêu thích.

thuongmaitr

III - SỰ NGHIỆP VĂN HỌC CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC - HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh đã để lại cho nhân dân ta một sự nghiệp văn chương lớn lao về tầm vóc, phong phú, đa dạng về thể loại và đặc sắc về phong cách sáng tạo. Tác phẩm văn học của Hồ Chí Minh được viết bằng tiếng Pháp, Hán văn và tiếng Việt. Có thể tìm hiểu sự nghiệp văn học của Người chủ yếu trên ba lĩnh vực.

Văn chính luận : Những tác phẩm văn chính luận của Hồ Chí Minh được viết ra chủ yếu với mục đích đấu tranh chính trị nhằm tiến công trực diện kẻ thù hoặc thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử. Ngay từ những thập niên đầu thế kỉ XX, các bài văn chính luận với bút danh Nguyễn Ái Quốc đăng trên các tờ báo *Người cùng khổ* (Le Paria), *Nhân đạo* (L' Humanité), *Đời sống thợ thuyền* (La vie ouvrière) đã có tác động và ảnh hưởng lớn đến

công chúng Pháp và nhân dân nhiều nước thuộc địa. Lên án chế độ thực dân Pháp và chính sách tàn bạo của chính phủ Pháp đối với các nước thuộc địa, kêu gọi thức tỉnh những người nô lệ bị áp bức liên hiệp lại trong mặt trận đấu tranh chung là nội dung chủ yếu của những tác phẩm chính luận của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn này. *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã kết tinh và hội tụ lại tinh thần trên và trở thành một trong những tác phẩm lớn nhất của Người. Một số áng văn chính luận của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn này mang đặc điểm của tác phẩm văn chương và có giá trị văn chương như một số chương trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, những bài luận chiến sắc sảo với bọn thực dân đầu sỏ, những trang viết về nỗi đau khổ của người dân các xứ thuộc địa, nhất là những người phụ nữ. Các bài viết đều có tính chất tố cáo trực diện chế độ thực dân Pháp, đem lại nhiều hiểu biết và gây xúc động cho người đọc.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện chính trị có giá trị lịch sử lớn lao, phản ánh khát vọng độc lập, tự do và cuộc đấu tranh kiên cường bền bỉ của dân tộc đã giành được thắng lợi. Đây là áng văn chính luận hùng hồn tuyên bố quyền độc lập của dân tộc Việt Nam trước nhân dân trong nước và thế giới. Văn kiện đó mãi mãi là những trang ngời chói và bất tử trong lịch sử của dân tộc.

Tuyên ngôn Độc lập còn có giá trị về nhiều mặt. Trước hết là cơ sở và giá trị pháp lí của văn kiện. Dựa trên những luận điểm về quyền con người, quyền bình đẳng giữa các dân tộc - những quyền lợi thiêng liêng mà tạo hóa đã ban phát và con người hằng đấu tranh để bảo vệ - *Tuyên ngôn Độc lập* đã nêu lên những lí lẽ đanh thép, thuyết phục, có cơ sở pháp lí vững chắc. Giá trị nhân bản được biểu hiện sâu sắc và xúc động qua bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật đã xúc phạm và chà đạp quyền con người của nhân dân Việt Nam. *Tuyên ngôn Độc lập* đã khẳng định quyền con người, con người tham gia làm chủ đất nước, và thật sự phải được giải phóng. Điều rất đáng chú ý là giá trị nghệ thuật của *Tuyên ngôn Độc lập*. Đây là một áng văn chính luận được viết ra với cảm hứng phấn chấn,

giàu cảm xúc, thiết tha đề cao giá trị chân - thiện - mĩ của mỗi con người cũng như của cả dân tộc. *Tuyên ngôn Độc lập* là một áng văn hay, cấu trúc chặt chẽ, lí lẽ sắc bén và ngôn từ chọn lọc.

Tiếp nối sự phát triển của lịch sử dân tộc, các tác phẩm chính luận nổi tiếng như *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946), *Không có gì quý hơn độc lập, tự do* (1966) đều thể hiện sâu sắc tiếng gọi của non sông đất nước trong những giờ phút thử thách đặc biệt. Nội dung của những văn kiện trên là những vấn đề thời sự cấp bách của dân tộc, văn phong hào hùng, tha thiết làm rung động hàng triệu trái tim yêu nước. Trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời, Người viết *Di chúc*. Bản *Di chúc* là lời căn dặn thiết tha, chân tình với đồng bào, đồng chí, vừa mang tính chiến lược trong hướng phát triển của đất nước, vừa thấm đượm tình thương yêu con người.

Truyện và kí : Trước hết phải kể tập *Truyện và kí* tập hợp những truyện ngắn và kí của Nguyễn Ái Quốc viết trong khoảng từ năm 1922 đến 1925. Tác giả thường tiến công kẻ thù bằng những mũi nhọn chính luận sắc sảo và sự thật công khai của đời sống. Tuy nhiên, cần có một tiếng nói hỗ trợ có hiệu quả của những hình thức tưởng tượng, hư cấu, tạo ra những tình huống không xác thực nhưng chân thực để nói lên bản chất của đối tượng, chỉ ra sự thật còn bị che giấu và dự báo cho khả năng phát triển của hiện tượng. Và Nguyễn Ái Quốc đã đến với truyện ngắn. Các truyện ngắn : *Pari* (1922), *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922), *Con người biết mùi hun khói* (1922), *Đồng tâm nhất trí* (1922), *"Vi hành"* (1923), *Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu* (1925), *Con rùa* (1925) đều gây ấn tượng sâu sắc cho người đọc. Truyện ngắn của Người cô đọng, cốt truyện sáng tạo, kết cấu độc đáo. Mỗi truyện ngắn đều có một tư tưởng riêng hấp dẫn, sáng tỏ, ý tưởng thâm thúy, kín đáo, chất trí tuệ tỏa trong hình tượng và phong cách giàu tính hiện đại. Người quan tâm đến lối kể chuyện truyền thống trong truyện dân gian và văn xuôi cổ của dân tộc (*Con rùa, Đồng tâm nhất trí*) nhưng cũng chú ý vận dụng lối biểu hiện

thuongmaitr

mới mẻ của văn xuôi phương Tây. Các truyện ngắn : *"Vi hành", Lời than vãn của bà Trưng Trắc, Con người biết mùi hun khói...* đều rất sáng tạo và hiện đại. Các truyện ngắn thường dựa trên một sự kiện, một câu chuyện có cơ sở thật và từ đó người viết vận dụng hư cấu, tái tạo để thực hiện dụng ý nghệ thuật của mình. Trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, truyện ngắn *Giấc ngủ mười năm* (1949) với bút danh Trần Lực là một sáng tác giàu tinh thần lạc quan cách mạng. Ngoài truyện ngắn, Hồ Chí Minh còn có những tác phẩm kí được sáng tác với bút danh khác nhau như *Nhật kí chìm tàu* (1931), *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (1963).

Thơ ca : Đây là lĩnh vực nổi bật trong giá trị sáng tạo văn chương của Hồ Chí Minh. Có thể kể đến ba tập thơ của Người đã được tuyển chọn qua các thời kì : *Nhật kí trong tù* gồm 133 bài, *Thơ Hồ Chí Minh* (1967) gồm 86 bài và *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh* (1990) gồm 36 bài.

Trên 250 bài thơ, đó là con số rất có ý nghĩa với một đời thơ. Các tác phẩm thơ của Hồ Chí Minh được viết ra trong nhiều thời điểm và hoàn cảnh lịch sử, tiêu biểu hơn cả là *Nhật kí trong tù* được viết trong thời gian Người bị giam cầm ở nhà tù Quốc dân đảng tại Quảng Tây, Trung Quốc từ ngày 29-8-1942 đến ngày 10-9-1943.

Nhật kí trong tù là tập thơ phản ánh tâm hồn và nhân cách cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh thử thách nặng nề nhất của chốn lao tù "Thân thể ở trong lao - Tinh thần ở ngoài lao". Sự thắng thế của những giá trị tinh thần, lí tưởng chiến đấu của người cộng sản, lòng yêu nước thương dân, niềm tin vào thắng lợi ngày mai đã giúp người chiến sĩ vượt lên tất cả. Bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân đảng được miêu tả chân thực có sức tố cáo, càng làm nổi bật lên sức mạnh của ý chí người chiến sĩ cách mạng không chịu khuất phục, không chịu lùi một phân "Vật chất tuy đau khổ - Không nao núng tinh thần". Nhiều nhà văn, nhà thơ trong và ngoài nước đã tìm thấy ở *Nhật kí trong tù* "một tâm hồn vĩ đại của bậc đại trí, đại nhân, đại dũng" (Viên Ưng, Trung Quốc), "một con người qua cuộc

đời mình đã dạy cho mọi người hiểu rằng : đối với con người không có đỉnh cao nào là không thể đạt được" (Phêlich Pita Rôđrighêt, Cuba). Đặng Thai Mai cho rằng đọc tập thơ "thực sự cảm thấy đứng trước một thi sĩ và một con người cao cả vĩ đại". *Nhật kí trong tù* chứa đựng những bài học về nhân sinh, đạo lí cho hôm nay và cho mai sau.

Nhật kí trong tù là tập thơ chứa chan tình cảm nhân đạo. Tuy trong hoàn cảnh tù đày và trên hành trình bị áp giải, Hồ Chí Minh luôn bộc lộ sự cảm thương trước cảnh đời lam lũ của những người phu đường và những người nông dân vất vả một nắng hai sương. Người đặc biệt quan tâm đến cảnh đời của em nhỏ, của người phụ nữ cũng phải chịu cảnh tù đày. Và riêng những người "cùng hội cùng thuyền" cũng được tác giả chia sẻ tình thương. Tình cảm nhân đạo trong *Nhật kí trong tù* là thuộc về chủ nghĩa nhân đạo của giai cấp vô sản, khác với tình thương người của tôn giáo, khác biệt với tình thương có tính chất ban phát của giai cấp phong kiến, tư sản... *Nhật kí trong tù* là một tác phẩm giàu giá trị nghệ thuật. Nhiều tứ thơ được thể hiện rất sáng tạo, rất đẹp *(Không ngủ được, Ngắm trăng, Đi đường, Nghe tiếng giã gạo...)*, nhiều hình ảnh gợi cảm từ mặt trời buổi sớm, vầng trăng non trong đêm, dòng sông vui giữa hai bờ làng xóm, làng quê được mùa vui ca hát... *Nhật kí trong tù* sử dụng rất thành thục thể tứ tuyệt vừa cô đúc, vừa linh hoạt và tài hoa.

Ngoài *Nhật kí trong tù*, phải kể đến những đóng góp thơ ca của Người ở thời kì trước và sau Cách mạng. *Pác Bó hùng vĩ, Tức cảnh Pác Bộ, Ca sợi chỉ, Bài ca du kích...* gợi lại chân thực và xúc động thời kì hoạt động bí mật và những vần thơ cũng tham gia trực tiếp vào nhiệm vụ tuyên truyền cách mạng.

Đi vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tứ thơ của Người ngày càng dào dạt. Vẫn là tấm lòng yêu nước sâu nặng thể hiện qua nỗi lo lắng của vị lãnh tụ trước tình cảnh đất nước bị xâm lược (*Cảnh khuya, Đi thuyền trên sông Đáy...*) ; tình cảm động viên và ngợi ca sức mạnh của quân dân trong chiến đấu *(Rằm tháng giêng, Lên núi)*, và niềm vui của Người trước thắng lợi ở chiến trường

thuongmaitr

(Tin thắng trận, Đêm thu). Thơ kháng chiến chống thực dân Pháp của Hồ Chí Minh kết hợp được chất trữ tình cách mạng đằm thắm với cảm hứng anh hùng ca của thời đại.

Tập *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh* tập hợp 36 bài thơ chữ Hán viết trong nhiều thời điểm. Vẫn là những bài cổ thi thâm thúy với tứ thơ mở ra phóng khoáng trên nhiều đề tài : về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp *(Thu dạ, Nguyên tiêu, Đăng sơn)*, về những chuyến thăm nước ngoài (chùm thơ thăm Trung Quốc), về tình bạn (*Tặng Bùi công, Tầm hữu vị ngộ* (Tìm bạn không gặp)...) và chút tâm tình riêng (*Nhị vật* (Hai chớ), *Thất cửu* (Sáu mươi ba tuổi)...).

IV - VÀI NÉT VỀ PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT

Hồ Chí Minh là người bước đầu đặt nền móng và mở đường cho nền văn học cách mạng. Văn chương Hồ Chí Minh đã kết hợp được sâu sắc tự bên trong mối quan hệ giữa chính trị và văn học, giữa tư tưởng và nghệ thuật, giữa truyền thống và hiện đại. Mỗi loại hình văn học của Người đều có phong cách riêng, độc đáo, hấp dẫn và có giá trị bền vững. Hồ Chí Minh là người đầu tiên sử dụng có hiệu quả cao thể văn chính luận hiện đại. Văn chương Việt Nam vốn có truyền thống về tính chính luận, từ Nguyễn Trãi đến Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Văn chính luận của Hồ Chí Minh mang cốt cách, đặc điểm của văn chính luận hiện đại của giai cấp vô sản.

Văn chính luận của Hồ Chí Minh bộc lộ tư duy sắc sảo, giàu tri thức văn hóa, gắn lí luận với thực tiễn, giàu tính luận chiến, vận dụng có hiệu quả nhiều phương thức biểu hiện. Chỉ riêng hình thức mẩu chuyện được kể qua một câu chuyện nhỏ, một mảnh đời chân thực đã góp phần chứng minh thuyết phục cho những vấn đề lí luận. *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã sử dụng hàng chục mẩu chuyện nhỏ cảm động, hấp dẫn. Viết thành công những mẩu chuyện nhỏ là một nét độc đáo của tài năng tác giả trong văn xuôi.

Truyện và kí của Nguyễn Ái Quốc là những tác phẩm mở đầu và góp phần đặt nền móng đầu tiên cho văn xuôi cách mạng. Ngòi bút

của Người trong truyện ngắn rất chủ động và sáng tạo : có khi là lối kể chân thực, tạo không khí gần gũi, có khi là giọng điệu sắc sảo, châm biếm thâm thúy và tinh tế. Chất trí tuệ và tính hiện đại là những nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Ái Quốc.

Về thơ ca, phong cách sáng tạo của Người rất đa dạng. Nhiều bài viết theo hình thức cổ thi hàm súc, uyên thâm, đạt chuẩn mực cao về nghệ thuật. Thơ của Người mang đặc điểm của thơ ca cổ phương Đông. "Thơ Người nói ít mà gợi nhiều, là loại thơ có màu sắc thanh đạm, có âm thanh trầm lắng không phô diễn mà như cố khép lại đường nét để cho người đọc tự thưởng thức lấy cái phần ý ở ngoài lời" (Rôgiê Đơnuy, Pháp).

Thơ Hồ Chí Minh vận dụng rất linh hoạt nhiều thể loại và phục vụ có hiệu quả cho nhiệm vụ cách mạng. Lời kêu gọi, chúc mừng, thăm hỏi, giáo huấn... của Người qua tiếng nói gợi cảm của thơ ca chứa chan nhiệt tình cách mạng.

V - KẾT LUẬN

thuongmaitr

Văn thơ Hồ Chí Minh thể hiện sâu sắc tấm lòng giàu yêu thương và tâm hồn cao cả của Người. Đó là tiếng nói nhân danh người cùng khổ đấu tranh đòi quyền sống, nhân danh một dân tộc bảo vệ quyền độc lập, tự do. Đó là tiếng nói của người cần lao "người đi dép lốp cao su" và "nhà chiến lược" (Katep Yaxin, Angiêri) luôn lạc quan tin vào sức mạnh của chân lí và của con người đang vươn tới chân - thiện - mĩ. Qua di sản văn chương quý giá đó, các thế hệ hôm nay và mai sau có thể tìm thấy những bài học và giá trị tinh thần cao quý.

Chú thích

(1) Báo *Cứu quốc*, số 1986, 5-1-1952. (2) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 7. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 117.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Quan điểm sáng tác văn học của Hồ Chí Minh được biểu hiện qua những điểm chủ yếu nào ?

2. Tác phẩm văn học của Hồ Chí Minh gồm ba bộ phận lớn : văn chính luận, truyện và kí, thơ ca. Hãy nêu lên những nét chính và xác định giá trị văn chương của từng bộ phận.

3. Những bài học quý giá của Hồ Chí Minh để lại cho các thế hệ hôm nay và mai sau qua những sáng tác thơ ca.

"VI HÀNH"[1]

(Trích *Những bức thư gửi cô em họ* do tác giả tự dịch từ tiếng An Nam)[2]

NGUYỄN ÁI QUỐC

truongxua.vn

Tiểu dẫn

Truyện ngắn *"Vi hành"* viết bằng Pháp văn, đăng trên báo *Nhân đạo* - cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp - số ra ngày 19-2-1923. Trong tác phẩm này, Nguyễn Ái Quốc sử dụng bút pháp hiện thực phê phán trào phúng rất hợp với sở thích của độc giả Pháp. Nguyễn Ái Quốc viết *"Vi hành"* đăng báo đúng vào dịp vua Khải Định được chính phủ Pháp đưa sang dự cuộc đấu xảo thuộc địa tổ chức ở Macxây.

Viết truyện ngắn này, Nguyễn Ái Quốc nhằm vạch mặt Khải Định, một kẻ ngu dốt, lố lăng, một tên vua bù nhìn vô dụng ; đồng thời tác giả cũng cho nhân dân Pháp thấy rõ những thủ đoạn xảo trá của thực dân Pháp.

*

* *

– Hắn đấy !

– Đâu phải !

– Đúng mà ! Anh đã bảo là chính hắn đấy.

– Chắc thật à ? Em thì em đã thấy hắn ở trường đua[3], trông hắn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn[4] chụp lên cái đầu quấn khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn[5].

– Thế hay là hắn đã đem tất cả các thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi ? Nhưng mà nhìn kĩ xem kìa ! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xếch ấy, vẫn cái mặt bủng như vỏ chanh[6] ấy đấy à ?

– Ừ nhỉ, thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hắn đến đây làm gì nhỉ trong đường xe điện ngầm này, và tụi các ông quan bà kiếc[7] đi theo thì đâu cả ?

– Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lí nhà ga để đi chơi vi hành[8] đấy.

Đấy, cô em họ thân mến của tôi ! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi. Họ ngấu nghiến trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau :

– Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta ? – Người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đấng hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

– Hắn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hắn đeo lên người hắn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm[9] – Người bạn gái anh ta trả lời.

– Hạt châu báu đấy chứ ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì !

– Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ của chúng ta nào ?

– Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găngbe đã bán rồi. Cái rương của Hêra Miêcten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc thì không thu hút được công chúng lắm vì không thuộc giới thượng lưu[10]. Và thế là cái kho giải trí của chúng ta sắp cạn ráo như B.Đ.D[11] vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì...

– Đổi xe[12] ở đây chứ anh yêu ơi ?

– Không, ga sau. Đúng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta.

– Em thì em thích Saclô[13] hơn. Với lại, vua, thì tốn lắm.

– Đâu có ! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở Nhà hát Ca vũ đấy chứ ? Phải trả những nghìn rưởi phrăng để xem vợ lẽ nàng hầu vua Cao Miên, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư thánh xứ Cônggô ; hôm nay chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh ? Nghe nói ông bầu Nhà hát Múa rối có định kí giao kèo thuê đấy[14]...

Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ, và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn[15], vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pie[16] nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay, còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lí do không cao thượng bằng, cũng "vi hành" đấy.

truongxua.vn

Tôi không được rõ ý đồ nhà "vi hành" của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Alêchxăng đệ nhất[17], có được sung sướng, có được quyền uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không ? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thày thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám "dân" bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến ? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, bây giờ ngài lại muốn nếm thử cuộc đời của các cậu công tử bé[18] ?

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đấng hoàng thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, tán tụng tôi, đi theo tôi.

Cô em thân mến, hẳn cô bảo tôi rằng, thế là cái bánh xe vô lượng[19] nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương

có màu da trắng đều là những bậc khai hóa, thì bây giờ đến lượt tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng "hắn đấy !" hay "xem hắn kìa !" là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng ta thường gặp dọc đường.

Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, Chính phủ bèn đối đãi với tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá tuốt ! Đó là những người phục vụ thầm kín, rụt rè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi niềm âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy đế giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuống cuồng cả lên nếu mất hút tôi chỉ trong dăm phút ! Cô thử nghĩ, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế ?

thuongmaitr

Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nổi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

PHẠM HUY THÔNG dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 1.
NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995)

Chú thích

(1) *"Vi hành"* : các vua cải trang làm người thường dân đi tìm hiểu sự thật về dân tình gọi là vi hành. Nguyên văn tiếng Pháp *Incognito* có nghĩa là không ai biết, dùng tên giả. Nguyễn Ái Quốc dùng từ này với ý mỉa mai : Khải Định tưởng là nước Pháp quý trọng y lắm, kì thực có ai biết mặt biết tên y đâu. (2) *Trích "Những bức thư... từ tiếng An Nam"* : không phải là thư thật mà là một thủ pháp nghệ thuật để hấp dẫn, khêu gợi tính hiếu kì của độc giả, và cũng để văn trần thuật không đơn điệu. (3) *Trường đua* : trường đua ngựa. (4) *Chụp đèn* : cái nón chóp hình giống cái chụp

đèn. (5) *Các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn* : chi tiết này nêu tính cách của Khải Định là tên vua lố lăng, thích khoe khoang, thích trưng diện. (6) *Bủng như vỏ chanh* : vỏ chanh ở châu Âu màu vàng bủng, chi tiết này nói lên đầu óc phân biệt chủng tộc của một số người Pháp, họ miệt thị các dân tộc có màu da khác. (7) *Ông quan bà kiếc* : nguyên văn tiếng Pháp ông quan là *mandarin*. Trong tiếng Pháp, nếu danh từ thuộc giống cái thì thêm chữ e. Cô gái Pháp này muốn nói là có cả các bà quan, cô liền thêm chữ e vào danh từ *mandarin* (cũng có ý nói thế với tinh thần trào phúng), vì thế dịch giả Phạm Huy Thông dịch là *ông quan bà kiếc*. (8) *Đi chơi vi hành* : ý anh thanh niên cho là Khải Định đi chơi lén. (9) *Lụa là, hạt cườm* : chi tiết này cũng để nói lên tính cách của Khải Định như chú thích 5. (10) *Cái lò ở Găngbe, cái rương của Hêra Miêcten, vụ án người bị chặt ra từng khúc* : báo chí các nước tư bản thường dùng những "thời sự" giật gân, mấy câu chuyện vừa nhắc đến là một số vụ giết người lấy của ít nhiều "li kì" đã thật sự xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ (theo chú thích của dịch giả). (11) *B.Đ.D* : nhà băng (ngân hàng) Đông Dương (viết tắt). (12) *Đổi xe* : đổi sang tuyến xe khác. (13) *Saclô* : nghệ sĩ điện ảnh nổi tiếng về phim hài, tên thật là Sacli Saplin (*Charlie Chaplin*). (14) *Ông bầu Nhà hát Múa rối có định kí giao kèo thuê đấy* : chi tiết rất mỉa mai, ý nói Khải Định trước mắt người Pháp chỉ là một trò cười để mua vui. (15) *Vua Thuấn* : một vị vua hiền đức của Trung Hoa cổ (theo truyền thuyết). (16) *Vua Pie* : Piôt đại đế, hoàng đế nước Nga (1672 - 1725), đã hai lần đi du lịch các nước ở châu Âu để tham quan học tập những điều tiến bộ. (17) *Alêchxăng đệ nhất* : tức là Tổng thống Pháp Alêchxăng Milơrăng lúc bấy giờ, Nguyễn Ái Quốc gọi một cách trào phúng theo danh hiệu các vua chúa như vậy cũng có ngụ ý phê bình Tổng thống Milơrăng cũng cai trị như các vua thời quân chủ chẳng có gì là dân chủ cả. (18) *Công tử bé* : Nguyễn Ái Quốc chơi chữ. Tiếng Pháp đại công tước (*grand duc*) cũng có nghĩa là những tay ăn chơi bừa bãi. Nói công tử bé (*petit duc*) có nghĩa là một tay tập tành ăn chơi bừa bãi. (19) *Bánh xe vô lượng* : dịch theo nguyên văn. Trong nguyên văn chữ vô lượng (*impondérable*) được dùng theo nghĩa bóng để nói về những tình huống bất ngờ, không lường trước được đã xảy ra.

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Chính phủ Pháp đưa Khải Định sang Pháp là một thủ đoạn chính trị vừa để vuốt ve Khải Định, vừa để lừa gạt dân Pháp khiến họ tin rằng sự "bảo hộ" của nước Pháp được dân Việt Nam hoan nghênh. Truyện "Vi hành" được hư cấu dựa vào sự kiện ấy. Theo anh (chị), thái độ của Nguyễn Ái Quốc đối với Khải Định trong chuyến đi sang Pháp ấy thế nào ? Thái độ ấy được biểu lộ qua những chi tiết, hình ảnh nào ?

2. Truyện có ngụ ý gì đối với bọn thực dân Pháp lúc đó ?

3. Qua những chi tiết Nguyễn Ái Quốc viết về cặp thanh niên Pháp trên tàu điện ngầm, anh (chị) đánh giá họ thế nào ? Tác giả có dụng ý gì khi đưa cặp thanh niên ấy vào đây ?

4. Giọng văn của truyện này là giọng văn gì ? Tại sao tác giả lại dùng giọng văn ấy ?

5. Riêng ở đoạn văn : "Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống... cũng "vi hành" đấy", giọng văn không giống với giọng văn của toàn bài mà mang chất trữ tình êm đềm. Theo anh (chị), tại sao tác giả lại thay đổi giọng văn như vậy ?

NHẬT KÍ TRONG TÙ
(Ngục trung nhật kí)

thuongmaitr

HỒ CHÍ MINH

Nhật kí trong tù là một tập nhật kí bằng thơ viết trong nhà tù. Sau một thời gian dài về nước và công tác tại Cao Bằng, tháng 8-1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh lên đường trở lại Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh và Phân bộ quốc tế phản xâm lược của Việt Nam để tranh thủ sự viện trợ của thế giới. Sau nửa tháng trời đi bộ, đến Túc Vinh, Quảng Tây (29-8-1942), Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam. Mười ba tháng ở tù (từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943), tuy bị đày ải vô cùng cực khổ ("Sống khác loài người vừa bốn tháng - Tiều tụy còn hơn mười năm trời"), lại bị giải đi quanh quẩn qua gần 30 nhà lao của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, Người vẫn làm thơ. Người đã sáng tác 133 bài thơ bằng chữ Hán ghi trong một cuốn sổ tay mà Người đặt tên là *Ngục trung nhật kí* (tức *Nhật kí trong tù*).

Tập thơ viết theo nhiều bút pháp khác nhau : bút pháp tả thực, bút pháp trữ tình, bút pháp mỉa mai châm biếm, bút pháp hài hước tự trào..., vừa hướng nội, vừa hướng ngoại, khi hiện thực, khi lãng mạn...

Tập *Nhật kí trong tù*, vì thế, vừa ghi lại được một cách chân thực - chân thực nhiều khi đến chi tiết - bộ mặt đen tối và nhem nhuốc của chế độ nhà tù cũng như của xã hội Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch, vừa thể hiện được tâm hồn phong phú, cao đẹp của người tù vĩ đại. Về phương diện này, có thể xem *Nhật kí trong tù* như một bức chân dung tự họa con người tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh : vừa kiên cường bất khuất ("Thân thể ở trong lao - Tinh thần ở ngoài lao") vừa mềm mại, tinh tế, hết sức nhạy cảm với mọi biến thái của thiên nhiên và lòng người ; vừa ung dung tự tại, hết sức thoải mái, như bay lượn ở ngoài nhà tù, vừa nóng lòng sốt ruột như lửa đốt, khắc khoải ngóng trời tự do, mòn mắt nhìn về Tổ quốc ; vừa đầy lạc quan tin tưởng : luôn luôn hướng về bình minh và mặt trời hồng, vừa trằn trọc lo âu, không bao giờ nguôi nỗi đau đớn của dân tộc và nhân loại, nhiều đêm một mình đối diện đàm tâm với vầng trăng lạnh... Tất cả bắt nguồn từ bản chất của một tâm hồn yêu nước lớn, một tấm lòng nhân đạo lớn, một cốt cách nghệ sĩ lớn.

truongxua.vn

Hơn trăm bài thơ của *Nhật kí trong tù* có nhiều bài thật tài hoa. Căn cứ vào những bài hay và tiêu biểu của tập thơ, người ta thấy màu sắc đậm đà nhất của hồn thơ Hồ Chí Minh là màu sắc cổ điển : giàu tình cảm đối với thiên nhiên, bút pháp chấm phá như muốn ghi lấy linh hồn của tạo vật, hình tượng nhân vật trữ tình ung dung, nhàn nhã, tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên vũ trụ. Nhưng cổ điển mà vẫn thể hiện tinh thần thời đại : hình tượng thơ luôn luôn vận động hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. Trong quan hệ với thiên nhiên, con người là chủ thể - không phải là ẩn sĩ mà là chiến sĩ... Tinh thần dân chủ thể hiện sâu sắc ở đề tài, tư tưởng, nhân vật trữ tình, hệ thống hình ảnh ước lệ tượng trưng, ngôn từ, giọng điệu, v.v... Hồn thơ ấy tự tìm đến hình thức ưa thích nhất và phù hợp nhất : thơ chữ Hán, thể tứ tuyệt cổ điển.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

*1. Phân tích hai nội dung cơ bản của **Nhật kí trong tù** : bộ mặt của nhà tù và xã hội Trung Quốc dưới chính quyền Tưởng Giới Thạch và bức chân dung tinh thần tự họa của Hồ Chí Minh.*

*2. **Nhật kí trong tù** được viết với nhiều bút pháp khác nhau. Hãy chứng minh điều ấy.*

*3. **Nhật kí trong tù,** một mặt mang đậm màu sắc cổ điển, mặt khác lại thể hiện tinh thần cách mạng của thời đại. Anh (chị) hiểu ý kiến ấy như thế nào ?*

CHIỀU TỐI
(Mộ)

HỒ CHÍ MINH

Phiên âm :

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không ;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Dịch nghĩa :

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẻ trôi lững lờ trên tầng không ;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

Dịch thơ :

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không ;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

NAM TRÂN dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 3, Sđd)

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tác giả dùng những hình ảnh gì để tả cảnh chiều tối ? Những hình ảnh ấy gợi lên trong tâm trí anh (chị) những cảm tưởng gì ?

*2. Trong bức tranh **Chiều tối** này, nổi bật lên một màu rực rỡ (lò than rực hồng), màu ấy gây cho anh (chị) ấn tượng gì ? Tác giả đưa màu sắc ấy vào có hợp lí không ? Vì sao ?*

3. Theo lẽ thường, tâm trạng một người ở vào hoàn cảnh của tác giả (người tù bị giải trên đường gặp lúc chiều tối) như thế nào ? Quang cảnh chiều tối miêu tả trong bài thơ có phù hợp với tâm trạng ấy không ? Qua sự đối chiếu ấy, anh (chị) hãy tìm hiểu nét đẹp trong tâm hồn Hồ Chí Minh.

GIẢI ĐI SỚM
(Tảo giải)

HỒ CHÍ MINH

ruongxua.vn

Phiên âm :

I

Nhất thứ kê đề dạ vị lan,
Quần tinh ủng nguyệt thướng thu san ;
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
Nghênh diện thu phong trận trận hàn.

II

Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư tảo nhất không ;
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hốt gia nồng.

Dịch nghĩa :

I

Gà gáy một lần, đêm chưa tàn,
Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi mùa thu ;
Người đi xa đã cất bước trên đường xa,
Gió thu táp mặt từng cơn từng cơn lạnh lẽo.

II

Phương đông màu trắng chuyển thành hồng,
Bóng đêm còn rơi rớt sớm đã hết sạch ;
Hơi ấm bao la khắp vũ trụ,
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

Dịch thơ :

I

Gà gáy một lần đêm chửa tan,
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn ;
Người đi cất bước trên đường thẳm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.

II

Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không ;
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.

NAM TRÂN dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 3, Sđd)

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ I nói về thời gian nào trong ngày ? Những nét miêu tả trong bài gây cho anh (chị) cảm tưởng gì ? Thái độ của nhân vật (người đi xa) trong bài thế nào ? Anh (chị) hãy tìm hiểu và phân tích thái độ ấy.

2. Đối chiếu từng chi tiết, từng hình ảnh trong bài I và bài II, anh (chị) thấy giống và khác nhau như thế nào ? (Chú ý đến cả cảnh và người). Hãy nêu và phân tích tác động của sự chuyển hóa từ bài I đến bài II.

3. Phân tích tâm trạng người đi xa qua câu thơ cuối cùng ("Người đi thì hứng bỗng thêm nồng").

4. Anh (chị) có biết những bài thơ nào khác của Hồ Chí Minh, trong đó, cách nhìn sự vật, sự việc cũng giống như trong bài thơ này ? (Tức là sự vật có sự chuyển biến chứ không tĩnh tại, sự chuyển biến đi lên ngày càng thuận lợi và tốt đẹp hơn). Anh (chị) có suy nghĩ gì về cách nhìn ấy ?

CẢNH CHIỀU HÔM
(Vãn cảnh)

HỒ CHÍ MINH

Phiên âm :

Mai khôi hoa khai hoa hựu tạ,
Hoa khai hoa tạ lưỡng vô tình ;
Hoa hương thấu nhập lung môn lí,
Hướng tại lung nhân tố bất bình.

truongxua.vn

Dịch nghĩa :

Hoa hồng nở hoa hồng lại tàn,
Hoa nở hoa tàn đều vô tình ;
Hương thơm bay vào thấu trong ngục,
Tới kể với người trong ngục nỗi bất bình.

Dịch thơ :

Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình ;
Hương hoa bay thấu vào trong ngục,
Kể với tù nhân nỗi bất bình.

NAM TRÂN dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 3, Sđd)

TÂM TƯ TRONG TÙ

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Về tác giả và tập thơ *Từ ấy*, xem bài *Tố Hữu* cũng ở sách này.

Đầu năm 1939, tình hình thế giới trở nên căng thẳng, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai có nguy cơ bùng nổ, thực dân Pháp trở lại đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương. Cuối tháng tư năm ấy, Tố Hữu bị chính quyền thực dân bắt ở Huế trong một đợt khủng bố Đảng Cộng sản. *Tâm tư trong tù* được viết trong những ngày đầu tiên nhà thơ bị giam ở nhà lao Thừa Thiên (Huế). Bài thơ này mở đầu cho phần thơ tù, phần "Xiềng xích" trong tập *Từ ấy*.

*
* *

Cô đơn thay là cảnh thân tù !
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu !
Đây âm u đôi ánh lạt ban chiều
Len nhẹ nhẹ qua rào ô cửa nhỏ
Đây lạnh lẽo bốn tường vôi khắc khổ
Đây sàn lim, manh ván ghép sầm u[1]...

Cô đơn thay là cảnh thân tù !
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực
Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu !
Nghe chim reo trong gió mạnh lên triều
Nghe vội vã tiếng dơi chiều đập cánh
Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh[2]
Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...

Ôi ! Hôm nay sao nhựa sống tràn trề
Trong những tiếng nghe chừng quen thuộc quá !
Nghe gió xối trên cành cây ngọn lá
Nghe mênh mang sức khỏe của trăm loài

thuongmaitr

Tôi mơ hồ nghe tất cả bên ngoài
Đang ríu rít giữa một trời rộng rãi
Đang hút mật của đời sây[3] hoa trái
Hương tự do thơm ngát cả ngàn ngày...

Ôi ! Bao nhiêu ảo tưởng của hồn ngây
Tôi phút bỗng như quên đời thê thảm
Ở ngoài kia... biết bao thân tù hãm
Đọa đày trong những hố thẳm không cùng !
Tôi chiều nay giam cấm hận trong lòng
Chỉ là một giữa loài người đau khổ
Tôi chỉ một con chim non bé nhỏ
Vứt trong lồng con giữa một lồng to
Chuyển đời quay theo tiếng gọi tự do
Tôi chỉ một giữa muôn người chiến đấu
Vẫn đứng thẳng trên đường đầy lửa máu
Chân kiêu căng[4] không thoái bộ[5] bao giờ !

ruongxua.vn

Tôi, hôm nay, dầu xa tạm ngọn cờ
Hồn tranh đấu vẫn còn thôi thúc não !
Nơi đày ải là Đắc Pao, Lao Bảo[6]
Là Côn Lôn[7], thế giới của ưu phiền ?
Tôi sẽ cười như kẻ sẵn lòng tin
Giữ trinh bạch linh hồn trong bụi bẩn
Tôi chưa chết, nghĩa là chưa hết hận
Nghĩa là chưa hết nhục của muôn đời
Nghĩa là còn tranh đấu mãi không thôi
Còn trừ diệt cả một loài thú độc !

Có một tiếng còi xa trong gió rúc...

Xà lim số 1, lao Thừa Thiên
29-4-1939

(*Từ ấy*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

Chú thích

(1) *Sầm u* : tối tăm, u ám. (2) *Lạc ngựa* : lục lạc buộc ở cổ ngựa. Chú ý : *"rừng chân"* (bên giếng lạnh) chứ không phải *"dừng chân"*. (3) *Sây* : (quả) nhiều, sai. (4) *Kiêu căng* : ở đây dùng với nghĩa kiêu hãnh. (5) *Thoái bộ* : lùi bước. (6) *Đắc Pao, Lao Bảo* : Đắc Pao (thuộc Tây Nguyên), Lao Bảo (thuộc Quảng Trị) là những nơi thực dân Pháp giam cầm, đày ải các chiến sĩ cách mạng. (7) *Côn Lôn* : ngọn núi cao nhất ở Côn Đảo nằm ở phía đông nam của Tổ quốc, cách nội địa khoảng 170 km, thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 1862, sau khi đánh chiếm Gia Định, thực dân Pháp đã xây dựng nhà tù lớn trên đảo để giam giữ người Việt Nam yêu nước. Sau này, cho đến năm 1975, đế quốc Mĩ cũng giam giữ nhiều người yêu nước và cách mạng ở đây.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh (thời gian, không gian) nào ? Qua kết cấu bài thơ, tìm hiểu diễn biến tâm trạng của người chiến sĩ lần đầu bị giam trong tù.

thuongmaitr

2. Phần đầu bài thơ nhấn mạnh sự đối lập giữa cuộc sống trong nhà tù và cuộc sống bên ngoài. Cuộc sống ở ngoài được cảm nhận và hình dung như thế nào qua tâm trạng khao khát tự do của người tù ? (Chú ý phân tích sự nhạy cảm, tinh tế khi lắng nghe mọi âm thanh của thiên nhiên và con người, sự tưởng tượng, khả năng hình dung sinh động những hình ảnh của cuộc sống rất bình dị mà thân thiết ở bên ngoài nhà tù). Qua đó, anh (chị) nhận thấy gì về tâm hồn, tình cảm của người chiến sĩ bị giam giữ ?

3. Trong phần sau của bài thơ, người chiến sĩ đã nhận thức đúng đắn rằng : cả xã hội bên ngoài lúc ấy cũng là một nhà tù lớn ("Tôi chỉ một con chim non bé nhỏ - Vứt trong lồng con giữa một lồng to") và từ đó khẳng định quyết tâm giữ vững ý chí, không lay chuyển khi bước vào cuộc chiến đấu khốc liệt trong nhà tù. Nhận thức và lí trí ở đây có gì mâu thuẫn với tình cảm, cảm xúc ở đoạn trên không ? Điều đó cho thấy thêm gì về người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong bài thơ ?

ĐỌC THÊM

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tiểu dẫn

Truyện viết bằng Pháp văn, đăng trên báo *Người cùng khổ*, số 36-37 (tháng 9 và tháng 10-1925). Truyện không có thật, chỉ là sự hư cấu của tác giả. Nội dung : Tháng 6-1925, nhà ái quốc Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải (Trung Quốc), giải về nước để xử tử. Nhưng nhân dân cả nước ta từ Bắc tới Nam nổi lên phản đối. Thực dân Pháp sợ hãi, cử Varen, đảng viên đảng Xã hội Pháp sang với âm mưu dụ hàng Phan Bội Châu, hòng xoa dịu sự phẫn nộ của đồng bào ta.

Nguyễn Ái Quốc viết truyện này để ca ngợi, khích lệ tinh thần yêu nước bất khuất của Phan Bội Châu, đồng thời vạch trần âm mưu nham hiểm của thực dân Pháp và nhân cách vô lại của Varen - mang danh đảng viên đảng Xã hội nhưng lại câu kết với chính quyền thực dân phản bội nhân dân lao động.

ruongxua.vn

*

* *

Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Varen đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế ; giả thử cứ cho rằng một vị toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan toàn quyền Varen sẽ "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Macxây[(1)] đến Sài Gòn kéo chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*

Đến Sài Gòn thì ông Varen, có gì mà không lường trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những

buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Varen được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li xe kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng ; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm ; những xâu lạp xường lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm ; cái rốn một chú khách trưng ra giữa trời ; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc Đẩu bội tinh[2] hình chữ thập. Thật là lộn xộn ! Thật là nhốn nháo !

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo : "Cái giống tởm nhà mày ! Có cút đi không, cái giống tởm !". Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ ? Xe ô tô quan toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi ! Lại cả ông toàn quyền đây rồi !

– Quan có cái mũ hai sừng[3] trên chóp sọ ! – Một chú bé con thầm thì.

– Ồ ! Cái áo dài[4] đẹp chửa ! – Một chị con gái thốt ra.

– Ngài sắp diễn thuyết đấy ! – Một anh sinh viên kêu lên.

– Đôi bắp chân ngài bọc ủng ! – Một bác cu li xe thở dài.

– *Rậm râu, sâu mắt*[5]. – Một nhà nho lẩm bẩm.

Thế là ô tô ông Varen chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên : *"Lạy quan lớn ! Bẩm lạy quan lớn ạ !"*.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Varen sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do hoàng đế hay hình bóng hoàng đế dẫn đầu sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức kim thượng[6] Khải Định sẽ thỉnh ông Varen thăm hoàng cung, và ông Varen sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen dự yến, và ông Varen sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, hoàng

thuongmaitr

thượng đứng dậy, ngài uy nghi tiến đến gần quan toàn quyền, đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, ngài cài lên ngực ông Varen loại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của hoàng triều : Nam Long bội tinh, và thế là ông Varen được gắn mề đay.

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Varen. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim, nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch ! Ôi thật là một cuộc chạm trán ! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình(7), lúc này mặt đối mặt với người kia, con người đã hi sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai đày đọa trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người(8) trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây ?

– Tôi đem tự do đến cho ông đây ! – Varen tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kếch đang xiết chặt Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hóa và công lí.

"Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hi sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất ? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được ? Than ôi, không đâu, ông ạ ! Và

lại, trời ơi ! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này ? Chúng ta có thể cùng nhau làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á !

"Ô ! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này ! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa ; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông !

"Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trác[9] ; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi, Guyxtavơ, Alêchxăng, Arixtit, Anbe, Pôn và Lêông[10]. Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không ? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa, rất là tốt ! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

"Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu ! Trước tôi là đảng viên Xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm toàn quyền... !".

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Varen. Nhưng, lạ chưa ! Những lời nói của Varen hình như lọt vào tai Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai", và cái im lặng dửng dưng của Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Varen sửng sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây : đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét bình tĩnh, thì đó chỉ là vì Bội Châu không hiểu Varen cũng như Varen không hiểu Bội Châu.

*

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai được biết gì hơn nữa. Chỉ có anh lính đỗng An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng,

thuongmaitr

nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết - cái anh chàng ranh mãnh đó - rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy.

TB : Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Varen - Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng nầy) lại quả quyết rằng Bội Châu đã nhổ vào mặt Varen ; cái đó thì cũng có thể[11].

PHẠM HUY THÔNG dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 2, Sđd)

Chú thích

(1) *Macxây (Marseille)* : thành phố cảng lớn ở miền Nam nước Pháp. (2) *Bắc Đẩu bội tinh* : một thứ huân chương cao quý của nước Pháp thưởng cho những người có công to với nước Pháp. (3) *Mũ hai sừng* : cái mũ (nón) trong bộ lễ phục của viên toàn quyền (chức quan cao nhất trong bộ máy cai trị ở các thuộc địa) có hai chỗ nhô cao lên như hai cái sừng. (4) *Áo dài* : lễ phục có vạt sau dài hơn vạt trước (ta gọi là áo đuôi tôm). (5) *Rậm râu, sâu mắt* : theo cách xem tướng mạo để đoán định tính cách con người của dân Việt Nam thì ai rậm râu, sâu mắt là con người nham hiểm. (6) *Đức kim thượng* : danh từ để tôn xưng ông vua đang cầm quyền. (7) *Tên chính khách... giai cấp mình* : Varen vốn là đảng viên đảng Xã hội Pháp là một đảng có khuynh hướng dân chủ cánh tả nhưng y lại phản bội và đi theo chủ nghĩa thực dân áp bức nhân dân các thuộc địa. (8) *20 triệu con người* : hồi ấy dân số nước ta chỉ có 20 triệu người. (9) *Nguyễn Bá Trác* : một trí thức Nho học có thời kì tham gia phong trào yêu nước, trốn ra nước ngoài rồi sau đầu hàng chính phủ thực dân Pháp và được họ cho làm quan. (10) *Guyxtavơ... và Lêông* : Guyxtavơ Hecvê (*Gustave Hervé*), Alêchxăng Minlơrăng (*Alexandre Millerand*), Arixtit Bơriăng (*Aristide Briand*), Anbe Tômat (*Albert Thomas*), Pôn Bôngcua (*Paul Boncour*), Lêông Giuhô (*Léon Jouhaux*) là những đảng viên đảng Xã hội Pháp đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân và được giữ chức toàn quyền, thượng thư, thủ tướng, tổng thống. (11) Nguyễn Ái Quốc đã kí tên rồi lại thêm T.B (tái bút) đó là một cách để người đọc phải chú ý : Về nhân chứng thứ hai này, Nguyễn Ái Quốc nói mập mờ *(xin chẳng dám nêu tên)*, là để cho người Pháp thấy bọn thực dân Pháp đàn áp khủng bố những người dân thuộc địa ghê gớm khiến họ rất sợ hãi.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Cần chú ý đến giọng văn trào phúng mỉa mai của tác giả. Đó là cách phê phán sâu sắc, gây nhiều hứng thú cho người đọc và giáng những "đòn"

truongxua.vn

rất đau cho đối tượng bị phê phán. Riêng đối với người Pháp thì cách phê phán này rất hợp với tâm lí của họ (dân tộc Pháp có câu tục ngữ : "Cái trào phúng giết người").

2. Truyện ngắn này bóc trần chân tướng của bọn chính khách thực dân, ở đây là toàn quyền Varen. Hãy nghiên cứu kĩ từng lời, từng ý của Nguyễn Ái Quốc khi thể hiện Varen (ví dụ : "nửa chính thức hứa", kéo dài cuộc hành trình, "tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kếch", v.v...).

3. Những nét miêu tả Khải Định cho ta thấy tư cách khúm núm hèn hạ của y.

4. Trái lại, Phan Bội Châu được ca ngợi bằng những lời lẽ hết sức trân trọng. Từ truyện ngắn này ta thấy, mặc dù phương sách cứu nước của Nguyễn Ái Quốc khác với Phan Bội Châu, nhưng Nguyễn Ái Quốc rất kính trọng Phan Bội Châu.

5. Nghệ thuật của truyện ngắn này thật sắc sảo. Cần đặc biệt chú ý đến những nét đặc tả chân dung nhân vật, từ các nhân vật chính Varen, Phan Bội Châu đến các nhân vật phụ (những người dân trên đường phố Sài Gòn, công chúng đi đón rước ông toàn quyền, anh lính gác ngục).

thuongmaitr

ĐI ĐƯỜNG
(Tẩu lộ)

HỒ CHÍ MINH

Phiên âm :

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san ;
Trùng san đăng đáo cao phong hậu,
Vạn lí dư đồ cố miện gian.

Dịch nghĩa :

Có đi đường mới biết đường đi khó,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác ;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao chót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào tầm mắt.

Dịch thơ :

Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng ;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

NAM TRÂN dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 3, Sđd)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong bài thơ, qua con mắt của một người tù bị áp giải trên đường, giống như một bức tranh sơn thủy được ghi lại bằng một vài nét chấm phá đơn sơ nhưng rất gợi hình. Anh (chị) hãy phân tích và chứng minh.

2. Tinh thần quyết tâm vượt khó và lạc quan, tin tưởng của người chiến sĩ cách mạng được thể hiện qua nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên trong bài thơ. Anh (chị) hãy tìm hiểu và làm sáng tỏ điều đó.

truongxua.vn

3. Bài thơ đã đem đến cho anh (chị) bài học gì trong cuộc sống ?

TIẾNG HÁT ĐI ĐÀY

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Cuối tháng 4-1939, Tố Hữu bị thực dân Pháp bắt ở Huế, bị giam ở nhiều nhà tù ở các tỉnh miền Trung. Đầu năm 1942, ông bị giải từ Quy Nhơn - một thành phố ven biển - lên nhà tù Đắc Lay ở sâu trên miền núi Tây Nguyên. Bài thơ *Tiếng hát đi đày* được làm trong chuyến chuyển nhà lao ấy. Chỉ ít lâu sau, tháng 3-1942, Tố Hữu vượt ngục Đắc Lay, tiếp tục hoạt động cách mạng.

Tiếng hát đi đày là bài cuối cùng của phần "Xiềng xích" trong tập *Từ ấy*.

*
* *

Tặng Huỳnh Ngọc Huệ[1]

Đường qua mấy phố Quy Nhơn
Nhà sao trông lại yêu hơn mọi lần
Người đi quấn áo chen chân
Ở sao như đã quen thân từ nào ?

Xe ơi, chậm chậm ngừng giây phút
Kẻo nữa rồi đây lại khát khao !

Nhưng nhà đã rải lơ thơ
Người đi mấy bóng vẩn vơ trên đường
Đồng xanh gợn nhớ quê hương
Bơ vơ tiếng hát bên nương nắng chiều

Xa rồi bóng dáng yêu thương cũ
Nhạt nhạt ngàn xa buồn cô liêu[2]...

Đường lên xứ lạ Kon Tum
Quanh quanh đèo chặt, trùng trùng núi cao
Thông reo bờ suối rì rào
Chim chiều chiu chít, ai nào kêu ai ?

Muốn gầm một tiếng tan u uất
Hận bỗng tuôn theo gió thổi dài

Đường lên Đắc Sút, Đắc Pao
Đèo leo ngọn thác, cầu treo mặt ghềnh
Đìu hiu mấy ải đồn canh
Lòng đau lại nhớ các anh những ngày...

Chao ôi, xưa cũng chốn này đây
Thân bạn vùi xương dưới gốc mây
Roi vụt rát tay bầy lính rợ
Máu dầm khoái mắt lũ đồn Tây !
Mỗi hòn đá đó, bao hòn huyết
Một khúc cầu đây, mấy khúc thây !
Hỡi những anh đầu qua trước đó
Biết chăng còn lắm bạn đi đày !

Đường lên đỉnh núi Đắc Lây
Heo heo gió lạnh, sương dày vắng chim

thuongmaitr

Gà đâu gáy động im lìm
Mơ mơ mấy xóm tranh chìm trong mây
Đồn xa héo hắt cờ bay
Hiu hiu phất lại buồn vây vây lòng

Có ai hiểu nỗi hờn ghê gớm
Trên mắt người trông với núi sương
Núi hỡi ! Từ đây băng xuống đó
Chừng bao nhiêu dặm, mấy đêm đường ?

Tháng giêng 1942

(*Từ ấy*. NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

Chú thích

(1) *Huỳnh Ngọc Huệ* : chiến sĩ cộng sản, bạn tù cùng bị giải lên Đắc Lay, sau đó cùng với Tố Hữu vượt ngục Đắc Lay tháng 3-1942. (2) *Cô liêu* : cô quạnh, lẻ loi, hoang vắng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

ruongxua.vn

1. Bài thơ vừa như một "bút kí" ghi lại những bức tranh phong cảnh trên con đường lưu đày từ thành phố Quy Nhơn ngược lên vùng rừng núi Kon Tum, đến Đắc Lay ; đồng thời lại là sự thể hiện diễn biến tâm trạng của người chiến sĩ trên con đường ấy. Cùng với khung cảnh ngày càng cô liêu hiu quạnh, núi rừng ngày thêm trập trùng hiểm trở, tâm trạng cũng tăng tiến : từ nỗi buồn nhớ, cô đơn đến uất hận căm hờn trước tội ác của bọn đế quốc đày ải những người cách mạng, cuối cùng là niềm khát khao và dự cảm về một cuộc vượt ngục để tự tháo cũi sổ lồng.

2. Hãy chú ý sự luân chuyển của thể thơ (thể lục bát và thể bảy chữ) qua các khổ thơ trong bài, tác dụng của mỗi thể thơ này trong việc mô tả ngoại cảnh và biểu hiện tâm trạng ở bài thơ.

3. Hãy phân tích diễn biến cụ thể của những tâm trạng, cảm xúc của người chiến sĩ trên từng chặng đường đi đày. Qua đấy, anh (chị) có nhận xét gì về tâm hồn, về đời sống tinh thần của người chiến sĩ trong cảnh ngộ đi đày ?

4. Trong bài, có một số câu thơ hay : bình dị mà chan chứa tình cảm ("Người đi quần áo chen chân - Ờ sao như đã quen thân từ nào ?"), hình ảnh và âm điệu rất đặc sắc, gợi cảm ("Thông reo bờ suối rì rào - Chim chiều chiu chít, ai nào kêu ai ?"). Hãy bình giảng một vài câu vừa dẫn trên đây.

PHẦN BỐN

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN 1975

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN 1975

I - ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN CỦA ĐẢNG VÀ SỰ ĐÓNG GÓP SÁNG TẠO CỦA CÁC NHÀ VĂN CHO NỀN VĂN HỌC CÁCH MẠNG

Cách mạng tháng Tám thành công đã mở ra một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc. Nhân dân Việt Nam đã thực sự làm chủ vận mệnh của mình. Văn học cũng khép lại một chặng đường. Nền văn học cách mạng được khai sinh. Khác với nền văn học cũ, văn học cách mạng cần thống nhất được thiên hướng sáng tạo của cá nhân với yêu cầu của nhân dân và thời đại. Văn học phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong sự nghiệp cách mạng, văn học là một bộ phận. Sự nghiệp văn học là của nhân dân và mỗi nhà văn là một thành viên tích cực và được tôn trọng. Văn học là một hoạt động tinh thần phong phú có hiệu quả trong đấu tranh và phát triển xã hội. Trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam* (1948), đồng chí Trường Chinh đã sớm nêu lên những nguyên lí cơ bản của nền văn học cách mạng và trách nhiệm của văn nghệ sĩ kháng chiến. Nền văn học mới phải phục vụ cho những nhiệm vụ chính trị của đất nước, chủ yếu là cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong những năm trường kì chống thực dân Pháp, lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ" đã thấm sâu vào tình cảm của mọi người. Năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định :

thuongmaitr

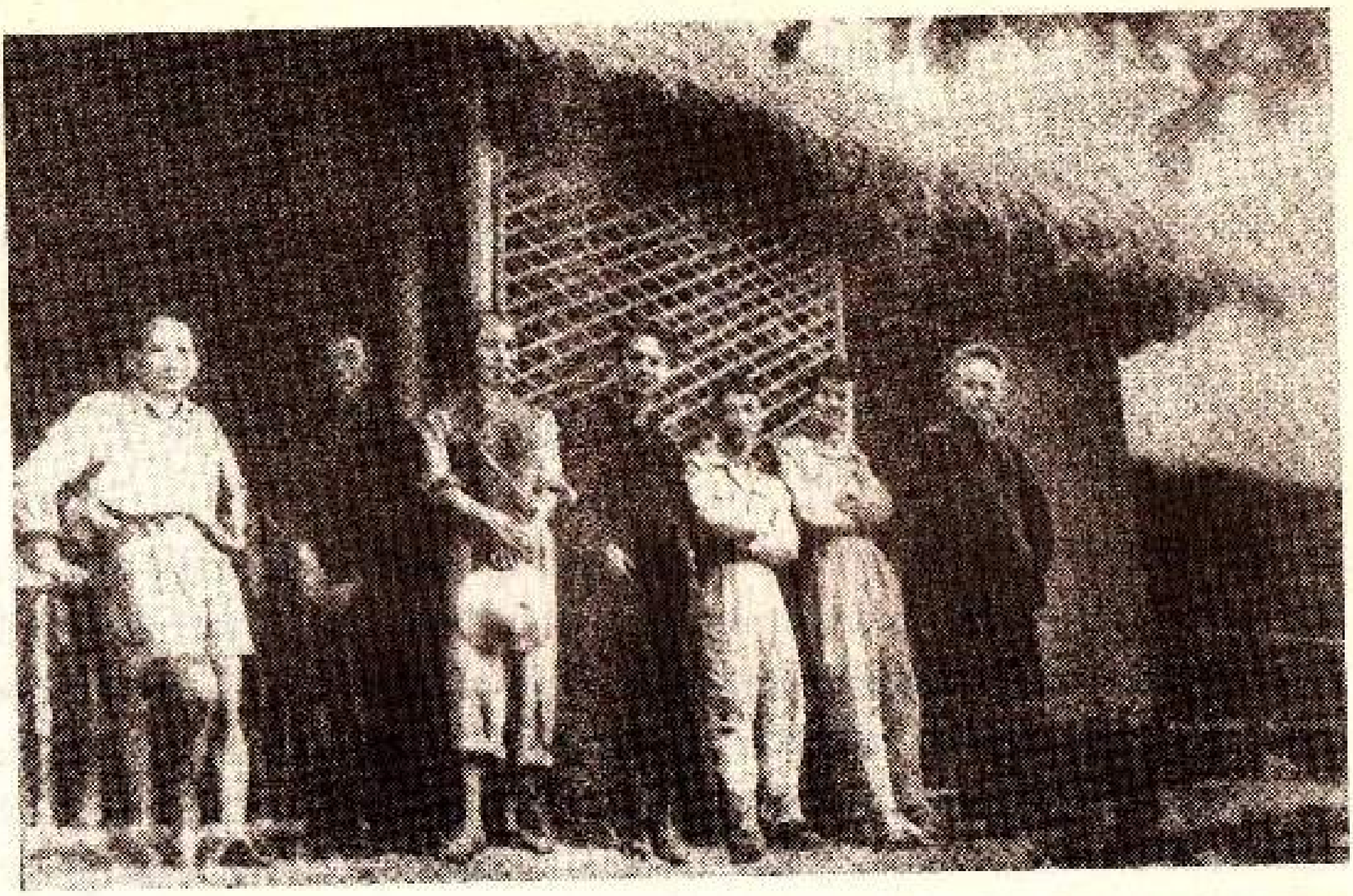

Trước trụ sở Hội Văn nghệ Việt Nam tại Yên Dã (Việt Bắc) năm 1949.
Từ trái sang phải : Ngô Tất Tố, Nguyễn Xuân Sanh, Tố Hữu, Xuân Diệu, Thế Lữ, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân.
(Ảnh : Trần Văn Lưu)

ruongxua.vn

"Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*, anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy". Tinh thần chiến sĩ và danh hiệu nhà văn - chiến sĩ được đề cao như phẩm chất chủ yếu của nghệ sĩ. Trong thời kì chống đế quốc Mĩ, phương châm lớn "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đã chỉ đạo cho mọi hoạt động, trong đó có văn nghệ. "Vì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội" là phương hướng lớn của văn nghệ trong suốt thời kì dài của lịch sử. Những tác phẩm của văn học trong mấy chục năm đều tập trung xoay quanh chủ đề trên và phản ánh được chân thực khí thế chiến đấu của nhân dân ta trong công cuộc chống đế quốc xâm lược. Đúng là chúng ta đã xây dựng thành công một nền văn nghệ tiên phong chống đế quốc.

Đường lối của Đảng trong văn nghệ đã sớm xác định cho người viết lập trường nhân dân. Nhân dân là cội nguồn khơi gợi mọi hoạt

động sáng tạo nghệ thuật và nhân dân cũng là đối tượng thưởng thức, tiếp nhận. Nhà văn phải đứng trên lập trường của nhân dân, lấy quan điểm của nhân dân để nhận thức và giải quyết vấn đề. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở các nhà văn, nhà báo mục đích của những trang viết : Viết cho ai, viết để làm gì, viết cái gì và cách viết thế nào ? Đã qua rồi lối viết chủ quan của một số người, viết không cần đến người đọc, thậm chí bản thân người viết cũng không hiểu hết điều mình đã viết.

Văn học Việt Nam vốn có truyền thống lâu đời của một nền văn học giàu tính chiến đấu và tính nhân đạo. Những phẩm chất ấy bắt rễ sâu xa trong giá trị tinh thần cao đẹp của dân tộc. Nền văn học mới phải biết phát huy và khai thác chỗ mạnh của truyền thống. Những câu chuyện giàu lòng nhân ái và lối kể chân thực của dân gian, tính chuẩn mực về nghệ thuật của văn chương cổ điển, phong cách châm biếm thâm thúy và ý nhị, những nhịp điệu thanh thoát uyển chuyển trong thơ ca, nhất là với các thể thơ lục bát, song thất lục bát... đều có sức sống lâu dài với thời gian. Văn chương ở các thời kì đều có ý thức khai thác truyền thống, học tập cốt cách văn chương của cha ông. Tính nhân đạo và tính dân tộc vẫn là phương châm và chuẩn mực cho các tác phẩm văn chương trên cơ sở đó kết hợp truyền thống với hiện đại.

Đường lối văn nghệ của Đảng yêu cầu nền văn học cách mạng phải phát triển sức sáng tạo và tinh hoa của văn nghệ các dân tộc anh em. Nhiều thành tựu văn học của các dân tộc thiểu số cần được phát huy, khai thác trong thời đại mới và ở các dân tộc đều có những gương mặt tiêu biểu, những người cầm bút có tài năng.

Từ sau Cách mạng tháng Tám đã xuất hiện một lớp nhà văn mới mang sức sống và hơi thở của thời đại. Họ là lớp thanh niên có học tham gia công tác cách mạng, người thì trong quân đội, người hoạt động ở môi trường văn hóa... Nhiều nhà văn đã một lần "chín" và có một phần sự nghiệp trong cuộc đời cũ lại bắt tay vào khai phá cái mới. Cuộc sống mới, con người mới đòi hỏi người viết phải tìm hiểu,

thâm nhập, với tinh thần nhiệt tình và khiêm tốn. Ngay từ đầu Cách mạng, Nam Cao tự đặt cho mình trách nhiệm "sống đã rồi hãy viết" *(Đường vô Nam)*. Ông theo đoàn Nam tiến, và con đường vào Nam là "con đường vui". Trần Đăng qua tác phẩm đầu tay *Một lần tới thủ đô* (1946) đã bộc lộ rõ nhiệt tình với những chiến sĩ du kích đường rừng, áo vải thô sơ lần đầu về giữa phố phường Hà Nội.

Bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, theo tiếng gọi của Đảng, các nhà văn sẵn sàng có mặt ở những nơi thử thách quyết liệt của cuộc chiến tranh chống xâm lược. Nguyễn Đình Thi viết bài *Nhận đường* (1948) nói lên quyết tâm của cả một thế hệ nhà văn đi theo kháng chiến : "Văn nghệ phụng sự kháng chiến nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ sức sống mới, sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta". Nhiều nhà văn đã có mặt ở những chiến dịch lớn. Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Hồng, Nam Cao... tham gia chiến dịch Biên giới. Nguyễn Tuân vẫn hăng hái trên những nẻo đường kháng chiến : "Chân tôi còn dẻo lắm. Tôi biết tôi đã để lại đây và trên xa kia một phần tâm hồn mình" *(Tình chiến dịch* - 1950). Rồi các nhà văn đi chiến dịch Trung du, tham gia chiến dịch giải phóng Tây Bắc (1952). Những chuyến đi có tác dụng lớn, thực tế đời sống bồi đắp nhận thức cho người viết, và góp phần nâng cao về nghề nghiệp. Họ đã thể hiện được qua trang viết không khí của thời đại, hơi lửa thời sự của đời sống chiến trường.

Hòa bình lập lại, đất nước ta sôi nổi trong những tháng năm lao động quên mình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiều nhà văn, nhà thơ lại lên đường đến với những miền đất lạ, những công trường, nông trường mọc lên khắp nơi. Nguyễn Huy Tưởng đến với chiến trường Điện Biên sau chiến tranh, Nguyễn Tuân lên Tây Bắc, Huy Cận về với vùng mỏ. Bước vào thời kì chống Mĩ cứu nước, một vấn đề đặt ra rất bức thiết là làm sao sớm có được những trang viết hay về miền Nam, chiến trường lớn của cả nước. Từng ngày từng giờ đang diễn ra bao sự kiện lịch sử, những câu chuyện hấp dẫn về các kì tích của nhân dân ta, tội ác dã man của kẻ thù. Phải có những nhà văn tài năng, yêu quý và gắn bó với miền Nam đến với tiền tuyến lớn. Nhiều nhà văn theo lời kêu gọi của Tổ quốc

và quê hương đã trở về Nam. Họ tạm biệt khung cảnh yên vui của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vượt qua hàng ngàn cây số đường Trường Sơn đầy gian nan thử thách để trở về quê hương và sớm có những trang viết sinh động về nhân dân anh hùng với các bút danh mới. Nam Bộ có Nguyễn Thi (Nguyễn Ngọc Tấn), Anh Đức (Bùi Đức Ái), Trần Hiếu Minh (Nguyễn Văn Bổng), Nguyễn Sáng (Nguyễn Quang Sáng), Lê Anh Xuân (Ca Lê Hiến), Trung Bộ có Phan Tứ (Lê Khâm), Nguyễn Trung Thành (Nguyên Ngọc)... Nhiều nhà văn đã hi sinh anh dũng trong cuộc chiến đấu của dân tộc như Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Mĩ... giữa lúc ngòi bút đang sung sức, tuổi đời đang hứa hẹn nhiều cống hiến sáng tạo.

Phải nói rằng Đảng và nhân dân ta đã có được một đội ngũ nhà văn có nhiều phẩm chất tốt đẹp : giàu lí tưởng, lăn lộn với thực tế, gắn bó với nhân dân để làm tròn thiên chức sáng tạo của mình. Họ được xem là những nhà văn - chiến sĩ, nhà văn của nhân dân, một thành viên tận tụy trong hàng ngũ của nhân dân như cách nói xúc động của Xuân Diệu :

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu,
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu
Của triệu người yêu dấu gian lao.

(Những đêm hành quân)

II - HIỆN THỰC CÁCH MẠNG KHƠI NGUỒN SÁNG TẠO VÀ LÀ ĐỐI TƯỢNG PHẢN ÁNH CHỦ YẾU CỦA NHIỀU TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG

Sáng tác văn học là hoạt động nhằm "hiểu biết, khám phá và sáng tạo thực tại xã hội" (Phạm Văn Đồng). Hiện thực cách mạng vô cùng phong phú mở ra nhiều trận tuyến từ chiến trường đến hậu phương, từ miền rừng núi đến vùng sau lưng địch. Rồi biết bao lớp người, bộ đội, công nhân, nông dân, trí thức... đều đang nhiệt tình xây dựng cuộc sống. Ở mỗi người đều có những câu chuyện đáng nhớ, những

thuongmaitr

kỉ niệm sâu sắc trong cuộc đời làm cơ sở cho sáng tạo văn học. Ghi chép lại những điển hình xã hội phong phú, tiêu biểu, những nguyên mẫu đẹp để từ đó xây dựng tác phẩm là hướng quan trọng nhằm khẳng định cuộc đời mới và con người mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "miêu tả cho hay, cho chân thật, cho hùng hồn" những sự việc và con người tiêu biểu, đó chính là yêu cầu tác phẩm phải phản ánh được chiều sâu của cuộc sống mới và miêu tả chân thực, sinh động con người mới.

Nhiều tác phẩm văn học, nhiều nhân vật tiêu biểu trong văn học đã ra đời theo hướng sáng tác đó. Các nhân vật như Núp trong *Đất nước đứng lên*, chị Út Tịch trong *Người mẹ cầm súng*, Nguyễn Văn Trỗi trong *Sống như Anh*, chị Tư Hậu trong *Một truyện chép ở bệnh viện*, chị Sứ trong *Hòn Đất* đều từ những điển hình xã hội có thật được chuyển hóa, tái tạo vào trong tác phẩm văn học. Tất nhiên là bên cạnh đó cũng có nhiều tác phẩm được viết bằng tưởng tượng, hư cấu của nhà văn. Nguyễn Đình Thi viết *Vỡ bờ* chủ yếu bằng hư cấu nghệ thuật. Bộ *Cửa biển* là sự kết hợp giữa vốn sống tích tụ phong phú của người viết với phần hư cấu nghệ thuật. Tuy nhiên, hướng xây dựng chủ yếu của tác phẩm văn xuôi sau Cách mạng là khai phá trực tiếp hiện thực của đời sống, nhất là sau những chuyến đi thâm nhập cuộc sống. Nguyễn Huy Tưởng viết *Kí sự Cao Lạng* sau chuyến đi chiến dịch Biên giới năm 1950 và tác phẩm *Bốn năm sau* sau chuyến đi lên Điện Biên. Tô Hoài viết *Truyện Tây Bắc* sau chuyến đi cùng bộ đội tham gia chiến dịch giải phóng Tây Bắc 1952. *Một truyện chép ở bệnh viện* ghi lại khá trung thành lời kể của nhân vật chính. *Hòn Đất* phần lớn là câu chuyện có thật của xứ Hòn trong những năm chống Mĩ cứu nước. Nguyễn Tuân có *Sông Đà* là kết quả của chuyến đi thâm nhập Tây Bắc trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội. *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu gắn với chiến dịch Khe Sanh. Ngoài ra, có thể kể thêm nhiều trường hợp khác. Điều đó nói lên một thực tế là cuộc sống vô cùng phong phú, chất liệu giàu có và nhiều màu vẻ. Đó là cơ sở để tạo nên giá trị hiện thực cho văn học, giá trị chủ yếu của nhiều tác phẩm văn xuôi từ sau

uongxua.vn

Cách mạng tháng Tám. Ở nơi nào cuộc chiến đấu mãnh liệt và giàu chất anh hùng ca thì dễ tạo nên cảm hứng sử thi qua trang viết. *Đất nước đứng lên* và *Rừng xà nu* của Nguyên Ngọc phong phú chất sử thi. Nhiều chương trong *Sống mãi với thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng, trong *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu đều giàu chất sử thi. Tác phẩm sử thi thường khai thác những đề tài chung của dân tộc, cộng đồng và thiên về khẳng định, ngợi ca với giọng điệu hào hùng. Chất sử thi không đối lập với hiện thực mà có khả năng hòa hợp, gắn bó với chất hiện thực. Cảm hứng lãng mạn, nhất là chất trữ tình cách mạng là một thành tố quan trọng của văn học cách mạng, đặc biệt với thi ca. Đời sống hiện thực bộc lộ nhiều vẻ đẹp, gợi lên nhiều niềm vui và mơ ước dễ làm nảy sinh cảm hứng lãng mạn. Thơ ca những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội khá giàu chất lãng mạn trên chủ đề lao động xây dựng cuộc sống mới như thơ về vùng mỏ của Huy Cận, về biển của Chế Lan Viên, và thơ của Xuân Diệu về nhiều miền đất nước trong những chuyến thâm nhập thực tế.

Nói đến giá trị hiện thực của các tác phẩm văn học cách mạng, nhất là sáng tác được viết ra trong những năm khói lửa chiến tranh, không tránh khỏi có những hạn chế. Nhiều tác giả chưa có điều kiện viết về những tổn thất của ta, chưa đi sâu vào những số phận của cá nhân, chưa miêu tả đủ những vất vả nhọc nhằn của đời sống trong chiến tranh. Những hạn chế đó, dần dần sẽ được khắc phục qua các tác phẩm viết về cùng đề tài ở giai đoạn sau khi cuộc kháng chiến đã kết thúc.

III - NHỮNG THÀNH TỰU CỦA VĂN HỌC QUA CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN

Văn học Việt Nam phát triển từ 1945 đến 1975 chịu sự tác động lớn của hoàn cảnh xã hội. Nhiều sự kiện chính trị lớn chi phối toàn diện đến đời sống xã hội và đã tạo nên những cái mốc trong văn chương : văn học thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, những năm đầu xây dựng hòa bình, chủ nghĩa xã hội và thời kì chống Mĩ cứu nước.

1. Giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)

Truyện ngắn và kí là các thể loại cơ động, linh hoạt mở đầu cho văn xuôi thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Tiêu biểu nhất trong những năm đầu kháng chiến là truyện, kí của Trần Đăng và Nam Cao. Trần Đăng từ *Một lần tới thủ đô* đến *Một cuộc chuẩn bị* đã để lại những trang viết đẹp về người chiến sĩ quân đội trong những năm đầu kháng chiến. Còn nhiều khó khăn trong cuộc sống, thiếu thốn vũ khí, lương thực, thuốc men nhưng người chiến sĩ của Trần Đăng mang tư thế quân nhân rất đàng hoàng, rất chính quy trong tư cách và hành động. Nam Cao cũng nổi lên với truyện ngắn *Đôi mắt* và nhật kí *Ở rừng*. Điều quan trọng ở sáng tác của Nam Cao chính là cách nhìn cuộc sống của người trí thức đi theo Đảng, biết phân biệt giữa cái trước mắt và lâu dài, biết vượt lên những khó khăn của đời sống và tin vào tương lai tốt đẹp của dân tộc. Trần Đăng và Nam Cao đã hi sinh giữa lúc tuổi trẻ và bút lực đang sung sức, đem lại bao tiếc thương cho người đọc. Truyện, kí trong giai đoạn này còn phải kể đến những đóng góp của Kim Lân với *Làng*, Hồ Phương với *Thư nhà*, Siêu Hải với *Voi đi* và Nguyễn Tuân với tùy bút kháng chiến.

uongxua.vn

Từ năm 1950 trở đi, xu hướng viết dài trong văn xuôi đã dần xuất hiện. Nhóm truyện, kí như *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, và *Kí sự Cao Lạng* của Nguyễn Huy Tưởng được tặng giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1951 - 1952.

Vùng mỏ khai thác đề tài mới mẻ và chất liệu quý về phong trào đấu tranh của công nhân vùng tạm chiếm. Mộc mạc, chân chất và khỏe là những ưu điểm dễ thấy của tác phẩm. *Xung kích* gắn với chiến dịch Trung du, với sức mạnh của quân chủ lực tràn về nhổ đồn bốt địch trong vòng vây của kẻ thù. *Kí sự Cao Lạng* là một thiên kí sự dài hơi về một chiến dịch. Tác phẩm viết chân thực và sự việc diễn biến như một cuốn phim sinh động. Truyện, kí thời kì chống thực dân Pháp còn đạt được thành tựu đáng kể qua những tác phẩm

được viết trong những năm kháng chiến chống Pháp và đoạt giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài, nhất là *Vợ chồng A Phủ*, đã phản ánh độ chín nghệ thuật của tác phẩm về sự đổi thay một vùng đất và số phận các nhân vật. Tác giả chú ý giữ được bản sắc dân tộc của câu chuyện. *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng cũng là một tác phẩm có vị trí riêng. Những gian truân, vất vả, đối mặt với kẻ thù của người nông dân địch hậu được miêu tả trong tác phẩm rất có ý nghĩa, tạo được không khí riêng chân thực.

Nhược điểm dễ thấy là truyện, kí giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp còn chưa đi sâu vào phản ánh những mặt khác nhau trong cuộc sống, ít miêu tả sâu trạng thái tâm lí nhân vật. Nhân vật "đám đông" nổi trội lên, vai trò của cá thể còn bị giới hạn như trong *Vùng mỏ, Xung kích*...

Thơ ca trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp có nhiều thành tựu đáng kể. Trước hết phải kể đến những bài thơ hay viết về non sông đất nước của Hồ Chí Minh như *Cảnh khuya, Cảnh rừng Việt Bắc, Rằm tháng giêng (Nguyên tiêu), Lên núi (Đăng sơn)*. Các bài thơ đã khéo kết hợp giữa hơi thơ cổ truyền với cảm hứng thơ hiện đại. Cảm hứng yêu nước nồng nàn của các nhà thơ trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược được thể hiện sâu sắc, đằm thắm trong nhiều bài thơ như đỉnh cao mà suốt cuộc đời thơ sau này không dễ vượt qua được. Đó là trường hợp *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Bao giờ trở lại* của Hoàng Trung Thông, và đặc biệt thành công là tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu (giải nhất về thơ, giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955) ...

Thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp giàu lòng yêu nước và tinh thần căm thù giặc. Hình ảnh nhân dân kháng chiến được miêu tả đậm nét và gợi cảm từ người vệ quốc quân, bà mẹ kháng chiến, chị phụ nữ đến em nhỏ liên lạc. Về nghệ thuật, thơ hướng về dân tộc, khai thác nhiều thể thơ quen thuộc của dân tộc. Tập thơ *Việt Bắc*

của Tố Hữu là tác phẩm tiêu biểu hơn cả. Sau đó phải kể đến những bài thơ của Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông, Chính Hữu, Quang Dũng. Nhà thơ Tú Mỡ với bút danh *Bút chiến đấu* cũng có một cách đóng góp riêng qua tác phẩm *Nụ cười kháng chiến*. Các nhà thơ trong phong trào Thơ mới như Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Tế Hanh đang có những đổi thay quan trọng của sự chuyển mình từ con người năm xưa sang con người hôm nay :

Sang bờ tư tưởng ta lìa ta
Một tiếng gà lên tiễn nguyệt tà

(Tế Hanh)

Không lâu sau, các nhà thơ sẽ nhận rõ là có sự khác đi và đổi thay mà không có sự lìa bỏ. Tiếng gà vừa "tiễn nguyệt tà" lại vừa báo hiệu cho một ngày mới.

Nghệ thuật sân khấu cũng xuất hiện những hình thức hoạt động mới : từ thành thị trở về với nông thôn, với những đơn vị nhỏ, linh hoạt, ứng chiến. Các vở kịch nhỏ phản ánh sinh hoạt và những tấm gương trong kháng chiến đến với làng quê, xưởng máy, đơn vị quân đội tạo được không khí vui tươi, lành mạnh trong đời sống tinh thần. Nguyễn Huy Tưởng, Thế Lữ, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Văn Xe... đều là những tác giả có đóng góp cho sự phát triển kịch kháng chiến.

tuongxua.vn

2. Giai đoạn đầu xây dựng hòa bình, chủ nghĩa xã hội (1955 - 1964)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi. Nhiệm vụ lớn của đất nước lúc này là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Văn học cũng được định hướng theo trách nhiệm lịch sử đó. Văn xuôi mở rộng đề tài về nhiều phạm vi của đời sống. Đề tài kháng chiến chống thực dân Pháp vẫn tiếp tục mang cảm hứng lớn cho nhiều người viết. Viết về chiến tranh khi cuộc chiến tranh đã kết thúc, nhà văn có điều kiện miêu tả những tổn thất và số phận cá nhân trong chiến tranh. Một độ lùi cần thiết về

thời gian cho phép nhìn sâu và bao quát vấn đề. Tác phẩm *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc được viết khi cuộc kháng chiến chống Pháp vừa kết thúc và được tặng giải nhất về truyện, kí trong giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. Phải kể đến thành công đáng kể nhất là *Sống mãi với thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng. Chất hiện thực rất đặc biệt của cuộc chiến đấu và cảm hứng anh hùng ca chi phối tạo nên vị trí và tầm vóc riêng của tác phẩm. Hữu Mai viết *Cao điểm cuối cùng* (1960) tái hiện cuộc chiến đấu anh hùng ở chiến trường Điện Biên Phủ và *Trước giờ nổ súng* (1960) của Lê Khâm đều là những trang viết có giá trị.

Một hiện tượng trong văn xuôi lúc này là những nhà văn đã từng sống và viết trong cuộc đời cũ muốn khai thác lại những vấn đề, những mảng sống quen thuộc và sở trường của mình với cách nhìn, khả năng phân tích và sức khái quát mới : Nguyễn Công Hoan với tiểu thuyết *Tranh tối tranh sáng*, Tô Hoài với *Mười năm*, Nguyên Hồng với bộ *Cửa biển* và Nguyễn Đình Thi với bộ *Vỡ bờ*. Miêu tả cuộc đời cũ nhưng tránh xu hướng hiện đại hóa, chất liệu xã hội cũ phong phú, xô bồ cần khả năng chọn lựa của người viết. Người đọc hôm nay, nhất là lớp trẻ muốn biết về xã hội cũ nhưng cần cách phân tích đúng đắn và có sự cảm nhận tinh tế.

thuongmaitr

Những đề tài trực tiếp về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng được nhiều nhà văn miêu tả như viết về hợp tác hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Đây là những đề tài mới, hấp dẫn nhưng cũng rất khó khai thác. Đào Vũ, Vũ Thị Thường, Chu Văn, Nguyễn Khải, Nguyễn Kiên... là những người có công khai phá miền đất này. Tính chất mới mẻ trong hình thái tổ chức sản xuất tập thể và những khó khăn thực sự của công việc là một thử thách lớn với năng lực người viết. Nhiều nhà văn cũng gặp khó khăn khi xử lí những tình huống của đề tài công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Về đề tài miền Nam, các nhà văn Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng đều có những tác phẩm hấp dẫn viết về quê hương, cảnh vật, con

người miền Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác phẩm *Một truyện chép ở bệnh viện* của Bùi Đức Ái, đặc biệt hình ảnh của người phụ nữ miền Nam dũng cảm vượt lên những thử thách trong chiến đấu được bạn đọc hoan nghênh.

Văn học giai đoạn 1955 - 1964 có những thuận lợi riêng dành cho thơ ca. Sau những năm chiến tranh, thơ viết về đất nước mở ra nhiều hướng khai thác và sáng tạo mới mẻ. Đất nước đang từng ngày đổi mới trong những năm tháng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tin cậy, mơ ước, chan hòa với cuộc đời mới, cảm hứng đẹp về chủ nghĩa xã hội như tình yêu đầu đến với thơ ca. Đây là giai đoạn mà thơ ca có được một mùa gặt bội thu. Huy Cận về vùng mỏ trong bốn tháng và đã có những tập thơ đáng khích lệ : *Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa, Bài thơ cuộc đời.* Tố Hữu viết *Gió lộng* với cảm hứng "Gió lộng đường khơi rộng đất trời". Chế Lan Viên viết *Ánh sáng và phù sa,* với ý tưởng ánh sáng của lí tưởng và phù sa của cuộc đời bồi đắp. Xuân Diệu với *Riêng chung,* Nguyễn Đình Thi với *Bài thơ Hắc Hải* và Hoàng Trung Thông viết *Những cánh buồm...* Những bài thơ hay ở thời kì này nằm trong mạch thơ ca ngợi đất nước giàu đẹp sau những năm tháng chiến tranh vất vả gian nan. Song niềm vui chưa trọn vẹn, đất nước chưa thống nhất, miền Nam còn trong tình trạng nước sôi lửa bỏng dưới ách bọn Mĩ - ngụy. Cảm nhận sâu sắc nỗi đau đó với bao xúc động, nhớ thương quê Nam vời vợi xa cách, Tế Hanh có các tập thơ *Gửi miền Bắc, Tiếng sóng, Hai nửa yêu thương...* Từ trong lòng miền Nam, Thanh Hải, Giang Nam vẫn nhen nhóm ngọn lửa thơ và đã có những bài thơ hay như *Mồ anh hoa nở* và *Quê hương.* Các nhà thơ Tố Hữu, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư đều có nhiều sáng tác xúc động về tình cảnh đất nước bị chia cắt. Tuy nhiên, chỉ vài năm sau khi miền Nam đã bước vào thời kì đồng khởi và Mặt trận dân tộc giải phóng ra đời thì cảm hứng thơ chuyển dần từ tiếng nói nhớ thương quê Nam sang tình cảm cổ vũ, động viên phong trào đấu tranh ở quê nhà.

Kịch nói ở giai đoạn này cũng có những bước phát triển đáng kể. Sự tập trung của đông đảo đạo diễn, diễn viên, tác giả sân khấu, rồi

tuongxua.vn

công chúng thành thị, nhà hát, sân khấu hiện đại góp phần thúc đẩy sự phát triển của kịch nói. Các vở kịch *Một đảng viên* của Học Phi, *Quẫn* của Lộng Chương, *Chị Nhàn* của Đào Hồng Cẩm là những kịch mục quen thuộc ở nhà hát. Kịch nước ngoài được trình diễn, nhiều vở dàn dựng công phu.

3. Giai đoạn chống Mĩ cứu nước (1965 - 1975)

Bước vào giai đoạn chống Mĩ cứu nước, một giai đoạn lịch sử mà chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc vươn lên những đỉnh cao và con người Việt Nam bộc lộ rõ bản lĩnh và nhân cách đẹp. Ở miền Nam, ngay từ thời kì đồng khởi, văn học cũng đã xuống đường tham gia vào công cuộc đấu tranh của dân tộc. Những truyện kí biểu dương những tấm gương anh hùng như *Sống như Anh* của Trần Đình Vân và *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi. Các truyện ngắn hấp dẫn của Anh Đức trong *Bức thư Cà Mau*, Phan Tứ trong *Về làng* phản ánh khá kịp thời tinh thần bám đất, chống âm mưu lập ấp chiến lược của Mĩ - ngụy. Ba tiểu thuyết về phong trào đồng khởi và chống "chiến tranh đặc biệt" đã gây ấn tượng mạnh mẽ : *Hòn Đất* của Anh Đức, *Rừng U Minh* của Trần Hiếu Minh và *Gia đình má Bảy* của Phan Tứ. Khi đế quốc Mĩ đổ quân vào miền Nam và miền Nam chuyển sang giai đoạn "chiến tranh cục bộ" thì văn xuôi lại có thêm các tác phẩm mới như *Mẫn và tôi* của Phan Tứ, *Đất Quảng* của Nguyễn Trung Thành. Văn học cách mạng miền Nam giàu chất lí tưởng và rất phong phú về chất liệu hiện thực. Nhiều tác phẩm có giá trị bền vững với thời gian.

Ở miền Bắc trong những năm đầu chống chiến tranh phá hoại, truyện ngắn và kí phát triển. Một số tiểu thuyết với dung lượng vừa phải sớm xuất hiện như *Vào lửa* (1967) và *Mặt trận trên cao* (1968) của Nguyễn Đình Thi. Nguyễn Minh Châu là tác giả nổi lên trong thời kì chống Mĩ cứu nước. Một số tiểu thuyết viết công phu, sắc sảo của nhà văn được xuất bản như *Cửa sông* (1967), *Dấu chân người lính* (1972). Các tiểu thuyết *Vùng trời* của Hữu Mai, *Chiến sĩ* của Nguyễn Khải, giới thiệu những hình ảnh đẹp về người lính thuộc các

thuongmaitr

đơn vị không quân, bộ binh... trong cuộc chiến đấu chống Mĩ xâm lược. Tuy chưa phản ánh được đậm nét cái quyết liệt của cuộc chiến tranh nhưng các tác giả đã có nhiều cố gắng đưa trang sách về gần với cuộc sống.

Thơ ca những năm chống Mĩ cứu nước đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Có thể nói, khi cả nước ra trận thì các thế hệ nhà thơ đều có mặt và nỗ lực tự vượt lên mình. Tố Hữu có *Ra trận*, *Máu và Hoa*, Chế Lan Viên có *Hoa ngày thường, chim báo bão* và *Những bài thơ đánh giặc*, Huy Cận viết *Những năm sáu mươi* và *Chiến trường gần đến chiến trường xa*, Xuân Diệu có *Tôi giàu đôi mắt*, Nguyễn Đình Thi viết *Dòng sông trong xanh*... Đặc biệt là sự xuất hiện của một thế hệ trẻ tài năng và sung sức như Nguyễn Khoa Điềm với *Đất ngoại ô* và *Mặt đường khát vọng*, Phạm Tiến Duật với *Vầng trăng - quầng lửa*, Xuân Quỳnh với *Gió Lào cát trắng*, Nguyễn Duy với *Cát trắng*, và có thể kể đến nhiều tên tuổi đáng trân trọng : Thu Bồn, Bằng Việt, Vũ Quần Phương, Hữu Thỉnh, Thanh Thảo, Lâm Thị Mĩ Dạ, Nguyễn Đức Mậu, Võ Văn Trực, Phạm Ngọc Cảnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Anh Ngọc, Trần Đăng Khoa... Thơ chống Mĩ cứu nước tập trung vào chủ đề yêu nước, vào hình ảnh của đất nước và nhân dân anh hùng. Có một hình tượng Việt Nam rất đẹp, trang trọng được miêu tả trong thơ. Việt Nam là bà mẹ cần cù, nhẫn nại và giàu lòng vị tha, là bông hoa sen ngát hương, là cây thông bị thương tích nhưng vẫn ca hát giữa trời, là cây tre dẻo dai và tỏa bóng mát, là dòng sông trong xanh, là dũng sĩ giàu chiến công và văn nhân tài hoa... Tất cả đều đúng nhưng chưa đủ để nói lên được hình tượng Việt Nam.

Thơ chống Mĩ cứu nước phát triển thêm về chất suy tưởng và chính luận. Các nhà thơ suy nghĩ về Tổ quốc và nhân dân trong quá khứ và hiện tại, về bản sắc Việt Nam. Yếu tố chính luận được vận dụng có hiệu quả để đối thoại và kết tội kẻ thù. Hình tượng người chiến sĩ, người mẹ, người chị được miêu tả đậm nét và gợi cảm.

Kịch chống Mĩ cứu nước cũng có nhiều thành tựu. Xung đột của thời đại giữa nhân dân anh hùng và kẻ thù man rợ, giữa cuộc sống riêng của gia đình và hạnh phúc cá nhân với sự hi sinh cho đất

truongxua.vn

nước đã tạo nên nhiều vở kịch có giá trị : những vở kịch ngắn của Nguyễn Vũ, *Đại đội trưởng của tôi* của Đào Hồng Cẩm, *Quê hương* của Xuân Trình, *Tình yêu của anh* của Tất Đạt.

Văn học đô thị miền Nam mặc dù chịu sự kìm kẹp của Mĩ - ngụy vẫn có những tác phẩm nói lên khát vọng tự do của người cầm bút và phê phán mặt trái của xã hội. Truyện ngắn của Lê Vĩnh Hòa, Lí Văn Sâm, Sơn Nam, Vũ Bằng ; thơ của Viễn Phương, Trần Quang Long ; phê bình của Vũ Hạnh... đều trực tiếp đóng góp vào dòng văn học tiến bộ, đối lập với những khuynh hướng phức tạp và sai lạc của văn học đô thị miền Nam.

IV - MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1. Lí tưởng và nội dung yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội là đặc điểm nổi bật của văn học trong giai đoạn này

Chúng ta đã có trên nửa thế kỉ văn học cách mạng nếu tính trọn vẹn những chặng đường của văn học phát triển theo sự vận động của lịch sử. Điều trước tiên cần khẳng định là tầm cao về tư tưởng của nền văn học cách mạng. Lí tưởng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội trở thành cảm hứng cao đẹp, chi phối đến những trang viết. Biết khai thác những sự kiện lớn lao của dân tộc anh hùng, biết đánh giá từ tầm nhìn cao nhìn xa của lịch sử nên nhiều tác phẩm đã mang tầm vóc thời đại. Đó là nền văn học của những "vận hội lớn và thách thức lớn" mà trực tiếp nhất là hai cuộc chiến tranh ái quốc. Dân tộc Việt Nam trong suốt ba thập kỉ chiến đấu đã góp phần đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Dân tộc ấy đã được thử thách trực tiếp trong những sự kiện bi tráng nhất của thời đại trong suốt gần nửa thế kỉ và tỏ rõ là một dân tộc anh hùng. Văn nghệ của ta là vũ khí có hiệu quả phục vụ sát sao nhiệm vụ cách mạng. Cũng vì thế mà nền văn nghệ cách mạng được Đảng và nhân dân đánh giá là nền văn nghệ tiên phong chống đế quốc. Đó là thiên chức và danh hiệu cao quý mà nền văn học cách mạng đã đạt được. Văn học ở vị trí hàng đầu, tiên phong với sức sáng tạo của các nhà văn - chiến sĩ. Nền văn học

ấy chứa chan tình cảm yêu nước và cao hơn không phải chỉ là chủ nghĩa yêu nước, mà là chủ nghĩa anh hùng của thời đại cách mạng vô sản. Nền văn học cách mạng cũng là sự hội tụ của những giá trị văn học của nhiều dân tộc anh em cùng sống trên một dải đất thống nhất. Giai đoạn kháng chiến chống Pháp, rồi chống Mĩ cứu nước, thời nào cũng có những đóng góp của các nhà văn thuộc nhiều thế hệ : Bàn Tài Đoàn, Nông Quốc Chấn, Vi Hồng, Y Phương...

2. Nền văn học cách mạng mang tính nhân dân sâu sắc

Bảo vệ Tổ quốc chính là bảo vệ giá trị chân chính của con người. Nhiều tác phẩm văn học cách mạng đã đụng chạm đến cái gốc rễ sâu xa của con người. Con người được bồi đắp nhân phẩm, nhân cách khi được tự do làm chủ bản thân mình. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" - lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mang đến tư tưởng thiêng liêng để nhà văn làm nên linh hồn của trang viết.

Điều đáng quý là nền văn học mới đã đúc kết và miêu tả được nhiều giá trị cao đẹp về nhân dân anh hùng. Nhân dân đã vượt lên trăm ngàn khó khăn giành lấy độc lập, tự do và quyền làm chủ vận mệnh của mình. Trên trang sách là hình bóng của con người mới, hình ảnh tiêu biểu của nhân dân ; không còn những nhân vật với nỗi đau khổ tủi nhục, những kiếp người bé nhỏ vật vã trong cuộc đời cũ mà là những gương mặt mới. Nói như nhà văn Nguyên Hồng : "Đọc truyện của anh em bây giờ tôi chú ý đến bộ mặt con người Việt Nam thì thấy nó giàu có một cách lạ lùng. Con người ấy khỏe khoắn, trẻ trung. Con người ấy trong văn học trước Cách mạng hầu như không có"(1). Công chúng văn học biết ơn các nhà văn đã đem được vào trang sách cái hay, cái đẹp của chế độ xã hội mới làm cho mọi người thêm yêu mến. Và chính nhà văn phải biết ơn cuộc sống đã khơi nguồn sáng tạo cho mình.

Cuộc sống kiên cường mạnh mẽ và nhân hậu bao la đã làm nền và tạo cảm hứng cho sức sáng tạo. "Đó là một nền văn học tươi trẻ, đầy sức sống, chắt lọc từ sức sống mãnh liệt yêu đời của nhân dân

truongxua.vn

ta. Nhân dân kiên cường, lương tri lành mạnh, phải chăng là những yếu tố làm nên bản sắc sáng tạo riêng biệt của nó ?" (Bùi Hiển)(2).

Nền văn học mới được hình thành trong những điều kiện thử thách của lịch sử. Nhà văn Anh Đức đã viết : "Những người cầm bút ở lứa tuổi chúng tôi có một thời vận khá đặc biệt. Chúng tôi hầu như lọt gọn vào cuộc chiến trường kì kéo dài tới ba thập kỉ". Người viết không có điều kiện thanh thản chiêm ngưỡng đối tượng, trau chuốt câu chữ. Bù đắp lại là tấm lòng, là tâm huyết. Đối với một số thể loại văn học như thơ ca, bút kí thì chính yếu tố thời sự và cảm xúc nóng lại tạo thuận lợi và hiệu quả cho sáng tác. Những trang viết từ thẳm sâu của cuộc đời vất vả gian truân thường có sức nặng riêng, đó là phẩm chất cần phải được trân trọng. "Cần đánh giá thật đầy đủ mọi công lao giá trị mà anh chị em nhà văn Việt Nam chúng ta đã đem lại bằng máu xương, tâm huyết trong một thời lửa đạn, trong buổi đói cơm rách áo, trong bi tráng hào hùng" (Anh Đức)(3).

3. Một nền văn học có nhiều thành tựu về sự phát triển các thể loại và phong cách tác giả

thuongmaitr

Nền văn học cách mạng đã có một chiều sâu và bề dày của giá trị văn chương qua nhiều thập kỉ phát triển. Điểm nổi bật là sự phát triển tương đối đồng đều giữa các thể loại. Ở chặng đường lịch sử nào cũng có những bài thơ hay. Có thể kể đến hàng trăm bài thơ hay của thơ kháng chiến chống Pháp, thời kì đầu xây dựng hòa bình và thời chống Mĩ cứu nước, đứng lại được với thời gian và nằm trong tâm trí người đọc. Về văn xuôi, thể truyện ngắn có nhiều thành công rõ rệt. Tiếp nối truyền thống của những phong cách truyện ngắn nổi tiếng của Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Nam Cao, Tô Hoài... truyện ngắn ở giai đoạn sau cũng nổi lên nhiều phong cách độc đáo của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Quang Sáng, Ma Văn Kháng... Chúng ta có những truyện ngắn hay không thua kém những truyện ngắn hay trên thế giới...

Về tiểu thuyết đã có những bước phát triển quan trọng. Riêng đề tài chiến tranh, từ những sáng tác nhỏ và vừa, chúng ta đã có

những tiểu thuyết dài có giá trị. *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu, *Rừng U Minh* của Trần Hiếu Minh, *Hòn Đất* của Anh Đức, *Mẫn và tôi* của Phan Tứ... là các tác phẩm đã mở ra nhiều bức tranh hoành tráng, đi sâu vào nhiều số phận và cảnh đời chân thực. Ở thể loại này đòi hỏi nhiều thử thách và chúng ta đang dần đi đến sự hoàn thiện.

Lí luận phê bình có những thành tựu qua việc triển khai quan điểm lí luận văn nghệ cách mạng theo đường lối của Đảng và chủ nghĩa Mác - Lênin, phát triển phê bình văn học với những chuẩn mực, phương pháp luận mới và phê phán những luận điểm văn nghệ đối lập. Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Hà Xuân Trường, Hồng Chương, và các nhà văn, nhà thơ như Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi... đều có những đóng góp cho công tác lí luận và phê bình văn học. Cùng với việc thành lập Viện Văn học, khoa Văn các trường đại học, các tạp chí văn học vào đầu những năm sáu mươi, một đội ngũ các nhà lí luận, phê bình văn học xuất hiện và dần trở thành những lực lượng chính trên văn đàn.

truongxua.vn

Nền văn học cách mạng đã hình thành nhiều phong cách sáng tác. Các nhà văn lớp trước như Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Huy Cận, Xuân Diệu... lại mở rộng và đổi mới phong cách sáng tác trên chủ đề mới. Lớp nhà văn trưởng thành trong cách mạng và kháng chiến với nhiều phong cách đa dạng như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khải, Nguyễn Thi, Chính Hữu, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Minh Châu... Đây là đặc điểm và là dấu hiệu đích thực của một nền văn học đang phát triển, giàu tiềm lực.

Sau năm 1975, lịch sử dân tộc mở ra một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Nền văn học cách mạng bước sang một chặng đường mới. Sức sáng tạo được nhân lên và mở ra nhiều mối quan hệ với thời đại. Đặc biệt Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) là mốc lớn đánh dấu sự chuyển biến quan trọng của văn học trên cơ sở đổi mới của đất nước. Các nhà văn tài năng gắn bó với nhân dân và đất nước, mang cảm hứng tự do trong sáng tạo chắc chắn sẽ có những tác phẩm giá trị, xứng đáng với tầm vóc dân tộc và thời đại.

Chú thích

(1), (2), (3) *Nửa thế kỉ văn học*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1997, tr. 68, 71, 81.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy nêu những tiền đề chung cho sự phát triển của văn học để nền văn học cách mạng đạt được nhiều thành tựu ?

2. Thế nào là một nền văn nghệ tiên phong chống đế quốc ? Hãy liên hệ vào phạm vi văn học và chọn những dẫn chứng tiêu biểu để chứng minh cho tính chất tiên phong chống đế quốc của nền văn học cách mạng.

3. Hãy nêu một số phong cách tiêu biểu trong văn xuôi và thơ của nền văn học cách mạng và phân tích một số trường hợp.

thuongmaitr

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

HỒ CHÍ MINH

Tiểu dẫn

Ngày 19-8-1945, chính quyền ở Hà Nội về tay nhân dân. Ngày 26-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu cách mạng Việt Bắc về tới Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* trước hàng chục vạn đồng bào.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn : tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân, phong kiến ở nước ta và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc. *Tuyên ngôn Độc lập* là một bài văn chính luận ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, đanh thép, lời lẽ hùng hồn và đầy sức thuyết phục.

Trong hồi kí *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Trần Dân Tiên viết : "Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của bao nhiêu máu đã đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hi sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của bao nhiêu hi vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn

hai mươi triệu nhân dân Việt Nam". Sức thuyết phục của văn nghị luận, chính luận chủ yếu ở cách lập luận chặt chẽ, ở những lí lẽ đanh thép và những bằng chứng không ai chối cãi được. Văn kiện lịch sử này không phải chỉ được đọc trước quốc dân đồng bào mà còn để nói với thế giới, đặc biệt là với bọn đế quốc, thực dân đang chuẩn bị chiếm lại nước ta, nấp sau quân Đồng minh vào tước khí giới quân đội Nhật : tiến vào từ phía Bắc là quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc, đằng sau là đế quốc Mĩ ; tiến vào từ phía Nam là quân đội Anh, đằng sau là lính viễn chinh Pháp. Lúc này, thực dân Pháp tuyên bố : Đông Dương là đất "bảo hộ" của người Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương đương nhiên phải thuộc quyền của người Pháp. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* đã bác bỏ dứt khoát những luận điệu đó.

*

* *

Hỡi đồng bào cả nước,

"*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*".

uongxua.vn

Lời bất hủ[1] ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói :

"*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

thuongmaitr

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh[(2)], thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích : Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay[(3)], từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp[(4)]. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ"[(5)] được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh[(6)] đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị[7]. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã kí về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

uongxua.vn

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng[8] và Cựu Kim Sơn[9], quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng :

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 4, Sđd)

Chú thích

(1) *Bất hủ* : không mục nát, ở đây có nghĩa là bất diệt, còn mãi. (2) *Đồng minh* : cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra giữa hai phe : phe phát xít gồm Đức, Ý, Nhật và phe Đồng minh gồm nhiều nước liên minh với nhau, trụ cột là Liên Xô, Mĩ, Anh. (3) *Cuối năm ngoái sang đầu năm nay* : cuối năm 1944, đầu năm 1945. (4) Năm 1940, thực dân Pháp phải mở cửa Đông Dương cho phát xít Nhật kéo vào. Từ đó, hai tên đế quốc cùng thống trị nước ta. Nhưng đến ngày 9-3-1945 thì phát xít Nhật làm cuộc đảo chính, lật đổ hẳn chính quyền của thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương. (5) *"Bảo hộ"* : giữ gìn, che chở. Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp dùng chiêu bài "bảo hộ" đối với nước ta, thực chất là xâm lược, bóc lột, áp bức hết sức tàn bạo. Nguyễn Ái Quốc, trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, từng nhiều lần lật tẩy thực chất bịp bợm ấy của những danh từ như "bảo hộ", "khai hóa", v.v., của thực dân Pháp. (6) *Việt Minh* : tên gọi tắt của *Việt Nam độc lập đồng minh*, một tổ chức ra đời năm 1941, do Đảng sáng lập và lãnh đạo nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân đánh Pháp, đuổi Nhật giành độc lập, tự do. Việt Minh tự nguyện đứng về phe Đồng minh chống phát xít. (7) *Thoái vị* : từ bỏ ngôi vua. (8) *Hội nghị Têhêrăng* : hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô, Mĩ, Anh, họp từ ngày 28-11-1943 đến 1-12-1943 tại Têhêrăng (thủ đô nước Iran). Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua nghị quyết bảo đảm nền hòa bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh, v.v... Nhưng sau đó, các giới cầm quyền ở Mĩ và Anh đã không thi hành triệt để những điều khoản đã kí kết trong hội nghị này. (9) *Hội nghị Cựu Kim Sơn* : hội nghị của đại diện 50 nước do Liên Xô, Mĩ, Anh và Trung Hoa dân quốc triệu tập, họp tại Cựu Kim Sơn (Xan Phơranxitcô) ở Mĩ, từ ngày 25-4 đến 26-6-1945 để thành lập một tổ chức quốc tế gọi là Liên hợp quốc.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nêu rõ chủ đề và bố cục của bản ***Tuyên ngôn Độc lập.***

2. Căn cứ vào đối tượng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng tới khi đọc bản ***Tuyên ngôn Độc lập*** *(xem phần Tiểu dẫn về tác phẩm), giải*

*thích vì sao bản **Tuyên ngôn Độc lập** của Việt Nam lại mở đầu bằng việc trích dẫn lời văn của bản **Tuyên ngôn Độc lập** của nước Mĩ và bản **Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền** của Cách mạng Pháp ? Những đoạn văn trích ấy đã được tác giả vận dụng như thế nào để khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam ?*

*3. Khi xâm chiếm nước ta, thực dân Pháp luôn lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái và dùng chiêu bài "khai hóa", "bảo hộ" nhân dân Việt Nam. Bản **Tuyên ngôn Độc lập** đã lật tẩy bản chất đen tối, xảo quyệt của chúng bằng những lí lẽ gì và những sự thật lịch sử nào ?*

*4. Mĩ, Anh, Trung Hoa dân quốc nhân danh Đồng minh chuẩn bị vào Đông Dương tước khí giới phát xít Nhật. Chúng ủng hộ thực dân Pháp chiếm lại nước ta. Nhưng Việt Minh và thực dân Pháp, ai trung thành, ai phản bội Đồng minh, ai xứng đáng làm chủ nhân chân chính của Việt Nam ? Bản **Tuyên ngôn Độc lập** đã làm sáng tỏ những câu hỏi ấy bằng những lời lẽ vừa đanh thép, hùng hồn, vừa thấu lí, đạt tình như thế nào ?*

truongxua.vn

*5. Phân tích văn phong chính luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua bản **Tuyên ngôn Độc lập**.*

ĐÔI MẮT

NAM CAO

Tiểu dẫn

Về tác giả Nam Cao, đã có bài viết ở SGK *Văn học 11, Tập một, Phần văn học Việt Nam* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000). Ở đây chỉ giới thiệu truyện ngắn *Đôi mắt*.

Trong nhật kí *Ở rừng* của Nam Cao có đoạn ghi như sau (ngày 3-11-1947) : "Gần gũi những người Mán đói rách và dốt nát, thấy họ rất biết yêu cách mạng, làm cách mạng chân thành, sốt sắng và tận tụy, chúng tôi thấy tin tưởng vô cùng. So sánh họ với mấy thằng "bố vấu" mà Khang gọi là trí thức nửa mùa. Khang rất bất bình với hạng này. Chúng nó chẳng yêu một cái gì, chẳng làm gì. Chúng nó chỉ tài chửi đổng". Ý kiến ấy chắc hẳn có quan hệ đến quan điểm Nam Cao khi viết *Đôi mắt* năm 1948.

Tác phẩm lúc đầu có tên là *Tiên sư thằng Tào Tháo*, sau đổi là *Đôi mắt*[1]. Nhà văn Tô Hoài coi *Đôi mắt* là một tuyên ngôn nghệ thuật của một thế hệ nhà văn như Nam Cao, Tô Hoài...

Văn bản truyện *Đôi mắt* in dưới đây có lược bớt một đoạn.

*

* *

Anh thanh niên làng chỉ một cái cổng gạch nhỏ, quay lại bảo tôi :

– Ngõ này đây, ông Hoàng ở đây.

– Cám ơn anh nhé. Lát nữa tôi sẽ sang nhà anh chơi.

Tôi vỗ vai anh bảo vậy. Tôi toan vào. Anh vội ngăn tôi lại :

– Khoan đã. Anh để em gọi cho anh trong nhà xích con chó lại. Con chó to và dữ lắm.

Tôi mở to đôi mắt, khẽ reo lên một tiếng thú vị. Tôi nhớ đến những lần đến chơi nhà anh Hoàng ở Hà Nội. Bấm chuông xong, bao giờ tôi cũng phải chờ anh Hoàng thân hành ra nắm chặt cái vòng da ở cổ một con chó tây to bằng con bê, dúi đầu nó vào gầm cái cầu thang rồi tôi mới có đủ can đảm bước vội qua đằng sau cái đuôi nó để vào phòng khách.

Tôi rất sợ con chó giống Đức hung hăng ấy. Sợ đến nỗi một lần đến chơi, không thấy anh Hoàng ra đứng tấn[2] để giữ nó mà lại buồn rầu báo cho tôi biết nó chết rồi, thì mặc dầu có làm ra mặt tiếc với anh, thật tình tôi thấy nhẹ cả người.

Con chó chết vào giữa cái hồi đói khủng khiếp mà có lẽ đến năm 2000, con cháu chúng ta vẫn còn kể lại cho nhau nghe để rùng mình. Không phải chết vì chủ nó không tìm nổi mỗi ngày vài lạng thịt bò để nó ăn. Anh Hoàng là một nhà văn, nhưng đồng thời cũng là một tay chợ đen[3] rất tài tình. Khi chúng tôi đến nỗi chỉ còn một dúm xương và rất nhiều bản thảo chẳng biết bán cho ai, anh Hoàng vẫn phong lưu. Con chó của anh chưa phải nhịn bữa nào. Nhưng xác người chết đói ngập đường phố. Nó chết có lẽ vì chén phải thịt người ươn hay là vì hít phải nhiều xú khí[4]. Thảm hại thay cho nó !

thuongmaitr

Thế mà bây giờ đến thăm anh Hoàng ở chỗ gia đình anh tản cư về, cách Hà Nội hàng trăm cây số, tôi lại được nghe đến một con chó dữ. Thật là thú vị !...

Tôi cười nho nhỏ. Chẳng biết tôi cười gì, anh thanh niên cũng nhe những chiếc răng vẩu ra cười. Đáp lại tiếng anh gọi, tiếng những chiếc guốc mỏng manh quét trên sân gạch nổi lên, lẹc khẹc và mau mắn. Một thằng bé mũ nồi đen, áo len xám chạy ra. Một đôi mắt đen lay láy nhìn tôi...

– Bác Độ, ba ơi ! Bác Độ !...

Thằng Ngữ, con anh Hoàng. Nó chẳng kịp chào tôi, ngoắt chạy trở vào, reo rối rít.

– Cái gì ? Cái gì ? Hừm !

Tiếng trầm trầm nhưng lại có vẻ nạt nộ của anh Hoàng hỏi nó *(Bao giờ nói với con, anh Hoàng cũng có cái giọng dậm dọa buồn cười ấy).* Thằng bé líu ríu những gì tôi nghe không rõ. Rồi thấy tiếng thanh thanh của chị Hoàng giục con :

ruongxua.vn

– Ngữ xích con chó lại. Xích con chó lại cái cột tít đằng kia.

Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kềnh kệnh ra hai bên, những khối thịt ở bên dưới nách kềnh ra và trông tủn ngủn như ngắn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ. Bây giờ nó lộ ra khá rõ ràng, trong bộ áo ngủ màu xanh nhạt, phủ một cái áo len trắng nó nịt người anh đến nỗi không còn thở được.

Anh đứng lại bên trong cổng, một bàn tay múp míp hơi chìa về phía tôi, đầu hơi ngửa về đằng sau, miệng hé mở, bộ điệu một người ngạc nhiên hay mừng rỡ quá. Tôi có thì giờ nhận rõ một sự thay đổi trên bộ mặt đầy đặn của anh trên mép một cái vành móng ngựa ria, như một cái bàn chải nhỏ.

Sững người ra một lúc rồi anh mới lâm li kêu lên những tiếng ở trong cổ họng :

– Ối giời ơi ! Anh ! Quý hóa quá !

Anh quay lại :

– Mình ơi ! Anh Độ thật. Xa thế mà anh ấy cũng chịu khó đến thăm chúng mình.

Chị Hoàng lúc bấy giờ đã chạy ra, tay còn đang cài nốt khuy chiếc áo dài màu gạch vừa mới mặc vội vào để ra đón khách.

(Lược bỏ một đoạn : *Độ nhớ lại thái độ lạnh nhạt mới đây của Hoàng đối với mình ở Hà Nội. Hoàng có cái tật "đá bạn" do tính đố kị với ai nổi hơn mình. Sau Cách mạng, anh ta lại ra một tờ báo hằng ngày chửi những bạn bè của mình có tên trên những tờ báo của phong trào giải phóng quốc gia được hoan nghênh làm anh ta ngứa mắt. Độ cho Hoàng là con người cũ, không chịu thay đổi, và giữa hai người chắc không còn thân mật trở lại được nữa. Vậy mà nay... Cuộc kháng chiến đã làm Hoàng đổi mới tư tưởng rồi chăng ?)*

Cái nhà anh Hoàng ở nhờ có thể gọi là rộng rãi. Ba gian nhà gạch sạch sẽ. Hàng hiên rộng ở ngoài. Sân gạch, tường hoa. Một mảnh vườn giồng rau tươi rười rượi. Xinh xắn lắm.

thuongmaitr

Thích nhất là gia đình anh được ở cả nhà. Chủ nhân cũng là người buôn bán trên Hà Nội. Ông thường nhờ vốn liếng và mối hàng của vợ chồng anh. Còn gì hơn là lúc này trả nghĩa lại nhau. Ông đã dọn sang nhà ông bố ở liền bên, nhường lại nhà cho anh hoàn toàn sử dụng. Anh cho tôi biết thế và bảo tiếp :

– Giá chúng tôi chưa tìm được nhà ông thì chưa biết ra sao. Tôi thấy nhiều người tản cư khổ lắm. Anh tính có đời nào anh ruột tản cư về nhà em mà đến lúc vợ đẻ, em bắt ra một cái lều ngoài vườn mà đẻ !

Tôi cho anh biết người nhà quê mình có tục kiêng...

– Thì đã đành là vậy, – Anh nói giọng tức tối và bất bình – thì đã đành là vậy, nhưng lúc này thì còn kiêng kị gì ? Mà có những thế thôi đâu ! Thấy anh bây giờ khổ sở, em đã chẳng thương lại còn xỉa xói, nhắc đến những lúc hoang phí trước mà xỉ vả. Nào "lúc có tiền thì chẳng biết ăn nhịn để dè, chỉ biết nay gà mai chó !", nào "lúc buôn bán phát tài, bảo gửi tiền về quê tậu ruộng vườn thì bảo không

cần vườn ruộng, để tậu nhà ở tỉnh kia, bây giờ không bám lấy nhà ở tỉnh đi ?...". Tệ lắm ! Anh tính mấy đời mới có một phen loạn lạc thế này ? Có tiền, thằng nào chẳng ăn chơi ? Có mấy người cứ còm cọm làm như trâu, ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, ở thì chui rúc thế nào xong thôi, để tiền mà tậu vườn tậu ruộng như họ ?

Chị Hoàng tiếp lời chồng :

– Họ làm chính chúng tôi cũng đâm lo. Có thể nói rằng trong một trăm người thì chín mươi chín người cho rằng Tây không đời nào dám đánh mình. Mãi đến lúc có lệnh tản cư tôi vẫn cho là mình tản cư để dọa nó thôi. Thế rồi đùng một cái, đánh nhau. Chúng tôi chạy được người chứ của thì chạy làm sao kịp ? May mà còn vớt vát được ít tiền. Một ít hàng để ở cái trại của chúng tôi, ở ngoại thành. Khéo lắm thì ăn được độ một năm. Đến lúc hết tất nhiên là phải khổ rồi. Chỉ sợ đến lúc ấy, họ lại mỉa lại. Thành thử bây giờ lí ra thì có muốn ăn một con gà chưa đến nỗi không mua nổi mà ăn, nhưng ăn lại sợ người ta biết, sau này người ta nói cho thì nhục. Họ tàn nhẫn lắm cơ bác ạ !

uongxua.vn

Anh Hoàng cười :

– Mà sao họ đã bận rộn nhiều đến thế mà vẫn còn thì giờ chú ý đến những người chung quanh nhiều đến thế ? Anh chỉ giết một con gà, ngày mai cả làng này đã biết. Này, anh mới đến chơi thế mà lúc nãy tôi đã thấy có người nấp nom rồi. Ngày mai thế nào chuyện anh đến chơi tôi cũng đã chạy khắp làng. Họ sẽ kể rất rạch ròi tên anh, tuổi anh, anh gầy béo thế nào, có bao nhiêu nốt ruồi ở mặt, có mấy lỗ rách ở ống quần bên trái.

Tôi mỉm cười, cắt nghĩa cho anh hiểu : lúc này họ cần để ý đến những người lạ mặt tới làng. Tôi chắc mấy người nấp nom tôi là mấy người có trách nhiệm trong ủy ban hay mấy anh tự vệ.

– Lại còn các ông ủy ban với các bố tự vệ nữa mới chết người ta chứ ! Họ vừa ngố vừa nhặng xị. Đàn bà chửa mà đến nỗi cho là có lựu đạn giất trong quần ! Họ đánh vần xong một cái giấy ít nhất phải mất mười lăm phút, thế mà động thấy ai đi qua là hỏi giấy. Anh đi,

hỏi. Anh về, hỏi nữa. Anh vừa ra khỏi làng, sực nhớ quên cái mũ, trở lại lấy, cũng hỏi rồi mới cho vào. Lát nữa anh ra, lại hỏi. Hình như họ cho cái việc hỏi giấy là thú lắm.

Anh cười gằn một tiếng, nhìn bao trùm cả người tôi, hỏi :

– Anh sống ở nhà quê nhiều, anh có hiểu tâm lí của họ không ? Anh thử cắt nghĩa hộ tôi tại làm sao họ lại nhiêu khê[5] đến thế ? Từ trước đến nay, tôi chỉ toàn ở Hà Nội, thành thử chỉ mới biết những người nhà quê qua những truyện ngắn của anh. Bây giờ gần họ, tôi quả là thấy không chịu được. Không chịu được !

Nỗi khinh bỉ của anh phì cả ra ngoài, theo cái bĩu môi dài thườn thượt. Mũi anh nhăn lại như ngửi thấy mùi xác thối. Vợ chồng anh thi nhau kể tội người nhà quê đủ thứ. Toàn là những người ngu độn, lỗ mãng, ích kỉ, tham lam, bần tiện cả. Cha con, anh em ruột cũng chẳng tốt với nhau. Các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bây giờ lại càng nhố nhăng. Viết chữ quốc ngữ sai vần mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rối rít cả lên. Mở miệng ra là thấy *đề nghị, yêu cầu, phê bình, cảnh cáo, thực dân, phát xít, phản động, xã hội chủ nghĩa, dân chủ* với cả *tân dân chủ* nữa mới khổ thiên hạ chứ ! Họ mà tóm được ai thì có mà chạy lên giời ! Thế nào họ cũng tuyên truyền cho hàng giờ. Có lẽ họ cho những con người ở Hà Nội về như vợ chồng anh đều *lạc hậu*, chưa *giác ngộ* nên họ không bỏ lỡ một dịp nào để *tuyên truyền* vợ chồng anh. Mà tuyên truyền như thế nào !...

Anh trợn mắt bảo tôi :

– Tôi kể cho anh nghe chuyện này thế nào anh cũng cho là bịa. Nhưng tôi có bịa một tí nào, tôi chết. Một hôm, tôi đi chợ Huyện chơi. Ở nhà đã hỏi đường cẩn thận rồi, nhưng đến một cái ngã ba, lại quên béng mất, không biết phải rẽ lối nào. Đành đứng lại, chờ có người đi qua thì hỏi. Chờ mãi mới thấy một ông thanh niên nghễu nghện vác một bó tre đi tới. Tôi chào rồi hỏi : "Đi chợ Huyện lối nào, ông làm ơn chỉ giúp tôi". Anh ta trố mắt nhìn tôi chẳng nói chẳng rằng, như nhìn một giống người lạ mới ở Hỏa tinh rơi xuống. Tôi biết hiệu, rút giấy đưa cho anh xem rồi lại hỏi. Bấy giờ anh ta mới bảo : "Ông cứ đi lối này, đến chỗ có một cây đa to thì rẽ về tay

thuongmaitr

phải, đi một quãng lại rẽ về tay trái, qua một cánh đồng, vào đường gạch làng Ngò, vòng ra đằng sau đình, rẽ về tay phải, đi một quãng nữa thì đến chợ". Đại khái thế, chứ không phải hoàn toàn đúng thế. Chỉ biết là nó lôi thôi rắc rối, nhiều bên phải bên trái quá, đến nỗi tôi không tài nào nhận được. Anh ta bày cho tôi một cách : đứng đợi đấy, gặp ai gánh hàng đi chợ thì đi theo. Tôi cho là phải. Anh ta cười bảo : "Thôi thế chào ông. Cháu vô phép ông đi trước. Cháu vội lắm. Cháu phải vác ngay bó tre này lên Thượng để làm công tác phá hoại, cản cơ giới hóa tối tân của địch[6]. Cuộc trường kì kháng chiến của ta phải chia làm ba giai đoạn : giai đoạn phòng ngự, giai đoạn cầm cự, giai đoạn tổng phản công. Giai đoạn phòng ngự nghĩa là...". Anh ta cứ thế, đọc thuộc lòng cho tôi nghe cả một bài dài đến năm trang giấy.

Chị Hoàng cười rú lên. Tôi cũng cười, nhưng có lẽ cái cười chẳng được tươi cho lắm. Anh thấy cần phải thề lần nữa :

– Tôi có bịa thì tôi chết. Mà tôi lại thề với anh rằng lúc ấy tôi ngạc nhiên quá, không còn cười được. Vả lại cũng không dám cười. Cười, nhỡ anh ta đánh cho thì tai hại. Nhưng từ hôm ấy ngày nào tôi cũng bắt nhà tôi đóng cổng suốt ngày không dám đi đâu nữa.

uongxua.vn

Tôi cười gượng. Điều muốn nói với anh, tôi đành giữ kín trong lòng không nói nữa. Tôi biết chẳng đời nào anh nhận làm một anh tuyên truyền nhãi nhép như tôi. Vả lại dầu có rủ được anh làm như tôi, khoác cái ba lô lên vai, đi hết làng nọ đến làng kia để nhận xét nông thôn một cách kĩ càng hơn cũng chẳng ích gì. Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi. Anh trông thấy anh thanh niên đọc thuộc lòng bài "ba giai đoạn" nhưng anh không trông thấy bó tre anh thanh niên vui vẻ vác đi để ngăn quân thù. Mà ngay trong cái việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài báo như một con vẹt biết nói kia, anh cũng chỉ nhìn thấy cái ngố bề ngoài của nó, mà không nhìn thấy cái nguyên cớ thật đẹp đẽ bên trong. Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lắm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản...

Tôi biết lắm. Trước mặt người đàn anh trong văn giới ấy, tôi chỉ là một kẻ non dại, mới tập tọng học nghề. Bởi vậy tôi không dám

nói hết những ý nghĩ của tôi ra. Tôi chỉ rụt rè và đưa ra vài điểm nhận xét :

– Có nhiều cái kì lạ lắm. Người nhà quê dẫu sao thì cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta. Tôi gần gũi họ rất nhiều. Tôi đã gần như thất vọng vì thấy họ phần đông dốt nát, nheo nhếch, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương. Nghe các ông nói đến "sức mạnh quần chúng", tôi rất nghi ngờ. Tôi vẫn cho rằng đa số nước mình là nông dân, mà nông dân nước mình thì vạn kiếp nữa cũng chưa làm cách mạng. Cái thời Lê Lợi, Quang Trung có lẽ đã chết hẳn rồi, chẳng bao giờ còn trở lại. Nhưng đến hồi Tổng khởi nghĩa thì tôi đã ngã ngửa người. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng, mà làm cách mạng hăng hái lắm. Tôi đã theo họ đi đánh phủ. Tôi đã gặp họ trong mặt trận nam Trung Bộ. Vô số anh răng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là "nựu đạn", hát *Tiến quân ca*[7] như người buồn ngủ cầu kinh mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm. Mà không hề bận tâm đến vợ con nhà cửa như họ vẫn thường thế nữa. Gặp họ, anh không thể tưởng tượng được rằng chính những người ấy, chỉ trước đây dăm tháng, giá có bị anh lính lệ ghẹo vợ ngay trước mặt cũng chỉ đành im thin thít mà đi, đi một quãng thật xa rồi mới dám lẩm bẩm chửi thầm vài tiếng, còn bao nhiêu ghen tức đành là đem về nhà trút vào má vợ.

Hoàng nhếch một khóe môi lên, gay gắt :

– Nhưng anh vẫn không thể chối được rằng họ có nhiều cái ngố không chịu được. Tôi thấy có nhiều ông tự vệ hay cả vệ quốc quân nữa táy máy nghịch súng hay lựu đạn làm chết người như bỡn. Nhiều ông cầm đến một khẩu súng kiểu lạ, không biết bắn thế nào. Như vậy thì hăng hái cũng vất đi. Nhưng mà thôi ! Nước mình như vậy, suốt đời không được mó đến khẩu súng thì làm gì biết bắn, họ đánh mãi rồi cũng biết. Thì cứ để cho họ đánh Tây đi ! Nhưng tai hại là người ta lại cứ muốn cho họ làm ủy ban nọ, ủy ban kia nữa, thế mới chết người ta chứ ! Nói ví dụ ngay như cái thằng chủ tịch ủy ban khu phố ở Hà Nội lúc chưa đánh nhau. Nó là một anh hàng cháo

thuongmaitr

lòng. Bán cháo lòng thì nó biết đánh tiết canh, chứ biết làm ủy ban thế nào mà bắt nó làm ủy ban ? Ông chủ tịch làng này, xem giấy của nhà tôi, thấy đề Nguyễn Thục Hiền, cứ nhất định bảo là giấy mượn của đàn ông. Theo ông ấy thì đàn bà ai cũng phải là *thị* này, *thị* nọ.

Chị Hoàng cười nhiều quá, phát ho, chảy cả nước mắt ra. Rút khăn tay lau nước mắt xong, chị chép miệng lắc đầu bảo tôi :

– Giá bác ở đây thì nhiều lúc bác cũng cười đến chết. Thế mà ông chủ tịch ấy cứ nằn nì mãi hai ba lượt *yêu cầu* nhà tôi dạy *Bình dân học vụ*[8] hay làm *tuyên truyền* giúp.

Anh chồng tiếp :

– Tôi chẳng có việc gì làm, lắm lúc cũng buồn. Nhưng *công tác* với những người như vậy thì anh bảo *công tác* làm sao được ? Đành để các ông ấy gọi là *phản động*.

Muốn lảng chuyện, tôi hỏi :

truongxua.vn

– Lúc này nhiều thì giờ thế, chắc anh viết được. Anh đã viết được cái gì thú chưa ?

– Chưa, bởi vì ngay đến một cái bàn viết ra hồn cũng không có nữa. Nhưng thế nào chúng mình cũng phải viết một cái gì để ghi lại cái thời này. Nếu khéo làm còn có thể hay bằng mấy cái *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, Phụng nó còn sống đến lúc này phải biết !

Cơm chiều xong vào lúc bốn giờ, Hoàng mời tôi cùng đi với vợ chồng anh đến chơi nhà mấy người ở phố cũng tản cư về. Có đâu một ông tuần phủ[9] về hưu, một ông đốc học[10] bị thải hồi vì một vụ hiếp học trò, một cụ phán[11] già trước đây chuyên môn sống về nghề lo kiện, hay chạy cửu phẩm[12] cho thiên hạ. Anh chẳng ưa gì họ bởi vì họ chẳng biết gì đến văn chương nghệ thuật, chỉ tổ tôm là giỏi. Nói chuyện với họ chán phè. Nhưng nếu chẳng giao thiệp với họ thì cũng chẳng biết đến chơi nhà ai được nữa... Anh vừa đi vừa tâm sự nhỏ với tôi như vậy, và thì thầm kể sát tai những cái thối nát, ngu ngốc, gàn dở, rởm đời của từng người một, trong khi chúng tôi bước chầm chậm để đợi chị Hoàng ra sau chúng tôi một chút.

Chị Hoàng rảo bước để theo kịp chúng tôi. Hai má đỏ ửng vì lửa bếp, chị cắt nghĩa sự chậm trễ của chị :

– Tôi xem lại nồi khoai lang vùi, để lát nữa về ăn. Ở đây cao lương mĩ vị[13] chẳng có gì, nhưng được cái thức ăn vặt thì sẵn. Bác ở chơi đây mai tôi xem nhà ai có mía to mua mấy cây về ướp hoa bưởi ăn thơm lắm.

Đến một cái cổng gạch lớn có dây leo, anh Hoàng giật dây chuông. Một thằng bé chạy ra, lễ phép chào :

– Lạy ông !

– Không dám. Cụ Phạm có nhà không cậu ?

– Bẩm ông, cụ sang bên ông đốc.

– Sao thấy nói ông đốc ở chơi đây từ sáng ?

– Bẩm không ạ ! Sáng nay không thấy ông đốc sang chơi bên này.

Chúng tôi quay trở lại. Qua mấy cái ngõ ngoằn ngoèo khác, đến một cái cổng gạch có dây leo khác. Một chị vú ẵm em đứng cổng :

– Lạy ông ! Lạy bà !

– Không dám. Ông đốc có nhà hay đi chơi vắng ?

– Bẩm ông, ông đốc con sang cụ tuần.

– Sao bên cụ tuần bảo sang đây ?

– Bẩm ông, không ạ !

Anh Hoàng quay ra. Đi được mấy bước, anh quay lại khẽ bảo vợ :

– Các bố lại tổ tôm. Mụ Yên Kí cũng không có nhà, phải không ? Con mụ ấy cũng là đệ tử tổ tôm hạng nặng. Chắc họ tụ tập ở đây hay ở bên nhà cụ Phạm, sai người nhà gác cổng.

Chị Hoàng không có ý kiến gì. Anh Hoàng vỗ vai bảo tôi :

– Anh nghĩ có buồn không ? Trí thức thì thế đấy. Còn dân thì... như anh đã biết.

Tôi thầm rủa sự tình cờ sao lại xô đẩy anh về đây cùng với bằng ấy thứ cặn bã của giới thượng lưu trí thức[14]. Sao anh không đi theo bộ đội, đi diễn kịch tuyên truyền, nhập bọn với các đoàn văn hóa kháng chiến để được thấy những sinh viên, công chức sung vào vệ quốc quân, những bác sĩ sốt sắng làm việc trong các viện khảo cứu hay các viện quân y, những bạn văn nghệ sĩ của anh đang mê mải đi sâu vào quần chúng để học và dạy họ, đồng thời tìm những cảm hứng mới cho văn nghệ ?

thuongmaitr

Tôi cười nhạt :

– Nghe anh nói, tôi nản quá. Như vậy cuộc kháng chiến của ta có lẽ đến hỏng à ?

Anh chộp lấy câu của tôi, nhanh như một con mèo vồ con chuột :

– Ấy đấy, tôi bi lắm. Cứ quan sát kĩ thì rất nản. Nhưng tôi chưa nản có lẽ chỉ vì tôi tin vào *Ông Cụ*. Tôi cho rằng cuộc Cách mạng tháng Tám cũng như cuộc kháng chiến hiện nay chỉ ăn vì người lãnh đạo cừ. Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thế nào kia, mới xứng tài. Phải cứu một nước như nước mình kể cũng khổ cho *Ông Cụ* lắm. Anh tính tượng trưng cho phong trào giải phóng cả một cái đệ tứ cường quốc[15] là Dại Pháp, mà cũng chỉ có đến thằng Đờ Gôn[16].

Tôi nhắc đến tên mấy nhân vật kháng chiến cũ của Pháp, còn đáng tiêu biểu bằng mấy Đờ Gôn. Anh lắc đầu :

– Bằng thế nào được Hồ Chí Minh !

Và anh tiếp :

– *Ông Cụ* làm những việc nó cừ quá, đến nỗi tôi cứ cho rằng dù dân mình có tồi đi nữa, *Ông Cụ* xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường. Những cú như cú Hiệp định sơ bộ mồng 6 tháng 3[17] thì đến chính thằng Mĩ cũng phải lắc đầu : nó cho rằng không thể nào bịp Ông già nổi. Thằng Pháp thì nghĩa lí gì ? Bệt lắm rồi. Không có thằng Mĩ xui thì làm gì Pháp dám trở mặt phản Hiệp định mồng 6 tháng 3 ? Mình cho nó như vậy đã là phúc đời nhà nó rồi. Đáng lẽ nó phải bám chằng chằng lấy chứ ?

truongxua.vn

Buổi tối ăn khoai vùi xong, uống mấy tuần trà rồi đi nằm sớm. Anh sợ tôi đã đi hàng mười cây số, lại ngồi nói chuyện suốt từ lúc đến, chắc không thể ngồi được nữa. Vả lại tuy chưa buồn ngủ nhưng nằm đắp chăn cho ấm và buông màn cho khỏi muỗi thì vẫn tốt.

Hai cái giường nhỏ kê song song, cách nhau có một lối đi nhỏ.

Màn tuyn trắng toát. Chỉ trông cũng đã thấy thơm tho và thoải mái.

Hoàng với tôi đi nằm trước. Một gói thuốc lá thơm và một bao diêm đặt ở bên cạnh cái đĩa gạt tàn thuốc lá ở đầu giường. Tôi để nguyên cả quần áo tây và chỉ ngay ngáy lo đêm nay một vài chú rận có thể rời sơ mi tôi để đi du lịch ra cái chăn bông thoang thoảng

nước hoa. Mọi hôm tôi vẫn đắp chăn chung với anh em thợ nhà in, cái giống kí sinh trùng[18] hay phản chủ ấy, ở người tôi, không dám cam đoan là tuyệt nhiên không có.

Chị Hoàng thu dọn đồ đạc, đóng cửa, rồi đem một cây đèn to lại chỗ chân giường chúng tôi, lấy ra một cái chai. Anh Hoàng trông thấy, hỏi :

– Mình thắp đèn to đấy à ?

– Vâng, tôi đổ thêm dầu đã.

Anh Hoàng hỏi tôi :

– Anh có thích đọc *Tam quốc* không ?

Tôi thú thật là chưa bao giờ được xem trọn bộ.

– Thế thì thật là đáng tiếc. Trong tất cả các tiểu thuyết Đông Tây, có hai quyển tôi mê nhất là *Tam quốc* và *Đông Chu liệt quốc*. Về cái môn tiểu thuyết thì thằng Tàu nhất. Nhưng cũng chỉ có hai bộ ấy thôi. *Thủy hử* cũng hay, nhưng kém *Tam quốc* và *Đông Chu liệt quốc*. Những tiểu thuyết khác hay đến đâu, anh cũng chỉ đọc một lần. Đọc đến lần thứ hai là giảm thú rồi. Nhưng *Tam quốc* với *Đông Chu* thì đọc đi đọc lại mãi vẫn thấy thú như mới đọc.

– Anh có hai bộ ấy ở đây không ?

– Bộ *Đông Chu* mất ở Hà Nội, không đem đi được. Thế mới sầu đời chứ ! Hận quá. May mà bộ *Tam quốc* lại để ở ngoại thành, đem đi được. Nếu không thì buồn đến chết.

Anh gạt tàn thuốc lá rồi bảo tiếp :

– Sở dĩ lúc nãy tôi hỏi anh có thích đọc *Tam quốc* không là vì mỗi tối trước khi đi ngủ, chúng tôi có cái thú đọc một vài hồi *Tam quốc* rồi mới đi ngủ. Nhưng hôm nay có anh không biết có nên bỏ cái lệ ấy đi không ? Nếu anh thích nói chuyện thì nghỉ một tối để chúng mình nói chuyện cũng chẳng sao.

Cố nhiên là tôi mời vợ chồng anh cứ giữ lệ thường. Anh có vẻ mừng rỡ lắm :

– Vâng, nếu anh cho phép thì ta cứ đọc. Chúng mình cùng nghe rồi lúc nào buồn ngủ thì ta ngủ. Tôi trông anh hơi mệt có lẽ cần ngủ sớm. Không biết đèn sáng lại đọc thế có phiền anh không ?

Tôi cho anh biết là tôi vẫn ngủ ngay trong nhà in, đèn sáng và máy chạy ầm ầm, ở đây chăn ấm thế này thì dẫu súng có nổ ngay ở liền bên tôi vẫn ngủ ngon lành lắm. Anh cười cùng cục trong cổ như một con gà sống :

– Vâng, thế thì ta cứ đọc. Mình lấy ra đi.

Chị Hoàng chạy lại buypphê[19] lấy một quyển sách bìa dày gáy da đem lại :

– Mình đọc hay tôi đọc ?

– Mình đọc đi.

Chị để cây đèn lên trên cái đôn thấp ở đầu giường, cởi áo dài lên giường nằm cạnh thằng con đã chui vào chăn trước :

– Hôm qua đọc đến đâu rồi nhỉ. Hình như...

– Không cần, mình đọc lại cái đoạn thằng Tào Tháo nó tán Quan Công ấy. Thế nào ? Theo ý anh thì Tào Tháo có giỏi không ?

ruongxua.vn

Tôi trả lời qua loa cho xong chuyện :

– Tôi thấy nói là nó giỏi.

– Giỏi lắm anh ạ ! Giỏi nhất *Tam quốc*. Sao nó tài đến thế ?

Chị Hoàng đã tìm thấy, bắt đầu cất tiếng thanh thanh đọc. Anh Hoàng vừa hút thuốc lá vừa nghe. Mỗi khi đến đoạn hay, anh lại vỗ đùi kêu :

– Tài thật ! Tài thật ! Tài đến thế là cùng ! Tiên sư anh Tào Tháo...

1948

(*Nam Cao - Tác phẩm*, Tập II.
NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú thích

(1) Trong nhật kí *Ở rừng* của Nam Cao có đoạn ghi như sau : "Ngày 2-3-48 – (...) Mấy ngày nghỉ Tết, tôi dùng để viết một truyện ngắn cho đỡ nhớ : truyện *Tiên sư thằng Tào Tháo !* Nhưng sau tôi đặt cho nó một cái tên giản dị và đứng đắn :

Đôi mắt" (*Nam Cao - Tác phẩm*, Tập II. NXB Văn học, Hà Nội, 1977, tr. 410). (2) *Đứng tấn* : một thế võ, đứng chắc hai chân xuống đất. Ở đây tác giả nói quá lên với sắc thái vui. (3) *Chợ đen* : buôn lậu. (4) *Xú khí* : khí bẩn, độc hại. (5) *Nhiêu khê* : phiền phức. (6) Thời kháng chiến chống Pháp, để ngăn cản xe cơ giới của địch (xe tăng, thiết giáp, ô tô...) nhân dân được huy động đi làm công tác phá hoại đường sá và đắp các ụ đất cao ở giữa đường (ụ đất phải có cốt tre bên trong cho vững chắc). (7) *Tiến quân ca* : bài hát của Mặt trận Việt Minh do Văn Cao sáng tác, sau trở thành *Quốc ca Việt Nam*. (8) *Bình dân học vụ* : một ngành hoạt động quan trọng của Bộ Giáo dục sau Cách mạng tháng Tám, động viên tất cả những người biết chữ dạy những người chưa biết chữ ở khắp mọi nơi trong nước. (9) *Tuần phủ* : một chức quan đầu tỉnh nhỏ thời Pháp thuộc, theo ngạch phong kiến Nam triều (quan đầu tỉnh lớn là tổng đốc). (10) *Đốc học* : một chức học quan cấp tỉnh thời Pháp thuộc (thường phụ trách các trường tiểu học). (11) *Phán* : loại viên chức làm thư kí cho cơ quan hành chính cấp tỉnh, dưới quyền một viên quan cai trị người Pháp. (12) *Cửu phẩm* : một loại phẩm hàm cấp thấp (cấp thứ chín). Thời Pháp thuộc, những người có tiền muốn có chút danh giá trong xã hội thường lo chạy hàm cửu phẩm. (13) *Cao lương mĩ vị* : thức ăn sang quý. (14) *Thượng lưu trí thức* : trí thức thuộc tầng lớp cao sang trong xã hội. (15) *Đệ tứ cường quốc* : cường quốc thứ tư. (16) *Đờ Gôn (De Gaul)* : tướng Pháp, đứng đầu Chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Pháp năm 1944 - 1945. (17) *Hiệp định mồng 6 tháng 3* : đầu năm 1946, theo lệnh Mĩ, quân Tưởng Giới Thạch đang đóng ở miền Bắc nước ta (để tước vũ khí quân đội Nhật bị bại trận ở Đông Dương) rút về nước cho quân Pháp thay thế (trước đó quân Pháp đã kéo vào miền Nam nước ta). Nước ta lúc đó mới giành được độc lập, lực lượng còn rất yếu, Chủ tịch Hồ Chí Minh bèn kí với Pháp Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 để hòa hoãn với chúng, kéo dài thời gian chuẩn bị kháng chiến. (18) *Kí sinh trùng* : loại sinh vật trú ngụ trên cơ thể một sinh vật khác và tìm nguồn thức ăn trên cơ thể ấy. Ở đây là rận. (19) *Buypphê* (tiếng Pháp : *buffet*) : vốn nghĩa là tủ đựng dụng cụ ăn uống. Ở đây có nghĩa là cái tủ đóng thấp theo kiểu cách của người thành thị, đựng các đồ thường dùng trong gia đình.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

*1. Thiên truyện ngắn được đặt tên là **Đôi mắt**. Hãy đối chiếu với tác phẩm, tìm hiểu ý nghĩa của tên truyện.*

2. Văn sĩ Hoàng và văn sĩ Độ có "đôi mắt" khác nhau như thế nào khi nhìn người nông dân và cuộc kháng chiến ?

3. Sự khác nhau giữa "đôi mắt" của Hoàng và của Độ, xét đến cùng, là do đâu ?

4. Phân tích hình tượng nhân vật văn sĩ Hoàng. Đặc sắc về mặt nghệ thuật của hình tượng nhân vật này.

thuongmaitr

5. Cách thể hiện tư tưởng của nhà văn. Nghệ thuật kể chuyện. Nghệ thuật dựng đối thoại. Những đặc sắc về ngôn ngữ nghệ thuật của thiên truyện.

6. Vì sao Tô Hoài coi ***Đôi mắt*** *là một tuyên ngôn nghệ thuật của thế hệ nhà văn cùng lứa với Nam Cao, trong những ngày đầu tham gia cách mạng và kháng chiến ?*

TÂY TIẾN

QUANG DŨNG

Tiểu dẫn

Quang Dũng tên khai sinh là Bùi Đình Diệm (tức Dậu), sinh năm 1921 tại Phượng Trì (Phùng), huyện Đan Phượng, nay thuộc tỉnh Hà Tây, từ trần ngày 13-10-1988 tại Hà Nội.

ruongxua.vn

Quang Dũng làm thơ, viết văn và có vẽ tranh.

Tác phẩm : *Rừng biển quê hương* (in chung, 1957), *Mùa hoa gạo* (truyện ngắn, 1950), *Đường lên Châu Thuận* (1964), *Rừng về xuôi* (truyện kí, 1968), *Nhà đồi* (truyện kí, 1970), *Gương mặt Hồ Tây* (bút kí, in chung, 1984), *Mây đầu ô* (1986).

Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt - Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào cũng như ở miền tây Bắc Bộ Việt Nam.

Địa bàn đóng quân và hoạt động của Tây Tiến khá rộng từ Châu Mai, Châu Mộc sang Sầm Nứa rồi vòng về qua phía tây Thanh Hóa.

Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, chiến đấu trong những hoàn cảnh rất gian khổ, vô cùng thiếu thốn về vật chất, bệnh sốt rét hoành hành dữ dội. Tuy vậy, các chiến sĩ Tây Tiến vẫn phơi phới tinh thần lãng mạn anh hùng.

Đoàn quân Tây Tiến sau một thời gian hoạt động ở Lào trở về Hòa Bình thành lập trung đoàn 52.

Quang Dũng là đại đội trưởng ở đó từ đầu năm 1947 đến cuối năm 1948 rồi chuyển sang đơn vị khác.

Nhà thơ nhớ đơn vị cũ nên viết bài thơ này (lúc đầu bài thơ có tên là *Nhớ Tây Tiến*).

*

* *

Sông Mã[1] xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao[2] sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát[3] hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông[4] mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch[5] cọp trêu người
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu[6] mùa em thơm nếp xôi

*

Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu[7] nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn[8] xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc[9] chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc[10]
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

*

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc[11]
Quân xanh màu lá[12] dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm[13]
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

thuongmaitr

Áo bào thay chiếu(14) anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành(15)

*

Tây Tiến người đi không hẹn ước
Đường lên thăm thẳm một chia phôi
Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa(16) chẳng về xuôi.

Phù Lưu Chanh
1948

(*Mây đầu ô*. NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1986)

Chú thích

(1) *Sông Mã* : con sông chảy qua Sơn La, Hòa Bình và Thanh Hóa. (2), (3), (4); (5), (6), (9) : *Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu, Châu Mộc* : tên các địa phương trong địa bàn hành quân của đoàn Tây Tiến. (7) *Man điệu* : điệu nhạc của dân miền núi (nay không dùng). (8) *Viên Chăn* : thủ đô nước Lào. (10) *Độc mộc* : thuyền dài và hẹp làm bằng thân một cây gỗ to, khoét thành khoang thuyền. (11) *Không mọc tóc* : chiến sĩ Tây Tiến vì sốt rét nhiều đến nỗi rụng hết tóc, cũng có người cạo trọc đầu để thuận tiện trong chiến đấu. (12) *Quân xanh màu lá* : nói sốt rét nặng đến nỗi xanh như lá (cũng có ý nói chiến sĩ Tây Tiến ngụy trang bằng lá cây xanh khi đánh giặc). (13) *Dáng kiều thơm* : chỉ người thiếu nữ đẹp. (14) *Áo bào thay chiếu* : (*áo bào* : áo dài mặc ngoài của các vị tướng thời xưa) theo Trần Lê Văn thì đồng bào thấy các chiến sĩ Tây Tiến rét đã cho chiếu để khoác cho đỡ rét (thay cho áo bào). Khi chết đồng đội dùng chiếu đó bó lại để liệm vì không có quan tài. (15) *Sông Mã gầm lên khúc độc hành* : truyện xưa : Kinh Kha một mình vượt sông Dịch, đi giết bạo chúa Tần Thủy Hoàng, cuộc hành thích không thành công, Kinh Kha bị chết tại triều đình nhà Tần. Ý câu thơ muốn khẳng định tính chất bi hùng trong sự hi sinh của chiến sĩ Tây Tiến. (16) *Sầm Nứa* : tức tỉnh Sầm Nứa của nước Lào.

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ hấp dẫn người đọc bởi nội dung mới lạ và nghệ thuật rất đặc sắc. Hãy phân tích nét mới lạ trong nội dung và nét đặc sắc trong nghệ thuật của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, âm điệu...).

2. Những câu thơ nào nói về chân dung các chiến sĩ Tây Tiến gây ấn tượng sâu đậm nhất đối với anh (chị) ? Hãy phân tích những câu thơ đó.

3. Bằng trí tưởng tượng, anh (chị) hãy đi theo cuộc hành quân của các chiến sĩ Tây Tiến và nói lên cảm tưởng về cuộc hành quân ấy.

4. Anh (chị) có nhận xét gì về bút pháp của nhà thơ Quang Dũng (hiện thực hay lãng mạn) ?

BÊN KIA SÔNG ĐUỐNG

HOÀNG CẦM

Tiểu dẫn

Hoàng Cầm tên khai sinh là Bùi Tằng Việt, quê ở thôn Lạc Thổ, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (ở "bên kia", tức hữu ngạn sông Đuống). Ông sinh năm 1922 trong một gia đình nhà nho nghèo. Hoàng Cầm học tại Bắc Giang, Bắc Ninh rồi Hà Nội, đỗ tú tài phần I (tú tài toàn phần - gồm cả phần I và phần II - tương đương bậc trung học phổ thông ngày nay). Hoàng Cầm sống trong không khí dân ca - đặc biệt là dân ca quan họ - từ nhỏ, có năng khiếu làm thơ và ngâm thơ rất sớm. Ông sáng tác từ năm 1936. Trước Cách mạng tháng Tám đã xuất bản một số tập thơ, kịch thơ và tác phẩm dịch từ tiếng Pháp.

Hoàng Cầm gia nhập Thanh niên cứu quốc từ năm 1944, tham gia cướp chính quyền huyện Thuận Thành tháng 8-1945. Sau Cách mạng tháng Tám, Hoàng Cầm hăng hái hoạt động văn nghệ phục vụ kháng chiến (viết kịch và diễn kịch, sáng tác thơ). Ông tham gia quân đội từ năm 1947 đến năm 1955, từng làm đoàn trưởng Đoàn văn công Tổng cục chính trị và ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam.

Tác phẩm chính của Hoàng Cầm :

Trước Cách mạng tháng Tám : kịch thơ *Kiều Loan* (1942, được diễn nhiều lần nhưng chưa xuất bản), kịch thơ *Hận Nam Quan* (1944), kịch thơ *Lên đường* (1944, được diễn nhiều lần, nhưng 1950 mới xuất bản). Sau Cách mạng tháng Tám : tập thơ *Quê hương* (1955 ?), trường ca *Tiếng hát quan họ* (1956), kịch thơ *Tiếng hát Trương Chi* (1957), truyện thơ *Men đá vàng* (1989), các tập thơ *Mưa Thuận Thành* (1991), *Về Kinh Bắc* (1994) và tập *Văn xuôi Hoàng Cầm* (1999).

Bài *Bên kia sông Đuống* ra đời năm 1948. Sông Đuống còn gọi là sông Thiên Đức, là một nhánh của sông Hồng nối với sông Thái Bình, chia tỉnh Bắc Ninh ra làm hai phần : nam (hữu ngạn) và bắc (tả ngạn). Quê hương, gia đình Hoàng Cầm ở nam

phần tỉnh Bắc Ninh, ngay bên bờ sông Đuống. Khi giặc Pháp chiếm nam phần Bắc Ninh thì Hoàng Cầm đang công tác ở Việt Bắc. Một đêm giữa tháng 4-1948, Hoàng Cầm trực tiếp nghe tin giặc đánh phá quê hương mình, ông xúc động và ngay đêm ấy viết bài *Bên kia sông Đuống* - "bên này" là đất tự do, hướng về "bên kia" là vùng bị giặc chiếm đóng và giày xéo.

Bài thơ đăng lần đầu tiên trên báo *Cứu quốc* tháng 6-1948. Nó được phổ biến nhanh chóng từ Việt Bắc tới khu III, khu IV, vào miền Nam và ra tận Côn Đảo.

Bản thảo gốc của bài thơ không còn nữa. Vì thế có nhiều dị bản và không có bản nào hoàn toàn đúng với bản gốc. Tất cả đều chỉ dựa theo trí nhớ "mang máng" của tác giả như chính ông đã thú nhận, và trí nhớ của những người biên soạn sách hay biên tập báo.

Trong SGK này, văn bản *Bên kia sông Đuống* được chỉnh lí lại dựa trên sự đối chiếu nhiều văn bản khác nhau và trí nhớ được khôi phục đầy đủ hơn của nhà thơ. Văn bản này được tác giả xác nhận là gần với bản gốc hơn cả.

*

*   *

Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì

uongxua.vn

Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì

Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay

*

Bên kia sông Đuống
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong[1]
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp[2]
Quê hương ta từ ngày khủng khiếp

Giặc kéo lên ngùn ngụt lửa hung tàn
Ruộng ta khô
Nhà ta cháy
Chó ngộ[3] một đàn
Lưỡi dài lê sắc máu
Kiệt cùng ngõ thẳm bờ hoang
Mẹ con đàn lợn âm dương[4]
Chia lìa đôi ngả
Đám cưới chuột[5] đang tưng bừng rộn rã
Bây giờ tan tác về đâu

Ai về bên kia sông Đuống
Cho ta gửi tấm the đen
Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên[6]
Những hội hè đình đám
Trên núi Thiên Thai[7]
Trong chùa Bút Tháp[8]
Giữa huyện Lang Tài[9]
Gửi về may áo cho ai
Chuông chùa văng vẳng nay người ở đâu

Những nàng môi cắn chỉ quết trầu
Những cụ già phơ phơ tóc trắng
Những em sột soạt quần nâu
Bây giờ đi đâu về đâu

Ai về bên kia sông Đuống
Có nhớ từng khuôn mặt búp sen[10]
Những cô hàng xén răng đen
Cười như mùa thu tỏa nắng
Chợ Hồ, chợ Sủi[11] người đua chen
Bãi Trầm Chỉ[12] người dăng tơ nghẽn lối
Những nàng dệt sợi
Đi bán lụa màu

thuongmaitr

Những người thợ nhuộm
Đồng Tỉnh, Huê Cầu[13]
Bây giờ đi đâu về đâu

Bên kia sông Đuống
Mẹ già nua còm cõi gánh hàng rong
Dăm miếng cau khô
Mấy lọ phẩm hồng
Vài thếp giấy dầm hoen sương sớm
Chợt lũ quỷ mắt xanh trừng trợn
Khua giày đinh đạp gãy quán gày teo
Xì xồ cướp bóc
Tan phiên chợ nghèo
Lá đa lác đác trước lều
Vài ba vết máu loang chiều mùa đông

Chưa bán được một đồng
Mẹ già lại quẩy gánh hàng rong
Bước cao thấp bên bờ tre hun hút
Có con cò trắng bay vùn vụt
Lướt ngang dòng sông Đuống về đâu
Mẹ ta lòng đói dạ sầu
Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ

Bên kia sông Đuống
Ta có đàn con thơ
Ngày tranh nhau một bát cháo ngô
Đêm líu ríu chui gầm giường tránh đạn
Lấy mẹt quây tròn
Tưởng làm tổ ấm
Trong giấc thơ ngây, tiếng súng dồn tựa sấm
Ú ớ cơn mê
Thon thót giật mình
Bóng giặc giày vò những nét môi xinh

Đã có đất này chép tội
Chúng ta không biết nguôi hờn

uongxua.vn

Đêm buông xuống dòng sông Đuống
– Con là ai ? – Con ở đâu về ?
Hé một cánh liếp
– Con vào đây bốn phía tường che
Lửa đèn leo lét soi tình mẹ
Khuôn mặt bừng lên như dựng trăng
Ngậm ngùi tóc trắng đang thầm kể
Những chuyện muôn đời không nói năng

Đêm đi sâu quá lòng sông Đuống
Bộ đội bên sông đã trở về
Con bắt đầu xuất kích
Trại giặc bắt đầu run trong sương
Dao lóe giữa chợ
Gậy lùa cuối thôn
Lúa chín vàng hoe, giặc mất hồn
Ăn không ngon
Ngủ không yên
Đứng không vững
Chúng mày phát điên
Quay cuồng như xéo trên đống lửa
Mà cánh đồng ta còn chan chứa
Bao nhiêu nắng đẹp mùa xuân

thuongmaitr

Gió đưa tiếng hát về gần
Thợ cấy đánh giặc, dân quân cày bừa
Tiếng bà ru cháu xế trưa
Chang chang nắng hạ võng đưa rầu rầu :
"À ơi... Cha con chết trận từ lâu
Con càng khôn lớn càng sâu mối thù"

Tiếng em cắt cỏ trại tù[14]
Căm căm gió rét, mịt mù mưa bay :
"Thân ta hoen ố vì mày
Hồn ta cùng với đất này dài lâu..."

Em ơi ! Đừng hát nữa ! Lòng anh đau
Mẹ ơi ! Đừng khóc nữa ! Dạ con sầu

Cánh đồng im phăng phắc
Để con đi giết giặc
Lấy máu nó rửa thù này
Lấy súng nó cầm trong tay
Mỗi đêm một lần mở hội
Trong lòng con chim múa hoa cười

Vì nắng sắp lên rồi
Chân trời đã tỏ
Sông Đuống cuồn cuộn trôi
Để nó cuốn phăng ra bể
Bao nhiêu đồn giặc tơi bời
Bao nhiêu nước mắt
Bao nhiêu mồ hôi
Bao nhiêu bóng tối[15]
Bao nhiêu nỗi đời...

*

Bao giờ về bên kia sông Đuống
Anh lại tìm em
Em mặc yếm thắm
Em thắt lụa hồng
Em đi trẩy hội non sông
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh.

tuongxua.vn

Việt Bắc, tháng 4-1948

Chú thích

(1) *Tranh Đông Hồ* : Đông Hồ và Bắc Hồ (tức làng Lạc Thổ) là hai thôn kề nhau bên bờ sông Đuống. Nay hai thôn hợp nhất gọi là Song Hồ. Đông Hồ nổi tiếng về nghề vẽ tranh dân gian ngày Tết : tranh gà lợn, tranh đám cưới chuột, tranh hứng dừa, tranh đánh ghen, tranh các anh hùng thời xưa, v.v... nét vẽ vui nhộn, hóm hỉnh, màu sắc tươi tắn, trong sáng. (2) *Giấy điệp* : giấy vẽ tranh của làng Hồ là loại giấy dó, dày và dai, quét điệp (một chất liệu chế tạo bằng bột vỏ điệp (giống như loài hến), hòa với chất keo, màu trắng tinh nổi cát óng ánh). (3) *Chó ngộ* : chó dại. (4) *Đàn lợn âm dương* : làng Hồ thường vẽ tranh lợn có xoáy âm dương xanh đỏ - tượng trưng loại lợn giống tốt, hay ăn chóng lớn. Ngày Tết, người ta treo tranh lợn âm dương để mong chăn nuôi phát đạt. (5) *Đám cưới chuột* : một đề tài tranh Đông Hồ rất vui

nhộn. (6) Có bản chép : "Mấy trăm năm ước hẹn tình duyên - Tiếng trống hội làng giục giã". (7) *Núi Thiên Thai* : thuộc huyện Gia Lương, nam phần Bắc Ninh. (8) *Chùa Bút Tháp* : thuộc huyện Thuận Thành, nam phần Bắc Ninh. (9) *Huyện Lang Tài* : hay Lương Tài, nay sáp nhập với huyện Gia Bình, gọi là huyện Gia Lương, nam phần Bắc Ninh. (10) *Khuôn mặt búp sen* : hình ảnh ví von gợi trí tưởng tượng của người đọc về vẻ đẹp xinh, dịu dàng, tươi tắn và thanh quý của khuôn mặt những cô gái Bắc Ninh. (11) *Chợ Hồ, chợ Sủi* : chợ Hồ thuộc xã Song Hồ, chợ Sủi cũng ở bờ nam sông Đuống, trước thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. (12) *Bãi Trầm Chỉ* : thuộc địa phận làng Trầm Chỉ, xã Đại Đồng Thành, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Làng Trầm Chỉ ở cạnh chùa Dâu, có nghề tơ tằm và dệt vải. Ở bãi Trầm Chỉ, những người phụ nữ Bắc Ninh thường đóng cọc, dăng sợi, dăng tơ để dệt vải, lụa. Có bản chép : "Cổng chùa Dâu tơ hồng dăng nghẽn lối" gợi không khí vắng lặng, lạc hẳn với chủ đề đoạn thơ. (13) *Đồng Tỉnh, Huê Cầu* : hai thôn liền kề (Đồng Tỉnh, Xuân Cầu tức Huê Cầu) thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, xưa thuộc Bắc Ninh, nay thuộc Hưng Yên, cũng ở bên kia sông Đuống. Đồng Tỉnh, Huê Cầu là những làng nghề nổi tiếng. Ca dao : *"Ai lên Đồng Tỉnh, Huê Cầu - Đồng Tỉnh bán thuốc, Huê Cầu nhuộm thâm"*. (14) Có bản chép : "Tiếng em cắt cỏ hôm xưa - Hiu hiu gió rét, mịt mù mưa bay", vừa ép vận, vừa không hợp văn cảnh. (15) Có bản chép : "Để con lấy lại - Bao nhiêu cuộc đời" không hợp với mạch cảm hứng dồn dập của đoạn thơ.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

Bài thơ ***Bên kia sông Đuống*** *tự nó chia làm ba phần :*

Phần mở đầu (10 câu) : *cái nhìn bao quát toàn cảnh "bên kia sông Đuống" từ "bên này".*

Phần chính của bài gồm hai đoạn lớn :

– Tội ác của giặc đối với cuộc sống yên vui, vẻ đẹp truyền thống, những giá trị văn hóa và những con người thân yêu ở "bên kia sông Đuống" ;

– Bộ đội trở về, cùng nhân dân đứng lên chống giặc.

Phần kết (6 câu cuối) : *cuộc sống thanh bình trở lại "bên kia sông Đuống" trong mơ ước và niềm tin của nhà thơ.*

Hãy theo dõi và phân tích diễn biến của bài thơ theo bố cục trên đây.

1. Đọc đoạn đầu của bài thơ (từ câu đầu đến câu 10 "Sao xót xa như rụng bàn tay"), anh (chị) hình dung toàn cảnh sông Đuống nhìn từ "bên này" như thế nào ? Anh (chị) tưởng tượng thế nào về hình ảnh sông Đuống "Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì" ? Phân tích tâm trạng nhà thơ qua hình ảnh "Sao xót xa như rụng bàn tay".

2. Người ta nói có một thế giới Kinh Bắc với truyền thống văn hóa nghệ thuật lâu đời, với một vẻ đẹp cổ kính trong thơ Hoàng Cầm. Hãy nhận xét đặc điểm của thế giới ấy trong bài ***Bên kia sông Đuống.***

3. Phân tích niềm thương mến và nỗi đau đớn xót xa của nhà thơ biểu hiện qua những hình ảnh và giọng thơ riêng khi nói đến những giá trị văn hóa, vẻ đẹp cổ truyền, sinh hoạt yên bình và những con người thân yêu trên quê hương mình bị giặc tàn phá và đày đọa. Điệp khúc "đi đâu, về đâu" gây xúc động đối với anh (chị) như thế nào ? Bài thơ chỉ nói về một vùng quê cụ thể nhưng đã động tới tình quê hương của mọi người Việt Nam. Hãy giải thích vì sao ?

4. Anh (chị) thích những câu thơ nào trong bài ***Bên kia sông Đuống*** *? Vì sao ?*

ruongxua.vn

ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN ĐÌNH THI

Tiểu dẫn

Nguyễn Đình Thi sinh ngày 20-12-1924 ở Luông Phabăng (Lào). Quê gốc ở Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông cũ, cha là viên chức Sở bưu điện Đông Dương có sang làm việc ở Lào (lúc ấy Việt Nam, Lào, Campuchia đều là thuộc địa của Pháp).

Sau Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Đình Thi làm Tổng thư kí Hội Văn hóa cứu quốc. Từ năm 1958 đến năm 1989 làm Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam. Từ năm 1995, Nguyễn Đình Thi là Chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật. Nguyễn Đình Thi viết sách khảo luận triết học, viết văn, làm thơ,

soạn nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình. Ông được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - 1996).

Tác phẩm :

Truyện : *Xung kích* (1951), *Bên bờ sông Lô* (tập truyện ngắn, 1957), *Vào lửa* (1966), *Mặt trận trên cao* (1967), *Vỡ bờ* (tập I - 1962, tập II - 1970).

Tiểu luận : *Mấy vấn đề văn học* (1956), *Công việc của người viết tiểu thuyết* (1964).

Thơ : *Người chiến sĩ* (1958), *Bài thơ Hắc Hải* (1958), *Dòng sông trong xanh* (1974), *Tia nắng* (1985).

Kịch : *Con nai đen, Hoa và Ngần, Giấc mơ, Rừng trúc, Nguyễn Trãi ở Đông Quan, Tiếng sóng.*

*
* *

Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cốm mới
Tôi nhớ những ngày thu đã xa

thuongmaitr

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội
Những phố dài xao xác hơi may
Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Nước chúng ta
Nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về

Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

Từ những năm đau thương chiến đấu
Đã ngời lên nét mặt quê hương
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu
Đã bật lên những tiếng căm hờn

Bát cơm chan đầy nước mắt
Bay còn giằng khỏi miệng ta
Thằng giặc Tây thằng chúa đất
Đứa đè cổ đứa lột da

Xiềng xích chúng bay không khóa được
Trời đầy chim và đất đầy hoa
Súng đạn chúng bay không bắn được
Lòng dân ta yêu nước thương nhà[1]

Khói nhà máy cuộn trong sương núi
Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng
Ôm đất nước những người áo vải
Đã đứng lên thành những anh hùng

Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội
Mỗi bước đường mỗi bước hi sinh
Trán cháy rực nghĩ trời đất mới
Lòng ta bát ngát ánh bình minh[2]

truongxua.vn

Súng nổ rung trời giận dữ
Người lên như nước vỡ bờ
Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

1948 - 1955

(*Người chiến sĩ*. NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

Chú thích

(1), (2) Theo *Thơ Việt Nam 1945 - 1960* (NXB Văn học, Hà Nội, 1960) thì sau câu *Lòng dân ta yêu nước thương nhà* còn có thêm bốn câu :

Những làng xóm mọc lên lũy thép
Những ruộng vườn thành bể dầu sôi
Quân giặc kinh hoàng trên đất chết
Mỗi bước đi lạnh toát mồ hôi

và câu *Lòng ta bát ngát ánh bình minh* in là :

Đây những người con Hồ Chí Minh.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy so sánh hình ảnh mùa thu Hà Nội khi tác giả lên đường đi chiến đấu (từ câu 1 đến câu 7) với hình ảnh mùa thu trong kháng chiến chống Pháp (từ câu 8 đến câu 17). Qua sự so sánh đó, anh (chị) thấy tác giả có sự chuyển biến gì trong nhận thức và tình cảm ?

2. Trong bài thơ có nhiều từ ngữ được tác giả nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tìm những từ ngữ ấy và phân tích tác dụng của cách lặp từ đó.

3. Anh (chị) có nhận xét gì về độ dài ngắn của các câu thơ trong bài ? Cách viết như vậy có dụng ý gì ?

4. Từ câu : "Ôi những cánh đồng quê..." đến hết bài, tác giả nói gì về tinh thần quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta ? Hãy phân tích những hình ảnh trong đoạn thơ đó để tìm hiểu chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp.

VỢ CHỒNG A PHỦ

(Trích)

TÔ HOÀI

Tiểu dẫn

Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen, sinh ngày 10-8-1920 ở quê ngoại : làng Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

Đến với văn chương, ông nhanh chóng được người đọc chú ý, nhất là với truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí*. Năm 1943, Tô Hoài gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc. Trong kháng chiến chống Pháp, ông chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực báo chí, nhưng vẫn có một số thành tựu quan trọng trong sáng tác, tiêu biểu là tập *Truyện Tây Bắc*.

Từ năm 1954 trở đi, ông có điều kiện tập trung vào sáng tác. Tính đến nay, sau hơn năm mươi năm lao động nghệ thuật, ông có tới hơn một trăm tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau : truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, kịch bản phim, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác. Những tác phẩm chính : *Dế Mèn phiêu lưu kí* (1941), *O chuột* (1942), *Nhà nghèo* (1944), *Truyện Tây Bắc* (1953), *Miền Tây* (1967), *Cát bụi chân ai* (1992)... Năm 1996, ông được nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I).

Vợ chồng A Phủ in chung trong tập *Truyện Tây Bắc*, kết quả của chuyến Tô Hoài đi cùng bộ đội vào giải phóng Tây Bắc (1952). Trong chuyến đi dài 8 tháng này, ông đã sống gắn bó và nghĩa tình với đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Hmông... Tác phẩm gồm 3 truyện : *Cứu đất cứu mường*, *Mường Giơn* và *Vợ chồng A Phủ*. Tác phẩm đã thể hiện một cách xúc động cuộc sống tủi nhục của đồng bào miền núi Tây Bắc dưới ách phong kiến và thực dân. Họ - mà tiêu biểu là bà lão Ẳng *(Cứu đất cứu mường)*, gia đình ông Mờng và dân làng Mường Giơn *(Mường Giơn)*, Mị và A Phủ *(Vợ chồng A Phủ)* - bị tước đoạt tài sản, bóc lột sức lao động và xúc phạm nhân phẩm. Trong cảnh đau thương tột cùng đó, cách mạng đã đến với họ và họ đã thức tỉnh.

uongxua.vn

Truyện Tây Bắc là một thành công của Tô Hoài trong việc nhận thức, khám phá hiện thực kháng chiến ở một địa bàn đặc biệt vùng cao phía tây bắc của Tổ quốc. Tác phẩm in rõ dấu ấn phong cách nghệ thuật đặc sắc của Tô Hoài : màu sắc dân tộc đậm đà ; chất thơ, chất trữ tình thấm đượm ; ngôn ngữ và lời văn giàu tính tạo hình.

Tác phẩm được tặng giải nhất về truyện, kí (đồng hạng với *Đất nước đứng lên* của Nguyên Ngọc) giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955.

Truyện *Vợ chồng A Phủ* viết về hai chặng đường đời của Mị và A Phủ : những ngày ở Hồng Ngài trong nhà thống lí Pá Tra và khi sang Phiềng Sa - nên vợ nên chồng, gặp gỡ cách mạng và trở thành du kích. Dưới đây trích giảng phần đầu của tác phẩm : Mị và A Phủ ở Hồng Ngài.

*

*   *

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí[1] Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa[2]. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói : nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái nhà Pá Tra : cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lí Pá Tra.

Cô Mị về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, cô không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện Mị về làm người nhà quan thống lí. Ngày xưa, bố Mị lấy mẹ không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy Mị đã lớn, Mị là con gái đầu lòng. Thống lí Pá Tra đến bảo bố Mị :

– Cho tao đứa con gái mày về làm dâu thì tao xóa hết nợ cho.

thuongmaitr

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì Mị bảo bố rằng :

– Con nay đã biết cuốc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Đến Tết năm ấy, Tết thì vui chơi, trai gái đánh pao[3], đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thổi sáo xung quanh vách. Trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị. Một đêm khuya, Mị nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hò hẹn của người yêu. Mị hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy có đeo nhẫn. Người yêu của Mị thường đeo nhẫn ngón tay ấy. Mị bèn nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt Mị bước ra. Mị vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mị rồi bịt mắt, cõng Mị đi.

Sáng hôm sau, Mị mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lí Pá Tra. Họ nhốt Mị vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền[4] cúng ma đương rập rờn nhảy múa.

Trong khi đó, A Sử đến nhà bố Mị. A Sử nói :

– Tôi đã cướp được con gái bố làm vợ, tôi đem về cúng trình ma nhà tôi rồi, bây giờ tôi đến trình cho bố biết. Tiền bạc để cưới thì bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi[5].

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thống lí Pá Tra dạo trước : cho con gái về nhà thống lí Pá Tra thì được trừ nợ. Chao ôi ! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt bán con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi !

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc. Một hôm, Mị trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, Mị quỳ lạy, úp mặt xuống đất, nức nở. Bố Mị cũng khóc, đoán biết lòng con gái :

– Mày về lạy chào tao để mày đi chết đấy à ? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô giả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi !

Mị chỉ bưng mặt khóc. Mị ném nắm lá ngón[6] xuống đất, nắm lá ngón Mị đã tìm hái trong rừng, Mị vẫn giấu trong áo. Thế là Mị không đành lòng chết. Mị chết thì bố Mị còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ nữa. Mị đành trở lại nhà thống lí.

uongxua.vn

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi. Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại : Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày Mị càng không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết

là sương hay là nắng. Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngài người ta thành lệ cứ ăn Tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngài năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá xòe như con bướm sặc sỡ. (...) Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bổi hổi. Mị ngồi nhẩm thầm bài hát của người đang thổi :

Mày có con trai con gái rồi
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu

thuongmaitr

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn(7) và nhảy.

Cả nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêng đánh ầm ĩ, người ốp đồng(8) vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ừng ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau ! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lửng lơ bay ngoài đường :

Anh ném pao, em không bắt
Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đâu về, lại đang sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt mấy người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mị nói gì.

ruongxua.vn

Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi :

– Mày muốn đi chơi à ?

Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột làm cho Mị không cúi, không nghiêng đầu được nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. *"Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào..."*. Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.

Cả đêm ấy Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. Mị lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

Mị bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm âm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đấy, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như Mị. Mị không thể biết. Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài thì một đời con người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. Mị chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể : đời trước, ở nhà thống lí Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ chết rồi. Nhớ thế, Mị sợ quá, Mị cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau dứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài, rồi một đám đông vào nhà. Thống lí Pá Tra xuống ngựa, cho *thị sống* (một chức việc đi hầu thống lí như người làm mõ thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ có khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vất huych xuống đất, cứ thở phè phè.

A Sử chệnh choạng vào buồng. Áo nó rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo[9] trắng loang lổ đầy máu, sụp xuống quanh trán. A Sử

nằm lăn ra giường. Lát sau, thống lí Pá Tra bước vào. Theo sau thống lí là một lũ *thống quán* (một chức việc như phó lí), *xéo phải* (như trưởng thôn) và một bọn *thị sống* vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lí. Có người bấy giờ mới nhìn thấy Mị phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sử. Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. Mị nhắm mắt lại, không dám nhìn. Mị chỉ nghe hình như có tiếng bố chồng gọi ra ngoài. Mị hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho Mị. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, Mị ngã sụp xuống. Chị dâu nói khẽ vào tai Mị :

– Mị ! Đi hái thuốc cho chồng mày.

Mị quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được, Mị phải ôm vai chị dâu, hai người khổ sở dìu nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, Mị nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bị đánh vỡ đầu.

ruongxua.vn

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong chầu rượu trong nhà, bây giờ vẫn còn chưa chịu tan về. Lúc A Sử và chúng bạn kéo đến thì không còn ai chơi trong nhà nữa, vì bố mẹ và người trong nhà ấy đã đi ngủ. Nhưng người ra người vào còn dập dìu quanh ngõ. A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bảo với một lũ khác, dọa đánh bọn trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho bọn A Sử bị vướng không thể vào được. Bọn A Sử ném đá vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Bọn A Sử vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, liền vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Để đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bạn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo. A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng dồn cả lại xôn xao :

– Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

– A Phủ đâu ? A Phủ đánh chết nó đi !

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lăng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bưng tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thấy vậy, bọn trai làng tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ. A Phủ bị bắt sống, trói gô chân tay lại. Vừa lúc thống lí Pá Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lí.

Mị đi hái thuốc lá về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ. Mị đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. Mị đoán đấy là A Phủ.

Bọn chức việc khắp vùng Hồng Ngài đến nhà thống lí Pá Tra dự đám xử kiện. Các lí dịch, quan làng, *thống quán, xéo phải* đội mũ, quấn khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

thuongmaitr

Trong nhà thống lí đã bày năm cái bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Nhưng chỉ bọn con trai làng ấy phải ngồi khoanh tay canh A Phủ vì họ bị gọi sang hầu kiện, còn bọn chức việc thì nằm dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lí Pá Tra, thống lí Pá Tra hút xong một lượt năm điếu, đến người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện. Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng hoặc đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy. Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi :

– Thằng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chắp tay lạy lia lịa tên thống lí Pá Tra rồi quay lại đánh A Phủ. A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt dập chảy máu. Người thì đánh, người thì quỳ lạy, kể lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn ra các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, Mị cũng thức suốt đêm im lặng ngồi xoa thuốc dấu cho chồng. Lúc nào Mị mỏi quá, cựa mình, thì những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. Mị lại gục đầu nằm thiếp đi. Khi đó, A Sử bèn đạp chân vào mặt Mị. Mị choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc, xoa đều đều trên lưng chồng. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiến gỗ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lào xào, và tiếng đấm đánh huỳnh huych.

Sáng hôm sau thì đám kiện đã xong. Một số người, chẳng biết từ bao giờ, đã ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn *xéo phải* đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút thêm ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

uongxua.vn

Thống lí Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xòe bày lên mặt tráp, rồi nói :

– Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho *thống quán* năm đồng, mỗi *xéo phải* hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chốc nữa mổ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống và nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền giả thì tao cho mày về, chưa có tiền giả thì tao bắt mày ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đời mày, đời con, đời cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai cái đầu gối sưng bạnh lên như mặt hổ phù[10]. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng nhặt xong lại để ngay cả xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Sử thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chọc tiết làm thịt lợn hầu làng. Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

Thế là từ đấy A Phủ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lí Pá Tra. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa, quanh năm một thân một mình bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Công việc làm hay đi săn, cái gì cũng làm phăng phăng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy nữa.

A Phủ cũng không phải người làng bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Hángbla. Năm xưa, làng Hángbla phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn, chết, có nơi chết cả nhà. Anh của A Phủ, em A Phủ chết, bố mẹ A Phủ cũng chết. Còn sót lại có một mình A Phủ. Làng chết và đói nhiều quá, có người làng đói bụng bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp. A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần lữa mùa này sang mùa khác, chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, đã biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo. A Phủ khỏe, chạy nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói : "Đứa nào được A Phủ cũng bằng có được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao ước đùa thế thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ. Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng vía[11] lần trên cổ, A Phủ cũng cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong rừng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

thuongmaitr

Khi đó đang đói rừng. Hổ, gấu, cứ từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lí Pá Tra lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, đầy lưng trâu bò đứng chen chân trong cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà, ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi nương ăn, bây giờ gặp khi rừng đói thế này, mỗi khi bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông. A Phủ phải ở lều luôn hàng tháng ngoài nương, đêm đến lại dồn bò ngựa về nằm chầu nhau ngủ xung quanh lều.

Chẳng may, đã mấy ngày A Phủ mải mê đi bẫy dím, không đếm được ngựa. Hôm ấy vào rừng thấy vết chân hổ, A Phủ vội phóng ngựa chạy vờn quanh đàn, dồn chúng quần lại để đếm lại. Lùa hết về, đếm đầu thấy thiếu một con bò. A Phủ đếm lại mấy lần. Thiếu một con bò. A Phủ vội nhảo(12) vào rừng, lần theo lốt chân hổ thì tìm ra được con bò đã bị hổ ăn thịt chỉ còn lại một nửa mình nằm ngay dưới một cây thông cụt. A Phủ nhặt mấy miếng thịt rơi quanh đấy rồi vác nốt nửa con bò về. Nghĩ bụng "con hổ này to lắm, hãy còn ngửi thấy mùi hôi quanh đây, ta về lấy súng đi tìm, thế nào cũng bắn được". Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi :

truongxua.vn

– Mất mấy con bò ?

A Phủ trả lời tự nhiên :

– Tôi về lấy súng, thế nào cũng bắn được con hổ này to lắm.

Pá Tra hất tay, nói :

– Quân ăn cướp làm mất bò tao. A Sử ! Đem súng đi lấy con hổ về.

Rồi Pá Tra quay lại, bảo A Phủ :

– Còn mày ra ngoài kia, lấy về đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao trói mày đứng ở chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắt được hổ về thì tao cho mày khỏi phải chết. Nếu không được hổ thì tao cho mày đứng chết ở đấy.

A Phủ cãi :

– Cho tôi đi. Được con hổ ấy còn nhiều tiền hơn con bò, cho tôi khỏi tội.

Pá Tra quát :

– Lấy cọc dây mây về đây !

Không nói nữa, như con trâu đã đóng lên tròng, A Phủ lẳng lặng ra vác cái cọc gỗ rồi lấy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cái cọc gỗ xuống bên cột. Pá Tra vẫn đứng đấy, bấy giờ đẩy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt lên. Rồi dây mây quấn từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu hơi hơi lúc lắc được. Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không một ai dám hỏi, cũng không ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhay đứt hai vòng mây, nhích dần dây trói một bên tay. Nhưng mới được đến lúc ấy thì trời cũng vừa sáng. Pá Tra vào khám, quẳng thêm một vòng thòng lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử và lính dõng[13] của thống lí đi đuổi, không lùng bắt được con hổ. Thì cũng đã mấy ngày A Phủ phải trói đứng trong góc nhà. Đằng kia, bếp lò bung ngô cao ngang nhà vẫn hừng hực đỏ rực lửa. Mỗi hôm hai buổi cơm, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ chỉ đứng nhắm mắt, cho tới đêm khuya.

thuongmaitr

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lửa, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chợp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh

Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

ruongxua.vn

Lúc ấy, trong nhà đã tối bưng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng "Đi ngay...", rồi Mị nghẹn lại. A Phủ bỗng khuỵ xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lăn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc, Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt :

– A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói :

– Ở đây thì chết mất.

A Phủ chợt hiểu.

Người đàn bà chê chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói : "Đi với tôi". Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(Tóm tắt phần còn lại : *Hai người bỏ trốn sang Phiềng Sa, thành vợ chồng và định cư ở đó. Quân Pháp sục tới, dân Phiềng Sa lại hoang mang mất ổn định. A Châu, cán bộ Đảng đã tìm đến. A Phủ kết nghĩa anh em với A Châu. Anh trở thành tiểu đội trưởng du kích, cùng đồng đội bảo vệ quê hương.)*

1953

(*Truyện Tây Bắc*, in lần thứ tư. NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

thuongmaitr

Chú thích

(1) *Thống lí* : người đứng đầu bộ máy chính quyền ở làng xã vùng dân tộc Mèo (nay gọi là Hmông) dưới thời thực dân Pháp. (2) *Tàu ngựa* : chuồng ngựa. (3) *Đánh pao* : trò chơi của thanh niên miền núi, chủ yếu trong những ngày Tết đến, xuân về. Nam nữ chia làm hai bên, vừa tung cầu bắt cầu vừa ca hát. (4) *Sinh tiền* (hay sanh tiền) : nhạc cụ của đồng bào Hmông làm bằng hai mảnh gỗ có đính nhiều đồng tiền bằng đồng, khi đánh thì đồng tiền gõ vào mặt gỗ. (5) Trước kia, người Hmông có tục cướp vợ : trai gái yêu nhau (cá biệt cũng có khi chỉ mới ở mức người con trai yêu bạn gái) thì người con trai đang đêm cùng một số bạn trai khác, đến nhà người yêu bí mật "cướp" đi, hôm sau mới báo cho bố người con gái biết. Phong tục bắt buộc ông bố phải nhận lời. Cưới vợ theo lối "cướp" như thế thì tiền cưới tốn rất ít. (5) *Ngón* : cây leo, lá mọc đối, hoa nhỏ màu vàng, lá rất độc, ăn chết người. (7) *Khèn* : nhạc cụ của một số dân tộc miền núi, làm bằng nhiều ống tre, trúc ghép lại, thổi bằng miệng. (8) *Ốp đồng* : trước kia, theo mê tín, trong lễ cúng, thần thánh hay hồn người chết nhập vào người ngồi đồng nói năng, phán truyền cho người sống. (9) *Khăn xéo* : khăn quấn chéo. (10) *Hổ phù* : hình mặt hổ, chạm khắc vào gỗ hoặc kim loại. Ở Trung Quốc ngày xưa, hổ phù là vật nhà vua giao cho tướng lĩnh để điều quân. Ở Việt Nam, các nghệ nhân chạm khắc, vẽ hoặc thêu để trang trí. (11) *Vòng vía* : vòng đeo để tránh tai họa, bệnh tật, theo mê tín. (12) *Nhảo* (khẩu ngữ) : đi nhanh, vội, rảo bước. (13) *Lính dõng* : lính địa phương (thời Pháp thuộc).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Số phận và tính cách nhân vật Mị đã được Tô Hoài miêu tả như thế nào ? Nhân vật A Phủ có gì giống và khác Mị về số phận và tính cách ? Hãy phân tích sâu sự thể hiện tính cách nhân vật này trong cảnh đánh A Sử và cảnh xử kiện.

2. Phân tích kĩ đoạn Mị cởi trói cho A Phủ. Qua đó, anh (chị) có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật ?

3. Anh (chị) có nhận xét gì về đặc điểm của tư tưởng nhân đạo trong truyện ***Vợ chồng A Phủ*** *?*

4. Hãy tìm hiểu nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (miêu tả, trần thuật, đối thoại) của Tô Hoài trong đoạn trích này.

truongxua.vn

VỢ NHẶT

KIM LÂN

Tiểu dẫn

Kim Lân tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài. Ông sinh ngày 1-8-1920, quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông chỉ được học hết bậc tiểu học rồi phải đi làm. Kim Lân bắt đầu viết truyện ngắn từ năm 1941. Tác phẩm của ông được đăng trên các báo *Tiểu thuyết thứ bảy* và *Trung Bắc chủ nhật*. Một số truyện *(Đứa con người vợ lẽ, Đứa con người cô đầu, Cô Vịa...)* mang tính chất tự truyện, nhưng đã thể hiện được không khí tiêu điều, ảm đạm của nông thôn Việt Nam và cuộc sống lam lũ, vất vả của người nông dân.

Ông được dư luận chú ý nhiều hơn khi đi vào đề tài độc đáo : tái hiện sinh hoạt văn hóa phong phú ở thôn quê (đánh vật, chọi gà, thả chim...). Các truyện : *Đôi chim thành, Con mã mái, Chó săn...* kể lại một cách sinh động những thú chơi lành mạnh kể trên, qua đó biểu hiện một phần vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước Cách mạng - những người sống cực nhọc, khổ nghèo nhưng vẫn yêu đời, trong sáng, tài hoa.

Sau Cách mạng tháng Tám, Kim Lân tiếp tục làm báo, viết văn. Ông vẫn chuyên về truyện ngắn và vẫn viết về làng quê Việt Nam - mảng hiện thực mà từ lâu ông đã hiểu biết sâu sắc. Những tác phẩm chính : *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn, 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn, 1962).

Trong cả hai giai đoạn sáng tác, tuy viết không nhiều nhưng giai đoạn nào Kim Lân cũng có những tác phẩm hay. Là một cây bút truyện ngắn vững vàng, ông đã viết về cuộc sống và con người ở nông thôn bằng tình cảm, tâm hồn của một người vốn là con đẻ của đồng ruộng. Nói như Nguyên Hồng, ông là nhà văn một lòng đi về với "đất", với "người", với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn (*Bước đường viết văn*. NXB Văn học, Hà Nội, 1971).

Truyện ngắn *Vợ nhặt* có tiền thân là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*. Tác phẩm được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công nhưng còn dang dở và mất bản thảo. Sau khi hòa bình lập lại (1954) Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ và viết truyện ngắn này.

*
* *

Trước kia mỗi chiều, cứ vào lúc chạng vạng mặt người thì Tràng đi làm về. Hắn bước ngật ngưỡng trên con đường khẳng khiu luồn qua cái xóm chợ của những người ngụ cư[(1)] vào trong bến.

Hắn vừa đi vừa tủm tỉm cười, hai con mắt nhỏ tí, gà gà đắm vào bóng chiều, hai bên quai hàm bạnh ra, rung rung làm cho cái bộ mặt thô kệch của hắn lúc nào cũng nhấp nhính những ý nghĩ gì vừa lí thú vừa dữ tợn. Hắn có tật vừa đi vừa nói. Hắn lảm nhảm than thở những điều hắn nghĩ.

Trẻ con trong xóm, cứ thấy cái thân hình to lớn, vập vạp của hắn từ dốc chợ đi xuống là ùa cả ra vây lấy hắn, reo cười váng lên :

– A a a... Anh Tràng ! Anh Tràng đã về chúng mày ơi !

– Anh Tràng ơi bế em mấy...

– Anh Tràng ơi đã uống rượu chưa ?

– Anh Tràng ơi !...

Đứa túm đằng trước, đứa túm đằng sau, đứa cù, đứa kéo, đứa lôi chân không cho đi. Tràng chỉ ngửa mặt lên cười hềnh hệch. Cái xóm ngụ cư tồi tàn ấy mỗi chiều lại xôn xao lên được một lúc.

Nhưng độ này thì trẻ con không đứa nào buồn ra đón Tràng nữa, chúng nó ngồi ủ rũ dưới những xó tường không buồn nhúc nhích. Trong bóng chiều nhá nhem, Tràng đi từng bước mệt mỏi, chiếc áo nâu tàng[(2)] vắt sang một bên cánh tay, cái đầu trọc nhẵn chúi về đằng

trước. Hình như những lo lắng chật vật trong một ngày đè xuống cái lưng to rộng như lưng gấu của hắn.

Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẩn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa. Mặt hắn có một vẻ gì phớn phở[3] khác thường. Hắn tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Người đàn bà đi sau hắn chừng ba bốn bước. Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. Mấy đứa trẻ con thấy lạ vội chạy ra đón xem. Sợ chúng nó đùa như ngày trước, Tràng vội vàng nghiêm nét mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng.

tuongxua.vn

Mấy đứa trẻ đứng dừng lại, nhìn Tràng, đột nhiên có đứa gào lên :

– Anh Tràng ơi ! – Tràng quay đầu lại. Nó lại cong cổ gào lên lần nữa – Chông vợ hài[4].

Tràng bật cười :

– Bố ranh !

Người đàn bà có vẻ khó chịu lắm. Thị nhíu đôi lông mày lại, đưa tay lên xóc xóc lại tà áo. Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì bóng những người đói dật dờ đi lại lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết.

Nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lũi thũi đi về bến, người trong xóm lạ lắm. Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn

tán. Hình như họ cũng hiểu được đôi phần. Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dưng rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ. Một người thở dài. Người khác khẽ thì thầm hỏi :

– Ai đấy nhỉ ?... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên ?

– Chả phải, từ ngày còn mồ ma[5] ông cụ Tứ có thấy họ mạc nào lên thăm đâu.

– Quái nhỉ ?

Im một lúc, có người bỗng lại cười lên rung rúc.

– Hay là vợ anh cu Tràng ? Ừ khéo mà vợ anh cu Tràng thật anh em ạ, trông chị ta thèn thẹn hay đáo để.

– Ôi chao ! Giời đất này còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không ?

Họ cùng nín lặng.

Người đàn bà như cũng biết xung quanh người ta đang nhìn dồn cả về phía mình, thị càng ngượng nghịu, chân nọ bước díu cả vào chân kia. Hắn cũng biết thế, nhưng hắn lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình. Người đàn bà càu nhàu câu gì trong miệng. Hắn quay lại hỏi :

– Gì hả ?

– Không.

Hắn cũng càu nhàu :

– Làm gì mà họ khỏe nhìn thế không biết ? – Hắn bỗng đứng dừng lại nhìn ngang nhìn ngửa.

– Này bác Tràng ! Bác Tràng !...

Sau một khuôn cửa tối, một cái đầu trọc thò ra gọi giật giọng. Tràng lật đật quay lại.

– Về muộn mấy ? Hẵng vào chơi cái đã nào.

Tràng đứng lại thoái thác :

– Thôi ông để cho đến hôm khác.

thuongmaitr

Cái đầu trọc nháy nháy một con mắt, hất hất về phía người đàn bà hóm hỉnh :

– Cánh nào đấy ?

– À hà... người quen. Thôi để hôm khác ông nhá.

Hắn quay ngoắt trở ra, lật đật chạy theo người đàn bà, như người xấu hổ chạy trốn. Người đàn bà đã đi đến trước cái miếu cũ. Tràng gọi với :

– Ấy rẽ lối này cơ mà !

– Đằng này à ?

– Ừ.

Hai người lặng lẽ rẽ xuống một con đường nhỏ. Con đường sâu thăm thẳm, luồn giữa hai bờ tre cao vút. Ở đây vắng vẻ, thoải mái. Hắn định nói với thị một vài câu rõ tình tứ mà chẳng biết nói thế nào. Hắn cứ lúng ta lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai kia đi bên người đàn bà. Thị cũng không nói gì, hai con mắt tư lự[6] nhìn ra phía trước. Tiếng gió trên bờ tre rì rào và tiếng lá khô kêu sào sạo dưới bàn chân.

uongxua.vn

Trong một lúc Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hằng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những tháng ngày trước mặt. Trong lòng hắn bấy giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lắm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.

– Sắp đến chưa ?

Người đàn bà chợt hỏi.

– Sắp.

– Nhà có ai không ?

– Có một mình tôi mấy u.

Thị tủm tỉm cười :

– Đã một mình lại còn mấy u. Bé lắm đấy !

Hắn bật cười :

– À nhỉ !

Câu chuyện xem chừng đã thân thân. Hắn đi sát gần bên thị hơn, ngẫm nghĩ một lúc, chợt hắn giơ cái chai con vẫn cầm lăm lăm một bên tay lên khoe :

– Dầu tối thắp đây này.

– Sang nhỉ.

– Khá thôi. Hai hào đấy, đắt quá, cơ mà thôi chả cần.

– Hoang nó vừa vừa chứ.

Hắn chặc lưỡi :

– Vợ mới vợ miếc cũng phải cho nó sáng sủa một tí chứ, chả nhẽ chưa tối đã rúc vào ngay, hì hì...

– Khỉ gió.

Thị phát đánh đét vào lưng hắn, khoằm mặt(7) lại.

Hắn thích chí ngửa cổ cười khanh khách.

Mấy con chó giật mình chạy thọt vào trong lũy thò mõm ra sủa váng lên. Tràng nhặt một hòn gạch vung tay ném mạnh một cái.

– Mẹ bố chúng mày cắn gì thế !

– Vẫn chưa đến à ?

– Còn chán.

– Khiếp.

Thị cau mặt lại, giẫy lên. Hắn phì ra cười, cúi xuống nhấc cành dong dấp cổng ra reo lên :

– Đây rồồ-ồi !...

Thị lẳng lặng theo hắn vào trong nhà, cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại. Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô hẳn lên, nén một tiếng thở dài. Tràng xăm xăm bước vào trong nhà, nhấc tấm phên rách sang một

thuongmaitr

bên, thu dọn những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất. Hắn quay lại nhìn thị cười cười :

– Không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy !

Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo. Tràng vỗ vỗ xuống giường đon đả :

– Ngồi đây !... Ngồi xuống đây, tự nhiên...

Người đàn bà theo lời hắn ngồi mớm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng nghịu. Tràng đứng tây ngây ra giữa nhà một lúc, chợt hắn thấy sờ sợ. Chính hắn cũng không hiểu sao hắn sợ, hắn lấm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên :

– Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết !

Hắn loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà. Thị vẫn ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt bần thần[8].

Hắn nghĩ bụng : "Quái sao nó lại buồn thế nhỉ ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ ?...". Hắn nhổ vu vơ một bãi nước bọt, tủm tỉm cười một mình. Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hắn vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hắn đã có vợ rồi đấy ư ? Hà ! Việc xảy ra thật hắn cũng không ngờ, hắn cũng chỉ tầm phơ tầm phào[9] đâu có hai bận ấy thế mà thành vợ thành chồng...

Ít lâu nay hắn xe thóc Liên đoàn[10] lên tỉnh. Mỗi bận qua cửa nhà kho lại thấy mấy chị con gái ngồi vêu ra ở đấy. Hắn đoán họ ngồi đấy nhặt hạt rơi hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Một lần hắn đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hắn hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hắn hò rằng :

Muốn ăn cơm trắng mấy giò này !
Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì !

Chủ tâm hắn cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hắn, cười như nắc nẻ :

– Kìa anh ấy gọi ! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy !

Thị cong cớn :

– Có khối cơm trắng mấy giò đấy ! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy ?

Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười :

– Thật đấy, có đẩy thì ra mau lên !

Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

– Đã thật thì đẩy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ – Thị liếc mắt, cười tít. Tràng thích lắm. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa có người con gái nào cười với hắn tình tứ như thế.

Lần thứ hai, Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ tỉnh thì thị ở đâu sầm sầm chạy đến. Thị đứng trước mặt hắn sưng sỉa nói :

– Điêu ! Người thế mà điêu !

Hắn giương mắt nhìn thị, không hiểu. Thật ra lúc ấy hắn cũng chưa nhận ra thị là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đỉa, thị gày sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

– Hôm ấy leo lẻo cái mồm hẹn xuống, thế mà mất mặt.

À, hắn nhớ ra rồi, hắn toét miệng cười.

thuongmaitr

– Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Này hẵng ngồi xuống ăn miếng giầu đã.

– Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

– Đấy, muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi.

– Rích bố cu[11], hở !

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đon đả :

– Ăn thật nhá ! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc[12] liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở :

– Hà, ngon ! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười :

– Làm đếch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chợn[13], nghĩ : thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng[14]. Sau không biết nghĩ thế nào hắn tặc lưỡi một cái :

– Chậc, kệ !

Hôm ấy hắn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về...

Tràng chợt đứng dừng lại, lắng tai nghe. Ngoài đầu ngõ có tiếng người húng hắng ho, một bà lão từ ngoài rặng tre lọng khọng đi vào. Bà lão vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng. Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với vào trong nhà :

– U đã về đấy !

Hắn lật đật chạy ra đón.

– Hôm nay sao u về muộn thế ! Làm tôi đợi nóng cả ruột.

uongxua.vn

Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn Tràng, chậm chạp hỏi :

– Có việc gì thế vậy ?

– Thì u hẵng cứ vào trong nhà đã nào.

Bà lão phấp phỏng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia ? Sao lại chào mình bằng u ? Không phải con cái Đục mà. Ai thế nhỉ ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn[15] vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhoèn ra thì phải. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Tràng tươi cười :

– Thì u hẵng vào ngồi lên giường lên giếc chỉnh chện[16] cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị cất tiếng chào lần nữa :

– U đã về ạ !

Ô hay, thế là thế nào nhỉ ? Bà lão băn khoăn ngồi xuống giường. Tràng nhắc mẹ :

– Kìa nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hắn bước lại gần nói tiếp :

– Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

thuongmaitr

Bà lão khẽ thở dài ngửng lên, đăm đăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ : Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bổn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn[17] này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được ?

Bà lão khẽ dặng hắng một tiếng, nhẹ nhàng nói với "nàng dâu mới" :

– Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hắn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời :

– Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời ? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

Bà lão đăm đăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đống rấm[18] ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không ?...

– Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật :

– Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhặt chi cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hòa thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng. Tràng đứng ngoài thấy vậy, hắn bực mình quá hầm hầm bước vào trong nhà, đánh diêm đốt đèn. Thấy sáng, bà lão vội vàng lau nước mắt ngửng lên :

– Có đèn đấy à ? Ừ thắp lên một tí cho sáng sủa... Dầu bây giờ đắt gớm lên ấy mày ạ.

Bà lão đứng dậy uể oải sang giường bên kia nằm. Tràng lầu bầu trong miệng : "Chán quá, chẳng đâu vào đâu tự nhiên cũng khóc !". Tiếng bà cụ Tứ bên kia nói với sang :

– Hôm nào nghỉ ở nhà kiếm lấy ít nứa về đan cái phên mà ngăn ra mày ạ.

– Vâng.

Tràng ngoan ngoãn đáp lời mẹ. Hắn toan quay lại bảo thị cởi áo đi nằm, nhưng thấy thị ngồi bần thần dưới chân giường tự nhiên hắn lại không dám. Hắn lẳng lặng ngồi xuống cái ghế bên cạnh, cả hai cùng sượng sùng[19] chả biết nói gì. Ánh đèn vàng đục ở góc nhà tỏa ra ấm áp và kéo dài hai cái bóng trên vách. Bên ngoài gió từ mặt sông thổi lên rì rào như tiếng người thầm thì nói chuyện. Giữa sự im lặng của đôi vợ chồng mới, có tiếng ai hờ khóc[20] ngoài xóm lọt vào tỉ tê lúc to lúc nhỏ.

Người đàn bà bỗng thở dài. Tràng quay lại khẽ hỏi :

– Buồn à ?

– Không.

– Gớm sao lúc nãy nói chuyện dai thế, đợi sốt cả ruột.

Thị lườm hắn không trả lời. Hắn xích lại cười cười :

– Thôi khuya rồi đấy, ngủ đi.

Thị giơ tay củng vào trán hắn.

– Chỉ được cái thế là nhanh. Dơ !

thuongmaitr

Hắn cười khì khì, vươn cổ thổi tắt phụt ngọn đèn. Trong đêm khuya tiếng hờ khóc tỉ tê nghe càng rõ...

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngờ ngàng như không phải.

Hắn chắp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào hai con mắt còn cay xè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đỉa vẫn vắt khươm mươi niên[21] ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước[22] vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang lúi húi giẫy những búi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sàn sạt trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu :

– Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

– Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát chỏng lỏn[23] như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không ? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn[24] thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nề nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này :

– Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo lõng bõng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đũa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ :

– Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười :

– Chè đây. – Bà lão múc ra một bát – Chè khoán[25] đây, ngon đáo để cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả :

– Cám đấy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cám mà ăn đấy.

thuongmaitr

Tràng cầm đôi đũa, gợt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, dồn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vẩn trên nền trời như những đám mây đen.

Người con dâu khẽ thở dài, thị nói lí nhí trong miệng :

– Trống gì đấy, u nhỉ ?

– Trống thúc thuế đấy. Đằng thì nó bắt giồng đay, đằng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... – Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Người con dâu có vẻ lạ lắm, thị lẩm bẩm :

– Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à ?

Im lặng một lúc thị lại tiếp :

– Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó đăm đăm. Miếng cám ngậm trong miệng hắn đã bã ra chát xít... Hắn đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật.

Tràng hỏi vội trong miếng ăn :

– Việt Minh phải không ?

– Ừ, sao nhà biết ?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hắn vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm. Hôm ấy hắn láng máng[26] nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì sợ quá, kéo vội xe thóc của Liên đoàn tắt cánh đồng đi lối khác.

À ra họ đi phá kho thóc chia cho người đói. Tự dưng hắn thấy ân hận, tiếc rẻ vẩn vơ, khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

truongxua.vn

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

(*Truyện ngắn Việt Nam 1945 - 1985*[*].
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1985)

Chú thích

(*) Có tham khảo văn bản truyện ngắn *Vợ nhặt* trong tập *Con chó xấu xí* (NXB Văn học, Hà Nội, 1962). (1) *Ngụ cư* : sinh sống ở một làng không phải quê hương của mình. (2) *Tàng* : (đồ dùng) quá cũ, đã dùng lâu ngày, trông không ra gì. (3) *Phớn phở* : có vẻ ngoài rạng rỡ, biểu lộ sự vui sướng, hả hê. (4) *Chông vợ hài* (nói lái) : hai vợ chồng. (5) *Mô ma* : nói lúc còn sống của một người đã qua đời tương đối lâu. (6) *Tư lự* : suy nghĩ và lo lắng. (7) *Khoặm mặt* : cau có một cách bực tức, giận dữ. (8) *Bẩn thẩn* : kém vẻ linh hoạt vì mệt mỏi hoặc vì có điều đăm chiêu, suy nghĩ. (9) *Tầm phơ tầm phào* : nói chơi nói đùa. (10) *Liên đoàn* : một tổ chức thu gom thóc của các làng quê cho phát xít Nhật ở nước ta trước Cách mạng tháng Tám 1945. (11) *Rích bố cu* (tiếng Pháp bồi, ghép 2 từ *riche* (giàu có) và *beaucoup* (nhiều)) : tiền nhiều. (12) *Bánh đúc* : bánh nấu bằng bột gạo tẻ hoặc bột ngô quấy với nước vôi trong và một chút hàn the, khi chín đổ ra bát (hoặc đĩa, mâm) cho đông lại. (13) *Chợn* : sợ. (14) *Đèo bòng* : mang thêm, vướng bận thêm vào một cái gì khó

gỡ ra được. (15) *Nhoèn* : (mắt) ướt dính, nhiều dử. (16) *Chĩnh chện* : có dáng vẻ bệ vệ, đàng hoàng. (17) *Tao đoạn* (từ cổ) : thời buổi, giai đoạn. (18) *Rấm* : ủ bếp (bằng trấu) để giữ lửa. Ở đây người ta ủ những đống rấm để xua bớt tử khí ở nhà có người chết. (19) *Sượng sùng* : ngượng ngùng, lúng túng. (20) *Hờ khóc* : khóc và kể lể bằng giọng thảm thiết (thường là khóc người chết). (21) *Khươm mươi niên* (khẩu ngữ) : rất lâu, nhiều năm. (22) *Cái ang nước* : đồ dùng đựng nước bằng gốm, thân tròn, miệng rộng. (23) *Chao chát chỏng lỏn* : nói năng đanh đá, cong cớn (trái nghĩa với dịu dàng, lễ phép). (24) *Xăm xắn* (hay : săm sắn) : hăng hái, mau mắn. (25) *Chè khoán* : một thứ chè ngon, nấu bằng đậu xanh thật nhuyễn. Có lẽ đây là cách gọi của vùng quê Kim Lân (các nơi khác gọi là chè kho). (26) *Láng máng* : nghe không đầy đủ, rõ ràng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Vì sao chuyện anh Tràng có vợ lại gây ngạc nhiên cho mọi người trong xóm ? Phân tích thái độ ngạc nhiên ấy.

2. Qua tên tác phẩm ***Vợ nhặt*** *và những tình tiết chính trong đoạn người đàn bà không tên gặp Tràng rồi họ thành vợ chồng, anh (chị) có nhận xét gì về số phận của người đàn bà này ?*

3. Phân tích tâm trạng buồn vui lẫn lộn của bà cụ Tứ. Qua đó, anh (chị) có nhận xét gì về tấm lòng của bà mẹ nông dân này, nhất là trong hoàn cảnh hai mẹ con bà cũng đang bị nạn đói đe dọa ?

4. Tìm hiểu nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn ***Vợ nhặt*** *(chọn tình huống, cách kể chuyện, dựng đối thoại). Theo anh (chị), chi tiết nào trong tác phẩm gây xúc động hơn cả ? Vì sao ?*

TIẾNG HÁT CON TÀU

CHẾ LAN VIÊN

Tiểu dẫn

Chế Lan Viên (1920 - 1989) tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, sinh ngày 23-10-1920, quê gốc ở xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, nhưng thuở nhỏ và nhiều năm thời thanh niên sống cùng gia đình ở tỉnh Bình Định, nên đây cũng được coi là quê hương thứ hai của nhà thơ. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông đi dạy

trường tư, làm báo ở Sài Gòn và các tỉnh miền Trung. Tập thơ đầu - *Điêu tàn* - xuất bản lúc tác giả mới mười bảy tuổi (đang là học sinh trung học), đã đưa Chế Lan Viên vào trong số những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới.

Tham gia Cách mạng tháng Tám ở Quy Nhơn, rồi trong kháng chiến chống thực dân Pháp, làm báo và hoạt động văn nghệ ở Liên khu IV, Chế Lan Viên đã tìm được con đường cho thơ mình đến với nhân dân và đời sống cách mạng. Sau năm 1954, ông về Hà Nội tiếp tục hoạt động văn học, nhiều năm ở trong ban lãnh đạo Hội Nhà văn Việt Nam. Chế Lan Viên còn tích cực tham gia hoạt động xã hội, từng là đại biểu Quốc hội và nhiều lần có mặt tại những diễn đàn quốc tế về văn hóa, văn học. Sau năm 1975, ông vào sống ở Thành phố Hồ Chí Minh cho tới lúc qua đời (19-6-1989). Năm 1996, ông được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I).

Con đường thơ của Chế Lan Viên trải qua nhiều biến động, nhiều bước ngoặt với những trăn trở, tìm tòi không ngừng của nhà thơ. Từ thế giới kinh dị, thần bí và bế tắc của thời *Điêu tàn*, sau Cách mạng tháng Tám, thơ Chế Lan Viên đã đến với cuộc sống nhân dân và đất nước, thấm nhuần ánh sáng của cách mạng. Trong những năm kháng chiến chống Mĩ, thơ Chế Lan Viên vươn tới khuynh hướng sử thi hào hùng và chất chính luận hùng biện, nóng hổi tính thời sự. Từ sau năm 1975, thơ Chế Lan Viên lại dần trở về với đời sống thế sự và những trăn trở về cái "tôi" trong sự phức tạp, đa diện và vĩnh hằng của đời sống. Thơ Chế Lan Viên có phong cách rõ nét và độc đáo, nổi bật nhất là chất suy tưởng triết lí mang vẻ đẹp trí tuệ và sự đa dạng, phong phú của thế giới hình ảnh thơ được sáng tạo bởi một ngòi bút thông minh, tài hoa.

tuongxua.vn

Tác phẩm chính : các tập thơ : *Điêu tàn* (1937), *Ánh sáng và phù sa* (1960), *Hoa ngày thường, chim báo bão* (1967), *Những bài thơ đánh giặc* (1972), *Đối thoại mới* (1973), *Hoa trước lăng Người* (1976), *Hái theo mùa* (1977), *Hoa trên đá* (1984), *Di cảo thơ* tập I (1992), tập II (1993), tập III (1996) ; các tập tiểu luận phê bình : *Phê bình văn học* (1962), *Suy nghĩ và bình luận* (1971), *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân* (1981), *Nghĩ cạnh dòng thơ* (1981).

Bài thơ *Tiếng hát con tàu* rút từ tập *Ánh sáng và phù sa*, tập thơ đánh dấu bước trưởng thành vững chắc của Chế Lan Viên trên con đường thơ cách mạng và là một trong những thành công xuất sắc của nhà thơ, đóng góp vào nền thơ hiện đại Việt Nam. Tập thơ thể hiện hành trình tư tưởng và tâm hồn của người nghệ sĩ đi "từ thung lũng đau thương ra cánh đồng vui", "từ chân trời của một người đến chân trời của mọi người". Tập thơ đã thể hiện sự gắn bó và lòng biết ơn của nhà thơ với cuộc đời, với nhân dân, đất nước và Đảng.

Tiếng hát con tàu được gợi cảm hứng từ một sự kiện kinh tế - xã hội là cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên Tây Bắc xây dựng kinh tế miền núi vào những năm 1958 - 1960 ở miền Bắc. Nhưng không dừng lại ở đó, bài thơ còn là khúc hát về lòng biết ơn, tình yêu và sự gắn bó với nhân dân, đất nước của một tâm hồn thơ đã tìm thấy ngọn nguồn nuôi dưỡng và chân trời nghệ thuật mới của mình.

*

* *

Lê th

Tây Bắc ư ? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hóa những con tàu
Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu.

Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chăng[1] ?
Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô ? Tàu đói những vành trăng.

Đất nước mênh mông, đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chửa ra đi ?
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Trên Tây Bắc ! Ôi mười năm Tây Bắc
Xứ thiêng liêng, rừng núi đã anh hùng
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân.

thuongmaitr

Ơi kháng chiến[2] ! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương.

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.

Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.

Con nhớ em con, thằng em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ

Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc[3]
Mười năm tròn ! Chưa mất một phong thư.

Con nhớ mế[4] ! Lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mế thức một mùa dài
Con với mế không phải hòn máu cắt
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương ?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn !

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến[5] hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

uongxua.vn

Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương.

Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi ?
Tình em đang mong tình mẹ đang chờ
Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội
Mắt ta thèm mái ngói đỏ trăm ga.

Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng
Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào
Rẽ người mà đi vịn tay mà đến
Mặt đất nồng nhựa nóng của cần lao.

Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đổ
Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ

Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa[6]
Nay trở về, ta lấy lại vàng ta.

Lấy cả những cơn mơ ! Ai bảo con tàu không
mộng tưởng ?
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân.

(*Ánh sáng và phù sa*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

Chú thích

(1) Sự thực thì chưa có đường tàu lên Tây Bắc, hình ảnh con tàu trong bài thơ mang tính biểu tượng. Đó là tiếng gọi lên đường, là con tàu tâm tưởng của tác giả muốn băng tới những miền xa của đất nước, nơi cuộc sống nhân dân đang vẫy gọi. Những câu thơ đề từ của bài thơ đã nói rõ điều đó. (2) *Kháng chiến* : chỉ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954). (3) Câu thơ này có bản in là : *Sáng bản Nam, chiều em qua bản Bắc*. Ở đây, những địa danh chỉ mang ý nghĩa tượng trưng, không phải là địa danh xác thực. (4) *Mế* : từ gọi mẹ trong một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số, cũng dùng để gọi một cách thân mật và kính trọng những người phụ nữ cao tuổi. (5) *Cánh kiến* : ở đây tác giả nói về cây cánh kiến - loài cây thân gỗ, hoa vàng, nở vào mùa xuân ; được dùng làm thuốc nhuộm, nhuộm màu đỏ tía. (6) "*Thật vàng chẳng phải thau đâu - Mà đem thử lửa cho đau lòng vàng*" (ca dao). "vàng" trong câu thơ này tác giả dùng để chỉ tâm hồn thơ.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Để hiểu bài thơ, cần giải thích ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con tàu và địa danh Tây Bắc. Anh (chị) hiểu "con tàu" và "Tây Bắc" trong bài thơ có ý nghĩa như thế nào ? Hình tượng con tàu đã có sự biến đổi như thế nào ở đoạn đầu và đoạn cuối bài thơ ?

Giải thích nhan đề bài thơ và bốn câu thơ đề từ.

2. Bài thơ có bố cục ba đoạn, có thể gọi tên từng đoạn như sau :

– Đoạn đầu là sự trăn trở, giục giã lên đường.

– Đoạn giữa là hồi tưởng về những kỉ niệm với nhân dân trong kháng chiến.

– Đoạn cuối là khúc hát lên đường say mê, náo nức.

Hãy chỉ rõ từng đoạn từ câu thơ nào đến câu thơ nào ?

Bố cục như trên đã thể hiện sự vận động của tâm trạng chủ thể trữ tình như thế nào ?

3. Tác giả đã diễn tả niềm hạnh phúc được về với nhân dân bằng một loạt hình ảnh so sánh trong khổ thơ "Con gặp lại nhân dân... bỗng gặp cánh tay đưa". Phân tích cách sử dụng hình ảnh so sánh và ý nghĩa của những hình ảnh ấy trong khổ thơ trên.

4. Phân tích hình ảnh nhân dân trong kỉ niệm của nhà thơ ở đoạn giữa của bài thơ. Sự gắn bó và lòng biết ơn sâu nặng với nhân dân đã được thể hiện như thế nào ?

5. Một nét đặc sắc của thơ Chế Lan Viên là sự suy tưởng, triết lí. Từ những trải nghiệm và gắn bó với nhân dân và đất nước trong kháng chiến tác giả đã chiêm nghiệm, khái quát về chân lí đời sống trong những câu thơ nào ? Phân tích và bình luận những câu thơ ấy.

6. Nhận xét và đánh giá nghệ thuật sáng tạo hình ảnh thơ của Chế Lan Viên trong bài thơ này.

uongxua.vn

CÁC VỊ LA HÁN CHÙA TÂY PHƯƠNG

HUY CẬN

Tiểu dẫn

Về Huy Cận : xem Tiểu dẫn ở bài *Tràng giang* trong SGK *Văn học 11, Tập một, Phần văn học Việt Nam* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000).

Chùa Tây Phương trên núi Câu Lậu thuộc xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây là một công trình kiến trúc cổ nổi tiếng, được xây dựng từ thời Bắc thuộc, vào cuối thế kỉ XVIII được trùng tu và đặt tên là Tây Phương. Trong chùa có rất nhiều tượng, đáng chú ý nhất là nhóm 18 pho tượng gỗ - thường gọi là tượng La Hán - đặt trong hai dãy hành lang của chùa. Những pho tượng này được đánh giá là những tác phẩm đẹp vào bậc nhất của nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam.

Từ trước Cách mạng tháng Tám, Huy Cận đã có dịp đến thăm chùa Tây Phương, và sau đó còn nhiều lần trở lại. Cuối năm 1960, ông viết bài thơ *Các vị La Hán chùa Tây Phương*.

Được khơi gợi cảm hứng từ những pho tượng La Hán, nhưng bài thơ của Huy Cận không phải là tác phẩm bàn luận về Phật giáo mà chỉ là sự thể hiện một cách cảm nhận và suy ngẫm về quá khứ lịch sử của dân tộc, như lời dẫn của tác giả ở đầu bài thơ : "Nhà nghệ sĩ xưa đã vô tình hay hữu ý mượn đề tài chuyện Phật mà miêu tả xã hội đương thời, một xã hội quằn quại đau khổ trong những biến động và bế tắc không tìm được lối ra".

*

* *

Các vị La Hán[1] chùa Tây Phương[2]
Tôi đến thăm về lòng vấn vương
Há chẳng phải đây là xứ Phật
Mà sao ai nấy mặt đau thương ?

Đây vị xương trần chân với tay
Có chi thiêu đốt tấm thân gầy
Trầm ngâm đau khổ sâu vòm mắt
Tự bấy ngồi y cho đến nay.

Có vị mắt giương, mày nhíu xệch
Trán như nổi sóng biển luân hồi[3]
Môi cong chua chát, tâm hồn héo
Gân vặn bàn tay mạch máu sôi.

Có vị chân tay co xếp lại
Tròn xoe tựa thể chiếc thai non
Nhưng đôi tai rộng dài ngang gối
Cả cuộc đời nghe đủ chuyện buồn...

Các vị ngồi đây trong lặng yên
Mà nghe giông bão nổ trăm miền
Như từ vực thẳm đời nhân loại
Bóng tối đùn ra trận gió đen.

thuongmaitr

Mỗi người một vẻ, mặt con người
Cuồn cuộn đau thương cháy dưới trời
Cuộc họp lạ lùng trăm vật vã
Tượng không khóc cũng đổ mồ hôi.

Mặt cúi, mặt nghiêng, mặt ngoảnh sau
Quay theo tám hướng hỏi trời sâu
Một câu hỏi lớn. Không lời đáp
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau.

Có thực trên đường tu đến Phật
Trần gian tìm cởi áo trầm luân[4]
Bấy nhiêu quằn quại run lần chót[5]
Các vị đau theo lòng chúng nhân[6] ?

Nào đâu, bác thợ cả xưa đâu ?
Sống lại cho tôi hỏi một câu :
Bác tạc bấy nhiêu hình khổ hạnh
Thật chăng chuyện Phật kể cho nhau ?

uongxua.vn
Hay bấy nhiêu hồn trong gió bão
Bấy nhiêu tâm sự, bấy nhiêu đời
Là cha ông đó bằng xương máu
Đã khổ, không yên cả đứng ngồi.

Cha ông năm tháng đè lưng nặng
Những bạn đương thời của Nguyễn Du[7]
Nung nấu tâm can, vò võ trán
Đau đời có cứu được đời đâu.

Đứt ruột cha ông trong cái thuở
Cuộc sống giậm chân hoài một chỗ
Bao nhiêu hi vọng thúc bên sườn
Héo tựa mầm non thiếu ánh dương.

Hoàng hôn thế kỉ[8] phủ bao la
Sờ soạng cha ông tìm lối ra
Có phải thế mà trên mặt tượng
Nửa như khói ám, nửa sương tà.

Các vị La Hán chùa Tây Phương !
Hôm nay xã hội đã lên đường
Tôi nhìn mặt tượng dường tươi lại
Xua bóng hoàng hôn, tản khói sương.

Cha ông yêu mến thời xưa cũ
Trần trụi đau thương bỗng hóa gần !
Những bước mất đi trong thớ gỗ
Về đây, tươi vạn dặm đường xuân.

27-12-1960

(*Bài thơ cuộc đời*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1963)

Chú thích

(1) *La Hán* : gọi đầy đủ là A La Hán. (Phiên âm tiếng Hán một từ gốc Sangkrít - một ngôn ngữ cổ ở Ấn Độ - là *Arhat*). Trong Phật giáo Tiểu thừa, A La Hán là trạng thái cuối cùng của một sinh thể trên con đường giải thoát, là danh hiệu gọi những vị tu hành đắc đạo, đạt đến sự yên tĩnh vĩnh hằng cõi Niết Bàn, thoát khỏi vòng sinh tử. Trong Phật giáo Đại thừa, A La Hán được thay thế bằng Bồ Tát. Nếu A La Hán giải thoát cho riêng mình, thì Bồ Tát có khả năng cứu giúp những người khác cũng được giải thoát. (2) Về các pho tượng La Hán ở chùa Tây Phương, có sách cho là tượng 18 vị La Hán (Trần Trọng Kim, *Phật lục*, 1964 ; Nguyễn Cao Luyện, *Chùa Tây Phương một công trình kiến trúc cổ độc đáo*, 1988), lại có sách cho đó là tượng 18 vị tổ của Phật giáo phái Thiền tông (Nguyễn Quân và Phan Cẩm Thượng, *Mĩ thuật của người Việt*, 1989). (3) *Luân hồi* : theo quan niệm của đạo Phật, con người chết đi ở kiếp này rồi lại sinh ra ở kiếp khác, cứ quay vòng luân chuyển mãi như vậy trong trần gian bể khổ. (4) *Trầm luân* : chìm đắm trong luân hồi. Theo quan niệm của đạo Phật, cuộc đời là bể khổ, nơi con người bị chìm đắm, chỉ có tu hành mới giúp thoát ra khỏi. (5) Các pho tượng này diễn tả những vị tu hành đang trên đường tu tới Phật, trong hình hài và trên nét mặt vẫn mang những khổ đau quằn quại, như muốn trút bỏ lần cuối mọi dục vọng và cảm giác để đạt đến sự tịch diệt, sự thanh thản yên tĩnh vĩnh hằng của cõi Phật. (6) *Chúng nhân* : gọi chung tất cả mọi người, như nhân loại. (7) *Đương thời của Nguyễn Du* : Nguyễn Du (1766 - 1820), nhà thơ lớn của dân tộc. Các pho tượng La Hán ở chùa Tây Phương làm xong vào năm 1794 (theo Nguyễn Quân và Phan Cẩm Thượng, sđd), tức là cùng thời với Nguyễn Du. (8) *Hoàng hôn thế kỉ* : thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam rơi vào khủng hoảng trầm trọng, cũng là thời kì nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân mà đỉnh cao là phong trào Tây Sơn.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh xã hội nào ? Từ chỗ đứng và tâm thế của thời đại mình, tác giả đã phát hiện và suy ngẫm về các pho tượng theo hướng nào và điều đó đã chi phối mạch vận động của tư tưởng và cảm xúc trong bài thơ như thế nào ?

2. Phân tích nghệ thuật miêu tả từng pho tượng và cả nhóm tượng trong đoạn đầu bài thơ (gồm 8 khổ). (Chú ý sự miêu tả đường nét, hình khối, động tác, tư thế bằng các động từ và tính từ...).

Qua việc miêu tả ngoại hình, tác giả diễn tả được nội tâm của những hình tượng ấy như thế nào ?

3. Mượn hình thức đối thoại với nghệ nhân tạc tượng xưa, tác giả đã liên tưởng và khẳng định ý nghĩa phản ánh hiện thực thời đại của các pho tượng như thế nào ? Liên hệ với thời kì lịch sử cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX để đánh giá sự cảm nhận ấy của tác giả.

4. Bài thơ thể hiện cái nhìn và thái độ của tác giả đối với quá khứ lịch sử và hiện tại của đất nước như thế nào ?

tuongxua.vn

5. Qua bài thơ này và bài ***Tràng giang*** *(đã học trong chương trình lớp 11), hãy làm rõ một nét phong cách thơ Huy Cận : sự gắn bó giữa cảm xúc và suy tưởng, triết lí trong thơ.*

MÙA LẠC

NGUYỄN KHẢI

Tiểu dẫn

Nguyễn Khải tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải, sinh ngày 3-12-1930 ở Hà Nội, quê nội ở thành phố Nam Định, nhưng tuổi nhỏ sống ở nhiều nơi. Đang học trung học thì gặp Cách mạng tháng Tám. Kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Khải gia nhập tự vệ chiến đấu ở thị xã Hưng Yên, sau đó vào bộ đội, làm y tá rồi làm báo. Bắt đầu viết văn từ đầu những năm 50, được chú ý từ tiểu thuyết *Xung đột* (phần 1 - 1959,

phần II - 1962). Nguyễn Khải có nhiều tác phẩm về nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới (*Xung đột, Mùa lạc*, 1960 ; *Tầm nhìn xa*, 1963 ; *Chủ tịch huyện*, 1972), về bộ đội trong những năm chiến tranh chống Mĩ (*Họ sống và chiến đấu*, 1966 ; *Đường trong mây*, 1970 ; *Ra đảo*, 1970 ; *Chiến sĩ*, 1973 ; *Tháng ba ở Tây Nguyên*, 1976). Từ sau năm 1975, Nguyễn Khải tiếp tục bám sát đời sống hiện tại, đề cập đến nhiều vấn đề xã hội - chính trị có tính thời sự, đồng thời quan tâm đến các vấn đề trong đời sống tư tưởng, tinh thần của con người hiện nay trước những biến động phức tạp của đời sống. Sáng tác của Nguyễn Khải khá dồi dào và đa dạng, tiêu biểu là : các tiểu thuyết : *Cha và con, và...*, 1979 ; *Gặp gỡ cuối năm*, 1982 ; *Thời gian của người*, 1985 và các tập truyện ngắn : *Một người Hà Nội*, 1990 ; *Một thời gió bụi*, 1993 ; *Hà Nội trong mắt tôi*, 1995.

Sáng tác của Nguyễn Khải thể hiện sự nhạy bén và cách khám phá riêng của nhà văn với các vấn đề xã hội, năng lực phân tích tâm lí sắc sảo, sức mạnh của lí trí tỉnh táo. Tác phẩm của Nguyễn Khải những năm sau càng nổi bật tính chính luận - triết lí.

Truyện ngắn *Mùa lạc* rút từ tập truyện *Mùa lạc* (1960) của Nguyễn Khải. Phần lớn những truyện trong tập này là lấy bối cảnh cuộc sống ở nông trường Điện Biên, nơi nhà văn đã đến thâm nhập thực tế năm 1958 và sau đó còn nhiều lần trở lại.

Khác với nhiều sáng tác về nông thôn cùng thời, tập truyện *Mùa lạc* có phương hướng khai thác riêng : tập trung chú ý vào sự biến đổi của số phận con người, sự hình thành những quan hệ đạo đức mới giữa con người, khẳng định những giá trị nhân đạo và lối sống trong xã hội mới.

Truyện ngắn *Mùa lạc* in dưới đây có lược bỏ đoạn cuối.

thuongmaitr

*

*   *

Bãi trồng lạc ở cánh đồng phía tây Hồng Cúm trải ra từ chân khu nhà ở của đội sản xuất số 6 mênh mông cho tới mãi giáp rừng. Giữa cái màu xanh lặng lẽ của lá lạc, lá cỏ nghệ và rút đồng, nổi lên một miếng vàng sẫm của mấy mảnh gianh và lá cót đan lẫn lên nhau. Đấy là điểm sinh động nhất của toàn bãi : tiếng chân đạp trên bàn gỗ rình rịch, tiếng vòng trục quay ù ù của ba cái máy tuốt lạc, tiếng bàn cào rê lạo sạo trên mình vỏ lạc thu gọn lại ở khoảng giữa. Mùi hăng của thân lạc tươi mới nhổ xếp lớp lớp trên các cáng và mùi ẩm ướt nồng nồng của những cây lạc đã tuốt thành đống phơi mưa suốt đêm qua. Bụi bốc mờ mờ từ cả mấy phía, và những chấm cánh nâu của con sâu ban miêu[1] bay sè sè vụt qua vụt lại. Mồ hôi đã thấm hết lần áo ngoài những người đạp máy, khuôn lấy hình người, hằn rõ những bắp thịt ở ngực, ở bả vai và vế đùi. Chiếc máy giữa và chiếc máy phía

tay trái do sáu người đạp còn chiếc máy bên phải chỉ có Huân tổ viên tổ 1 và Đào tổ viên tổ 4 đứng. Đào thuộc loại người gặp một lần có thể nhớ mãi, rất dễ phân biệt với những chị em khác. Hai con mắt hẹp và dài đưa đi đưa lại rất nhanh, gò má cao đầy tàn hương, hàm răng khểnh của người luôn luôn ưa đùa cợt. Chị bịt đầu bằng chiếc khăn vải kẻ ô vuông buông một vạt dài ra phía sau khiến những nét thiếu hòa hợp trên mặt càng trở nên thô, càng đỏng đảnh.

Đứng cạnh người đàn bà ít duyên dáng ấy là Huân, một đoàn viên thanh niên chưa tròn hăm lăm tuổi, rất khỏe và đẹp trai. Anh đưa cặp mắt nâu nhạt ẩn dưới đôi lông mày rất đen và mịn như nét vẽ sang phía Đào. Mồ hôi đã thấm ướt vành khăn, chảy từng giọt dài xuống kẽ mắt, sống mũi. Cái thân người sồ sề của chị như nở to ra, hồn hển, cặp chân ngắn khỏe đạp xuống bàn gỗ đã bắt đầu uể oải, nhưng hai bàn tay có những ngón rất to vẫn thoăn thoắt quơ ra phía sau nắm từng bó lạc và bằng một cử chỉ rất nhanh, chị uốn hai cổ tay siết những rễ cây đầy củ lạc già lên vòng trục. Huân vứt những thân cây đã tuốt hết cả sang một bên, khẽ nói :

uongxua.vn

– Xem ra mệt lắm rồi nhỉ ?

Đôi mắt dài lóng lánh của Đào liếc sang Huân, phần dưới mặt hếch hẳn lên :

– Hỏi mình ấy, ý chừng muốn nghỉ chứ gì ?

Huân cười to, hai hàm răng rất đều trắng lóa :

– Trông đây này !

Anh nhún mạnh chân trái xuống, lập tức nhịp đạp nhanh hẳn lên, vòng trục siết vào rễ cây sin sít, củ lạc bắn rào rào xuống đống lạc ở khoảng giữa. Cả người Đào cũng nẩy bật theo, thớ thịt trên bả vai khẽ rung rung, hai bàn tay xoay đi xoay lại càng vội vã. Chị đã quá mệt nhưng hai gò má đầy tàn hương vẫn nhọn hoắt bướng bỉnh và đôi mắt nhỏ tí vẫn ánh lên thách thức. Vừa lúc đến giờ nghỉ mười lăm phút. Huân đã bước ra. Đào vẫn còn nhún thêm mấy đạp, rồi hai tay chống vào cạnh sườn nhìn mọi người lơ láo :

– Nghỉ hử ? Tại sao hôm nay lại nhức đầu thế, chân tay cứ bủn nhủn ra !

Chị quay sang nhìn mái tóc xanh mỡ của Huân, cười mỉm :

– Chịu thua thanh niên thôi !

Lâm, tổ trưởng tổ 1, nháy con mắt nói ướm :

– Chị... à quên... cô cũng còn đang lứa tuổi thanh niên chứ đã già gì... Tương lai chán !

Đấy là câu đùa cửa miệng của nhiều người đối với Đào, nhưng lần nào nghe nói câu ấy chị cũng buồn tủi như chợt được biết lần đầu về mình. Chị nhìn Lâm hờn dỗi, giọng chua cay :

– Trâu quá sá, mạ quá thì[2], hồng nhan[3] bỏ bị còn gì là xuân nữa hả các anh ?

Lâm liếc nhìn Huân cười tinh quái :

– Thế mà vẫn có nhiều người yêu say đắm đấy.

Huân vuốt tóc ra phía sau, cặp mắt hơi nâu rất đẹp của anh lim dim nhìn Đào trìu mến. Đôi gò má cao của chị ửng đỏ, đôi môi định mím lại nhưng không chặt, vừa vui sướng vừa như cưỡng lại sự vui sướng ấy. Chị thở rất mạnh, với lấy một cây lạc bứt từng củ một :

– Các anh đã biết đời em rồi đấy. Mỗi năm một tuổi, cái tuổi nó đuổi xuân đi. Nồi nào vung ấy, em đã có bố cháu ở dưới xuôi rồi.

Rồi như chợt nhận ra cái trò chơi độc ác của mọi người bằng cách đem ghép chị là người xấu nhất của đội sản xuất với Huân, người đẹp trai nhất, chị thấy tiếc sự thành thật của mình, việc gì phải tủi, phải nhún mình, người nào mà chẳng có cái phần tốt đẹp. Chị đứng lên đi vài bước tới trước mặt Huân, ngâm nga :

– *Huê thơm bán một đồng mười. Huê tàn nhị rữa giá đôi lạng vàng.* Giá đôi lạng vàng chứ chưa vị tất[4] đã bán đâu anh Huân ạ...

Chị còn định nói thêm vài câu nữa, nhưng khi Huân ngẩng đầu lên, nhe hàm răng trắng bóng ra cười thì chị lại muốn quên hết, lại ước ao mình được trẻ lại, như không bao giờ có cuộc đời đã qua, mà

chỉ có lúc này, một nữ công nhân trên nông trường Điện Biên, một người có quyền được hưởng hạnh phúc như mọi người con gái may mắn khác.

*

Đào lên nông trường Điện Biên vào dịp đầu năm, ngoài Tết âm lịch chừng nửa tháng, với tâm lí con chim bay mãi cũng mỏi cánh, con ngựa chạy mãi cũng chồn chân, muốn tìm một nơi hẻo lánh nào đó, thật xa những nơi quen thuộc để quên đi cuộc đời đã qua, còn những ngày sắp tới ra sao chị cũng không cần rõ, đại khái là cũng chẳng hơn gì trước mấy, có thể gặp nhiều điều đau buồn hơn. Quân tử gian nan, hồng nhan vất vả, số kiếp định thế, trước sau vẫn chỉ một con đường ấy, không thể nào tránh được. Chị quê ở Hưng Yên, nhà không có ruộng, vẫn làm nghề đậu phụ, thời địch tạm chiếm lại xoay sang ủ men nấu rượu. Lấy chồng từ năm mười bảy tuổi, nhưng chồng cờ bạc, nợ nần nhiều bỏ đi Nam đến đầu năm 1950 mới về quê. Ăn ở lại với nhau được đứa con trai lên hai thì chồng chết. Cách mấy tháng sau đứa con lên sài[5] bỏ đi để chị ở một mình. Từ ngày ấy chị không có gia đình nữa, đòn gánh trên vai, tối đâu là nhà, ngã đâu là giường, khi ra Hòn Gai, Cẩm Phả lấy muồng[6], khi ngược Lào Cai buôn gà vịt, mùa tu hú kêu sang đất Hà Nam buôn vải, tháng sáu lại về quê bẻ nhãn. Khi thì ở chợ Cuối Chắm, ở đò Tràng Thưa, khi lại về phố Rỗ, chợ Bì, chợ Bưởi[7]. Mùa hè vài cái áo cánh nâu vá vai, mùa đông một chiếc áo bông ngắn đã bạc, ngày mưa, ngày nắng, bàn chân đã từng đi khắp mọi nơi không dừng lại buổi nào. Cũng có ngày ốm đau, nằm nhờ nhà người quen, bưng bát cơm nóng nhìn ngọn đèn dầu lại sực nhớ trước đây mình cũng có một gia đình, có một đứa con, sớm lo việc sớm, tối lo việc tối. Còn bây giờ bốn bể là nhà, chỉ lo cho thân mình sao được cơm ngày hai bữa, chân cứng đá mềm. Mái tóc óng mượt ngày xưa qua năm tháng đã khô lại, đỏ đi như chết, hàm răng phai không buồn nhuộm, soi gương thấy gò má càng cao, tàn hương nổi càng nhiều. Muốn về sống lại ở quê

truongxua.vn

hương nào còn ai. Thôi đành đi mãi, ngày khỏe đã vậy, ngày ốm chưa biết ra sao. Muốn chết nhưng đời còn dài nên phải sống. Chị sống táo bạo và liều lĩnh, ghen tị với mọi người, và hờn giận cho thân mình. Chị về đội sản xuất số 6 chưa được một tháng đã quen khắp mặt, duy chỉ thân có mỗi Huân, vì tuy anh chưa từng trải bằng chị nhưng lại tỏ ra rất thông cảm với cuộc đời của chị. Lần đầu tiên hai người quen nhau vào một buổi chị đi qua nhà bộ đội thấy Huân đang hí hoáy pha màu vẽ cho tờ báo tường. Chị đứng khuỳnh tay, ngắm nghía khen : "Anh vẽ khéo tay nhỉ !". Huân nhìn chị cười : "Chị có bài thơ nào đưa lên báo không ?". Câu ấy vừa nói cho vui, vừa hơi châm biếm. Chị gật đầu nhận lời ngay : "Được thôi, thế bao giờ đưa nộp ?". Huân nghĩ thầm : "Cô này biết đùa đấy", nhưng cứ dặn thêm : "Phải là thơ hay đấy !". Chị trả lời ngang ngược : "À, chắc không đến nỗi dở lắm". Chị vốn biết chữ từ ngày bé, lại thuộc lòng nhiều truyện thơ cổ, các câu ca, hát ví nữa, khi nói chuyện chị cũng hay vận thành vần, ví von, nên chỉ một buổi trưa chị đã làm xong bài thơ : "Đường lên nông trường Điện Biên". Ai ngờ bài thơ lại hay, đưa lên báo có vài buổi đã nhiều người ngâm nga đọc thuộc. Anh em thấy một đôi bạn trái ngược nhau cả về hình thức lẫn tính nết, liền đem họ ra gán ghép. Song chẳng qua là câu chuyện đặt cho vui để trêu chọc chị thôi. Vì kể về tuổi thì năm nay chị đã hai mươi tám, còn nhìn ngoài mà so sánh thì tưởng chị phải hơn Huân ít ra gần chục tuổi. Hơn nữa Huân đã có người yêu và cặp ấy rất xứng đôi, còn chị là gái góa chồng không hi vọng gì được yêu một người con trai chưa từng có vợ. Nhưng mỗi buổi đi làm, cùng nhổ lạc ở một khoảnh, cùng đứng tuốt ở một máy, nhìn đôi cánh tay cuồn cuộn những thớ thịt cháy nắng đỏ rực của Huân thoang thoáng bên cạnh, chị lại bừng bừng thèm muốn một cảnh gia đình hạnh phúc, lại hi vọng cuộc đời mình chưa phải đã tắt hẳn, một cái gì chưa rõ nét lắm nhưng đầm ấm hơn, tươi sáng hơn những ngày đã qua cứ lấp lóe ở phía trước. Có thể đấy là cuộc đời còn lại của chị chăng ?

*

Mặt trời đã lặn từ lâu. Những vệt mây màu khói, màu hồng nhạt, màu tím nhạt cứ ưng ửng lên ở bốn phía, đan vào nhau, tô điểm cho nhau rồi lại nhợt dần đi, trong mãi, thành một màu xanh mờ mờ, cao tít. Những ngọn đèn nhỏ dờn dợt vàng kéo thành một dãy dọc các khung cửa của khu nhà bộ đội thấp thoáng như một dãy phố nhỏ nào đó ở vùng quê.

Tối nay nghỉ học văn hóa, vì đồng chí giáo viên ở trung đội 1 được cử về Hà Nội thi vào Trường đại học Nông lâm. Khu nhà nữ công nhân rộn rịp người ra vào, nhộn nhạo những tiếng cười, tiếng mời chào, tiếng tay đấm lưng thùm thụp. Đào không đi chơi đâu. Một lá thư mới nhận làm chị bàng hoàng. Ông trung đội trưởng già phụ trách lò gạch của nông trường mới gặp chị có vài bận mà đã dám ngỏ lời táo bạo. Mới đọc được mươi dòng chị giận dữ tưởng như có thể xé vụn từng mảnh được, người ta coi thường chị đến thế ư ? Nhưng khi gấp lá thư thì một cảm giác êm đềm cứ lan nhanh ra, như mạch nước ngọt rỉ thấm vào những thớ đất khô cằn vì nắng hạn, một nỗi vui sướng kì lạ dào dạt không thể nén lại nổi khiến người chị ngây ngất, muốn cười to một tiếng, nhưng trong mi mắt lại đã mọng đầy nước chỉ định trào ra. Từ ngày góa bụa đến nay chưa ai nói được với chị một câu nào yêu thương, một lời gắn bó, chưa ai khao khát đến chị, coi chị là nguồn hạnh phúc của họ, là niềm an ủi của họ. Những dòng, những chữ trong bức thư xa lạ cứ như tiếng nhạc ngân vang mãi trong lòng chị, vang dội đến tận những kẽ ngách sâu kín nhất, thức tỉnh nỗi khao khát yêu đương, khao khát hạnh phúc mà chị cố hắt hủi, vùi nén một cách bất lực từ ngót chục năm trời nay. Cho đến lúc này chị vẫn chưa có ý định gì rõ ràng với ông trung đội trưởng mới quen biết, nhưng trong cái dòng nghĩ miên man thế nào chị lại hình dung ra cách đối đãi với đứa con riêng của người rồi đây sẽ gọi là chồng. Nó sẽ yêu quý chị hay thù ghét chị ? Chị sẽ để nó ở dưới xuôi hay đem lên trên này ? Rồi chị nhỏm dậy, thầm chê trách mình : "Rõ hay chưa, đã ra thế nào mà cứ nghĩ vớ vẩn !".

Giường nằm của Đào kê sát giường của Duệ, cách nhau có một cái bàn đóng bằng tre. Duệ, một nữ thanh niên ở ngoại thành Hà Nội

truongxua.vn

cũng mới lên nông trường Điện Biên vào dịp ngoài Tết, đang ghé sát mặt vào gương cặp nốt một bên tóc, rồi đưa hai tay thoa thoa lên má, quay lại nhìn Đào cười ngượng nghịu :

– Chị không đi chơi à ?

Đào nhìn đôi mắt tròn to của Duệ có những sợi lông mi rất thưa và hai cái bím tóc nhỏ bằng ngón tay cái buộc chỉ đỏ ở hai đầu, khẽ nói :

– Anh ấy sắp xuống chơi đấy.

Duệ đưa mắt nhìn xuống năm ngón tay còn thon nhỏ nhưng đã vàng sạm, lặng im một lát :

– Mặc người ta chị ạ, em không thích nói chuyện ấy đâu.

Hai bên mép Duệ khẽ nhếch lên, đầu lắc lư rồi Duệ quay đi nhìn phía khác. Từ cánh cửa bên, Huân đã bước vào, tay cầm ống tiêu[8] dài, chào mọi người, rồi ngồi xuống cuối giường của Đào, nhìn Duệ hỏi không tự nhiên lắm :

– Duệ tập nốt bài *Tình ca Tây Bắc* hôm nay còn hát chứ !

thuongmaitr

Hai cái đuôi bím buộc chỉ đỏ vẫn đưa đi đưa lại trên ngực. Huân nhắc lại :

– Thế nào ?

Duệ đáp lí nhí :

– Em không tập đâu.

– Chịu khó một chút.

– Em không biết hát.

– Thì hát như hôm nọ là được, chỉ cần luyện thêm chút nữa thôi.

Duệ thở dài :

– Em không hát được đâu.

Huân thở dài rất nhỏ, nhìn Đào, đùa gượng một câu :

– Chị không đi chơi đâu một lúc cho đỡ buồn.

Đôi mắt hẹp của Đào loang loáng nhìn sang Duệ, cặp môi như muốn mím chặt, gò má càng dồ lên đanh đá :

– À khi buồn non nước cũng buồn. Khi vui gánh đá lên nguồn vẫn vui.

Lúc chị nhìn lại Huân định hỏi một câu thì anh đã chạy ra đến ngoài rồi. Huân không về thẳng nhà, anh rẽ sang nhà kho, trèo lên cái bệ cao giát nứa, hai chân buông thõng xuống, chống tiêu lên đùi, nhìn ra cánh đồng lạc mờ mờ xanh nhạt ánh sao ở phía trước. Tình yêu giữa anh và Duệ mới nhóm lên đã bắt đầu nguội tắt rồi sao ? Ngay buổi nói chuyện đầu với cô gái mảnh khảnh, rụt rè, Huân đã có cảm giác rằng cô ta sống không thể thiếu anh được. Cách sống dào dạt, đầy nhiệt tình của anh sẽ bổ sụng cho cách sống nhút nhát, lo âu và cô độc của Duệ. Cái khỏe mạnh về tinh thần và về thể chất của anh sẽ là chỗ dựa tin cậy cho cái vóc mảnh dẻ của một người mới bước vào đời. Anh muốn đem lại nhiều hạnh phúc cho người yêu mà không hề đòi hỏi được trả lại. Nhưng chính cái trách nhiệm với người mình yêu đã đem lại cho anh sự say sưa làm việc chưa từng có, sự sung sướng được đưa tay ra nâng một người khác lên ngang tầm với mình, và lòng tự hào về cái tình yêu rất trong sáng đó.

Trăng đã bồng bềnh nổi lên qua dãy Pú Hồng. Ánh trăng lọc qua lớp sương mỏng uyển chuyển như khói khiến khung cảnh cứ mờ nhạt một cách huyền ảo. Huân lại thổi bài tiêu ưa thích nhất của mình *Tình ca Tây Bắc*. Anh không thích hát, vì những bài mà anh thuộc đều nhạt nhẽo, vô vị, nhưng khi những chấm nhạc không có linh hồn được âm thanh của tiếng tiêu điêu luyện chắp cánh cho bay lên thì cả một thế giới tâm hồn hiển hiện, những kỉ niệm xa xưa tưởng đã quên lãng từ đâu phút chốc lung linh kéo đến, những khát khao, những ước mơ đốt cháy trái tim, hình ảnh này chưa kịp mờ đi, hình ảnh khác đã hiện lên rõ nét, hình ảnh nào cũng kích thích, cũng khêu gợi khiến người anh như tan đi, bay theo tiếng tiêu, nhập vào với những ngày đã qua đầy luyến tiếc, và với những ngày sắp tới rạo rực, say mê... Qua dãy núi, qua mấy cánh rừng nữa là sang đất Thượng Lào

truongxua.vn

rồi. Đất Lào những ngày kháng chiến, hành quân trong rừng hàng trăm cây số, đêm ngủ lại trên những sườn đồi chon von, phải đào huyệt để giữ người khỏi lăn xuống vực thẳm. Những ngày rét buốt sương, há mồm mà không nói được, vê điếu thuốc lào không chặt, cầm que diêm rơi lúc nào không biết, có người đặt lưng nằm xuống là cứ nằm như thế mãi mãi... Cũng chẳng ai ngờ khu pháo binh tây Hồng Cúm của giặc năm xưa lại là bãi trồng lạc của đội sản xuất số 6. Mới mùa xuân năm ngoái, đất này còn ngợp lên một rừng cây chó đẻ, dây thép gai, mìn, vỏ đạn đại bác, nhừ nát vì những hố bom, những giao thông hào. Rải rác còn có những đoạn xương người, vài lưỡi xẻng hoen gỉ, một gói tiền bọc vải đã mục nát, những khẩu súng ngắn và tiểu liên, dấu vết còn lại của những người anh hùng Điện Biên ngày trước. Mấy tháng trời liền lưỡi xẻng đi trước, vết chân người theo sau san rừng, đào cây, gỡ mìn. Có người đã hi sinh, có người mang thương tật, dây thép gai chọc nát bàn tay, mồ hôi thấm rách từng loại quần áo, người héo lại vì nắng, vì gió Lào, mồm lở, chân phù vì thiếu rau xanh. Mùa xuân còn đầy thương tích chiến tranh, cuối hạ, đầu thu nước tràn ngập, mùa đông sương giá. Một năm đi qua. Mùa xuân thứ hai đã đến. Màu xanh thẫm của đỗ, của ngô, của lạc, màu xanh non của lá mạ, màu đỏ tươi của ớt chín lấn dần lên các thứ màu nham nhở, man rợ khác của đất hoang. Một mảnh sô trắng làm rèm che cửa, một giàn liễu leo có những chấm hoa đỏ thắm ở mé hiên phía trước, bóng lá loáng mướt của rặng chuối, màu vàng ửng của khóm đu đủ, mấy con ngỗng bì bạch ở mé nhà, tiếng guốc đi lẹp kẹp, bóng dáng nặng nề của những chị có mang ở khu gia đình, những ngọn đèn le lói, mảng khói thuốc bay qua ánh đèn trông rõ từng sợi xanh. Tiếng cười the thé, tiếng thủ thỉ, tiếng la hét, tiếng trẻ con khóc. Người ta làm việc, người ta yêu nhau và cũng làm cho nhau đau khổ. Những nỗi niềm, những tâm sự, những mong ước. Cuộc sống vĩ đại đã trở lại rồi. Nhìn công việc làm mỗi ngày tưởng như con người bất lực, nhìn lại cả một năm không ngờ sức vóc mình lại có thể thay đổi được cuộc sống nhiều đến thế. Mỗi chiều đi làm về, ngâm mình xuống dòng sông Nậm Rốm, ngắm bộ ngực dô cao,

thuongmaitr

những thớ thịt tròn trĩnh, nhẵn nhụi, đỏ rực đầy tia máu, Huân không ngờ rằng thân hình mình vẫn giữ mãi được vẻ đẹp ngày trước. Những mũi gai thép đâm, những vệt nứa cứa, những chấm đen ở lỗ chân lông của bệnh sốt rét rừng, màu xanh của thiếu ăn và bệnh tật đều đã được những lớp tế bào mới, những dòng máu mới xóa mờ đi, thay thế. Soi mặt mình trong gương anh không thấy đổi khác bao nhiêu, có lẽ chỉ thêm vài vết nhăn hơi hằn ở mi dưới mắt, ở cạnh sống mũi, còn thì vẫn mái tóc dày mượt ấy, đôi mắt hơi nâu ấy, và hàm răng đều trắng. Nhưng ngồi nói chuyện với Duệ thì anh biết ngay mình đã thay đổi nhiều. Chiến tranh, gian khổ, năm tháng đã luyện cho tâm hồn anh một cái gì rất trong đến nỗi anh soi vào mình mà thấy được tâm tư của người khác, một nghị lực mà chỉ những lúc khó khăn mới thấy hết được sức mạnh của nó, và sự hi sinh hồn nhiên, giản dị cho lí tưởng của mình, cho những người khác cùng đi với mình trên một con đường...

Chợt có tiếng chân giẫm sào sạo lên đống vỏ lạc ở phía sau. Huân chống ống tiêu quay lại. Từ mé trái của đầu nhà kho nhô ra một bóng người thấp lùn, cái áo cánh trắng hớt vạt ra phía trước. Ai nhỉ ? Bóng người tiến lại phía anh : Đào ! Anh định nhảy xuống nhưng rồi cứ bối rối tự hỏi : "Chị này ra đây làm gì ? Định gặp mình hay sao ?". Đào đã đứng trước mặt anh, hỏi nhỏ :

truongxua.vn

– Anh thổi tiêu đấy ư, em thích nghe lắm đấy nhé !

Chắc vì tiếng tiêu Đào mới biết ra đến đây, hỏi gì ỡm ờ thế, lại xưng em, cô này bắt đầu thiếu đứng đắn rồi. Đào đã đứng tựa người vào cột bương, cả thân người trên bị mái gianh che tối, tiếng nói dịu đi như một hơi thở :

– Anh Huân ạ, em muốn tâm sự với anh một câu chuyện.

Huân hầu như không nghe thấy gì, anh luống cuống vì mối lo : "Có người ra bắt gặp thì chết cả đôi, tình ngay lí gian, chuyện vớ vẩn thật !". Nhưng anh vẫn ngồi im. Tiếng của Đào lại phảng phất lên :

– Anh biết anh Dịu chứ ?

– Ông thiếu úy lò gạch ấy à ? Có biết. Sao ?

Giọng nói của Đào càng rụt rè, khác hẳn với cách nói sống sượng thường ngày :

– Anh ấy viết thư cho em, định xây dựng gia đình với em, em khó nghĩ quá... Anh thấy anh Dịu là người thế nào ?

À, ra là một câu chuyện khác. Anh là người đầu tiên được Đào thổ lộ cái tin vui ấy. Anh phải có trách nhiệm với sự tin cẩn của người bạn gái mà anh vốn mến. Nhưng biết trả lời ra sao ?

Đào đứng nhích thêm về phía Huân, chị vắt một tay lên sạp nứa, hơi thở dồn dập dưới cái áo cánh trắng còn thoáng mùi khét của xà phòng.

– Em xem ra anh ấy cũng là người thành thật, còn con anh ấy thì mình quý nó, tất nó phải quý mình... Chẳng ai ở vậy được suốt đời, chẳng ai muốn đi vất vưởng mãi, ai cũng muốn có một quê hương. Em nghĩ mãi rồi anh ạ, em định không về dưới xuôi nữa, em ở mãi đây với các anh. Anh nghĩ xem có được không ?

thuongmaitr

Quê hương thứ nhất của chị ở đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bảy tám năm nay, ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ra ác liệt nhất. Ở đây, trong những buổi lễ cưới người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống khói thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng mượt. Sự sống nảy sinh từ trong cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy...

*

Đầu thu với những hơi gió mát dịu bay lướt trên những khóm lá xanh thẫm của cây cỏ nghệ, những cụm ké đồng tiền, những nụ hoa trắng của

cây rau tàu bay, và những bông hoa dền tía đỏ thẫm hình tháp bút. Mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối. Những chiếc cáng chở đầy cây lạc từ các ngả bãi ngất ngưởng theo những vết đường mờ ngổn ngang những bụi cỏ bị nhổ đã héo rễ kéo về khu máy tuốt. Đào và Huân phụ trách một cáng. Cái đầu bịt chiếc khăn kẻ ô vuông nhọn hoắt của chị cứ thấp thoáng sau những đống thân lạc chất cao. Hai bàn tay to và đen choàng ôm lấy từng bó lớn chuyển lên cáng. Mồ hôi chảy từng giọt dài trên gò má nham nhở vết đất, những thớ thịt như căng ra xé rách manh áo nâu mỏng mặc ngoài. Lúc nào chị cũng có cái dáng vừa thoăn thoắt, vừa lững thững. Huân chạy ra trước cáng, anh quàng đoạn dây máy bằng vải bạt qua vai, cúi rạp xuống, chiếc quần ướt đẫm mồ hôi căng theo thớ thịt, khuôn lấy cặp đùi rất tròn của anh, hai bàn tay đỏ tía bám chắc lấy đầu cáng và anh nhấc bổng người lên. Chiếc cáng nhẹ bỗng lao về phía trước, cặp chân ngắn của Đào loạng choạng như bị kéo đi. Chị kêu lên :

– Ông mãnh ơi, đi ngắn bước chứ !

Gió vẫn thổi dào dạt khắp cánh bãi. Huân vừa bước những bước dài và nói to :

– Gió mát quá nhỉ. Thế là năm nay ở đất Điện Biên không có gió Lào !

uongxua.vn

Cái đầu nhọn hoắt của Đào vẫn đưa sang phải sang trái, chị đằng hắng rồi hát véo von ở phía sau :

... Tháng giêng phay phẩy gió may
Tháng hai gió bấc, tháng ba gió nồm
Tháng tư là gió dâng lên
Gió đóng cửa đền, gió động năm cung
Tháng năm cất gió đùng đùng
Bước sang tháng sáu gió rồng phun mưa
Tháng bảy thì gió vừa vừa
Bước sang tháng tám gió đưa đòng đòng...

Giờ nghỉ sáng nay có thêm một rá lạc luộc. Lâm ngồi giạng chân, tay tách lạc, mắt nhìn Đào nhấm nháy :

– Thế nào cô em, bao giờ cô em về dưới xuôi cho tôi gửi nhờ cái này.

Đào vênh hẳn một bên mặt, môi chúm lại, mắt đưa đẩy :

– Về là về cửa về nhà. Một trăm năm nữa mới đã về quê.

Lâm cười the thé :

– Bà chị tôi thay đổi thái độ rồi. Đất Điện Biên là đính người phải biết. Huân ơi, làm một tiết mục văn nghệ chào bà chị, mày...

Huân bước ra, lật cái khăn bịt đầu khâu bằng vải trắng như của thầy thuốc, cúi xuống rất thấp chào mọi người.

Đào liếc nhìn Huân cười nụ :

– Lại sắp, lại sắp...

Nét mặt Huân nghiêm trang hẳn lên, anh bước lên một bước, một tay chống cạnh sườn, hệt như lối đứng của Đào, một tay uốn éo đưa ra phía trước, một đoạn kịch vui sắp bắt đầu. Duệ cùng với hai cô nữa cắp giành đi mót lạc cũng vừa đến. Chị đặt chiếc giành trắng xóa những mầm lạc tươi vào một góc, khẽ lách người đứng cạnh chiếc máy tuốt. Hai con mắt có những sợi lông mi thưa cứ chớp lia lịa. Mọi người quay lại nhìn Duệ cười rất có ý nghĩa. Lúc bình thường Huân hay có tính thẹn, nhất là trước mặt người mình yêu, nhưng khi đã bước ra một khoảng trống, hàng trăm con mắt dồn vào, anh tự nhiên trở nên bạo dạn, hoạt bát. Tất cả những người đứng trước mặt chỉ là những khán giả ham chuộng tài nghệ của anh. Thấy Duệ nhìn mình, Huân khẽ nhún đầu gối xuống, một mảng tóc đen nhánh xõa xuống trước trán. Tất cả vỗ tay coi như một tiết mục mở màn.

... Tôi lạy ông Cầu bà Quán
Phù hộ cho mẹ đĩ nhà tôi
Nó ăn nó chơi
Nó tươi nó cười
Như con ngựa ngáp
Làm ăn chậm chạp
Có tí nỏ mồm
Đi chợ bao nhiêu khoai lang củ từ cũng chứa
Vớt bèo thì ngúa
Xay lúa nhúc đầu
Chăn trâu ngã nắng
Chồng giận chồng mắng, có tính hờn cơm
Ra chân đống rơm
Cắn chắt trừ bữa
...

Duệ yêu Huân cũng bắt đầu từ những cuộc biểu diễn văn nghệ trong giờ nghỉ. Chị say mê anh bởi cặp mắt dịu dàng, quyến rũ, cái miệng rất có

duyên, một thân hình khỏe mạnh, cân đối. Đôi khi chị cũng thích tâm sự với anh vì anh rất hiểu tâm tình của người khác, biết an ủi và khuyến khích đúng lúc. Nhưng ngoài những nét đáng yêu của Huân mà bất cứ ai mới gặp anh lần đầu đều nhận thấy ngay, Duệ còn nhìn thấy những gì khác ? Chị chẳng hiểu thêm được chút nào nữa, vì một người mới bước vào đời như chị chưa thể hiểu được, và cũng chưa thể đánh giá được cái phần cao quý ẩn náu trong tâm hồn người khác. Tình yêu của chị đối với Huân bồng bột và bề ngoài, dễ thay đổi. Có lúc chị thấy yêu Huân tha thiết, có lúc lại lưỡng lự vì câu hỏi : Anh ấy có thể đảm bảo cho đời mình được sung sướng không ? Mình còn có thể gặp được một người nào hơn thế nữa ? Chị thèm khát hạnh phúc vì từ bé đến lớn sống với chú dượng, chị chỉ thấy tủi nhục, lo âu. Chị lo sợ cho tương lai nhưng lại phó thác tương lai cho người khác. Cùng trung đội Huân, Duệ còn có cảm tình với Hào, trẻ hơn Huân vài tuổi, là giáo viên văn hóa của đội, lại sắp được về Hà Nội thi vào Trường đại học Nông lâm. Hiện nay anh ấy chỉ là một chiến sĩ bình thường nhưng ba năm nữa anh ấy đã trở thành một cán bộ kĩ thuật, một kĩ sư, biết đâu. Hai người cùng đi nhổ lạc với nhau nhiều buổi, đã trò chuyện với nhau mấy tối ở mé nhà kho. Nhưng Duệ vẫn lo lắng vì Hào tỏ ra quá khôn ngoan trong tình yêu, anh ta dè dặt trong cả câu nói ngay những lúc tình cảm sôi nổi nhất. Anh khuyên Duệ đừng vội đưa vấn đề này ra công khai, chỉ nên coi anh như người bạn trai thôi, sau này anh tốt nghiệp rồi, có công tác rõ ràng, lúc ấy hai người sẽ bàn đến chuyện xây dựng cùng nhau cũng vẫn vừa. Nhưng đến cái ngày xa xôi và mỏng manh ấy liệu anh còn nhớ đến lời hứa năm trước không ? Ba năm nữa anh ấy sẽ quen thêm bao nhiêu cô bạn mới, xinh đẹp hơn Duệ nhiều, học cao hơn Duệ nhiều.

Huân vừa đi quanh theo một đường tròn vừa nói lối[9], hai tay uốn éo nhưng nét mặt vẫn nghiêm nghị, thật là một tay hề đại tài. Các cô cứ ôm lấy nhau cười rũ ra, nước mắt giàn giụa, còn những người khác thì vỗ tay làm nhịp cho câu nói...

... Nay lần mai lữa
Mày giống tính ai...

Lâm hất đầu về phía Đào, gào to : "Giống tính cô Đào !". Phải như mọi khi Đào đã bật lên, tìm một câu thật cay chua để đáp lại, nhưng hôm nay chị sẵn sàng tha thứ cho mọi câu đùa tinh nghịch khác. Tất cả đều là những người đáng yêu, tất cả đều vun xới cho hạnh phúc của chị, đấy là anh em, là người làng, họ nhà gái cả. Vui vẻ nữa đi rồi lại bắt tay vào công việc.

Cái mảnh đất này, cái khoảng trời này đối với chị quen thuộc và thân yêu biết bao. Hai người sẽ có con, những đứa con ấy sẽ lớn lên ở nông trường. Chúng có thể đi học ở Hà Nội, ở những nơi xa xôi khác, nhưng những ngày nghỉ chúng lại trở về với bố mẹ già, với quê hương, với các chú, các thím, và biết bao nhiêu bạn bè cùng lứa tuổi mà hiện nay chưa có mặt. Chúng nó sẽ làm việc ở đây, thành vợ thành chồng ở đây, sinh con đẻ cái, cứ như thế mà nối tiếp mãi đời này qua đời khác. Duệ ngồi ghé lên trên nắp máy tuốt, hai chân đu đưa, cái đuôi bím buộc chỉ đỏ vẫn ngọ nguậy trước ngực. Chị chẳng chú ý gì đến lời hát, cứ mỗi lần Huân bước chéo sang phía khác, chị lại đưa mắt nhìn anh, nhưng khi Huân quay mặt về phía chị thì chị lại cúi xuống và có cảm giác hai tai mình đang đỏ chín. Cái giọng cố làm ra ẽo ợt của Huân cứ loáng thoáng bên tai.

(Lược bỏ đoạn cuối : ***Một tối thứ bảy, trong căn phòng của vợ chồng Lâm ở khu gia đình, mọi người đến chơi, trong đó có Huân, Duệ, Đào. Duệ thấy cuộc đời mình gắn bó với Huân. Đào, trong niềm vui của hạnh phúc đang đến, thầm mong cho hạnh phúc của đôi bạn trẻ.*****)**

(*Mùa lạc*, NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

thuongmaitr

Chú thích

(1) *Sâu ban miêu* : loài bọ cánh cứng, có màu xanh biếc hay nâu đen. (2) *Trâu quá sá, mạ quá thì* : thành ngữ dân gian chỉ những người đã hết tuổi xuân, quá lứa, lỡ thì. (*Trâu quá sá* : trâu đã làm qua buổi cày, bừa. *Sá* : đường cày, bừa tính từ bờ này sang bờ kia của ruộng. *Mạ quá thì* : mạ già, quá tuổi tốt nhất để cấy). (3) *Hồng nhan* : người phụ nữ có nhan sắc ; còn chỉ chung phụ nữ. (4) *Vị tất* (từ cũ) : chưa chắc, chắc gì. (5) *Lên sài* : trẻ em mắc bệnh nội khoa hiểm nghèo, dễ dẫn đến tử vong. (6) *Muồng* : cây họ vang, có nhiều loài. Có loài dùng lấy gỗ (muồng đen, muồng hoa đào), có loài dùng làm phân xanh (muồng hôi, thảo quyết minh). (7) Những địa danh này phần lớn ở vùng Hưng Yên - Hải Dương. (8) *Tiêu* : sáo dọc, tiếng trầm. (9) *Nói lối* : một lối nói có nhịp điệu, dùng trong ca kịch cổ, hay để kể vè.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích nhân vật Đào : ngoại hình, tuổi tác, ngôn ngữ, cách tỏ thái độ ; cuộc sống quá khứ trước lúc lên nông trường ; sự đổi thay số phận và biến đổi trong tâm lí sau một thời gian ở nông trường.

Sự đổi thay số phận của Đào diễn ra trong môi trường và hoàn cảnh nào ? Tư tưởng nhân đạo của tác giả đã thể hiện như thế nào qua việc xây dựng nhân vật này ?

2. Phân tích cảm hứng về sự hồi sinh của cuộc sống sau chiến tranh thể hiện trong những bức tranh thiên nhiên và sinh hoạt ở nông trường Điện Biên được miêu tả trong tác phẩm. Khung cảnh thiên nhiên và sinh hoạt ấy có mối quan hệ như thế nào với câu chuyện về nhân vật Đào ?

3. Phân tích nhân vật Huân. Qua nhân vật này, tác giả đã gửi gắm những suy nghĩ và quan niệm gì về cuộc sống, về con người ?

4. "Sự sống nảy sinh từ trong cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hi sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy...".

Hãy bình luận câu triết lí trên của tác giả. Tư tưởng này được thể hiện như thế nào qua số phận các nhân vật và hình ảnh cuộc sống được miêu tả trong truyện ?

uongxua.vn

TỐ HỮU

I - VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

Tố Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 4-10-1920, quê ở làng Phù Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Ông thân sinh là một nhà nho nghèo, tuy không đỗ đạt và phải chật vật để kiếm sống bằng nhiều nghề nhưng lại ham thơ và thích sưu tầm ca dao, tục ngữ. Từ thuở nhỏ, Tố Hữu đã được cha dạy làm thơ theo những lối cổ. Bà mẹ Tố Hữu là con một nhà nho, thuộc nhiều ca dao, dân ca xứ Huế và rất giàu tình thương con, Tố Hữu mồ côi mẹ từ năm 12 tuổi và một năm sau lại xa gia đình vào học trường Quốc học Huế.

Quê hương cũng góp phần quan trọng vào sự hình thành hồn thơ Tố Hữu. Tuy là một vùng đất nghèo nhưng phong cảnh thiên nhiên, núi sông lại rất nên thơ, xứ Huế còn nổi tiếng là một vùng văn hóa phong phú, độc đáo, đậm bản sắc dân tộc bao gồm cả văn hóa cung đình và văn hóa dân gian mà nổi tiếng nhất là những điệu ca, hò như nam ai, nam bình, mái nhì, mái đẩy...

thuongmaitr

Bước vào tuổi thanh niên đúng vào những năm phong trào Mặt trận Dân chủ do Đảng Cộng sản lãnh đạo đang dấy lên sôi nổi trong cả nước, mà Huế là một trong những trung tâm sôi động nhất, tuổi trẻ của Tố Hữu đã có sự gặp gỡ may mắn và đẹp đẽ với lí tưởng cách mạng. Được lôi cuốn vào phong trào đấu tranh, Tố Hữu đã trở thành người lãnh đạo chủ chốt của Đoàn thanh niên Dân chủ ở Huế. Năm 1938, Tố Hữu được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và từ đó hoàn toàn hiến dâng cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng. Đầu năm 1939, thực dân Pháp trở lại đàn áp phong trào cách mạng ở Đông Dương. Cuối tháng tư năm ấy Tố Hữu bị bắt, giam tại nhà lao Thừa Thiên, rồi lần lượt bị giam giữ trong nhiều nhà tù ở các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Tháng 3-1942, Tố Hữu đã vượt ngục Đắc Lay (Kon Tum), vượt hàng trăm cây số đường rừng, thoát khỏi sự vây lùng của kẻ thù, tìm ra Thanh Hóa, bắt liên lạc với tổ chức cách mạng, tiếp tục hoạt động. Cách mạng tháng Tám năm 1945, Tố Hữu là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa ở Huế, lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở thành phố quê hương, nơi đầu não của bộ máy chính quyền phong kiến.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Tố Hữu được điều động ra Thanh Hóa một thời gian, rồi lên Việt Bắc công tác ở cơ quan Trung ương Đảng, đặc trách về văn hóa, văn nghệ. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mĩ và cho đến năm 1986, Tố Hữu liên tục giữ những cương vị trọng yếu trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (từng là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng).

Ở Tố Hữu, con người chính trị và con người nhà thơ thống nhất chặt chẽ, sự nghiệp thơ gắn liền với sự nghiệp cách mạng, trở thành một bộ phận của sự nghiệp cách mạng. Ông được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - 1996).

II - CON ĐƯỜNG THƠ CỦA TỐ HỮU

Tố Hữu đến với thơ và cách mạng cùng một lúc. Năm 1937, những bài thơ đầu của Tố Hữu đã đem đến một tiếng thơ mới mẻ cho thơ ca cách mạng đương thời. Vào thời gian ấy, phong trào Thơ mới đã hoàn toàn thắng thế, công cuộc hiện đại hóa thơ ca đã được thực hiện thành công. Là người cùng thế hệ với nhiều nhà thơ mới, Tố Hữu trước khi giác ngộ lí tưởng cách mạng cũng tìm thấy ở họ những tâm trạng gần gũi với mình trong lúc đang "Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời". Bởi vậy, một cách tự nhiên, Tố Hữu đã tiếp nhận những thành tựu nghệ thuật của thơ mới để làm giàu cho thơ cách mạng. Nhưng con đường thơ của Tố Hữu đã khác hẳn với con đường của các nhà thơ mới, vì nó gắn liền với lí tưởng cộng sản và cuộc đấu tranh cách mạng.

uongxua.vn

Thơ Tố Hữu gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng, nên các chặng đường thơ cũng song hành với các giai đoạn của cuộc đấu tranh ấy, đồng thời thể hiện sự vận động trong tư tưởng và nghệ thuật của nhà thơ.

Tập thơ *Từ ấy* (1937 - 1946) là chặng đường đầu mười năm thơ Tố Hữu, cũng là mười năm hoạt động sôi nổi, say mê từ giác ngộ qua thử thách đến trưởng thành của người thanh niên cách mạng trong

một giai đoạn lịch sử sôi động đã diễn ra nhiều biến cố to lớn làm rung chuyển và đổi thay sâu sắc xã hội Việt Nam.

Tập thơ *Từ ấy* gồm ba phần : *Máu lửa, Xiềng xích* và *Giải phóng,* tương ứng với ba chặng đường trong mười năm đầu hoạt động của người thanh niên cách mạng Tố Hữu. *Máu lửa* là tiếng reo náo nức của một tâm hồn trẻ băn khoăn đi tìm lẽ sống thì gặp gỡ ánh sáng lí tưởng :

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim

(*Từ ấy*)

Cũng nhờ ánh sáng của mặt trời chân lí mà nhà thơ nhận ra ách áp bức giai cấp, những bất công xã hội và thân phận của những con người lao khổ, trước hết ở môi trường thành thị gần gũi với mình (những em bé mồ côi, đi ở, hát dạo ; lão đầy tớ ; chị vú em ; cô gái giang hồ...). Nhà thơ không chỉ cảm thông mà còn khơi dậy ở họ lòng căm hận, ý chí đấu tranh và niềm tin vào tương lai. Chất men say lí tưởng khiến cho những bài thơ Tố Hữu ở buổi đầu, dù còn những non nớt khó tránh, nhưng có giọng điệu thiết tha, sôi nổi, chân thành và chất lãng mạn trong trẻo.

Trong những năm Tố Hữu bị giam giữ tại nhà tù thực dân Pháp, thơ Tố Hữu là tiếng hát chiến đấu, là bản quyết tâm thư của người chiến sĩ cách mạng tự dặn lòng quyết không khuất phục trước uy lực và sự tàn bạo của kẻ thù. *Xiềng xích* ghi lại những cuộc đấu tranh gay go của người chiến sĩ cách mạng trong nhà tù thực dân, cả những giờ phút kề bên cái chết mà người chiến sĩ ấy đã gửi những lời trăng trối tha thiết và đầy tin tưởng cho đời. *Xiềng xích* thể hiện sự trưởng thành vững vàng của người thanh niên cách mạng qua những gian lao thử thách hiểm nghèo, đồng thời cũng bộc lộ ở tác giả một tâm hồn tha thiết yêu đời, hướng về cuộc sống và con người ở bên ngoài nhà

tù, khát khao tự do và hành động. Đây là phần có giá trị nổi bật và đặc sắc của tập thơ.

Sau khi vượt ngục, trong hoàn cảnh hoạt động bí mật rất khó khăn và trong tình hình rất khẩn trương của cách mạng thời kì tiền khởi nghĩa, Tố Hữu vẫn dùng thơ ca làm vũ khí tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh, tiến tới giành chính quyền. Một số bài thơ của Tố Hữu đã bước đầu nhập được vào tâm trạng và tiếng nói của quần chúng. Cách mạng tháng Tám thành công, nhà thơ nồng nhiệt say sưa ngợi ca thắng lợi của cách mạng, nền độc lập tự do của Tổ quốc, ngây ngất trong niềm "*vui bất tuyệt*" với cảm hứng lãng mạn dâng trào trước cuộc đổi đời vĩ đại của dân tộc.

Tập thơ *Việt Bắc* (1947 - 1954) là chặng đường thơ Tố Hữu trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Vào cuộc kháng chiến, thơ Tố Hữu hướng vào thể hiện con người quần chúng kháng chiến, trước hết là công nông binh, với một nghệ thuật thơ giàu tính dân tộc và đại chúng. Đó là anh vệ quốc quân nông dân hiền lành đã làm nên chiến thắng Việt Bắc vang dội (*Cá nước*) ; là anh bộ đội vượt lên những gian khổ, thiếu thốn mà vẫn hào hùng trong tư thế vươn tới trên những núi đèo Tây Bắc hiểm trở (*Lên Tây Bắc*) ; là chị phụ nữ Bắc Giang dù việc nhà bề bộn vẫn hăng hái tham gia công tác kháng chiến (*Phá đường*) ; là những người mẹ nông dân chất phác gắn bó với kháng chiến, hòa làm một tình thương con với lòng yêu nước (*Bà mẹ Việt Bắc, Bà bủ, Bầm ơi*) ; là em bé liên lạc hồn nhiên, anh dũng ngã xuống trên cánh đồng quê dưới làn đạn giặc mà linh hồn và hình ảnh của em vẫn còn mãi với quê hương, đất nước (*Lượm*). Trên tất cả, tập trung và tiêu biểu cho mọi phẩm chất của dân tộc là hình ảnh Bác Hồ.

Việt Bắc là bản hùng ca của cuộc kháng chiến chống Pháp, phản ánh những chặng đường gian lao, anh dũng và những bước đi lên của cuộc kháng chiến cho đến ngày thắng lợi. Tập thơ kết tinh những tình cảm lớn của con người Việt Nam kháng chiến, mà thống nhất và bao trùm là tình yêu nước. Tình cảm ấy thấm sâu vào mọi bình diện và

tuongxua.vn

mọi quan hệ trong đời sống, được biểu hiện trong nhiều trạng thái phong phú, đa dạng : tình quân dân "cá nước", nghĩa tình hậu phương với tiền tuyến, miền ngược với miền xuôi, nghĩa tình gắn bó người cán bộ với quần chúng, lòng kính yêu của nhân dân với lãnh tụ, tình cảm ấy chi phối cả cái nhìn và cảm xúc về thiên nhiên đất nước với ý thức tự hào của con người làm chủ. Vào năm cuối của cuộc kháng chiến, những sự kiện lịch sử trọng đại như chiến thắng Điện Biên Phủ, hòa bình được lập lại, nửa nước được giải phóng, tất cả đã chắp cánh cho hồn thơ Tố Hữu bay bổng và rộng mở trong cảm hứng sử thi - trữ tình mang hào khí thời đại (*Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Ta đi tới, Việt Bắc*). Tập thơ *Việt Bắc* là một trong những thành tựu xuất sắc của văn học thời kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954).

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, cách mạng bước vào một giai đoạn mới với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục cuộc đấu tranh giành thống nhất Tổ quốc. Thơ Tố Hữu vẫn bám sát những bước đi và nhiệm vụ của cách mạng, của đời sống chính trị trên đất nước ta. Tập thơ *Gió lộng* (1955 - 1961) khai thác những nguồn cảm hứng lớn, cũng là những tình cảm bao trùm trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam đương thời : niềm vui và niềm tự hào, tin tưởng ở công cuộc xây dựng cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, tình cảm với miền Nam và ý chí thống nhất Tổ quốc, tình cảm quốc tế vô sản rộng mở với các nước anh em. Niềm vui chiến thắng được nhân lên cùng với niềm tự hào của con người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình, vững tin vào tương lai đã đem đến cho tập thơ *Gió lộng* cảm hứng lãng mạn phơi phới cùng với khuynh hướng sử thi đậm nét. Cuộc sống mới trên miền Bắc, qua sự cảm nhận của nhà thơ, là một mùa xuân lớn, một ngày hội lớn mà nhìn vào đâu cũng thấy tràn đầy niềm vui, sức sống. Đất nước bước vào mùa xuân năm 1961, năm đầu của kế hoạch năm năm đầu tiên, đã được Tố Hữu hình dung như một "đỉnh cao muôn trượng" để từ đấy "Trông lại nghìn xưa, trông tới mai sau - Trông Bắc trông Nam, trông cả địa cầu". Thơ Tố Hữu trong thời kì này cũng không tránh khỏi cái nhìn còn giản đơn một chiều

thuongmaitu

về chủ nghĩa xã hội, ngợi ca một chiều cuộc sống mới ở miền Bắc như phần lớn các sáng tác về đề tài này trong văn học đương thời.

Trong niềm vui với cuộc sống hiện tại, Tố Hữu không quên nhớ về quá khứ để thấm thía những khổ đau của cha ông, công lao của những thế hệ đi trước mở đường và từ đó càng thấm thía ân tình của cách mạng. Trong mạch cảm hứng về ân tình cách mạng, *Mẹ Tơm* là bài thơ đặc sắc hơn cả. Trong dòng hồi tưởng đầy xúc động của tác giả, hình ảnh bà mẹ nghèo che chở, nuôi giấu những người cách mạng được tái hiện vừa bình dị, chân thực vừa lớn lao như hòa vào quê hương đất nước. Từ cuộc đời và sự hi sinh thầm lặng của mẹ Tơm, nhà thơ suy ngẫm về lẽ sống và sự mất, còn : "Sống trong cát, chết vùi trong cát - Những trái tim như ngọc sáng ngời".

Trong những năm tháng đất nước bị chia cắt, thơ Tố Hữu là tình cảm tha thiết sâu đậm với miền Nam ruột thịt được biểu hiện một cách xúc động và nhạy bén. Đó là niềm nhớ thương quê hương xứ Huế gắn liền với hình ảnh người mẹ giàu tình thương yêu, là niềm đau xót và tự hào trước người con gái anh hùng Trần Thị Lí từ cõi chết trở về thắng lợi, là tiếng thét ngút trời căm hận đến muôn đời của những người tù bị đầu độc ở trại giam Phú Lợi. Tập *Gió lộng* tiếp tục phát triển cảm hứng sử thi và khuynh hướng khái quát với một cái "tôi" trữ tình đa dạng hơn và một nghệ thuật biểu hiện già dặn và nhuần nhị hơn.

Hai tập *Ra trận* (1962 - 1971), *Máu và Hoa* (1972 - 1977) là chặng đường thơ Tố Hữu trong những năm kháng chiến chống Mĩ quyết liệt và hào hùng của cả dân tộc cho tới ngày toàn thắng. Thơ Tố Hữu lúc này là khúc ca ra trận, là mệnh lệnh tiến công và lời kêu gọi, cổ vũ hào hùng cả dân tộc trong cuộc chiến đấu ở cả hai miền Nam, Bắc. Khẳng định ý nghĩa lớn lao cao cả của cuộc kháng chiến chống Mĩ đối với lịch sử dân tộc và thời đại, thơ Tố Hữu cũng thể hiện những suy nghĩ, phát hiện của nhà thơ về dân tộc và con người Việt Nam mà tác giả luôn ngợi ca với niềm tự hào và cảm phục.

Tập *Ra trận* dành hai bài thơ viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh : *Bác ơi !* là "điếu văn bi hùng" viết ngay sau khi Bác Hồ qua đời ;

Theo chân Bác tái hiện hình ảnh Bác Hồ trên những chặng đường lịch sử cách mạng trong hơn nửa thế kỉ. Năm 1973, sau Hiệp định Pari, Tố Hữu thực hiện một chuyến đi dài từ Bắc vào Nam, dọc theo tuyến đường Trường Sơn. Đây là cuộc trở về trong không gian và cả trong tâm tưởng, với hiện tại và với cả kỉ niệm quá khứ tuổi trẻ sôi nổi cách mạng. Chuyến đi này đã được ghi lại trong bài thơ dài *Nước non ngàn dặm* (1973) ở tập *Máu và Hoa*.

Thơ Tố Hữu những năm chống Mĩ cứu nước mang đậm tính chính luận và chất sử thi, nhiều chỗ vươn tới âm hưởng hùng ca. Do đi theo hướng khái quát - tổng hợp và chú trọng nội dung chính luận, thời sự, thơ Tố Hữu thời kì này có khi phải trở thành những lời kêu gọi, hô hào như mệnh lệnh, khẩu hiệu và không phải lúc nào cảm xúc nghệ thuật cũng theo kịp.

Thơ Tố Hữu từ 1978 trở lại đây được tập hợp trong tập *Một tiếng đờn* (1992) và *Ta với Ta* (1999). Khuynh hướng trữ tình chính trị với sự nhạy cảm trước các vấn đề thời sự tuy vẫn dễ nhận ra như một nét ổn định của thơ Tố Hữu, nhưng đã không còn là mạch cảm hứng duy nhất hay nổi trội nhất. Đã qua những thăng trầm, trải nghiệm trước cuộc đời, như một lẽ thường, nhà thơ muốn chiêm nghiệm về cuộc sống, về lẽ đời, hướng tới những quy luật phổ quát và kiếm tìm những giá trị bền vững, giọng thơ vì thế thường trầm lắng, thấm đượm chất suy tư. Điều đáng trân trọng hơn cả là trước sau thơ Tố Hữu vẫn kiên định niềm tin vào lí tưởng và con đường cách mạng.

III - PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT THƠ TỐ HỮU

Tố Hữu là nhà thơ của lí tưởng cộng sản, thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị.

Tố Hữu là một chiến sĩ - thi sĩ, làm thơ trước hết là để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng, cho lí tưởng của Đảng. Trong thơ Tố Hữu từ trước đến sau, dù đề tài, nội dung cảm hứng có đa dạng đến đâu thì vẫn nhất quán ở chỗ lấy lí tưởng cách mạng, quan điểm chính trị làm hệ quy chiếu cách nhìn nhận và xúc cảm về mọi phương diện,

mọi hiện tượng của đời sống, kể cả đời sống riêng tư của chính nhà thơ. Với Tố Hữu "tả tình hay tả cảnh, kể chuyện mình hay kể chuyện người, viết về các vấn đề lớn hay về một sự việc nhỏ (...) là để nói cho được cái lí tưởng cộng sản ấy thôi" (Chế Lan Viên)[1].

Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị. Mọi sự kiện, vấn đề lớn của đời sống cách mạng, lí tưởng chính trị, những tình cảm chính trị thông qua trái tim nhạy cảm của nhà thơ đều có thể trở thành đề tài và cảm hứng nghệ thuật thực sự. Tố Hữu là nhà thơ của lẽ sống lớn, của những tình cảm lớn, niềm vui lớn của cách mạng và con người cách mạng. Đặc biệt ở những bước ngoặt trong đời sống cách mạng của dân tộc, hồn thơ Tố Hữu thường vang ứng nhạy bén và dào dạt cảm hứng, kết tinh trong những bài thơ đặc sắc, được sự đồng cảm và hưởng ứng rộng rãi của đông đảo công chúng. Xuân Diệu khẳng định "Tố Hữu đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đỗi trữ tình"[2]. Thơ Tố Hữu đã kế tục dòng thơ cách mạng đầu thế kỉ XX của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, thơ của các chiến sĩ cộng sản lớp trước ở nửa đầu những năm 30 nhưng đã được đổi mới trên cơ sở vận dụng những thành tựu hiện đại hóa thơ ca đương thời, đem đến cho văn học cách mạng một tiếng thơ sôi nổi, trẻ trung, mới mẻ và tràn đầy cảm hứng lãng mạn, đã mở ra một khuynh hướng lớn và có vị trí chủ đạo - khuynh hướng trữ tình chính trị - trong suốt mấy chục năm của nền thơ hiện đại Việt Nam.

Nội dung trữ tình chính trị trong thơ Tố Hữu thường tìm đến và gắn liền với *khuynh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn.* Khuynh hướng sử thi nổi bật trong thơ Tố Hữu nhất là ở những thời kì sau, kể từ cuối tập *Việt Bắc*. Cái "tôi" trữ tình trong thơ Tố Hữu ngay từ đầu đã là cái "tôi" chiến sĩ, về sau càng trở thành cái "tôi" nhân danh cộng đồng, nhân danh Đảng và dân tộc. Nhân vật trữ tình trong thơ Tố Hữu là con người thể hiện tập trung những phẩm chất của giai cấp, dân tộc, đến cuộc kháng chiến chống Mĩ được nâng lên thành những hình tượng anh hùng mang tầm vóc thời đại và lịch sử, nhiều khi được thể hiện bằng bút pháp thần thoại hóa. Cảm hứng chủ đạo trong thơ Tố Hữu là cảm hứng lãng mạn. Thơ Tố Hữu hướng vào

truongxua.vn

tương lai, khơi dậy niềm vui, lòng tin tưởng và niềm say mê với con đường cách mạng, ngợi ca nghĩa tình cách mạng và con người cách mạng. Do khuynh hướng cảm hứng ấy mà thơ Tố Hữu chú trọng tác động đến tình cảm, cảm xúc của người đọc, đặc biệt khai thác giá trị gợi cảm của nhạc điệu thơ.

Một nét đặc sắc của thơ Tố Hữu là có giọng điệu riêng rất dễ nhận ra. Đó là *giọng tâm tình, ngọt ngào* tha thiết, giọng của tình thương mến. Giọng điệu ấy có phần là do được thừa hưởng từ điệu tâm hồn con người xứ Huế với những câu ca, giọng hò tha thiết ngọt ngào của quê hương. Nhưng nó cũng được xuất phát từ một quan niệm của nhà thơ : "Thơ là chuyện đồng điệu (...), thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí"[3]. Nhà thơ đặc biệt dễ rung động với nghĩa tình cách mạng, luôn hướng đến đồng bào, đồng chí mà giãi bày tâm sự, trò chuyện, kêu gọi, nhắn nhủ. Thơ Tố Hữu phần nhiều có cách diễn đạt tự nhiên, hơi thơ liền mạch.

Kế tục truyền thống thơ ca dân tộc, đặc biệt là thơ ca dân gian và thơ cổ điển, thơ Tố Hữu *đậm đà tính dân tộc* cả trong nội dung và nghệ thuật biểu hiện. Hiện thực đời sống cách mạng, những tình cảm chính trị, đạo lí cách mạng qua sự cảm nhận và thể hiện của Tố Hữu đã gắn bó, hòa nhập với truyền thống tinh thần tình cảm và đạo lí của dân tộc, làm phong phú thêm cho truyền thống ấy. Về thể thơ, Tố Hữu sử dụng nhuần nhuyễn các thể thơ dân tộc (như lục bát, song thất lục bát, bốn chữ, năm chữ, bảy chữ) và có những sáng tạo làm phong phú thêm cho các hình thức thơ ca này. Trong thơ Tố Hữu có thể bắt gặp một cách phổ biến những lối so sánh, các phép chuyển nghĩa và cách diễn đạt trong thơ ca dân gian đã trở nên quen thuộc với tâm hồn người Việt. Sáng tạo hình ảnh trong thơ Tố Hữu thiên về giá trị biểu hiện tình cảm hơn là giá trị tạo hình, thậm chí nhà thơ còn sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ tượng trưng khá quen thuộc. Chiều sâu của tính dân tộc trong thơ Tố Hữu là ở nhạc điệu, đặc biệt phong phú về vần và những phối âm trầm bổng nhịp nhàng nên dễ ngâm dễ thuộc. Nghệ thuật thơ Tố Hữu nghiêng về tính truyền thống hơn là sự tìm tòi đổi mới theo hướng hiện đại hóa.

IV - KẾT LUẬN

Thơ Tố Hữu là một thành công xuất sắc của thơ cách mạng, và kế tục một truyền thống tốt đẹp của thơ ca Việt Nam qua nhiều thời đại : gắn bó với vận mệnh của đất nước, phục vụ cho cuộc đấu tranh giành độc lập tự do của dân tộc. Thơ Tố Hữu là một minh chứng sinh động cho sức cảm hóa của lí tưởng cộng sản và những tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong đời sống tinh thần của dân tộc ta. Con đường thơ của Tố Hữu là con đường tìm sự kết hợp hài hòa hai yếu tố, hai cội nguồn là cách mạng và dân tộc trong hình thức đẹp đẽ của thơ ca. Sức thu hút của thơ Tố Hữu với những thế hệ người đọc mấy chục năm qua chủ yếu là ở niềm say mê lí tưởng và tính dân tộc đậm đà trong cả nội dung và hình thức của thơ ông.

Chú thích

(1) Chế Lan Viên. *Thơ Tố Hữu, suy nghĩ và bình luận.* NXB Văn học, Hà Nội, 1970. (2) Xuân Diệu. Lời nói đầu cuốn *Máu và Hoa, con đường của nhà thơ Tố Hữu* (tiếng Pháp). Liên hiệp các nhà xuất bản, Pari, 1975. (3) Tố Hữu. Trả lời phỏng vấn. Tạp chí *Văn nghệ*, số 48, tháng 5-1961.

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm đọc các tập thơ của Tố Hữu hoặc tập ***Tố Hữu, thơ*** *(NXB Giáo dục) nhớ và ghi lại tên những bài thơ của Tố Hữu đã học trong chương trình trung học cơ sở và ở đầu lớp 12.*

2. Nêu tóm tắt con đường thơ của Tố Hữu và chứng minh rằng những chặng đường thơ ông gắn liền và phản ánh các giai đoạn của cuộc đấu tranh cách mạng trên đất nước ta kể từ thời kì Mặt trận Dân chủ đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ.

3. Nêu những nét chính trong phong cách nghệ thuật của Tố Hữu.

4. Anh (chị) hiểu như thế nào về nhận định của Xuân Diệu : "Tố Hữu đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đỗi trữ tình" ?

5. Phân tích những biểu hiện của tính dân tộc trong thơ Tố Hữu.

VIỆT BẮC
(Trích)

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được kí kết (tháng 7-1954), hòa bình trở lại, miền Bắc nước ta được giải phóng. Một trang sử mới của đất nước và một giai đoạn mới của cách mạng được mở ra. Tháng 10-1954, các cơ quan Trung ương của Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội. Nhân sự kiện thời sự có tính lịch sử ấy, Tố Hữu sáng tác bài thơ *Việt Bắc*. Phần đầu bài thơ tái hiện một giai đoạn gian khổ, vẻ vang của cách mạng và kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc nay đã trở thành những kỉ niệm sâu nặng trong lòng người. Phần sau nói lên sự gắn bó giữa miền ngược và miền xuôi trong một viễn cảnh hòa bình tươi sáng của đất nước và kết thúc bằng lời ngợi ca công ơn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng đối với dân tộc.

Việt Bắc là một đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là một tác phẩm xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Dưới đây trích đoạn mở đầu và phần I, phần nói về những kỉ niệm kháng chiến.

*
* *

thuongmaitr

– Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm[1] ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn ?

Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li[2]
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

– Mình đi, có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù
Mình về, có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai ?
Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già.

Mình đi, có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son
Mình về, có nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa[3] *?*

– Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê[4] với đầy.
Ta đi ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...

uongxua.vn

Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui[5] đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều[6]
Chày đêm nện cối đều đều suối xa[7]...

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách[8] đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù.
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.
Ai về ai có nhớ không ?
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng [9]
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng [10]
Nhớ từ Cao - Lạng[11], nhớ sang Nhị Hà[12]...

thuongmaitr

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên[13] vui về
Vui từ Đồng Tháp[14], An Khê[15]
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng[16].

Ai về ai có nhớ không ?
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.

Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch thu đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường
Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...

Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc : Cụ Hồ sáng soi
Ở đâu đau đớn giống nòi
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.
Mười lăm năm ấy, ai quên
Quê hương Cách mạng dựng nên Cộng hòa.
Mình về mình lại nhớ ta
Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.
...

10-1954

tuongxua.vn

(*Việt Bắc*. NXB Văn học, Hà Nội, 1962)

Chú thích

(1) *Mười lăm năm* : tính từ thời kháng Nhật (khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940) và tiếp đó là phong trào Mặt trận Việt Minh đã xây dựng khu căn cứ cách mạng thuộc các tỉnh miền núi Việt Bắc. Ở dưới có câu "*Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh*". (2) *Phân li* : chia li, chia tay. (3) *Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa* : đình Tân Trào và đình Hồng Thái (thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) là nơi họp Quốc dân đại hội (tháng 8-1945) thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng và phát động cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Dưới gốc cây đa cổ thụ cách đình Tân Trào khoảng hơn 100 mét, là nơi làm lễ xuất phát của đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. (4) *Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê* : những địa danh trong khu căn cứ địa Việt Bắc. (5) *Chăn sui* : chăn bằng vỏ cây sui (sui là loài cây to, gỗ nhẹ, có vỏ dày và dai ; người miền núi thường lấy vỏ cây sui đập mềm ra làm chăn đắp). (6) *Tiếng mõ rừng chiều* : tiếng mõ trâu buổi chiều trở về làng bản (ở Việt Bắc, do chăn thả nên người ta đeo ở cổ mỗi con trâu một cái mõ hay nhạc bằng gỗ để cho dễ tìm). (7) *Chày đêm nện cối đều đều suối xa* : cối giã gạo hoạt động bằng nước suối, giã suốt đêm trong rừng. (8) *Phách* : một loài cây mọc thành rừng. (9) *Phủ Thông, đèo Giàng* : những địa điểm ở Việt Bắc đã diễn ra các trận đánh hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. (10) *Sông Lô, phố Ràng* : trận sông Lô đánh tàu chiến Pháp trong chiến dịch Việt Bắc (cuối

1947) và trận đánh đồn phố Ràng (thuộc Yên Bái) năm 1948 là những chiến thắng nổi tiếng hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. (11) *Cao - Lạng* : Cao Bằng và Lạng Sơn, hai tỉnh ở biên giới Việt - Trung ; năm 1950, ta mở chiến dịch giải phóng biên giới, cũng gọi là chiến dịch Cao - Lạng. (12) *Nhị Hà* : tên gọi (cũ) của sông Hồng. Đúng ra là *Nhĩ Hà*, nhưng người ta thường phát âm thuận miệng là Nhị Hà. (13) *Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên* : tên những chiến dịch lớn trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp : chiến dịch Hòa Bình năm 1951 ở tỉnh Hòa Bình, chiến dịch Tây Bắc năm 1952 giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở các tỉnh Tây Bắc, chiến dịch Điện Biên Phủ mùa xuân năm 1954. (14) *Đồng Tháp* : Đồng Tháp Mười, khu căn cứ kháng chiến ở miền đông Nam Bộ. (15) *An Khê* : địa danh ở Tây Nguyên, đầu năm 1954 bộ đội ta đánh thắng nhiều trận ở đấy, giải phóng một vùng đất đai rộng lớn ở Tây Nguyên. (16) *Đèo De, núi Hồng* : địa danh trong vùng chiến khu Việt Bắc, nơi có các cơ quan Trung ương thời kì kháng chiến chống Pháp. Đèo De thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, núi Hồng ở tỉnh Thái Nguyên.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ được sáng tác trong hoàn cảnh nào ? Vì sao có thể nói bài thơ ***Việt Bắc*** *không chỉ thể hiện tâm trạng của nhà thơ mà còn là của đông đảo mọi người trong thời điểm lịch sử ấy ?*

2. Nhận xét về cách kết cấu của bài thơ (chú ý cảnh chia tay, lời hỏi và lời đáp). Cách kết cấu ấy có gì gần gũi với ca dao, dân ca và có tác dụng như thế nào đối với việc thể hiện tư tưởng, tình cảm trong bài thơ ?

3. Nhận xét về cách sử dụng hai từ "mình" và "ta" trong bài thơ. "Mình", "ta" là ai ? Sự thống nhất và chuyển hóa của hai "nhân vật" ấy ; sự sáng tạo trên cơ sở truyền thống của tác giả trong việc sử dụng hai từ này.

4. Tâm trạng bao trùm trong phần đầu bài thơ là nỗi nhớ. Hãy phân tích hình ảnh Việt Bắc kháng chiến được tái hiện trong kỉ niệm và nỗi nhớ của nhà thơ (không gian, thời gian, thiên nhiên và con người, những hoạt động tiêu biểu cho cuộc kháng chiến).

5. Hãy phân tích những biểu hiện của tính dân tộc của bài thơ (ở bức tranh đời sống và nội dung tình cảm ; ở các hình thức nghệ thuật nổi bật như thể thơ, lối kết cấu, hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu). Nhận xét chung về đặc điểm dân tộc của nghệ thuật thơ Tố Hữu.

thuongmaitr

KÍNH GỬI CỤ NGUYỄN DU

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Tháng 10 và tháng 11-1965, Tố Hữu có chuyến đi vào các tỉnh miền Trung. Khi ấy, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ đã lan rộng và vùng khu IV (cũ) từ Thanh Hóa đến Quảng Bình trở thành tuyến lửa ác liệt. Trong chuyến đi này, Tố Hữu đã làm một chùm thơ giàu tính thời sự, in đậm những hình ảnh và khí thế của cuộc chiến đấu. Cũng trong chuyến đi, nhà thơ qua quê hương Nguyễn Du vào dịp kỉ niệm 200 năm năm sinh của thi hào và sáng tác bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du*. Bài thơ được đưa vào tập *Ra trận* (1972).

*

* *

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân[1]
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...

uongxua.vn

Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao ?
Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường !

Nỗi niềm xưa, nghĩ mà thương :
Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng[2]...
Nhân tình[3], nhắm mắt, chưa xong
Biết ai hậu thế[4], khóc cùng Tố Như[5] ?
Mai sau, dù có bao giờ...
Câu thơ thuở trước, đâu ngờ hôm nay !

Tiếng đàn xưa đứt ngang dây
Hai trăm năm lại càng say lòng người
Trải bao gió dập sóng dồi
Tấm lòng thơ vẫn tỉnh đời thiết tha

Đau đớn thay phận đàn bà
Hỡi ôi, thân ấy biết là mấy thân !

Ngẫm xem qua kiếp phong trần(6)
Đời vui nay đã nửa phần vui đây
Song còn bao nỗi chua cay
Gớm quân Ưng Khuyển, ghê bầy Sở Khanh(7)
Cũng loài hổ báo, ruồi xanh
Cũng phường gian ác hôi tanh hại người !

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày
Hỡi người xưa của ta nay
Khúc vui xin lại so dây cùng người !

Sông Lam(8) nước chảy bên đồi
Bỗng nghe trống giục ba hồi gọi quân...

1-11-1965

(*Ra trận*. NXB Văn học, Hà Nội, 1972)

thuongmaitr

Chú thích

(1) *Nghi Xuân* : thi hào Nguyễn Du (1766 - 1820) quê ở xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay ở xã Tiên Điền có nhà tưởng niệm và phần mộ của ông. (2) *Dẫu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng* (câu này cũng như các câu được in nghiêng sau đó đều trích từ *Truyện Kiều* của Nguyễn Du). *Ngó* : phần mầm thân của một số loài cây mọc từ dưới bùn, nước. Ngó sen khi bẻ ra, không đứt hẳn mà hai phần còn dính với nhau bằng những sợi tơ, càng kéo càng dài ra. (3) *Nhân tình* : tình người. (4) *Hậu thế* : đời sau. (5) Câu này lấy ý hai câu thơ trong bài *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du : *Bất tri tam bách dư niên hậu - Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?* (Ba trăm năm lẻ nữa ta đâu biết - Thiên hạ ai người khóc Tố Như ?). *Tố Như* là tên chữ của Nguyễn Du. (6) *Phong trần* : gió bụi, nói sự vất vả, gian nan. (7) *Ưng Khuyển, Sở Khanh* : tên những nhân vật trong *Truyện Kiều*, những kẻ tàn bạo, xảo trá đã làm hại đời Kiều. Trong dân gian, những tên riêng này được dùng để chỉ loại người tàn bạo, cục súc *(Khuyển, Ưng)* và tráo trở, bạc tình *(Sở Khanh)*. (8) *Sông Lam* : con sông lớn ở giáp ranh hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh ; huyện Nghi Xuân, quê Nguyễn Du, ở bên bờ phía nam sông Lam.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu bố cục của bài thơ, qua đó, phân tích diễn biến mạch cảm xúc trữ tình của nhà thơ (chú ý sự phân đoạn của tác giả : ngoài hai câu mở đầu và hai câu kết thúc, bài thơ có năm đoạn nhỏ, mỗi đoạn đều đặn 6 câu).

2. Trong đoạn thơ từ câu 3 đến câu 8, tác giả bày tỏ sự thương cảm với cảnh ngộ và số phận của Thúy Kiều hay của Nguyễn Du ?

Liên hệ với ***Truyện Kiều,*** *cuộc đời Nguyễn Du và thời đại để tìm hiểu và giải thích những câu thơ ấy.*

3. Cái mà Tố Hữu cảm nhận sâu sắc và thấm thía nhất ở thi hào Nguyễn Du là lòng thương người, là tình người, tình đời. Hãy làm rõ điều đó qua việc phân tích đoạn thơ từ câu 9 đến câu 20.

Nêu cách hiểu của mình về những câu thơ sau :

– Nhân tình nhắm mắt chưa xong
Biết ai hậu thế khóc cùng Tố Như ?

– Đau đớn thay phận đàn bà
Hỡi ôi, thân ấy biết là mấy thân !

4. Phân tích và bình luận những câu thơ sau :

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày

Anh (chị) có biết, trước bài thơ này đã có những lời đánh giá và ngợi ca nào rất đích đáng về Nguyễn Du ? Sự đánh giá của Tố Hữu trong những câu thơ trên có gì sâu sắc và mới mẻ ?

5. Vì sao có thể nói bài thơ ***Kính gửi cụ Nguyễn Du*** *đậm tính dân tộc và màu sắc cổ điển ? (Để trả lời câu hỏi này hãy phân tích các yếu tố trong bài thơ : thể thơ lục bát, hình thức "tập Kiều", giọng điệu trang trọng tha thiết, hình ảnh và ngôn ngữ cổ kính, hàm súc, ước lệ, đa nghĩa...).*

uongxua.vn

nghề văn là một cái gì đối lập với tính vụ lợi kiểu con buôn[5], và ở đâu có đồng tiền phàm tục thì ở đấy không thể có cái đẹp[6]. Đối với ông, nghệ thuật là một hình thái lao động nghiêm túc, thậm chí "khổ hạnh"[7] và ông đã lấy chính cuộc đời cầm bút hơn nửa thế kỉ của mình để chứng minh cho quan niệm ấy.

II - SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

1. Quá trình sáng tác và các đề tài chính của Nguyễn Tuân

Nguyễn Tuân không phải là nhà văn thành công ngay từ những tác phẩm đầu tay. Ông đã thử bút qua nhiều thể loại : thơ, bút kí, truyện ngắn hiện thực trào phúng. Nhưng mãi đến đầu năm 1938, ông mới nhận ra sở trường của mình và thành công xuất sắc với các tác phẩm : *Một chuyến đi* (1938), *Vang bóng một thời* (1939), *Thiếu quê hương* (1940), *Chiếc lư đồng mắt cua* (1941), v.v...

Tác phẩm Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám chủ yếu xoay quanh ba đề tài : "chủ nghĩa xê dịch", vẻ đẹp "vang bóng một thời" và đời sống trụy lạc.

thuongmaitr

"Chủ nghĩa xê dịch" vốn là một lí thuyết vay mượn của phương Tây, chủ trương đi không mục đích, chỉ luôn luôn thay đổi chỗ để tìm cảm giác mới lạ và thoát li mọi trách nhiệm với gia đình và xã hội. Nguyễn Tuân đã tìm đến lí thuyết này trong tâm trạng bất mãn và bất lực trước thời cuộc. Nhưng viết về "chủ nghĩa xê dịch", Nguyễn Tuân lại có dịp bày tỏ tấm lòng gắn bó tha thiết của ông đối với cảnh sắc và phong vị của đất nước mà ông đã ghi lại được bằng một ngòi bút đầy trìu mến và tài hoa.

Không tin tưởng ở hiện tại và tương lai, Nguyễn Tuân đi tìm vẻ đẹp của quá khứ còn "vang bóng một thời". Ấy là thời phong kiến đã qua nhưng dư âm còn vang vọng lại. Ông không viết về trật tự xã hội, về tư tưởng đạo đức cũ, mà mô tả vẻ đẹp riêng của thời xưa với những phong tục đẹp, những thú tiêu dao hưởng lạc lành mạnh và tao nhã, những cách ứng xử giữa người với người đầy nghi lễ nhịp nhàng... Tất cả được thể hiện thông qua những con người thuộc lớp nhà nho

tài hoa bất đắc chí, tuy đã thua cuộc nhưng không chịu làm lành với xã hội thực dân (trong số này cũng có người có khí phách ngang tàng như Huấn Cao trong *Chữ người tử tù* chẳng hạn). Nguyễn Tuân cũng hay viết về đề tài đời sống trụy lạc. Ở những tác phẩm này, người ta thường thấy có một nhân vật "tôi" hoang mang bế tắc, tìm cách thoát li trong đàn hát, trong rượu và thuốc phiện. Trong tình trạng khủng hoảng tinh thần ấy, người ta thấy đôi khi vút lên từ cuộc đời nhem nhuốc, phàm tục, niềm khao khát một thế giới tinh khiết, thanh cao được nâng đỡ trên đôi cánh của nghệ thuật *(Chiếc lư đồng mắt cua)*. Lòng yêu nước và thái độ bất mãn với xã hội thực dân đã đưa Nguyễn Tuân đến với cách mạng và kháng chiến. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông chân thành đem ngòi bút phục vụ cuộc chiến đấu của dân tộc, theo sát từng nhiệm vụ chính trị của đất nước. Nhưng Nguyễn Tuân luôn luôn có ý thức phục vụ trên cương vị của một nhà văn, đồng thời vẫn muốn phát huy cá tính và phong cách độc đáo của mình. Ông đã đóng góp cho nền văn học mới nhiều trang viết sắc sảo và đầy nghệ thuật ca ngợi quê hương đất nước, ca ngợi nhân dân trong chiến đấu và sản xuất.

tuongxua.vn

Cũng như đặc điểm chung của nền văn học mới, hình tượng chính của tác phẩm Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám là nhân dân lao động và người chiến sĩ trên mặt trận vũ trang. Nhưng dưới ngòi bút của ông, những nhân vật ấy không phải chỉ là những công dân dũng cảm mà còn là những con người tài hoa nghệ sĩ, được mô tả trong khung cảnh cũng phù hợp với tính cách tài hoa nghệ sĩ ấy. Vì thế, tác phẩm của Nguyễn Tuân đã đem đến cho người đọc niềm tự hào của một dân tộc không chỉ có chính nghĩa và khí phách anh hùng, mà còn có tư thế sang trọng và đẹp của những người sinh ra trên một đất nước có hàng nghìn năm văn hiến.

2. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân

Nguyễn Tuân có một phong cách nghệ thuật rất độc đáo và sâu sắc.

Trước Cách mạng tháng Tám, phong cách Nguyễn Tuân có thể thâu tóm trong một chữ *ngông*. Ngông là thái độ khinh đời, ngạo đời,

dựa trên tài hoa, sự uyên bác và nhân cách hơn đời của mình - Ngày xưa, Nguyễn Công Trứ có câu thơ rất ngông : "Trời đất cho ta một cái tài - Giắt lưng dành để tháng ngày chơi".

Thể hiện phong cách này, mỗi trang viết của Nguyễn Tuân đều muốn chứng tỏ tài hoa và uyên bác, mỗi nhân vật dù thuộc loại người nào cũng đều phải là những nghệ sĩ trong nghề nghiệp của mình. Và mọi sự vật được miêu tả dù chỉ là cái ăn cái uống, cũng được quan sát chủ yếu ở phương diện văn hóa, mĩ thuật.

Trước Cách mạng tháng Tám, Nguyễn Tuân quan niệm đời sống cơ khí hiện đại giết chết cái đẹp. Ông đi tìm cái đẹp của thời xưa còn vương sót lại và ông gọi là *"Vang bóng một thời"*. Thế giới nhân vật mà ông ưa thích hầu hết đều là những con người thuộc về cái thời vang bóng ấy, nếu họ còn sống trong hiện tại thì cũng bơ vơ lạc lõng như những kẻ "sinh lầm thế kỉ". Sau Cách mạng, ông không đối lập xưa với nay, cổ với kim mà tìm thấy sự gắn bó giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Văn Nguyễn Tuân thì bao giờ cũng vậy, vừa đĩnh đạc cổ kính, vừa trẻ trung hiện đại.

thuongmaitr

Nguyễn Tuân học theo "chủ nghĩa xê dịch" chẳng qua là luôn luôn thèm khát những cảm giác mới lạ. Đấy là "một nguồn sống bồng bột tắc lối thoát" *(Tóc chị Hoài)*. Vì thế Nguyễn Tuân không thích cái gì bằng phẳng, nhợt nhạt, yên ổn. Ông là nhà văn của những tính cách phi thường, của những tình cảm, cảm giác mãnh liệt, của những phong cảnh tuyệt mĩ, của gió, bão, núi cao rừng thiêng, thác ghềnh dữ dội...

Nguyễn Tuân cũng là một con người yêu thiên nhiên tha thiết. Ông có nhiều phát hiện hết sức tinh tế và độc đáo về núi sông cây cỏ trên đất nước mình. Phong cách tự do phóng túng và ý thức sâu sắc về cái "tôi" cá nhân đã khiến Nguyễn Tuân tìm đến thể tùy bút như một điều tất yếu. Đây là một đóng góp của ông về mặt thể loại văn học. Tất cả sự hấp dẫn của thể tùy bút, xét đến cùng, phụ thuộc ở chỗ cái "tôi" của người cầm bút có thực sự độc đáo, phong phú và tài hoa hay không. Điều ấy nói rằng không phải ai cũng có thể trở thành nhà tùy bút xuất sắc như Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân còn có đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của ngôn ngữ văn học Việt Nam. Ông có một kho từ vựng phong phú và một khả năng tổ chức câu văn xuôi đầy giá trị tạo hình, lại có nhạc điệu trầm bổng và, như Nguyễn Tuân thường nói, biết co duỗi nhịp nhàng...

Sau Cách mạng tháng Tám, phong cách Nguyễn Tuân có những thay đổi quan trọng. Ông vẫn tiếp cận thế giới thiên về phương diện văn hóa nghệ thuật, tiếp cận con người thiên về phương diện tài hoa nghệ sĩ, nhưng giờ đây ông không đối lập xưa với nay, và tìm thấy chất tài hoa nghệ sĩ không chỉ ở những con người đặc tuyển, những tính cách phi thường, mà ở cả nhân dân đại chúng : ở anh bộ đội, chị dân quân, ông lái đò sông Đà... Còn giọng khinh bạc nếu như còn tồn tại thì chủ yếu chỉ là để ném vào kẻ thù của dân tộc hay những mặt tiêu cực của xã hội...

III – KẾT LUẬN

tuongxua.vn

Có người nói, Nguyễn Tuân là một cái định nghĩa về người nghệ sĩ. Đối với ông, văn chương trước hết phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật, và đã là nghệ thuật thì phải có phong cách độc đáo. Nhưng Nguyễn Tuân, xét từ bản chất, không phải là người theo chủ nghĩa hình thức. Tài phải đi với tâm. Ấy là "thiên lương"[(8)] trong sạch, là lòng yêu nước thiết tha, là nhân cách cứng cỏi trước uy quyền phi nghĩa và đồng tiền phàm tục.

Người đọc mến Nguyễn Tuân về tài, nhưng còn trọng ông về nhân cách ấy nữa. Văn Nguyễn Tuân, tuy thế, không phải ai cũng ưa thích. Vả lại một số bài viết của ông cũng có nhược điểm : mạch văn quá phóng túng theo lối tùy hứng, khó theo dõi ; nhiều đoạn tham phô bày kiến thức và tư liệu khiến người đọc cảm thấy nặng nề...

Chú thích

(1) Vượt biên giới Đông Dương sang đất Thái Lan. (2) *Lối hát ca trù* : xuất hiện từ thế kỉ XI, thời nhà Lí, là lối hát tao nhã và độc đáo ; có nhiều tên gọi khác như hát nhà trò, hát thẻ, hát cửa quyền, hát ả đào, hát nói... Hát nói là thể rất thông dụng

của ca trù. (3) *Ý thức cá nhân* : ý thức về sự tồn tại có ý nghĩa của mỗi con người cá thể trên đời và khát vọng muốn khẳng định sự tồn tại có ý nghĩa đó của cá nhân. (4) Cuối năm 1937, Nguyễn Tuân được tuyển mộ vào một đoàn diễn viên đi Hồng Công đóng cuốn phim truyện Việt Nam đầu tiên, gọi là *Cánh đồng ma.* (5) Phát biểu trong bài *Nhà Nguyễn* (tập *Nguyễn*, 1945). (6) Phát biểu trong truyện *Hai tấm vé số* (báo *Thanh nghị*, 1944). (7) Phát biểu trong bài tùy bút *Những đứa con hoang* (*Giai phẩm*, 1943). (8) *"Thiên lương"* : khái niệm cổ được Nguyễn Tuân sử dụng trong nhiều tác phẩm, như *Chữ người tử tù (Vang bóng một thời)* chẳng hạn, có nghĩa là bản tính tốt đẹp của con người nhưng không phải ai cũng giữ vững được.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những đặc điểm của con người Nguyễn Tuân.

*2. Dựa theo tác phẩm **Chữ người tử tù** đã học ở lớp 11, giải thích thế nào là đề tài : vẻ đẹp "vang bóng một thời" và nêu lên những nét phong cách nghệ thuật cơ bản của văn Nguyễn Tuân.*

thuongmaitr

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

NGUYỄN TUÂN

Tiểu dẫn

Tác phẩm này được in trong tập tùy bút *Sông Đà* của Nguyễn Tuân, xuất bản lần đầu năm 1960, tất cả gồm 15 bài tùy bút và một bài thơ ở dạng phác thảo.

Đây là kết quả của nhiều dịp ông đến với Tây Bắc trong thời kì kháng chiến chống Pháp, đặc biệt là kết quả của chuyến đi thực tế Tây Bắc năm 1958 của ông. Nguyễn Tuân đến với nhiều vùng khác nhau, sống với bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân cầu đường và đồng bào các dân tộc. Thực tiễn xây dựng cuộc sống mới ở vùng cao đã đem lại cho nhà văn nguồn cảm hứng sáng tạo. Phong cảnh Tây Bắc dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân vừa hùng vĩ uy nghiêm, vừa tuyệt vời thơ mộng. Ông ghi lại hình ảnh "núi xa, núi gần liên miên như trùng dương, thạch trận" *(Tây Trang)*. Con sông Đà trên trang văn của ông "tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong vùng trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo" *(Người lái đò Sông Đà)*. Và những người lái đò trên con sông dữ dội và thơ mộng ấy là nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật vượt thác qua ghềnh...

Nhà văn đặc biệt chú ý "phát hiện" những điểm quý báu trong tâm hồn người chiến sĩ, người công nhân đi mở đường. Ông gọi đó là "thứ vàng mười đã được thử lửa", là "chất vàng mười của tâm hồn vùng Tây Bắc" *(Đi mở đường)*. Ông ca ngợi những người đang dũng cảm một cách thầm lặng, khắc phục mọi khó khăn gian khổ để xây dựng cuộc sống mới ở vùng cao heo hút này : những cán bộ địa chất đi tìm quặng mỏ ; những anh bộ đội từng chiến đấu để giải phóng Điện Biên, nay tự nguyện đem cả gia đình lên chiến trường cũ sinh cơ lập nghiệp ; những chiến sĩ biên phòng ở tiền đồn Tây Trang, gió Lào thổi lộng óc suốt ngày đêm, nhưng vẫn vững tay súng, thường trực canh giới bảo vệ Tổ quốc.

Sông Đà có nhiều bức tranh sinh động và nhiều hình tượng giàu sức hấp dẫn, đồng thời cũng đậm đà cảm hứng lãng mạn trong sáng. Nhiều trang viết chan chứa chất thơ, chất trữ tình, hướng tới chân trời rộng mở của cuộc sống mới. Đứng trên "cái thế giới núi cao lồng lộng những nắng, những gió, những mây, những trời của vùng cao Tây Bắc", nhà văn hình dung ra một tương lai "tiếng máy nổ của kế hoạch kinh tế sẽ trùm lên tiếng cối nước giã gạo cầm canh". Ông hào hứng nghĩ tới "một sự chuyển vần mới, một vận hội mới đang mở ra trong lòng mọi người" *(Đường lên Tây Bắc)*.

Sông Đà thể hiện rất rõ phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám. Sáng tác nào của ông cũng vừa ghi chép sự thật và thông tin thời sự chính xác vừa dành đất cho sự liên tưởng phóng túng, táo bạo, bất ngờ. Và ông thường xuyên nhìn sự vật ở chiều lịch sử, gắn hiện tại với cả quá khứ lẫn tương lai. Tác phẩm của ông vừa mang yếu tố truyện (mô tả tâm lí, khắc họa tính cách) vừa thoải mái bàn bạc, nghị luận, triết luận. Ngôn ngữ nghệ thuật tuy đôi chỗ kiểu cách, cầu kì quá mức nhưng nhìn chung tinh tế, hiện đại, vừa trí tuệ lại vừa giàu cảm xúc thẩm mĩ, vừa đậm chất thơ vừa giàu chất tạo hình.

tuongxua.vn

Bài *Người lái đò Sông Đà* in dưới đây có lược bỏ một số đoạn.

*

* *

"Đẹp vậy thay, tiếng hát trên dòng sông"

Wladyslaw Broniewski[1]

"Chúng thủy giai đông tẩu - Đà giang độc bắc lưu"[2]

(Lược bỏ một đoạn : *Trong đoạn đầu của bài tùy bút này, Nguyễn Tuân trình bày mục đích chuyến đi thực tế Tây Bắc của mình. Tác giả giới thiệu tài nguyên phong phú của Tây Bắc và nhấn mạnh : tài nguyên quý nhất của vùng này là con người - con người bản địa và con người miền xuôi lên góp phần xây dựng Tây Bắc.)*

... Ông lái đò Lai Châu bạn tôi làm nghề chở đò dọc suốt Sông Đà đã mười năm liền, và thôi làm đò cũng đã đôi chục năm nay. Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh[3] sông, nhỡn giới ông vòi vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào đó trong sương mù. Quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh. Thời Tây Tàu ấy, ông chở đò dọc tải chè mạn[4] chè cối[5], tải từ Mường Lay về cho đến hết cửa rừng Hòa Bình, đổ chè lên chợ Phương Lâm. Ông đã chở quá về Bến Nứa Hà Nội. Nhưng cũng như người Mèo kêu mỏi chân khi giẫm lên đồng bằng thiếu dốc thiếu đèo, ông bảo rằng : "Chạy thuyền trên khúc sông không có thác, nó dễ dại tay dại chân và buồn ngủ" cho nên thường ông chỉ muốn cắm thuyền ở Chợ Bờ, - Chợ Bờ, cái chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà. Đối với ông, từ Chợ Bờ xuôi dòng hết ghềnh hết thác, Sông Đà hình như hết cả đậm đà với nhà đò.

Trên dòng Sông Đà, ông xuôi ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay giữ tay lái độ sáu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sáu chèo. Trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở. Sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả những cái chấm than chấm câu và những đoạn xuống dòng. Chuyến đầu tiên ông đi, là thuyền thiên hạ. Trước Cách mạng, công chèo chở cứ ba đồng một tạ chè xuôi. Dành dụm lại, sau ông đóng lấy thuyền, thuyền ông chở được bốn mươi sọt chè, hai sọt chè là một tạ hàng. Như thế đã là loại thuyền to. Thường thường là chở chè cối, và thỉnh thoảng cũng có những chuyến chở cánh kiến trắng[6], cánh kiến đỏ[7], sợi móc[8], da trâu sống, xương và sừng nai hươu, xương gấu xương hổ. Làm cái nghề vận tải đường nước này thật là vất vả, người cứ dựng đứng lên mà luôn tay luôn chân luôn mắt luôn gân và luôn tim nữa. Người ta còn bảo nghề này tổn thọ, nhưng ông đò Lai Châu bạn tôi không cần lên tiếng mà đã hùng hồn lặng lẽ cải chính cái điều ấy bằng cái đầu bạc gần bảy mươi tuổi. Cái đầu quắc thước[9] ấy đặt trên một thân hình cao to và gọn quánh như chất sừng chất mun[10]. Khuôn mặt ông he hé một nửa miệng cười : "Tôi bỏ nghề lâu rồi. Nhưng nay cho lên thác xuống ghềnh, tôi dám thi đua với bạn đò ở khắp mấy châu có địa giới loang ra bờ Sông Đà. Cũng còn đủ cái linh lợi để chở mừng một phái đoàn Trung ương vừa lên vừa xuống thăm dò khảo sát toàn bộ Sông Đà cho đến biên giới Trung Quốc". Ông giơ

đôi tay lên, đôi cánh tay trẻ tráng quá, bịt cái đầu bạc đang hói đi, không ai không lầm mà tưởng mình đang đứng trước một chàng trai đang ngồi ngoài bến chính bờ sông.

(Lược bỏ một đoạn : *Tác giả kể tên và đặc điểm của một số thác trong số bảy mươi ba cái thác có tên trên sông Đà.)*

... Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ[11] mới có mặt trời. Có chỗ vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu[12]. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt[13] bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất[14] tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạ đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga[15] cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông[16] dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào

truongxua.vn

muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dũng cảm ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà, - từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre - plongée[17] lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoáy tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vứt vào một cái cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hàng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. Nhìn cái thiên nhiên ấy, có những lúc thấy nó không "thơ đời Đường" nhàn hạ, mà thấy nó chính là một cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Tôi xin ghi ở đoạn này cái hình ảnh chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường Sông Đà, trên một quãng thủy chiến ở mặt trận Sông Đà.

... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông[18] rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xóa cả một chân trời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục[19] hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vồ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả

cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung tít lên như tuyếc bin thủy điện[20] nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xóa càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận[21] trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ[22], có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sóng luồng mới đánh khuýp quật vu hồi[23] lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong ke[24] chìm và pháo đài đá nổi ở tuyến ba phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thủy thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện[25] cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo võ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la não bạt[26]. Sóng thác đã đánh đến miếng đòn độc hiểm nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí[27] ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò (...) Mặt sông trong tích tắc lòa sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ùa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng[28], đánh đòn tỉa, đánh đòn âm[29] vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến[30] của nước của đá thác. Nhưng

trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi[31] thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước[32] hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn[33] sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn[34]. Cưỡi lên thác Sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh[35] trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vẳng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ[36] của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vặn mình vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam[37] và toàn bàn tán về cá anh vũ[38] cá dầm xanh, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá túa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi

cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi. Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với Sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo.

Trên Sông Đà, thỉnh thoảng có tàu bay lượn vòng ở quãng này ở quãng khác, có lẽ để chỉnh lí về đồ bản đất nước Tổ quốc. Tôi nghĩ nếu sau này làm phim truyện hoặc phim kí sự (tôi không muốn dùng mấy chữ *phim tài liệu*) màu về Sông Đà, nếu muốn phản ánh lên cái dữ tợn và cái lớn của Sông Đà của thác Sông Đà, cũng phải đưa ống quay phim lên tàu bay. Cho bay là là trên thác mà dí máy xuống mà lượn ống máy theo những luồng sinh của thác, trên thác hiên ngang một người lái đò Sông Đà có tự do, vì người lái đò ấy đã nắm được cái quy luật tất yếu của dòng nước Sông Đà.

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dỗi vô tội vạ với người lái đò Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh *"Núi cao sông hãy còn dài - Năm năm báo oán đời đời đánh ghen"*. Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi

uongxua.vn

thấy dòng Sông Đà là *đen*[39] như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân[40]. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi *"Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu"*[41]. Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bẳn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp lê[42] của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành : "Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương ?". Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên "*Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh - Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình*" của "*một người tình nhân chưa quen biết*" (Tản Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như

nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên.

*

Sông Đà khai sinh ở huyện Cảnh Đông tỉnh Vân Nam, lấy tên là Li Tiên (theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi thì tên Trung Quốc của Sông Đà lại là Bả Biên Giang) mà đi qua một vùng núi ác, rồi đến gần nửa đường thì xin nhập quốc tịch Việt Nam, trưởng thành mãi lên và đến ngã ba Trung Hà thì chan hòa vào Sông Hồng. Từ biên giới Trung - Việt tới ngã ba Trung Hà là 500 cây số lượn rồng rắn, và tính toàn thân Sông Đà thì chiều dài là 883 nghìn thước mét chảy qua hai nước Việt Nam, Trung Quốc.

Thời cũ, tên con Sông Đà được dùng làm tên đạo tên lộ[43]. Trong số 15 lộ hành chính đời Trần, có Đà Giang lộ gồm những đất đai từ tỉnh Hưng Hóa ngược lên. Và người xưa cũng đã tha thiết với Sông Đà. Chánh sứ sơn phòng đồn Hưng Hóa Nguyễn Quang Bích[44], một nhà thơ ái quốc thời đó, chống Pháp và mất ở Tây Bắc (lúc ấy từ Hưng Hóa ngược lên đều gọi là Tây Bắc) đã đem Sông Đà vào một bài thơ họa lại thơ Tôn Thất Thuyết :

... *Lòng trung không nỡ bỏ Tây Châu,*
Giữ lấy Thao, Đà dải thượng lưu

... Sông Đà như một áng tóc mun dài ngàn ngàn vạn vạn sải. Áng tóc trên mảng đầu Tây Bắc trong suốt thời chiếm đóng đã nhiều lần vấn vương thứ máu cán bộ và trung kiên pha loãng từ các miệng nhánh sông và cửa suối đổ ra. Sông Đà như một con cá bị chúa đất từng vùng đem cắt ngang ra thành khúc nhỏ. Người dân Thái ở khắp ven suối ven sông Tây Bắc là những người lành. Nhưng con Sông Đà thì nhiều vực xoáy, nhiều luồng chết, nhiều đá ghềnh, nhiều sóng thác. Những năm lụt to, cổng châu Quỳnh Nhai vẫn còn cái ngấn nước. Lụt Sông Đà, xác hươu xác nai cùng với gỗ trò vẩy gỗ trò hoa ầm ầm lao trên dòng trôi. Con sông đã ác như người dì ghẻ, chúa đất chia bến ngăn sông càng làm cho Sông Đà ác thêm. Đế quốc đóng đồn bốt ven sông, tính dữ ác con sông lại tăng lên mấy tầng.

Nhưng con Sông Đà dù có hung ác hơn thế nữa, người dân Thái vẫn ăn ở đời với nó. Trong kháng chiến có những bản mường dứt tình với con sông mà kéo nhau cả bản mường tản cư sang sông khác, nhà cửa chăn nệm cho

truongxua.vn

hết xuống đò mà xuôi về Tu Vũ, Hưng Hóa mà lên ăn bến Quý Quân, nhưng vừa giải phóng được Sông Đà mới dăm ba cái bến chính thôi, là đã lục tục cả bản kéo nhau về đông đủ.

(Lược bỏ một đoạn : *Người lái đò kể lại cuộc sống chìm nổi, gian truân của những người sống trên sông nước thời kì Pháp, Nhật thống trị.)*

Nói chuyện với người lái đò, như càng lại láng thêm cái lòng muốn đề thơ vào sông nước. Một buổi chiều Quỳnh Nhai khác, tôi lại tìm đến một cô đò đã từng chở đò dọc đưa gạo kháng chiến từ Quỳnh Nhai về thác Tà Hè đổ lên kho quân lương. Cô lái đò châu Quỳnh Nhai giảng cho tôi hiểu biết thêm về ý nghĩa kiến trúc của cái thuyền then vút đuôi én trên Sông Đà : "Các eng bảo thuyền giống con cá, bảo cái thuyền như một con cá nó quẫy mạnh đuôi trên mặt sông thì cũng được thôi. Chúng em chỉ biết cái đuôi thuyền nó vẫy lên cao như thế để có cái chỗ mà treo cái bu gà. Gà sống này, con nào đẹp lông và gáy hay, thì phải mua đến mười đồng bạc mới. Con gà sống là cái đồng hồ của người lái đò Sông Đà đấy. Đi đường xa, qua bờ này bến khác, có tiếng gà gáy đem theo, nó đỡ nhớ nương ruộng bản mường mình. Hai bên bờ Sông Đà, ai ai cũng biết hát cả đấy. Đang phát nương, nhìn xuống dòng Sông Đà mà thấy thuyền các eng đi qua, là người phụ nữ Thái chúng em đều hát gửi xuống một hai câu và có khi hát cả một bài. Hồi Pháp chiếm đóng, tiếng hát của phụ nữ đều lánh xa bờ xa bến. Nhiều tiếng hát chạy xa lên tận đỉnh núi. Nay hòa bình, hết địch rồi, tiếng hát mới lại xuống dần đến mặt bến...".

Châu Quỳnh Nhai được giải phóng trước tiên ở Tây Bắc. Quỳnh Nhai vốn là cơ sở bàn đạp ở Tây Bắc, và Sông Đà quãng này cũng là con đường dây ta xuyên vào lòng địch. Phong trào địch hậu Quỳnh Nhai có những lúc nó khủng bố rất dữ, đi kiểm soát các bản hai ven sông, nhà nào vắng ai, nó gọi về, và bắn ngay trên bến. Có những lúc một số cơ sở nhân dân ngần ngại không dám chở đò cho cán bộ. Đêm đêm, có những chiếc đò bỏ vắng ven sông. Người dân có đò đã nói lóng riêng với anh cán bộ bí mật kín tiếng nằm suối nằm rừng kia : "Các đồng chí cũng thông cảm cho. Nó kiểm soát gắt quá nhân dân không dám chở, nhưng vẫn cho các đồng chí mượn đò đấy. Cứ xuống đò mà sang ngang đi. Không cho địch biết mình ghé bến nào bên kia bờ, thì sang xong cứ việc thả cho thuyền nó trôi xuống bến dưới. Bản dưới bắt được thuyền thì lại trả lại bản trên này, chúng tôi không sợ mất đò đâu. Chỉ cần cho các đồng chí đêm hôm sang ngang sao cho đường dây không đứt là nhân dân yên lòng". Hồi ấy Sông Đà khúc này, ban ngày mà cũng tối sầm như ban đêm. Đứt liên lạc cứ hàng tháng, tỉnh ủy đóng vòi vọi trên núi Mèo.

thuongmaitu

Nhưng mà buổi chiều hôm nay, thấy Sông Đà ở bến này có một cái gì khang khác, chưa từng thấy trên sông này một lần nào cả. Cái vui ấy nó không ồn ào đến cái mức bến sông tóe bọt trào nước lên, nhưng là một cái vui thấy nó cứ thấm dần vào lòng mình cũng như vào lòng mọi người Thái đang tắm ở bến đây. Thì ra cái đoàn thuyền cắm quốc kì đang ghé bến kia là đoàn thuyền của chuyên gia ta và chuyên gia bạn đi nghiên cứu Sông Đà, để rồi trị con sông dữ tợn này, bắt nó phải phục vụ cuộc sống Tây Bắc, bắt nó phải dần dần đi vào con đường xã hội chủ nghĩa ở Tây Bắc.

(**Lược bỏ đoạn cuối :** *Nói tiếp về niềm vui của nhân dân Tây Bắc và của tác giả trước tin cải tạo sông Đà.*)

1960

(*Tuyển tập Nguyễn Tuân*(*), Tập II.
NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

Chú thích

(*) Có tham khảo văn bản trong tập *Sông Đà* (NXB Văn học, Hà Nội, 1960). (1) *Wladyslaw Broniewski* (1897 - 1962) : nhà thơ cách mạng Ba Lan. (2) *Chúng thủy giai đông tẩu - Đà giang độc bắc lưu* : Mọi dòng sông đều chảy về hướng đông - Chỉ có sông Đà theo hướng bắc (thơ Nguyễn Quang Bích). (3) *Ghềnh* : chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đá lởm chởm chắn ngang làm dòng nước dồn lại và chảy xiết. (4) *Chè mạn* : chè (trà) thô sản xuất bằng búp của một giống cây chè lá to. (5) *Chè cối* : chè ép lại thành bánh, to và tròn như hình miệng cối. (6) *Cánh kiến trắng* : nhựa lấy từ thân và cành cây bồ đề, có mùi thơm vani, dùng chữa ho, long đờm, trúng hàn. (7) *Cánh kiến đỏ* : loại côn trùng sống kí sinh trên một số loại cây. Cánh kiến đỏ hút dịch vỏ cây và tiết nhựa. Nhựa cánh kiến đỏ dùng để chế các loại vécni (đánh bóng đồ gỗ), chất cách điện, keo dán, v.v... (8) *Móc* : một loại cây lá rất dài, bẹ lá có nhiều sợi, dùng để khâu nón. (9) *Quắc thước* : mạnh khỏe và tinh nhanh, có vẻ còn dồi dào sức lực, tuy tuổi đã già (thường nói về đàn ông). (10) *Mun* : cây lấy gỗ, cùng họ với thị, gỗ rất cứng, màu đen. (11) *Đúng ngọ* : đúng giữa trưa. (12) *Yết hầu* : cổ họng. (13) *Đòi nợ xuýt* : đòi người không mắc nợ mình một cách vô lí. (14) *Khinh suất* : không cẩn thận. (15) *Sang số ấn ga* : tăng tốc độ (xe cơ giới). (16) *Khuỷnh sông* : chỗ sông uốn quanh, gấp khúc. (17) *Contre-plongée* (tiếng Pháp, đọc là côngtơrơ - plônggiê) : thuật ngữ của điện ảnh, nhiếp ảnh, có nghĩa là quay ngược ống kính lên mà thu hình. (18) *Phá tuông* : phá để thoát ra. (19) *Mai phục* : giấu quân vào chỗ kín để đánh bất ngờ. (20) *Tuyếc bin* (tiếng Pháp : *turbine*) *thủy điện* : máy quay phát điện, nhờ vào sức nước đổ từ đập cao xuống. (21) *Thạch trận* : trận địa xếp bằng đá. (22) *Tiền vệ* : bảo vệ phía trước. (23) *Vu hồi* : đi vòng, đánh quật trở lại. (24) *Boong ke* (tiếng Pháp : *bunker*) : một loại lô cốt kiên cố của quân viễn chinh xâm lược Pháp. (25) *Thanh viện* : cổ vũ, động viên bằng âm thanh. (26) *Thanh la não bạt* : nhạc cụ bằng đồng, tạo âm thanh rộn ràng, náo nhiệt (còn gọi là phèng la, chũm chọe). (27) *Vô sở bất chí* : không nơi nào không tới được. (28) *Đánh hồi lùng* : đánh liên tiếp, dồn dập không ngớt. (29) *Đòn âm* : đòn ngầm. (30) *Hỗn chiến* :

đánh nhau loạn xạ. (31) *Trùng vi* : vòng vây nhiều lớp. (32) *Ải nước* : chỗ dòng thác thắt lại, hiểm trở. Tác giả tưởng tượng nơi ấy như một quan ải. (33) *Tả ngạn* : bờ sông bên trái (tính hướng từ nguồn ra biển). (34) *Hữu ngạn* : bờ sông bên phải. (35) *Tế mạnh* : phi nhanh, lao mạnh (dùng cho ngựa). (36) *Hậu vệ* : bảo vệ phía sau. (37) *Cơm lam* : gạo nếp bỏ vào ống nứa tươi và nướng cho chín - một hình thức nấu cơm của người đi rừng. (38) *Cá anh vũ* : loại cá quý hiếm, chủ yếu có ở ngã ba Việt Trì, nơi ba dòng sông (sông Thao, sông Đà, sông Lô) đổ vào sông Hồng. Cá anh vũ giống cá chép, vây xanh đậm, hai bên lườn màu hồng, thịt trắng thơm ngon như thịt gà. (39) Người Pháp gọi sông Đà là sông Đen (*rivière Noire*). (40) *Cố nhân* : người quen cũ vốn đã từng gắn bó, thân thiết. (41) *Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu* (dịch nghĩa : Giữa tháng ba mùa hoa khói, xuôi (thuyền) về Dương Châu) : câu thơ của Lí Bạch trong bài *Tại lầu Hoàng Hạc, tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* (xem trong SGK *Văn học 10, tập hai*). (42) *Còi xúp lê* (tiếng Pháp *sifflet* : cái còi - *siffler* (động từ) : huýt còi, nổi còi) : còi báo hiệu của nhà máy, tàu bè. (43) *Đạo, lộ* : đơn vị hành chính thời phong kiến. (44) *Nguyễn Quang Bích* (1832 - 1883) : người Thái Bình, đỗ Hoàng giáp. Ông hưởng ứng phong trào Cần vương chống Pháp, lấy núi rừng Tây Bắc làm căn cứ địa. Ông là tác giả *Ngư Phong thi tập* - một tập thơ hay, thể hiện lòng yêu nước thiết tha sâu sắc và khí phách kiên cường.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trước khi soạn, anh (chị) hãy đọc lại bài ***Nguyễn Tuân*** *vừa học (tr. 162 - 168) đặc biệt là phần II (sự nghiệp văn chương).*

thuongmaitr

2. Tác giả đã phát hiện ra những đặc điểm chủ yếu nào của sông Đà ? Hãy phân tích những phát hiện ấy và những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc mà Nguyễn Tuân đã vận dụng để làm nổi bật những đặc điểm chủ yếu của sông Đà.

3. Trong tác phẩm, người lái đò sông Đà được thể hiện như một người lao động đồng thời như một nghệ sĩ. Hãy tìm hiểu vẻ đẹp về tâm hồn và tính cách của ông.

4. Hãy nhận xét sức tưởng tượng sáng tạo của Nguyễn Tuân trong đoạn tả cuộc chiến đấu ác liệt giữa người lái đò và thác dữ.

5. Qua bài tùy bút, anh (chị) có nhận xét gì về đặc điểm của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân ? Nói rằng "nhà văn thường nhìn thiên nhiên và con người ở phương diện mĩ thuật và tài hoa", như thế có chính xác không ? Tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật gì để ngôn ngữ trong tác phẩm có giá trị tạo hình và gợi cảm hết sức phong phú ?

THỜI VÀ THƠ TÚ XƯƠNG
(Trích)

NGUYỄN TUÂN

Tiểu dẫn

Nguyễn Tuân chủ yếu là một người sáng tác (truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, bút kí, tùy bút), nhưng đôi khi cũng viết phê bình văn học. Ông đã để lại nhiều bài phê bình và chân dung văn học đầy tài hoa. *Thời và thơ Tú Xương* là một trong những bài hay nhất của ông thuộc thể văn này. Đúng như đầu đề của nó, bài viết gồm có hai phần : phần một dựng lên một cách cụ thể, sinh động không khí lịch sử nước ta, đặc biệt là ở thành phố Nam Định thời Tú Xương (thực dân Pháp đánh chiếm Nam Định, phá thành, lấp sông, mở phố. Những khóa thi hương cuối cùng diễn ra trong không khí loạn lạc, lại có Tây đầm đến dự, gây ra nhiều cảnh tượng nhố nhăng, hài hước...) ; phần hai nói về thơ Tú Xương (tác giả phân tích những vần thơ Tú Xương như là tiếng dội lên của cái thời ấy). Bài viết chủ yếu phát hiện bên dưới cái tiếng cười ngông nghênh, kiêu bạc, phá phách, bên dưới những hình ảnh tả thực của thơ Tú Xương là chất trữ tình lãng mạn đằm thắm thiết tha, "những lời trào lộng kiêu bạc chỉ là những hiện tượng da thịt bên ngoài phủ lên một tủy cốt chung tình". Ông chứng minh nhận xét của mình bằng những đoạn bình thơ đầy tâm huyết và tài hoa (đặc biệt bình hai bài *Đi hát mất ô* và *Sông lấp*).

uongxua.vn

Văn phê bình của Nguyễn Tuân rất gần với văn sáng tác : giàu hình ảnh và đậm đà phong cách độc đáo từ ý tứ đến ngôn từ và giọng điệu.

Dưới đây trích một đoạn của bài phê bình ở phần viết về thơ Tú Xương.

*

* *

(...) Thơ Tú Xương là tiếng nói chung của dân tộc, không nặng nề về thổ ngữ âm nhưng đọng cô vào một hương vị thổ ngơi[1] Nam Định. Tú Xương là một chứng từ về đạo học thành Nam tàn cục vào đuôi một thế kỉ và kéo dài cái tàn lụi ấy sang cả đầu thế kỉ chúng ta. Thơ và phú Tú Xương là tập kí sự chi tiết về đời sống thành Nam, về sinh hoạt vật chất và tinh thần của một lớp nhà nho tỉnh Nam lúc Tây sang, cũng lều chõng như ai, nhưng nghĩ thấy nó chả ra làm sao cả :

(...) *Một việc văn chương thôi cũng nhảm*
Trăm năm thân thế có ra gì.

(...) *Dại chốn văn chương ấy dại khôn*

(...) *Nói dơi nói chuột khối người khen*

(...) Khăn khăn áo áo thêm rầy chuyện
Bút bút nghiên nghiên khéo giở tuồng.

Rồi Tú Xương than cho đạo học "Con tự không coi mù tịt mất" sách chữ Hán rồi sẽ thay thế bằng chữ Tây, chữ nghĩa chính truyền không ai xem nữa, mà mọi người đều xử thế theo cái lối "Dẫu không bia đá còn bia miệng" ; "Vứt bút lông đi giắt bút chì".

Đã thế mà ngày xuân họ lại còn rủ nhau chè chén ngâm vịnh : "Ý hẳn thịt xôi lên chặt dạ - Cho nên con tự mới thò ra".

Tú Xương lại càng than cho đạo học "Sĩ khí rụt rè gà phải cáo - Văn trường liều lĩnh đấm ăn xôi". Than rồi lại kêu "Chúc cho khắp hết cả trên đời - Sao được cho ra cái giống người". Tiếng thở dài, mang nỗi lo xa phảng phất tí giọng sấm kí "Sông bể khơi nguồn mãi cũng vênh - Quả đất chảy ra rồi hỏng mất".

Con người thơ Tú Xương muốn đứng đắn mà đời sống lại thành ra lưu đãng hão huyền. Con nhà nho khái[2] muốn thanh bần với đạo thánh hiền mà cuộc sống đặt cho nhiều mối lụy. Cái tâm hồn thèm chan hòa ấy lại sa vào cô đơn, con người khái ấy lại sống nhờ vào tình bạn, lần hồi đắp đổi vào sự nhớ thương :

(...) Há rằng thiếu níp không bồ[3]
Tri âm đã vắng Bồng Hồ[4] cũng thôi.

(...) Bạn đàn chưa dễ tìm nhau
Bạn nghiên bạn bút có đâu được nhiều.

(...) Tương tư chẳng lọ là trai gái
Một ngọn đèn khuya trống điểm thùng.

Con người tú tài "nổi tiếng tài hoa", "phong nguyệt tình hoài" chơi ngông ấy, hiên ngang ấy đâm ra phá bĩnh :

... Non nước thề bồi thôi xúy xóa
Quỷ thần nào chúng ở hai vai.

Lại xoay ra ba dọi với người ta :

... Ba mươi mấy độ chôn chồng
Còn toan trang điểm má hồng chôn ai.

Tú Xương xóa những lời thề ước với phụ nữ này phụ nữ khác, nhưng lại đi "thề với người ăn mày" :

... Cha thằng nào có tiếc không cho

thuongmaitr

Ông chửi nặng, rồi ông chửi mát, mắng yêu :

... Cha mẹ thói đời ăn ở bạc
Có chồng hờ hững cũng như không.

Ông đâm ra ác khẩu. Ác khẩu trong cách đối chữ đối câu, cái tôn nghiêm đem đọ với những cái không tiện hô đúng tên thật, ông lỡm sự sống, ông cho lộn tùng phèo cả đi. Nghĩ về người quan văn người quan võ thời nhí nhố ấy, ông đem cái *võng (võng điều võng thắm)* ra mà đối với cái *khố dây (khố đỏ khố xanh)*. Tường thuật việc trường thi chữ nho có Tây đến ra bài, ông đem cái *lọng* quan sứ mà đối với *váy* mụ đầm, đem cái *đít vịt* bà đầm ra đối với cái *đầu rồng* một ông cử dốt đang lạy tạ mũ áo vua ban. Tú Xương tâm Phật, nhưng miệng xà[5], ông "thây mẹ thây cha" trong vần điệu của ông, ông hành lạc một cách sục sặc, ông nhiếc, ông văng tục, ông nói lái trong thơ, ông văng cái nọ cái kia con này con khác trong câu đối viết lên giấy hồng điều...

(...) Ông Tú văng ra đủ các thứ, ông Tú văng vào cái lề lối khuôn phép lúc nhố nhăng đó. Đó cũng là một cách phá công thức của một con người không chịu được nữa, của một nhà thơ thừa lễ độ chăng ?

tuongxua.vn

Nhưng cuối cùng, ở Tú Xương, sau những chửi bới om sòm đó thì còn lại cái gì ? Thưa rằng là còn lại cái gì đáng còn lại của Tú Xương mà ta vẫn đáng giữ lấy. Nghĩa là những lời kiêu bạc kia, những cái cười phá phách kia, những câu gây sự to tiếng chửi mắng kia cũng là sự chẳng được đừng của Tú Xương. Tình hình và thực chất thơ Tú Xương là bay nhẹ ở trên tất cả những cái đó kia.

Đánh giá thơ Tú Xương, thấy công lao Tú Xương góp vào văn học ta không phải là ít. Đừng quên rằng cái hồi đó chữ Tàu chữ Tây mới là tiếng nói con bà cả, chứ tiếng ta chỉ là một thứ con bà hai nếu không là con sen con đòi. Tôi chưa dám khẳng định xem ở Tú Xương, con người yêu nước đã cho Tú Xương cái ý thức nuôi dưỡng tiếng nói dân tộc, hay là ngược lại, con người sành Nôm yêu tiếng mẹ đẻ ấy đã hình thành cho tâm hồn ái quốc đó. Chỉ biết rằng trong Tú Xương có cả yêu nước có cả yêu tiếng nói dân tộc. Tú Xương là một nhà thơ có một vị trí rõ nét trong sự biết ơn của chúng ta, nhất là những người cầm bút kể cả thơ kể cả văn xuôi. Tú Xương là một kho kinh nghiệm sáng tác cho ta học. Nó còn là một cái phần hương hỏa[6] trong gia tài tiếng nói Việt Nam. Hương hỏa Tú Xương bên văn giữ hay bên thơ giữ ? Tôi cho đó là của chung của cả văn của cả thơ. Và nói như Becton

Bơret[7] "cái đó thuộc về kẻ nào làm cho nó khá hơn lên được". Thơ Tú Xương còn tác dụng lâu dài, và cũng như Yên Đổ[8] đã điếu Tú Xương :

Kìa ai chín suối XƯƠNG không nát
Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn.

Có lúc tôi đã thấy giật mình cho Tú Xương, khi tôi giả tỉ thơ Tú Xương không có cái khía trữ tình cái hơi lãng mạn của nó, mà lại chỉ rặt những : "cống hỉ, - mét xì[9], - thôi thôi lạy mợ xanh căng[10] lạy". Thú thật, tôi thấy chối tai đấy. Ở ai thế nào thì tôi không hay, nhưng ở tôi, khi mà Tú Xương cứ hiện thực chỉ có như vậy thôi, cái gốc hiện thực ấy mà không có cái ngọn trữ tình, cái tán lãng mạn ấy, thì Tú Xương cũng tắt gió trong tôi từ lâu rồi, và đã bay ra khỏi tôi lúc nào không biết chừng.

Cho nên ai muốn nói gì đến Tú Xương thì cứ nói, tôi đều coi trọng (cũng như chúng ta đều tôn trọng cái quyền dân chủ tự do nói nghĩ của mọi người) nhưng tôi vẫn cho rằng thơ Tú Xương đi bằng cả hai chân hiện thực và trữ tình, mà cái chân hiện thực ở người Tú Xương chỉ là một cẳng chân trái. Tú Xương lấy cái chân phải trữ tình mà khiến cái chân trái tả thực. Chủ đạo cho đà thơ là ở chân phải và Tú Xương đã băng được mình thơ tới chúng ta bằng nước bước lãng mạn trữ tình.

thuongmaitr

Tôi có đọc thơ Đức Bectôn Bơret, tôi cảm thấy như có thể lấy một chút gì thi pháp Bơret ra mà cắt nghĩa thi pháp Tú Xương mặc dù hai người ở trường đời và trường thơ khác nhau. Tôi dẫn ra đây một bài thơ Bơret. Bơret mượn lời và thắc mắc của một công nhân đọc lịch sử rồi nghĩ về cái đám "anh-hùng" phong kiến tư sản toàn là vua này chủ kia mà tịt mù không thấy bóng dáng mảy may quần chúng nhân dân nào cả :

... *Mỗi trang là một chiến thắng*
Nhưng ai đã nấu nướng phục vụ cho tiệc vui ?
Cứ mươi năm lại một vĩ nhân
Quỹ nào đài thọ ?

... *Xây xong Vạn lí trường thành*[11]
Rồi hiệp thợ nề đi về đâu...

Cũng như Tú Xương, một cách không phải là ngẫu nhiên, Bơret bạo tay đưa vào thơ mình những chữ những hình ảnh thông tục có khi trắng trợn, đưa nhiều vào thơ những chi tiết nôm tạp của sự sống nó đã tệ rồi ngay ở cõi văn xuôi chứ đừng nói chi đến trong cõi thơ. Nhưng mà chốc lát (cái chốc lát ấy là có tính toán cả đấy) chốc lát Bơret mới cho bổng lên một

ảnh thơ nó vô hạn bâng khuâng tưởng như không còn ai vạch được ra bến bờ cho nỗi day dứt đó. Như Bơret vừa mượn cái trí não người thợ mà đưa vào pho sử khập khiễng kia một chiều hoàng hôn nhòe hết mặt mày vĩ nhân phong kiến đã chìm hết hào quang giả tạo.

Lại trở lại thi pháp Tú Xương phối hợp cả hiện thực cả trữ tình, lấy cái hơi trữ tình mà làm sống động lên những sự vật thường dụng và sự việc dung tục. Như trong bài *Đi hát mất ô* :

Đêm qua anh đến chơi đây
Giày dôn anh dận, ô tây anh cầm[12]
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mất bao giờ
Hỏi em, em cứ ậm ờ không thưa
Chỉn e rày gió mai mưa[13]
Lấy gì đi sớm về trưa với tình.

tuongxua.vn

Ở tám câu lục bát này thì 42 tiếng trắc bằng của sáu câu đầu, tôi gạt sang cho phần hiện thực, với những tiếng choang choang lên chất tả thực : giày dôn, - ô tây, - nằm trơ trơ, - hỏi ô ô mất, - ậm ờ không thưa. Sáu câu đầu, nói rành rọt về một chuyện mất ô, mất ở đâu, mất trong trường hợp nào, và có thể đoán được người ăn cắp và thấy hiển hiện nỗi ấp úng lúng túng của kẻ gian đó. Câu chuyện kể lại bằng thơ ít lời nhưng đủ sự việc tình tiết không kém gì lời văn xuôi, có thể làm thỏa mãn được một ông quan tòa dự thẩm, và có thể làm mẫu cho một cách giảng văn ở một lớp văn nào. Có thể ngừng ở đó. Nếu làm văn xuôi (làm một cách xuôi xuôi), được phép ách lại đó. Nhưng đây là làm thơ, chưa ngừng được, chưa thấy gì là mùi thơ tiếng thơ, chưa thấy ló ra thi sĩ. Cho nên phải đi bước nữa, nếu thật sự muốn làm thơ. Chỉ thêm có hai câu nữa mà cứu được đoạn văn xuôi xuôi dễ dàng đó, và chuyển tất cả sang phạm vi thơ. Chuyển thể tài, chuyển đề tài và chuyển cả chủ đề. Bài thơ nổi gió lên từ hai câu cuối cùng. Từ một chuyện ăn cắp đồ vật, đáng lí chỉ gây nổi một chút tiếc của, Tú Xương trang trọng nâng nó lên thành một nỗi niềm

hồi hộp xót thương của những cặp tình nhân muôn thuở, - vẫn trên cái cơ sở thực tế đê hạ[14] ấy mà nâng lên, chứ không vu đàm khoát luận[15] gì cả... Bên cái tục tằn, Tú Xương lồng vào một nét thanh, Tú Xương lấy một cái trong trắng mà gạn lọc cái vẩn đục và hút nó lên theo với thơ mình. Định nghĩa về chất thơ cho thật chính xác và toàn thập, tôi thấy nó cũng khó như định nghĩa cho chất uymua (humour)[16], nhưng cái cách xúc cảm và mở gỡ cho nhân sự thế tình như Tú Xương vừa cho ta thấy trong việc lạc ô lầu hát đó, tôi ngờ rằng đấy cũng là một cách đóng góp chí tình vào việc định nghĩa thế nào là thơ và nhà thơ.

Theo tôi nghĩ, thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thể hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cũng mọc lên từ cái đống tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la, từ một cái điểm nhất định mà nó mở được ra một cái diện không gian thời gian trong đó nhịp mãi lên một tấm lòng sứ điệp[17].

Thơ là mở ra được một cái gì mà trước câu thơ đó, trước nhà thơ đó, vẫn như là bị phong kín. Bài *Sông lấp*[18] dưới đây càng rõ cái điệu mở ra mở vào đó :

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ giồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.

Tôi không được tường về năm sinh tháng đẻ chính xác của bốn câu lục bát này, nhưng theo ý riêng tôi thì đây là ngữ ảnh của những thanh điệu chín nhất tròn nhất viên mãn[19] nhất ở tiếng thơ Tú Xương.

Nếu chúng ta cùng thỏa thuận rằng nói chung trong thơ Tú Xương có cả hiện thực có cả trữ tình, thì trong riêng bài *Sông lấp* này lại càng rõ cả hai cái phần thể phách hiện thực và linh hồn trữ tình ấy. Hai câu đầu không có gì là "mở cửa sổ thấy núi" cả, bình thường thế thôi, các bạn làm thơ bình thường và tôi làm văn nhật trình tường thuật đưa tin thực tế, mọi người chúng ta đều làm được cả. Nhưng

thuongmaitr

đó mới chỉ là đếm việc kể việc, như cái kiểu đi thực tế mà chưa biết nâng thực tế lên, còn nô lệ thực tế mà chưa có tí gì là sự hóa sinh do tâm hồn mình thổi vào. Nếu con sông lấp Vị Hoàng mà chỉ có hai câu ấy thôi, thì con sông Tây lấp đi kia có thể coi là tuyệt tự rồi, và tên tuổi nhà thơ của nó cũng có thể phần nào lấp theo đi với con sông cạn. Nước con sông thời thế Vị Hoàng bất chấp mọi sự ráo kiệt cạn lấp, đến ngày nay vẫn còn chảy tới thế hệ chúng ta hợp lưu được với lòng chúng ta, chính là do cái nguồn mạch trữ tình của hai câu sau đẩy nó đi xa lắm, và mạch nước ngầm ấy còn chảy xa lắm. Tôi nghĩ đến một tương lai Việt Nam sông cái sông con suối chị suối em trên khắp Tổ quốc ta sẽ hết cả đò ngang mà chỉ còn có toàn cầu sắt, cầu bê tông, hoặc cùng giả lắm là phà máy. Cho là mười kế hoạch năm năm nữa thì căn bản có thể tuyên bố là hết đò ngang chứ gì ! Và lúc ấy đò ngang không là hình ảnh của vận tải quốc doanh mà chỉ là những vốn dân tộc giữ lại cho những cặp tình nhân nhàn tản trên mặt sông hồ sau những đợt dài lao động xã hội chủ nghĩa. Tôi cho rằng tới ngày đó và sau đó nữa trong lòng những người Việt Nam của năm 2000, của năm hai nghìn lẻ mấy trăm chi đó, vẫn vang hưởng cái tiếng Tú Xương gọi đò trên sông lấp. Những thế hệ sau này thật là không thể nào hình dung được đầy đủ cái thảm kịch gọi đò đêm sông vắng, cái thảm kịch đợi nước gọi đò (hiểu theo cả nghĩa đen kinh tế lạc hậu, hiểu theo cả nghĩa bóng chính trị của những người yêu nước trước đây nói bóng gió về thời cục bằng hình ảnh thơ). Nhưng tôi tin rằng những thế hệ đó được nâng cao vật chất và tinh thần, được học nhiều hiểu rộng gấp mấy mươi chúng ta bây giờ, họ có một quan niệm rộng rãi hơn về xử sự xử thế của những con người sống trước họ, họ ái ngại nhiều hơn là lên án những người trước đây chỉ mới yêu nước trong phạm vi yêu tiếng nói dân tộc mà chưa chuyển được sang hành động trực diện. Cái học lực của họ sẽ tạo cho họ nhiều độ lượng nhân ái hơn, tình cảm phong phú và thuần khiết hơn, và họ có thể còn cảm thông thâm thúy và quán triệt sâu sắc hơn nữa với hiện tại gần đây của lớp chúng ta. Thực ra cái lớp chúng ta đây cũng là một lớp người chưa thoát đò ngang, cũng là vừa sang xong

truongxua.vn

một vài chuyến, có những chuyến thuận chèo trót lọt, bến đông rộn lên như hội mùa, nhưng cũng có những chuyến gian nan tay lái không dẻo thì cũng dễ đắm con đò có lúc đã chiềng hẳn đi.

Cái tiếng gọi đò u hoài trong thơ *Sông lấp* Tú Xương còn là cái tiếng gọi đàn của cả một đoạn sử ta cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, đất nước quê hương lộp cộp móng lừa tây, vó ngựa lai, giày đinh sắng đá[20], và đì đoành ca nông[21] chấm câu cho những vần thơ yêu nước. Ông Tú sinh lúc Tây hạ tỉnh phá tỉnh đóng tỉnh và năm 1907 ông Tú tịch đi là năm đất nước không gọi là yên tí nào được. Và đặc điểm của Nam Định hồi đó là một địa phương sớm có nhiều thanh niên vượt biển ra ngoài mà cầu học cách mạng. Thơ *Sông lấp* đượm cái màu và cái mùi thời gian của nó. Bài thơ *Sông lấp* là một cái hồi quang trung thực của thời đại khó khăn và đau khổ đó. Phẩm chất nó rất hiện thực, nhưng phong cách nó lại tượng trưng và tác động của nó lại trữ tình. Dẫn thơ Tú Xương, có thể lược đi bài kia bài khác, nhưng không ai dám quên, nỡ quên bài *Sông lấp*. Bởi vì *Sông lấp* là tiêu biểu cho hơi thơ, giọng thơ Tú Xương, đồng thời tiêu biểu cho cái thời Tú Xương. Nếu chúng ta cũng liệt Tú Xương vào loại đỉnh thơ Nôm, thì *Sông lấp* chính là một cái bóng cây hiên ngang trên sườn non đó vậy. Dẫn thơ Tú Xương mà vô tình hoặc cố ý đánh rớt bài *Sông lấp*, tức là bước lên lầu tháp, mở cửa tầng này tầng kia mà quên đi mất cái chuông trên vọng lâu vậy...

5-1961

(*Tuyển tập Nguyễn Tuân*, Tập II. NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

Chú thích

(1) *Thổ ngơi* : (thổ nghi) tính chất đất đai, khí hậu của một vùng thích hợp hay không với cây trồng, vật nuôi. Nghĩa cả đoạn câu : hương vị đặc trưng, riêng biệt của vùng Nam Định. (2) *Khái* : khí khái, không muốn nhờ vả phiền lụy đến ai. Ý cả đoạn câu : Con nhà nho không muốn nhờ vả, phiền lụy ai (chỉ muốn) sống dẫu nghèo mà trong sạch. (3) *Níp* : hòm đựng quần áo, sách vở thời xưa ; *bồ* : đồ đựng đan bằng tre, nứa, có thành cao, miệng tròn rộng gần bằng đáy. (4) *Bồng Hồ* : một trong

ba hòn núi đảo xinh đẹp có tiên ở, giữa Đông Hải, theo truyền thuyết của Trung Quốc (Phương Hồ tức Phương Trượng, Doanh Hồ tức Doanh Châu, Bồng Hồ tức Bồng Lai). Gọi là "hồ" vì cả ba núi đảo đó đều có hình giống bình đựng rượu. (*Hồ* chữ Hán có nghĩa là bình đựng rượu). Nghĩa cả hai câu thơ : Chẳng phải là thiếu vật dụng, mà vì thiếu bạn thấu hiểu được lòng mình (tri âm) nên cũng không muốn tìm nơi sung sướng, đẹp đẽ. Thơ Tú Xương : *Mình đi tu cho thành tiên thành Phật, để rong chơi Lãng Uyển, Bồng Hồ - Tớ nuôi con cho có rể có dâu, để trọn vẹn đạo chồng nghĩa vợ (Văn tế sống vợ).* (5) *Tâm Phật, nhưng miệng xà* : tấm lòng (tâm) thì hiền từ, nhân đức, nhưng lời nói thì lại dữ dội, độc địa (*xà* là con rắn) ; ngược với "khẩu Phật, tâm xà". (6) *Hương hỏa* : phần ruộng đất của ông cha để lại dùng riêng cho việc thờ cúng. Ý cả câu : "Nó còn là một cái phần" di sản quý báu lâu dài "trong gia tài tiếng nói Việt Nam". (7) *Bectôn Bơret* : nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng người Đức, sinh năm 1898 mất năm 1956. (8) *Yên Đổ* : làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, nơi sinh ra Nguyễn Khuyến. Vì đỗ đầu cả ba kì thi nên Nguyễn Khuyến thường được người ta gọi là Tam nguyên Yên Đổ (ông Tam nguyên ở làng Yên Đổ), gọi tắt là Yên Đổ. (9) *Cống hỉ* : tiếng người vùng Quảng Đông (Trung Quốc) chúc mừng nhau ; *mét xì* (tiếng Pháp : *merci*) : có nghĩa là cảm ơn. Thơ Tú Xương : *"Cống hỉ", "mét xì" thông mọi tiếng - Chẳng sang Tàu cũng tếch sang Tây (Mai mà tớ hỏng).* (10) *Xanh căng* (tiếng Pháp : *cinquante*) : có nghĩa là 50. (11) *Vạn lí trường thành* : bức thành dài ngót 5.000 dặm chủ yếu do Tần Thủy Hoàng xây từ thế kỉ thứ III trước CN, ở phía tây Trung Quốc để chống giặc Hung Nô, trên cơ sở những đoạn thành đã có sẵn do các nước chư hầu xây từ thời Chiến quốc. Đến đời Minh, nó lại được xây dựng thêm nhiều đoạn khác, nâng tổng số chiều dài lên trên 12.700 dặm. (12) *Giày dôn* : *dôn* (tiếng Pháp : *jaune*) có nghĩa là màu vàng, *giày dôn* là giày da có màu vàng ; *ô tây* là ô của Tây hoặc làm theo kiểu Tây (Pháp). Đây là những thứ trang phục sang trọng, đắt tiền thời bấy giờ. (13) *Chỉn* : từ cổ có nghĩa là vốn, vẫn ; cũng có khi dùng theo nghĩa như *còn*, hay *chỉ*. Nghĩa cả câu : Chỉ e nay gió mai mưa. Thơ Nguyễn Du : *Chỉn e quê khách một mình - Tay không chưa dễ kiếm vành ấm no (Truyện Kiều).* (14) *Đê hạ* : đê tiện, thấp hèn đến mức đáng khinh bỉ. (15) *Vu đàm khoát luận* : *vu khoát* nghĩa là viển vông, không thực tế ; *đàm luận* nghĩa là bàn bạc. Nghĩa cả câu : "vẫn trên cái cơ sở thực tế" đê hèn thấp kém ấy "mà nâng lên", chứ không phải là bàn luận viển vông, xa vời. (16) *Uymua* (tiếng Pháp : *humour*) : có nghĩa là hài hước. (17) *Sứ điệp* : *sứ* là sứ giả, *điệp* là thông điệp ; cả đoạn câu này có thể hiểu : "nhịp mãi lên một tấm lòng" của người muốn gửi gắm điều gì đó cho đời. (18) *Sông lấp* : sông Vị Hoàng, một con sông chảy ngang qua thành phố Nam Định, nối sông Hồng với sông Đáy. Từ khoảng cuối thế kỉ XIX về trước, khi chưa có cảng Hải Phòng, đoạn qua Nam Định là một cửa khẩu phồn thịnh (thời đó, Nam Định là trung tâm văn hóa chính trị vào loại quan trọng ở Bắc Kì). Về sau, con sông này bị lấp đi. (19) *Viên mãn* : tròn đầy. (20) *Sắng đá* (tiếng Pháp : *soldat*, đọc chệch đi) : có nghĩa là lính ; *giày đinh sắng đá* là giày đinh của lính. (21) *Ca nông* (tiếng Pháp : *canon*) : nghĩa là súng đại bác (súng nòng to). Cả đoạn câu có thể hiểu : "quê hương lộp cộp" tiếng giày đinh của lính "và đì đoành" tiếng súng đại bác của giặc Pháp...

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đoạn trích bài phê bình của Nguyễn Tuân đã giúp người đọc hiểu được những đặc sắc gì của thơ Tú Xương về nội dung và hình thức ?

2. Tìm những đoạn văn giàu hình ảnh của đoạn trích bài phê bình và phân tích những hình ảnh ấy.

3. Nhận xét phong cách phê bình văn học của Nguyễn Tuân qua đoạn trích trên đây.

HUỆ CHI TRƯỚC LỄ CƯỚI

(Trích tiểu thuyết *Cửa biển*)

NGUYÊN HỒNG

thuongmaitr

Tiểu dẫn

Tiểu sử và đặc điểm con người Nguyên Hồng đã được giới thiệu trong Tiểu dẫn truyện ngắn *Mợ Du* (tác phẩm đọc thêm) ở SGK *Văn học 11, Tập một, Phần văn học Việt Nam* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000). Ở đây, chỉ giới thiệu tóm tắt tiểu thuyết *Cửa biển*.

Cửa biển là một bộ tiểu thuyết lớn, dài hơn 2000 trang, gồm 4 tập : *Sóng gầm* (1961), *Cơn bão đã đến* (1968), *Thời kì đen tối* (1973), *Khi đứa con ra đời* (1976). Tác phẩm viết về một thời kì sôi động nhất của lịch sử cách mạng Việt Nam : từ thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939) đến cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945. Nhân vật rất đông đảo, gồm hàng trăm người thuộc đủ loại tầng lớp xã hội, nghề nghiệp và xu hướng chính trị khác nhau, hoạt động chủ yếu ở địa bàn Hải Phòng - thành phố "cửa biển".

Tác phẩm dựng lên hai thế giới đối lập với nhau : thế giới của những người dân lao động vô cùng cực khổ (tập trung ở xóm Cấm, Hải Phòng) và thế giới của bọn đại địa chủ, đại tư sản Tây và ta cùng tay sai của chúng. Phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã lôi cuốn mạnh mẽ thế giới thứ nhất, và nhờ đó, cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã thành công. Phong trào ấy đã làm phân hóa dữ dội thế giới thứ hai. Nhật hất cẳng Pháp. Bọn địa chủ, tư sản phản động và tay sai của chúng, đứa theo Tây, đứa theo Nhật, cũng trở mặt cấn xé nhau. Sự lục đục ấy diễn ra sâu sắc nhất, trắng trợn nhất trong gia đình đại tư sản Thi San và mẹ là cố bà Đức Sinh,

một đại địa chủ. Thi San giết vợ và tự tử trong ngục. Em Thi San là Kim Tú và mẹ (cố bà Đức Sinh) dâng cháu gái là Huệ Chi cho tên sĩ quan Nhật.

Tuy nhiên, trong thế giới giàu sang này có những người yêu nước, những tâm hồn trong sạch. Họ đi theo cách mạng (Bích Nga) hoặc kiên quyết bảo toàn nhân phẩm của mình (Huệ Chi).

Cửa biển là bộ sử thi hùng tráng về một thời kì lịch sử đầy khổ đau nhưng cũng đầy vinh quang của dân tộc. Hầu như ở tác phẩm nào cũng vậy, nhân vật thành công nhất của Nguyên Hồng vẫn là những con người ở dưới đáy của xã hội thành thị và những người phụ nữ giàu tình thương mà bất hạnh trong xã hội cũ. Xuyên suốt tác phẩm là một tình cảm nhân đạo thống thiết và một cảm hứng lãng mạn sôi nổi, tạo nên những trang viết đầy chất thơ mà đoạn trích dưới đây là một bằng chứng (trích chương V, tập IV : *Khi đứa con ra đời*).

*

* *

Huệ Chi[1] uống hết bát thuốc bắc của u Hùng bưng cho. Tới khi cố bà Đức Sinh kể lể sự tình xong, gục xuống kêu van Huệ Chi hãy nghe lời cố bà mà cứu lấy cả nhà, Huệ Chi còn ôm lấy cố bà, bảo đừng khóc đừng nói với Huệ Chi như thế. Nghĩa là nhất nhất việc gì Huệ Chi đều nhận hết, tuy không tươi tỉnh, nhưng vẻ lặng lẽ không phải là còn ấm ức hay bất thuận. Nghe u Hùng kể lại tỉ mỉ tất cả những diễn biến từ hôm qua cho đến lúc cố bà Đức Sinh lên đây khuyên giải Huệ Chi, và tình hình chuyện trò, ăn uống và cử động của Huệ Chi, Tú bèn quyết định để Huệ Chi hoàn toàn yên tĩnh một mình trong buồng cho tới nửa giờ trước lễ cưới, thì cố bà và u Hùng mới lại được ra vào. Nếu Huệ Chi lại nằm im hay ngủ chợp đi được thì càng tốt.

– U cố giúp tôi trong việc này nhé ! Xong xuôi, chuyến này u về quê muốn tậu năm mẫu hay mười mẫu hay lấy hẳn tất cả bãi mới bồi của làng làm tư điền[2] thì tôi cũng lo cho. Còn nhà cửa để ở, trừ phi u muốn khiêng tòa đốc lí[2] của Hải Phòng về làng thì tôi đành chịu, chứ muốn xây kiểu gì cũng được... U không phải là u Hùng nữa mà là... chị cả tôi đấy !... Chồng của Huệ Chi là con rể của u đấy ! U cứ ở với con gái, con rể mình rồi trông nom cho chúng nó !...

U Hùng chỉ cúi mặt và sẽ sàng :

uongxua.vn

– Cháu không dám, xin giã ơn cậu !

Trước khi đến trình với Bốn mắt trùm hiến binh[4] và quan thày của Tú ở Hải Phòng công việc giờ giấc và cho đánh xe đón những lính hầu riêng của Bốn mắt đến khách sạn Thiên Tân lấy các bánh kẹo để dọn tiệc, Tú lại gọi u Hùng đến dặn dò và khích lệ. Tú cẩn thận lên xem xét lại sân thượng đến buồng ngủ và suốt cầu thang trang hoàng liệu có sơ suất gì chăng rồi mới ra xe...

Đã bốn giờ rưỡi. Sáu giờ Tú và những lính hầu của Bốn mắt sẽ về bày tiệc. Đúng bảy giờ kém mười, Bốn mắt sẽ cùng một số bạn thân đi ô tô riêng đến. Bấy giờ thì mở sâm banh, nâng cốc...

Phải, Huệ Chi lại nằm im. Trời chiều, gió to thêm. Ngoài vườn, những cành lá hoàng lan, khế, sấu, bưởi, me... reo như nổi sóng. Mấy tấm cửa kính buồng Huệ Chi thỉnh thoảng lại rùng rùng làm trong nhà vang lộng hẳn lên. Nằm lâu như thế, Huệ Chi không ngủ mà cũng không thức. Từ lúc uống thuốc bổ xong, Huệ Chi càng thấy mặt mày đầu óc thì hừng hừng mà trong người lại tê tê lạnh lạnh...

thuongmaitr

Như mọi khi ốm mệt hay cố không cho tâm trí nghỉ ngợi vẩn vơ, Huệ Chi đã ngồi dậy đọc kinh, và chỉ lần chưa hết bảy đàng Thánh giá[5], thì Huệ Chi đã trọn vẹn được nhập cả và[6] mình và đi theo chân Chúa, với những hình ảnh roi rói, ở cả trong tâm trí, ở cả trước mặt, ở cả những khoảng xa vời vợi, sâu thăm thẳm mà Huệ Chi bỗng bắt gặp cảm giác mình đã lẫng tới được. Nhưng từ hôm qua đến sáng nay và suốt cả trưa nay, Huệ Chi cứ thấy như là phút thì điện giật, phút thì kim châm, phút thì nước đá chà xát lên thái dương, trong giữa não, trên đỉnh đầu và cả các chân tóc. Thế rồi nếu như tâm trí Huệ Chi bị tê bị dại hẳn đi, thì Huệ Chi thiêm thiếp ngủ được, không thế Huệ Chi cứ phải nằm mà chịu các cái quái lạ ấy nó không cho Huệ Chi bất kì bằng cách nào cầm lòng cầm chí mà nguyện ngắm[7] được !

Cũng y như buổi xưa cha Huệ Chi bắn chết Giáng Hương, rồi bị bắt rồi có tin ông đã thắt cổ chết trong đề lao, mà thoạt tiên thì Huệ Chi thấy rành rành các sự việc cứ diễn ở ngay trước mắt, nhưng về

sau không hiểu sao Huệ Chi lại thấy như không phải là thế, không có sự như thế, không thể nào lại là như thế và có như thế !

Những ngày ấy, đã có lần Huệ Chi ngất đi và rồi phải uống thuốc vì ốm vì sốt thật. Còn ngày nay và bây giờ đây, Huệ Chi tuy đã trải qua nhiều phút kinh hoàng khủng khiếp, song Huệ Chi lại không bị ngất và cũng không thấy ốm, thấy sốt gì cả !

Tiếng đồng hồ tủ đứng ở buồng bên nổi những tiếng như chuông như khánh báo hiệu rồi điểm năm tiếng. Huệ Chi chợp hẳn mắt. Năm giờ mười lăm... Năm giờ rưỡi. Chợt có tiếng gọi văng vẳng :

– Huệ Chi ! Huệ Chi !

Huệ Chi choàng dậy :

– Mẹ ơi ! Mẹ ơi !

Nước mắt Huệ Chi giàn ra. Cùng những giọt lệ, hình ảnh người mẹ đã khuất từ năm Huệ Chi còn cặp tóc tới nay vừa đúng mười lăm năm vừa lay gọi Huệ Chi và khi Huệ Chi mở mắt nhìn, thì lại thoắt biến mất ! Huệ Chi lảo đảo đứng dậy, xoay xoay nắm đấm cửa sổ. Gióng sắt vặn không chặt lắm, nhưng bàn tay gân xanh lằn hết lên, không sao giật được. Huệ Chi ngước đầu nhìn mắc áo, từ từ đi đến lấy chiếc áo bằng lụa bạch vẫn mặc đi lễ, xỏ tay rồi mở cửa buồng đi ra...

– Mẹ nhỉ ! Con không lấy ông ta đâu ! Cả ba và mẹ chắc cũng không đời nào cho con lấy ông ta, vậy thì con lấy ông ta thế nào được ? Tối hôm nay ông ta đến xem mặt con và ngỏ lời với con, con sẽ nói với ông ta. Chúa sẽ soi sáng cho ông ta nghe ra mà không giận không hờn gì với chú Tú cả ! Cầm bằng ông ta mà giận hờn không che chở cho nhà ta, để nhà binh Nhật sung công[8] tất cả gia tài thì cứ sung công, và nếu có bắt thì con xin chịu bắt thay cho cả nhà... Con yếu đuối hiền lành như thế này thì người ta cũng phải thương chứ, mà xét xử cho nếu thật là nhà ta có tội ! Ông ta là người có học, đỗ những hai bằng Luật khoa tiến sĩ, Văn khoa tiến sĩ, dạy ở ba trường cao đẳng to nhất Đông Kinh[9] ... và sang đây chỉ chuyên nghiên cứu và viết sách viết báo cơ mà !

Huệ Chi đi lên cầu thang. Một làn hương hoa thân thuộc hút lấy Huệ Chi cùng với một làn hơi ẩm lạnh mờ ảo. Tấm thảm nhung màu huyết dụ[10] cuồn cuộn xoay xoáy trải suốt lên sân thượng. Từng quãng từng quãng mô tay vịn đã có một chậu hoa sen hay một bình hoa hồng, lại còn cài thêm những bó hoa huệ theo những con song tiện, tưởng như mỗi quãng là một cụm hoa trồng ở phía trong chồi ra. Hoa sen thì gần như ngập cả thảm lót. Bước chân Huệ Chi càng không thấy tiếng động, chập chờn, bập bồng thêm, đôi bước còn như ngập lún rồi hất lên những cánh hoa nhỏ nõn mát rượi.

– Mẹ lại dắt tay con lên thang như cả khi còn khỏe đây ! Tay mẹ cứ nâng đỡ cho con từng bước, chỉ lo cho con khuỵu chân vì mỏi tay, chóng mặt vì gió !

– Mẹ còn choàng lấy lưng con, sát sát mặt, mũi, má mình vào tóc vào trán con mà thủ thỉ : "Trưa nay, tối nay, ngày mai... mẹ lại nấu chè ngô non, chè đỗ đãi, mẹ lại thổi xôi hoa cau[11], lại luộc ngồng cải, lại chưng mắm cáy, lại rang tép dìu[12] cho con ăn nhé !"...

– Mẹ cứ nắn nắn cánh tay con mà xuýt xoa : "Ai bảo con cậy khỏe dám cuốc vườn với cậu Khòa ? Ai bảo con cậy khỏe dám tưới rau với cậu Khòa. Tối nay, con để mẹ bóp rượu chổi và lại gối tay mẹ mà ngủ !"...

Sắp qua cửa buồng Thi San và Giáng Hương, Huệ Chi mắt như mờ đi nhưng vẫn bước qua đúng ba bậc thang để lên tầng trên. Tới đây, gió trên sân thượng thổi cuộn xoáy, hương hoa như dội thành từng lớp sương lên người Huệ Chi.

– Ngay khi mẹ có thằng Hùng, mẹ vẫn chỉ ngủ với con mẹ nhỉ ! Mẹ còn đọc thêm kinh khi con đã vào màn. Lắm đêm, mẹ ngồi bên con tới sáng chỉ để nhìn con ngủ mà con thì chỉ có nóng âm âm hay lại bỏ cơm chiều. Vậy mà khi mẹ ốm nặng thì mẹ lại không cho con ngồi lâu bên mẹ... và khi mẹ sắp lâm chung[13]... thì mẹ...

Nếu như mọi khi, Huệ Chi không ngã chúi thì cũng loạng loạng vì làn gió và sự xuất hiện choáng vập nọ. Huệ Chi đã nhô dần khỏi bực cuối cùng lên gác thượng. Cả khoảng lộ thiên lan can bao chung quanh đều bày các thứ đồ sứ, pha lê, đồng hun, bạc đựng hoa. Vẫn

toàn huệ trắng, sen trắng và hồng bạch. Một dãy bàn phủ khăn trắng và hai dãy ghế nệm nhung màu tím hoa sim và bọc một phần bằng sa tanh màu nguyệt bạch[14], kê giữa sân. Hai đầu có hai cụm hoa không biết là bao nhiêu chậu, bao nhiêu gốc, còn trên bàn thì bầy rải các đĩa hoa, bát hoa, bình hoa và các cụm nến pha lê. Những đèn điện bóng che rất khéo trong các khóm hoa và cụm nến đều kết thêm dải sa tanh, cẩm châu màu nguyệt bạch và tím hoa sim...

Một vành trăng lá lan[15] đang hé hé trên cao. Gió ù ù. Hương hoa càng như sương tỏa.

– Mẹ ơi ! Kia là quê mẹ đấy ! Nhà bà ở gần biển, có năm bị bão nước vỡ đê, cậu Khòa phải cõng mẹ bơi qua những ngọn sóng tung hai người lên quá cả ngọn tre, mãi mới vào được trong làng mẹ nhỉ ! Mẹ chỉ kể chuyện quê mình cho các con nghe, cho mình con nghe, và đã hẹn khi nào con lớn, có dịp thì đưa cả con và hai em về... Lạ chưa kìa ! Hơn năm giờ, gần sáu giờ rồi, sao ngoài Đồ Sơn lại sáng như thế kia, sáng hơn cả buổi sáng ấy. Hay giờ đây đang là buổi sáng, mà mẹ thì về ở đây từ mười lăm năm nay...

tuongxua.vn

Người mẹ vấn khăn tóc đuôi gà[16], gương mặt ngăm ngăm nâu, mắt bồ câu nửa vui nửa buồn, răng hạt huyền[17], người nhỏ bé, mặc áo the[18] màu gụ, quần nái[19], từ từ đến giơ giơ tay ngăn đón và bỗng hét lên :

– Huệ Chi ! Giêsuma ! Huệ Chi ! Con tôi chết rồi !... Lạy Chúa tôi rất nhân từ và lòng lành vô cùng ! Thế là con tôi chết rồi ! Giêsuma lạy Chúa tôi !...

Huệ Chi đã mở cửa lan can sân gác thượng tầng gió thổi hun hút, lờ đờ bước ra, thả người xuống một vùng thăm thẳm mờ mờ, ầm ầm ù ù, và hương hoa lộng ngát...

(*Cửa biển*, Tập IV : *Khi đứa con ra đời*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1976)

Chú thích

(1) Huệ Chi là con vợ đầu (đã mất) của đại tư sản Thi San. Thi San và vợ kế là Giáng Hương ngày càng bất hòa sâu sắc (Giáng Hương ngoại tình). Trong một cơn giận dữ, Thi San bắn chết vợ và bị tù, y tự tử trong ngục. Nguyễn Kim Tú, em (khác

mẹ) Thi San, là một tên vô lại, vốn ghét anh, nhân cơ hội, tranh lấy gia tài của Thi San. Hắn theo Nhật, dựa thế Nhật để hoành hành. Hắn buộc cháu là Huệ Chi phải lấy viên võ quan Nhật và thuyết phục mẹ là cố bà Đức Sinh đồng tình như thế, hi vọng dựa vào Nhật, giữ được gia tài của mình. Huệ Chi là cô gái trong trắng, tốt bụng, hết sức ngoan đạo và rất thương mẹ. Huệ Chi thể chất rất yếu, dễ xúc động, tâm hồn dường như luôn luôn sống với một thế giới không phải của thực tại, một thế giới riêng của Chúa và của những kỉ niệm về mẹ, về tuổi thơ đầy mến thương. (2) *Tư điền* : ruộng riêng. (3) *Tòa đốc lí* : nơi làm việc của viên quan Tây đứng đầu thành phố. Ở đây ý nói, một ngôi nhà to lớn, sang trọng bậc nhất của thành phố Hải Phòng. (4) *Hiến binh* (hay *cảnh binh, quân cảnh*) : loại cảnh sát trong quân đội. (5) *Lần chưa hết bảy đàng Thánh giá* : vừa đọc vừa lần tràng hạt có đeo Thánh giá hết bảy lần. (6) *Cả và* : từ thường dùng trong ngôn ngữ của đạo Thiên Chúa, có nghĩa là tất cả. (7) *Nguyện ngắm* : ngắm ảnh Chúa mà cầu nguyện. (8) *Sung công* : tịch thu làm của công. (9) *Đông Kinh* : Tôkyô, thủ đô nước Nhật. (10) *Màu huyết dụ* : màu đỏ thẫm. (12) *Xôi hoa cau* : xôi đỗ xanh đã xát vỏ như hoa cau. (12) *Tép diu* : tép nhỏ. (13) *Sắp lâm chung* : sắp mất. (14) *Màu nguyệt bạch* : màu sáng trắng như ánh trăng. (15) *Vành trăng lá lan* : trăng non vành mỏng như lá lan. (16) *Vấn khăn tóc đuôi gà* : tóc dài vấn khăn quanh đầu, để một món đuôi tóc ra ngoài vồng lên như đuôi gà. (17) *Răng hạt huyền* : răng nhuộm đen nhánh và đều như hạt huyền (hạt bằng thứ đá nhẹ, màu đen nhánh). (18) *Áo the* : áo dài bằng thứ hàng tơ mỏng, thưa và nhẹ. (19) *Quần nái* : quần bằng một thứ hàng tơ tằm sợi thô nhuộm đen.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích hoàn cảnh tội nghiệp và tâm sự đáng thương của Huệ Chi.

2. Phân tích tính cách và hành động của Huệ Chi - có mặt yếu đuối tiêu cực, nhưng đồng thời lại có mặt phản kháng tích cực (đối với những thế lực đen tối trong xã hội và đối với cả thần quyền - cần nhớ Huệ Chi là người theo đạo Thiên Chúa).

3. Trong giây phút cuối cùng của đời mình, Huệ Chi đi theo tiếng gọi của Chúa hay của tình người, tình đời ? (Trước lễ cưới, trong cơn mê sảng, Huệ Chi sống với kỉ niệm gì và lần bước theo tiếng gọi của ai ?). Phân tích những biểu hiện cảm động của tình mẹ con ở Huệ Chi.

4. Phân tích diễn biến tâm trạng của Huệ Chi và đánh giá nghệ thuật diễn tả tâm lí của Nguyên Hồng.

5. Chữ nghĩa và câu văn của Nguyên Hồng có ưu điểm và nhược điểm gì ?

RỪNG XÀ NU

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Tiểu dẫn

Nguyễn Trung Thành tên khai sinh là Nguyễn Văn Báu, sinh ngày 5-9-1932, quê ở huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Năm 1950, đang học trung học chuyên khoa (bây giờ là trung học phổ thông) ông gia nhập quân đội và chủ yếu hoạt động ở Tây Nguyên - chiến trường chính của Liên khu V bấy giờ. Sau một thời gian ở đơn vị chiến đấu, ông làm phóng viên báo *Quân đội nhân dân* Liên khu V và lấy bút danh Nguyên Ngọc. Sau Hiệp định Giơnevơ, Nguyên Ngọc tập kết ra Bắc. Những sáng tác chính của ông trong thời kì này : *Đất nước đứng lên* (giải nhất về tiểu thuyết, giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955), *Mạch nước ngầm* (truyện vừa, 1960), *Rẻo cao* (tập truyện ngắn, 1961).

Năm 1962, ông trở lại miền Nam, hoạt động ở khu V, là Chủ tịch chi hội Văn nghệ giải phóng miền Trung Trung Bộ, phụ trách tạp chí *Văn nghệ quân giải phóng* của Quân khu V. Những tác phẩm chính của ông (với bút danh Nguyễn Trung Thành) viết trong những năm chống Mĩ cứu nước : *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* (tập truyện và kí, 1969), *Đất Quảng* (tiểu thuyết, phần I - 1971, phần II - 1974).

Trong cả hai cuộc kháng chiến, ông gắn bó mật thiết với chiến trường Tây Nguyên. Nhà văn gần gũi, hiểu biết cuộc sống và tinh thần quật cường bất khuất, yêu tự do, quý cách mạng của nhân dân các dân tộc thiểu số trên mảnh đất này của Tổ quốc.

Đó là nguyên nhân quan trọng đưa đến thành công của tiểu thuyết đầu tay *Đất nước đứng lên* cũng như của truyện ngắn *Rừng xà nu* (giải thưởng văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu, 1965). Có thể coi đây là những bản anh hùng ca mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn về cuộc chiến đấu của nhân dân Tây Nguyên, nói rộng ra là về hai cuộc chiến tranh nhân dân kì diệu của dân tộc ta.

Nguyên Ngọc viết *Rừng xà nu* mùa hè năm 1965, khi đế quốc Mĩ bắt đầu đổ quân ào ạt vào miền Nam nước ta. Truyện được đăng trên tạp chí *Văn nghệ quân giải phóng* miền Trung Trung Bộ (số 2, 1965), sau đó in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*.

*

* *

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu[1] cạnh con nước lớn[2]. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị

truongxua.vn

chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quyện lại thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời.

*

Ba năm đi lực lượng[3] bữa nay Tnú mới có dịp ghé về thăm làng. Thằng bé Heng gặp ở con nước lớn dẫn anh về. Ngày anh ra đi nó mới đứng đến ngang bụng anh, chưa biết mang củi, chỉ mới đeo cái xà lét[4] nhỏ xíu theo người lớn ra rẫy. Bây giờ nó mang một khẩu súng trường mát, dẫn anh đi. Vẫn là con đường cũ, qua cái nà bắp[5] đã trồng sắn và cây pom chu[6] vắt lên hai cái dốc sừng sững đã được cắt ra từng bực, chui qua một rừng lách rậm ngày mưa thì vô số vắt lá, rồi đến cái làng nhỏ của anh. Nhưng nếu không có người dẫn, chắc chắn Tnú không dám đi một mình. Đường cũ nay chằng chịt hầm chông, hố chông, cứ mười phút gặp một giàn thò[7] chuẩn bị sẵn, cần thò căng như dây ná, đánh một phát chắc chặt gẫy đôi ống quyển[8], lưỡi thò từng đôi, từng đôi gác lên giàn, sắc lạnh. Thằng bé Heng lớn lên cũng ít nói như những người dân làng Xô Man này. Nó đội một cái

thuongmaitr

mũ sụp xin được của anh giải phóng quân nào đó, mặc một chiếc áo bà ba dài phết đít, vẫn đóng khố, súng đeo chéo ngang lưng ra vẻ một người lính thực sự. Thỉnh thoảng, tới chỗ ác chiến điểm, nó quay lại nhìn Tnú, cười một cái rất liếng, như bảo :

– Coi được chớ, anh Tnú ?

Mắt nó lóe lên một tia sáng nhỏ, lộ ý khoe khoang rõ rệt. Tnú cũng cười, gật đầu. Hiểu ý nhau, hai người lại cặm cụi đi.

Tới con suối nhỏ có một khúc nứa dẫn nước từ trong lòng đá ra, thằng Heng đứng lại bảo :

– Rửa chân đi. Nhưng đừng uống nước lạnh. Uống nước lạnh, về chị Dít phê bình đó.

Tnú cười :

– Chị Dít là vệ sinh viên à ?

Heng cãi lại ;

– Không, chị Dít là bí thư chi bộ chớ. Một người làm hai việc, làm luôn cả chính trị viên xã đội nữa.

À ra vậy. Tnú không uống nước, anh bỏ mũ, cởi mấy khuy áo trên ngực, rồi khom lưng xuống, ngửa hai bàn tay vã nước lên mặt, lên đầu. Nước mát lạnh đến tê người. Máu trong đầu anh phản ứng, giật giần giật ở hai má. Tnú vẫn nghĩ :

"À ra vậy ! Dít đã thành bí thư chi bộ xã". Thực tình, anh không hình dung được Dít bây giờ ra thế nào. Dít là em gái Mai. Ngày Mai mất và Tnú ra đi, nó còn là một cô bé không có áo mặc, đêm lạnh nó không ngủ, đốt lửa ngồi cho đến gà gáy rồi đi giã gạo thay chị. Tnú cầm mấy cây xà nu soi cho Dít gằn gạo. Nó gằn đủ ba mươi lon gạo trắng, đổ ruột nghé[9] cho Tnú mang đi. Nó lầm lì, không nói gì cả, mắt ráo hoảnh trong khi mọi người, cả cụ già Mết, đều khóc vì cái chết của Mai...

Heng giục :

– Tắm nước lâu lạnh, cảm sốt đó. Đi chớ, sắp tối rồi !

Tnú không lau khô đầu tóc. Anh cầm mũ đi theo Heng.

Đến chỗ sắp bước vào rừng lách, có một cây lớn ngã ngang đường phải leo qua. Cạnh đó, du kích đã đào một cái công sự dài. Hồi Tnú ra đi cây này chưa ngã. Tnú dừng lại. Chính ở đây, anh đã gặp Mai lần đầu. Tất nhiên không phải là lần đầu hẳn, cả hai đều là người làng, họ biết nhau từ ngày

mẹ còn địu trên lưng. Nhưng chính ở đây, lần đầu tiên sau khi ở tù về, Tnú gặp lại Mai, thấy Mai đã lớn không ngờ, và Mai thì cầm hai bàn tay anh lúc ấy còn lành lặn, ứa nước mắt khóc, không phải như một đứa trẻ nữa mà như một người con gái đã lớn, vừa xấu hổ vừa thương yêu. Kỉ niệm đó cắt vào lòng anh một nhát dao nữa. Anh trợn mắt lên, như những lúc bị tra tấn đau quá trước đây. Thằng bé Heng không biết câu chuyện đó. Leo lên thân cây, rồi nó quay lại nhìn Tnú, hất hàm ra hiệu :

– Đi chớ, anh Tnú ! Lâu ngày về, chân không leo nổi cái dốc nữa à ?

Tnú trèo qua thân cây. Con đường đổ xuống dốc lỗ chỗ hố chông. Mặt Tnú đanh lại. Anh lẳng lặng đi cho đến khi anh nhận ra tiếng chày dồn dập của làng anh. Bây giờ anh chợt hiểu ra rằng hình như cái mà anh nhớ nhất ở làng, nỗi nhớ day dứt lòng anh suốt ba năm nay chính là tiếng chày đó, tiếng chày chuyên cần, rộn rã của những người đàn bà và những cô gái Strá[10], của mẹ anh ngày xa xưa, của Mai, của Dít, từ ngày lọt lòng anh đã nghe thấy tiếng chày ấy rồi. Tnú cố giữ bình tĩnh nhưng ngực anh vẫn đập liên hồi, chân cứ vấp mãi mấy cái rễ cây ở chỗ ngã quẹo vào làng. Anh vượt đi lên trước Heng. Heng chạy theo anh, vừa gọi :

– Chông đấy, có chông đấy, không phải như trước đâu, đi theo tui chớ !...

thuongmaitr

Đến làng, mặt trời chưa tắt. Thằng bé Heng tháo cây súng chống xuống đất gọi to :

– Người già ơi, có khách đấy !

Ở mỗi cửa nhà ló ra bốn, năm cái đầu ngơ ngác. Những cặp mắt tròn xoe, rồi những tiếng ré lên và những tiếng reo :

– Giàng ơi[11] ! Tnú... Anh Tnú, thằng Tnú ! Nó về rồi... mày về rồi thật đó, hả Tnú ?

Có những người không kịp bước xuống thang, nhảy phóc một cái từ trên sàn nhà xuống đất. Những bà già - trời ơi bà cụ Leng còn sống kia à ! - lụm cụm bò xuống thang, từng bậc từng bậc, vừa chửi :

– Con cháu ! Ma bắt mày, thằng quỷ !... Mày không chờ cho tau chết rồi về một thể có được không !

Ở các nhà vẫn còn có những đầu lấp ló : các cô không chạy ra, chỉ ngồi trong nhà, cười rúc rích. Cả làng đã vây chặt quanh Tnú. Anh nhận ra tất cả. Ông già Tặng này, vẫn chòm râu quai nón đó, chỉ thêm cái ống điếu dài gò bằng sắt máy bay trực thăng ; anh Pre này, trông già hẳn đi ; chị Blom này, tóc đã lốm đốm bạc ; bà già Prôi này, đã rụng hết cả hai hàm răng

rồi... Một lũ trẻ lạu nhau, đứa nào đứa ấy mặt mày lem luốc khói xà nu. Còn ông già Mết đâu rồi ? Tnú định hỏi :

– Cụ Mết đâu ?

Một bàn tay nặng trịch nắm chặt lấy vai anh như một kìm sắt. Anh quay lại : cụ Mết ! Ông cụ vẫn quắc thước như xưa, râu bây giờ đã dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt vẫn sáng và xếch ngược, vết sẹo ở má bên phải vẫn láng bóng. Ông ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn. Ông cụ đẩy Tnú ra một bước, nhìn anh từ đầu đến chân, rồi phá lên cười :

– Hà hà !... Đeo cả tôm xông(12) về à... Anh "lực lượng"... Được !

Tnú hiểu ý ông cụ. Ông không bao giờ khen "Tốt ! Giỏi !". Những khi vừa ý nhất, ông chỉ nói "Được !".

Lúc ông cụ Mết nói, mọi người đều im bặt. Ông nói như ra lệnh, sáu mươi tuổi rồi mà tiếng nói vẫn ồ ồ, dội vang lồng ngực :

– Cấp chỉ huy cho về mấy đêm ?... Một đêm à, được ! Cho một đêm, về một đêm, cho hai đêm, về hai đêm, phải chấp hành cho đúng. Đêm nay mày ở nhà tau.

ruongxua.vn

(Lược bỏ một đoạn : *Cụ Mết dẫn Tnú ra máng nước đầu làng. Dù đã rửa ở suối rồi, nhưng Tnú vẫn xúc động để cho vòi nước của làng mình giội lên khắp người như ngày trước.)*

*

Bữa cơm tối ở nhà cụ Mết, ngoài món canh tàu môn bạc hà(13) nấu lạt trong ống nứa, còn có thêm mấy con cá chua. Đó là món đặc biệt cụ Mết đãi người đi xa về. Tnú mở ống lương khô, xúc cho ông cụ một muỗng muối. Ông cụ bảo :

– Tau cũng còn nửa lon muối của huyện thưởng con Dít ngày đó đi đại hội chiến sĩ thi đua, nó về chia đều cho mỗi bếp một phần. Nhưng cái đó để dành cho người đau. Còn cái này mày cho thì tau ăn.

Ông cụ không nêm muối vào canh. Ông chia mỗi người mấy hạt, họ ăn sống từng hạt, ngậm rất lâu trong miệng để nghe chất mặn đậm đà tan dần. Cơm gạo trắng ghế rất nhiều củ pom chu. Ông cụ bưng chén cơm nói như thanh minh :

– Năm nay làng không đói. Gạo đủ ăn tới mùa suốt[14]. Nhưng phải để dành, dự trữ mỗi bếp cho được ba năm. Mày đi cách mạng, người chỉ huy cũng dạy mày rồi, đánh thằng Mĩ phải đánh dài.

Rồi đột ngột, ông cụ hỏi :

– Mười ngón tay mày vẫn cụt thế à ? Không mọc ra được nữa à ?... Ừ...

Ông cụ đặt chén cơm xuống, giận dữ :

– Nhưng làng biết rồi chớ ?... Được ! Ngón tay còn hai đốt cũng bấn súng được. Mày có đi qua chỗ rừng xà nu gần con nước lớn không ? Nó vẫn sống đấy. Không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này !... Kìa, ăn đi chớ ! Gạo người Strá mình làm ra ngon nhất rừng núi này đấy, con ạ...

... Cơm nước xong, từ phía nhà ưng[15] có ai đấy đánh lên một hồi mõ dài lại ba tiếng. Dân làng lũ lượt kéo tới nhà cụ Mết. Các cô gái dụi tắt đuốc ở cầu thang trước khi bước vào nhà. Cũng có người, các bà cụ, cầm cả cây đuốc còn cháy rực đi thẳng vào, soi lên mặt Tnú, nhìn đi nhìn lại thật kĩ rồi ném bó đuốc vào bếp, lửa bốc lên, cháy giần giật. Các ông cụ thì chưa bước lên cầu thang đã nói oang oang :

- Thằng Tnú đâu rồi ! Cho nó ăn no rồi chớ, ông Mết ?

thuongmaitr

Có tiếng một bà già :

– Bọn đàn ông này, xê ra một chút cho con Dít nó ngồi với chớ. Dít ơi, ngồi đây con !

Tnú ngửng nhìn lên. Dít đã ngồi sụp xuống trước mặt anh, hai chân xếp về một bên, đưa tay kéo tấm váy che kín cả gót chân. Tnú bất chợt nghe một luồng lạnh rân rân ở mặt và ngực. Mai ! Trước mắt anh là Mai đấy ! Anh không ngờ Dít lớn lên lại giống Mai đến thế. Cái mũi hơi tròn của Dít ngày nay đã thẳng và nhỏ lại. Hai hàng lông mày đậm đến che tối cả đôi mắt mở to, bình thản, trong suốt. Dít nhìn Tnú bằng đôi mắt ấy rất lâu, trong khi bốn, năm đứa bé, đứa nào cũng tranh chỗ ngồi gần chị Dít. Rồi chị hỏi Tnú, giọng hơi lạnh lùng :

– Đồng chí về có giấy không ?

Tnú không hiểu :

– Giấy gì ?

– Giấy cấp trên cho nghỉ phép đó. Không có giấy, trốn về thì không được. Ủy ban phải bắt thôi.

Tnú cười ồ. Anh định đùa, bảo nhớ làng quá trốn về thăm làng một bữa, nhưng nhìn đôi mắt nghiêm khắc của Dít và nghe cái im lặng chờ đợi chung quanh, anh mở túi áo, lấy một mảnh giấy nhỏ đưa cho chị.

– Báo cáo đồng chí chính trị viên xã đội...

Dít cầm tờ giấy, soi lên ánh lửa. Hàng chục cái đầu chụm lại, mấy đứa bé lấp bắp đánh vần. Dít đọc rất lâu, đọc đi đọc lại đến ba lần. Cụ Mết hỏi :

– Đúng chớ ? Nó có phép chớ ?

Dít đưa trả lại cho Tnú. Bây giờ chị mới cười :

– Đúng rồi, có chữ kí người chỉ huy. Sao anh về có một đêm thôi ?

Rồi chị trả lời :

– Thôi cũng được. Về một đêm cho làng thấy mặt là được rồi. Bọn em miệng đứa nào cũng nhắc anh mãi.

Tiếng cười nói im đi một lúc bấy giờ lại rộn lên, chật cả căn nhà nhỏ.

– Có chữ kí của người chỉ huy đó nghe !

– Tốt lắm rồi !

– Một đêm thôi, mai lại đi rồi, ít quá, tiếc quá !

tuongxua.vn

Tiếng ông cụ Mết ồ ồ át tất cả :

– Hà hà... được !

Ông cụ đẩy hai, ba đứa bé ra, bước tới ngồi xuống trước bếp lửa, cạnh Tnú. Ông cụ gõ ống điếu lên đầu ông táo[16], bẻ một que nứa nhỏ ở sạp, cẩn thận xoi cho hết tàn thuốc trong ống điếu, rồi ngửng lên, nhìn quanh một lượt. Mọi người đã ngồi vào đấy và lắng chờ. Ông cụ bắt đầu nói.

Bên ngoài lấm tấm một trận mưa đêm, rì rào như gió nhẹ. Ông cụ không cất cao giọng, tiếng nói rất trầm :

– Ông già bà già thì biết rồi. Thanh niên có đứa biết, có đứa chưa biết rõ. Còn lũ con nít thì chưa biết – Ông cụ trừng mắt nhìn lũ trẻ, chúng nó cảm thấy cái nghiêm trang trong lời ông già, đứa nào đứa nấy ngồi im lặng thin thít, dán mắt vào miệng ông cụ – Tnú, anh Tnú của chúng mày về rồi đó – Ông cụ đặt bàn tay chắc nịch lên vai Tnú – Anh Tnú mà tau đã kể cho chúng mày nghe bao nhiêu lần rồi đó. Đấy, nó đấy, nó đi giải phóng quân đánh giặc, nay nó về thăm làng một đêm, cấp trên cho về một đêm, có chữ kí người chỉ huy, chị bí thư coi rồi. Nó đấy ! Nó là người Strá mình. Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng

nó sạch như nước suối làng ta. Đêm nay tau kể chuyện nó cho cả làng nghe, để mừng cho nó về thăm làng. Người Strá ai có cái tai, ai có cái bụng thương núi, thương nước, hãy lắng mà nghe, mà nhớ. Sau này tau chết rồi, chúng mày phải kể lại cho con cháu nghe...

(**Lược bỏ một đoạn :** *Cụ Mết kể lại chuyện cũ, lúc Tnú và Mai còn bé, nhưng đã góp phần tích cực vào việc nuôi giấu cán bộ ở trong rừng.)*

*

Anh cán bộ ở trong rừng lúc bấy giờ là anh Quyết. Từ ngày thằng Mĩ - Diệm tới rừng núi này, không bữa nào nó không đi lùng, không đêm nào chó của nó và súng của nó không sủa vang cả rừng. Nhưng dân làng Xô Man vẫn tự hào : năm năm, chưa hề có một cán bộ bị giặc bắt hay giết trong rừng làng này. Lúc đầu thanh niên đi nuôi và gác cho cán bộ. Thằng Mĩ - Diệm biết được, nó bắt thanh niên. Nó treo cổ anh Xút lên cây vả đầu làng.

– Ai nuôi cộng sản thì coi đó !

Rồi nó cấm thanh niên đi rừng. Bà già ông già thay thanh niên đi nuôi cán bộ. Nó lại biết được. Nó giết bà Nhan, chặt đầu cột tóc treo đầu súng.

Sau cùng đến lũ trẻ thay ông già, bà già. Trong đám đó, hăng nhất có Tnú và Mai. Hễ Tnú đi rẫy thì Mai đi với cán bộ. Hễ Mai ở nhà giữ con Dít cho mẹ thì Tnú đi. Cũng có bữa cả hai đứa cùng đi. Chúng ở lại luôn ngoài rừng ban đêm. Để cán bộ ngủ một mình ngoài rừng một đêm, bụng dạ không yên được. Lỡ giặc lùng, ai dẫn cán bộ chạy. Anh Quyết hỏi :

– Các em không sợ giặc bắt à ? Nó giết như anh Xút, như bà Nhan đó.

Tnú đang nằm trong lòng anh Quyết, ngồi dậy, tung cái dồ(17) ra :

– Cụ Mết nói : cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn.

Trong rừng, anh Quyết dạy Tnú và Mai học chữ. Anh chẻ nứa, đập giập ra, ghép lại thành mấy tấm bảng to bằng ba bàn tay. Ba anh em đốt khói xà nu xông bảng nứa đen kịt rồi lấy nhựa cây luông tờ

ngheo phết lên một lớp dày, rửa nước cũng không phai được. Tnú đi ba ngày đường tới núi Ngọc Linh mang về một xà lét đầy đá trắng làm phấn. Mai học giỏi hơn Tnú, ba tháng đọc được chữ, viết được cái ý trong bụng mình muốn, sáu tháng làm được toán hai con số. Tnú học chậm hơn, mà lại hay nổi nóng. Học tới chữ *i* dài, nó quên mất chữ *o* thêm cái móc thì đọc là chữ *ơ*. Có lần thua Mai, nó đập bể cái bảng nứa trước mặt Mai và anh Quyết, bỏ ra suối ngồi một mình suốt ngày. Anh Quyết ra dỗ, nó không nói. Mai ra dỗ, nó đòi đánh Mai. Mai cũng ngồi lì đó với nó :

– Tnú không về, tui cũng không về. Về đi, anh Tnú. Mai làm cái bảng khác cho anh rồi.

Nó cầm một hòn đá, tự đập vào đầu, chảy máu ròng ròng. Anh Quyết phải băng lại cho nó. Đêm đó, anh ôm nó trong hốc đá. Anh rủ rỉ :

– Sau này, nếu Mĩ - Diệm giết anh, Tnú phải làm cán bộ thay anh. Không học chữ sao làm được cán bộ giỏi.

tuongxua.vn

Tnú giả ngủ không nghe. Nó lén chùi nước mắt giàn giụa. Sáng hôm sau, nó gọi Mai ra sau hốc đá :

– Mai nói cho tôi chữ *o* có móc là chữ chi đi. Còn chữ chi đứng sau chữ đó nữa, chữ chi có cái bụng to đó.

Mai quay mặt đi, không dám cười. Nó viết một chữ có cái bụng to lên tấm bảng nó mới làm cho Tnú. Nó cố nói nhỏ nhưng giọng vẫn lanh lảnh :

– Anh nhớ giỏi lắm, chữ *bê* đó.

- Ừ, *bê*... *bê*... đầu tôi ngu quá !

Tnú hay quên chữ, nhưng đi đường núi thì đầu nó sáng lạ lùng. Nó liên lạc cho anh Quyết từ xã về huyện. Không bao giờ nó đi đường mòn. Giặc vây các ngả đường, nó leo lên một cây cao nhìn quanh một lượt rồi xé rừng mà đi, lọt tất cả các vòng vây. Qua sông nó không thích lội chỗ nước êm, cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi ngang,

vượt lên trên mặt nước, cỡi lên thác băng băng như một con cá kình. Nó nói :

– Qua chỗ nước êm thằng Mĩ - Diệm hay phục[18], chỗ nước mạnh nó không ngờ.

Nhưng lần đó, Tnú tới một thác sông Đắc Năng, vừa cuốn cái thư của anh Quyết gửi về huyện trong một ngọn lá dong, ngậm vào miệng định vượt thác, thì họng súng của thằng giặc phục kích chĩa vào tai lạnh ngắt, Tnú chỉ kịp nuốt luôn cái thư.

(**Lược bỏ một đoạn :** *Tnú bị giặc bắt và bị tra tấn dã man. Ba năm sau, Tnú vượt ngục trở về làng. Anh Quyết đã bị thương nặng trong một trận phục kích. Trước lúc hi sinh, anh viết thư động viên dân làng Xô Man. Nghe lời anh, mọi người chuẩn bị chiến đấu.)*

*

Tin làng Xô Man mài giáo đến tai bọn giặc ở đồn Đắc Hà. Giữa mùa suốt lúa, chúng kéo về một tiểu đội vừa đúng lúc đứa con trai đầu lòng của Mai và Tnú ra đời. Cũng thằng chỉ huy năm trước, thằng Dục. Nó đội mũ đỏ màu máu. Nó gầm lên :

thuongmaitr

– Lại thằng Tnú chứ không ai hết. Con cọp đó mà không giết sớm, nay nó làm loạn rừng núi này rồi.

Cụ Mết và Tnú dẫn thanh niên lánh vào rừng. Họ không đi đâu xa, chỉ luẩn quẩn ở các gốc cây, hốc đá quanh làng, bám theo giặc. Chúng nó đóng lại trong làng bốn đêm. Ngọn roi của nó không từ một ai. Tiếng kêu khóc dậy cả làng. Thằng Dục lăm lăm khẩu súng lục :

– Đứa nào ra khỏi làng, bắt được, bắn chết ngay tại chỗ.

Không ai lọt ra được. Chỉ có con Dít nhỏ, lanh lẹn, cứ sẩm tối lại bò theo máng nước đem gạo ra rừng cho cụ Mết, Tnú và thanh niên. Tảng sáng ngày thứ tư thì chúng bắt được con bé khi nó ở ngoài rừng về. Chúng để con bé đứng giữa sân, lên đạn tôm xông rồi từ từ bắn từng viên một, không bắn trúng, đạn chỉ sượt qua tai, sém tóc, cày

đất quanh hai chân nhỏ của Dít. Váy nó rách tượt từng mảng. Nó khóc thét lên nhưng rồi đến viên thứ mười nó chùi nước mắt, từ đó im bặt. Nó đứng lặng giữa bọn lính, cứ mỗi viên đạn nổ, cái thân hình mảnh dẻ của nó lại quật lên một cái nhưng đôi mắt nó thì vẫn nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng, bình thản như đôi mắt chị bí thư bây giờ vậy.

Không làm gì được con bé, thằng Dục dùng đến ngón đòn cuối cùng. Nó bắt Mai.

– Bắt được con cọp cái và cọp con, tất sẽ dụ được cọp đực trở về.

Tnú nghe rõ câu nói đó của thằng Dục. Anh nấp ở gốc cây cạnh máng nước đầu làng. Từ chỗ ấy nhìn thấy sân làng rõ mồn một. Hai bàn tay anh bíu chặt lấy gốc cây khi bọn lính, mười thằng, dẫn Mai ra giữa sân. Mai địu con trên lưng, thằng bé chưa được một tháng. Ai cũng bảo nó giống Tnú lạ lùng. Không đi Kon Tum mua vải được, Tnú phải xé đôi tấm dồ của mình ra làm tấm choàng cho Mai địu con. Thằng bé nằm trong tấm choàng ấy, ngủ say trên lưng mẹ.

uongxua.vn

Thằng Dục hỏi :

– Chồng mày ở đâu, con mọi cộng sản kia ?

Mai xốc lại đứa con trên lưng, ngửng đôi mắt rất lớn nhìn thằng Dục.

– Mày câm à, con chó cái ! – Nó quát bọn lính – Đứng ỳ ra đó à !

Một thằng lính to béo nhất liếc mắt nhìn thằng Dục, cầm một cây sắt dài bước tới cạnh Mai. Nó lè lưỡi liếm quanh môi một lượt, rồi chậm rãi giơ cây sắt lên. Mai thét lên một tiếng. Chị vội tháo tấm địu, vừa kịp lật đứa con ra phía bụng lúc cây sắt giáng xuống trên lưng.

– Thằng Tnú ở đâu, hả ?

Cây sắt thứ hai đập vào trước ngực Mai, chị lật đứa bé ra sau lưng. Nó lại đánh sau lưng, chị lật thằng bé ra trước ngực. Trận mưa cây sắt mỗi lúc dồn dập. Không nghe thấy tiếng thét của Mai nữa. Chỉ

nghe đứa bé khóc ré lên một tiếng rồi im bặt. Chỉ còn tiếng cây sắt nện xuống hừ hự.

Tnú bỏ gốc cây của anh. Đó là một cây vả. Anh đã bứt đứt hàng chục trái vả mà không hay. Anh chồm dậy. Một bàn tay níu vai anh lại. Tiếng cụ Mết nặng trịch :

– Không được, Tnú ! Để tau !

Tnú gạt tay ông cụ ra. Ông cụ nhắc lại :

– Tnú !

Tnú quay lại. Ông cụ không nhìn ra Tnú nữa. Ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn. Ông cụ buông vai Tnú ra.

Một tiếng hét dữ dội. Tnú đã nhảy xổ vào giữa bọn lính. Anh không biết đã làm gì. Chỉ thấy thằng lính giặc to béo nằm ngửa ra giữa sân, thằng Dục tháo chạy vào nhà ưng. Tiếng lên đạn lách cách quanh anh. Rồi Mai ôm đứa con chui vào ngực anh. Hai cánh tay rộng lớn như hai cánh lim chắc của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai.

thuongmaitr

– Đồ ăn thịt người, tau đây, Tnú đây !...

Tnú không cứu sống được Mai.

– Ừ, Tnú không cứu sống được mẹ con Mai...

Tiếng ông cụ Mết vẫn trầm và nặng. Ông cụ vụng về trở tay lau một giọt nước mắt. Bỗng nhiên ông cụ nói to lên :

– Tnú không cứu được vợ con. Tối đó Mai chết. Còn đứa con thì đã chết rồi. Thằng lính to béo đánh một cây sắt vào ngang bụng nó, lúc mẹ nó ngã xuống, không kịp che cho nó. Nhớ không, Tnú, mày cũng không cứu sống được vợ mày. Còn mày thì chúng nó bắt mày, trong tay mày chỉ có hai bàn tay trắng, chúng nó trói mày lại. Còn tau thì lúc đó tau đứng sau gốc cây vả. Tau thấy chúng nó trói mày bằng dây rừng. Tau không nhảy ra cứu mày. Tau cũng chỉ có hai bàn tay không. Tau không ra, tau quay đi vào rừng, tau đi tìm bọn thanh niên. Bọn thanh niên thì cũng đi vào rừng, chúng nó đi tìm giáo mác. Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa. Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết

rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu : chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo !...

Chúng nó trói chặt Tnú bằng dây rừng, khiêng ném vào góc nhà ưng rồi kéo đi ăn thịt con heo của anh Brôi.

Tnú nằm trong góc nhà. Bóng tối đã dày đặc. Anh suy nghĩ, ngạc nhiên tự thấy mình rất bình thản :

"Đứa con chết rồi. Mai chắc cũng chết rồi, Tnú cũng sắp chết. Ai sẽ làm cán bộ ? Đến khi có lệnh Đảng cho đánh, ai sẽ làm cán bộ lãnh đạo dân làng Xô Man đánh giặc ? Cụ Mết đã già. Được, còn có bọn thanh niên. Rồi con Dít sẽ lớn lên. Con bé ấy vững hơn cả chị nó. Không sao... chỉ tiếc cho Tnú, Tnú không sống được tới ngày cầm vũ khí đứng dậy với dân làng...".

Thằng Dục không giết Tnú ngay. Nó đốt một đống lửa lớn ở nhà ưng, lùa tất cả dân làng tới, cởi trói cho Tnú, rồi nói với mọi người :

– Nghe nói chúng mày đã mài rựa, mài giáo cả rồi, phải không ? Được, đứa nào muốn cầm rựa, cầm giáo thì coi bàn tay thằng Tnú đây.

truongxua.vn

Nó hất hàm ra hiệu cho thằng lính to béo nhất. Chúng nó đã chuẩn bị sẵn cả. Thằng lính mở túi-se[19] lấy ra một nhúm giẻ đã tẩm dầu xà nu. Nó quấn giẻ lên mười đầu ngón tay Tnú. Rồi nó cầm lấy một cây lửa. Nhưng thằng Dục bảo :

– Để đó cho tau.

Nó giật lấy cây lửa.

Tnú không kêu lên một tiếng nào. Anh trợn mắt nhìn thằng Dục. Nó cười sằng sặc. Nó gí cây lửa lại sát mặt anh :

– Coi kĩ cái mặt thằng cộng sản muốn cầm vũ khí này xem sao nào ! Số kiếp chúng mày không phải số kiếp cầm giáo mác. Bỏ cái mộng cầm giáo mác đi, nghe không !

Một ngón tay Tnú bốc cháy. Hai ngón, ba ngón. Không có gì đượm bằng nhựa xà nu. Lửa bắt rất nhanh. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc.

Tnú nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, trừng trừng.

Trời ơi ! Cha mẹ ơi ! Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu lên. Anh Quyết nói : "Người cộng sản không thèm kêu van...". Tnú không thèm, không thèm kêu van. Nhưng trời ơi ! Cháy, cháy cả ruột đây rồi ! Anh Quyết ơi ! Cháy ! Không, Tnú sẽ không kêu ! Không !

Tiếng cười giần giật của thằng Dục. Các cụ già chồm dậy. Bọn lính gạt ra. Tiếng kêu ré của đồng bào. Tiếng chân ai rầm rập quanh nhà ưng. Ai thế ?

Tnú thét lên một tiếng. Chỉ một tiếng thôi. Nhưng tiếng thét của anh bỗng vang dội thành nhiều tiếng thét dữ dội hơn. Tiếng "Giết !". Tiếng chân người đạp trên sàn nhà ưng ào ào. Tiếng bọn lính kêu thất thanh. Tiếng cụ Mết ồ ồ : " Chém ! Chém hết !". Cụ Mết, đúng rồi, cụ Mết đã đứng đấy, lưỡi mác dài trong tay. Thằng Dục nằm dưới lưỡi mác của cụ Mết. Và thanh niên, tất cả thanh niên trong làng, mỗi người một cây rựa sáng loáng, những cây rựa mài bằng đá Tnú mang từ đỉnh núi Ngọc Linh về...

Tiếng anh Brôi nói, trầm tĩnh :

– Tnú, Tnú. Tỉnh dậy chưa ! Đây này, chúng tôi giết hết rồi. Cả mười đứa, đây này ! Bằng giáo, bằng mác. Đây này !

Lửa đã tắt trên mười đầu ngón tay Tnú. Nhưng đống lửa xà nu lớn giữa nhà vẫn đỏ. Xác mười tên lính giặc ngổn ngang quanh đống lửa đỏ.

Cụ Mết chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang :

– Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên ! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây vụ, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông. Đốt lửa lên !

Tiếng chiêng nổi lên...

Đứng trên đồi xà nu gần con nước lớn. Suốt đêm nghe cả rừng Xô Man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng...

Tnú lại ra đi. Cụ Mết và Dít đưa anh ra đến cửa rừng xà nu gần con nước lớn. Trận đại bác đêm qua đã đánh ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở những vết thương đang đọng lại, lóng lánh nắng hè. Quanh đó vô số những cây con đang mọc lên. Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê.

Ba người đứng ở đấy nhìn ra xa. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời.

(*Truyện ngắn miền Nam*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1966)

Chú thích

(1) *Xà nu* : một loại cây đặc trưng của Tây Nguyên tương tự như cây thông, mọc rất nhiều ở Kon Tum, nhựa và gỗ đều rất quý. (2) *Con nước lớn* : chỗ suối nước rộng. (3) *Lực lượng* : nói tắt, chỉ lực lượng vũ trang của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. (4) *Xà lét* : cái gùi. (5) *Nà bắp* : rẫy bắp (ngô). (6) *Pom chu* : cây chuối nước, củ có nhiều bột. (7) *Thò* : một loại bẫy. (8) *Ống quyển* : ống chân, cẳng chân. (9) *Ruột nghé* : bao nhỏ và dài, thường dùng đựng gạo, có thể quấn hoặc đeo quanh người (miền Bắc thường gọi là ruột tượng). (10) *Strá* : tên một dân tộc thiểu số ở Kon Tum. (11) *Giàng ơi !* : Trời ơi ! (12) *Tôm xông* (*thompson*) : một loại súng tiểu liên. (13) *Môn bạc hà* : miền Bắc gọi là cây dọc mùng. (14) *Mùa suốt* : mùa thu hoạch lúa. (15) *Nhà ưng* : nhà họp của dân làng. (16) *Đầu ông táo* : ông đầu rau (bằng đất) để đặt nồi chảo lên, đun bếp. (17) *Dồ* : mảnh vải đắp. (18) *Phục* : phục kích (nói tắt). (19) *Túi-se* (tiếng Pháp : *cartouchière*) : túi đạn, bao đạn.

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện mở đầu bằng hình ảnh một khu rừng xà nu và kết thúc cũng bằng một cảnh rừng xà nu. Hình ảnh này vừa có ý nghĩa cụ thể vừa có giá trị tượng trưng. Có đúng thế không ? Anh (chị) hãy phân tích.

2. Có bốn nhân vật nổi lên trong bối cảnh hùng vĩ và trang nghiêm của truyện : Tnú, Dít, cụ Mết, bé Heng. Phân tích vẻ đẹp của từng hình tượng nhân vật và ý nghĩa tư tưởng của các hình tượng đó.

*3. **Rừng xà nu** là chuyện của một đời, được kể trong một đêm và được gói gọn trong một truyện ngắn. Nhà văn Nguyên Ngọc đã xử lí như thế nào để thực hiện được thỏa đáng công việc khó khăn trên ? (Nên lưu ý đến cách sắp xếp các lớp thời gian trong truyện, cách chọn tình huống, cách tạo không khí, giọng kể, lời văn, v.v...).*

4. Hãy phân tích tính sử thi của truyện ngắn này (thể hiện qua chủ đề, nhân vật, bức tranh thiên nhiên, giọng kể và ngôn ngữ của tác phẩm).

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

NGUYỄN THI

Tiểu dẫn

Nguyễn Thi tên khai sinh là Nguyễn Hoàng Ca, sinh ngày 15-5-1928. Ông còn một bút danh khác : Nguyễn Ngọc Tấn. Nguyễn Thi quê ở xã Quần Phương thượng, nay là xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Bố làm hương sư, mẹ buôn bán vặt. Gia đình là cơ sở cách mạng. Sớm mồ côi cha, mẹ đi bước nữa, Nguyễn Thi phải chịu vất vả, tủi cực từ nhỏ. Năm 1943, một người bác đưa ông vào Sài Gòn. Ông vừa đi làm vừa tự học. Năm 1945, ông tham gia cách mạng và sau đó sung vào lực lượng vũ trang, cầm súng chiến đấu. Nguyễn Thi vừa chiến đấu vừa hăng hái hoạt động văn nghệ (làm thơ, vẽ tranh, soạn bài hát, điệu múa...).

Năm 1954, Nguyễn Thi tập kết ra Bắc, công tác ở tòa soạn tạp chí *Văn nghệ quân đội* một thời gian rồi lại tình nguyện vào Nam đánh giặc. Ông hi sinh anh dũng ở mặt trận Sài Gòn, trong cuộc tổng tiến công Mậu Thân 1968. Cuộc đời nhiều bất hạnh, hoàn cảnh riêng đầy éo le đã tạo nên ở Nguyễn Thi một tâm hồn giàu suy tư, hiểu đời, hiểu người sâu sắc. Ông đặc biệt gắn bó với nhân dân miền Nam bằng một tình cảm thủy chung ân nghĩa mà ông muốn trút cả vào những trang viết của mình.

Có thể nói Nguyễn Thi là nhà văn của những người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt : hồn nhiên, vui đời, bộc trực, nhưng căm thù ngùn ngụt đối với quân cướp nước - những con người vô cùng gan góc, dường như sinh ra để cầm súng giết giặc, sẵn sàng chết vì quê hương mình, vì đồng bào mình. Nguyễn Thi là cây bút có biệt tài phân tích tâm lí con người, có khả năng nhập sâu vào nội tâm nhân vật của mình, tạo nên những trang viết vừa giàu chất trữ tình vừa đầy chất sống hiện thực, với những hình tượng, những tính cách gân guốc, có cá tính mãnh liệt.

thuongmaitr

Sáng tác của Nguyễn Thi gồm nhiều thể loại : bút kí, truyện ngắn, tiểu thuyết - được sưu tập trong *Truyện và kí* xuất bản năm 1978.

Những đứa con trong gia đình là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Nguyễn Thi. Văn bản in dưới đây có lược một số đoạn.

*

* *

Anh em gọi Việt là "cậu Tư". Mỗi lần nghe, Việt lại toét miệng ra cười. Cái tiếng "cậu", nghe như có họ, lại vui nữa. Vậy mà trước đây, tiểu đội trưởng Tánh có hỏi, Việt chỉ nói cha bị Tây bắn chết hồi chín năm[1], mẹ mới bị đại bác của giặc giết hồi năm ngoái, ở nhà chỉ còn thằng em nhỏ đang ở với chú, còn người chị thứ hai thì đã đi lấy chồng xa, hiện đi công tác theo chồng, vậy thôi. Nhưng một hôm, thiệt là rầy rà, đại đội trưởng giao cho tiểu đội một bức thư đề tên "Quyết Chiến ở tỉnh Bến Tre thân gởi em tôi là Nguyễn Văn Việt ở đơn vị X...". Việt giấu thiệt kĩ mà anh em cũng mò ra được. Hôm sau, tiểu đội trưởng Tánh tuyên bố ầm lên rằng Việt còn một người chị ruột thứ ba nữa, cái cô tên là Quyết Chiến ấy, mới hai mươi tuổi thôi, hơn Việt hai tuổi, hiện là tiểu đội trưởng của bộ đội nữ địa phương quân Bến Tre. Vậy là lộ bí mật rồi !

ruongxua.vn

Việt giấu chị như giấu của riêng vậy. Cậu ta sợ mất chị mà ! Cái miệng ống loa của Tánh không bịt lại được. Cho tới bữa nay, nằm trong bệnh viện, hai mắt còn băng kín mít, Việt lại nghe thấy hai tiếng "cậu Tư" anh em gọi mình :

– Cậu Tư viết thư cho chị Chiến chưa ?

– Anh em mình phải không cậu Tư ?

"Cậu Tư" lại cười lỏn lẻn[2]. Dưới cái băng trắng, hai gò má căng mướt như da trái vú sữa hơi ửng lên.

Việt muốn viết thơ cho chị Chiến lắm. Nhưng biết nói gì ? Không lẽ báo tin mình bị thương ? Dâu được, phải nói làm sao chớ ? Mà có viết thì cũng phải nhờ người khác viết giùm, như vậy anh em sẽ lại ghẹo um lên. Thôi vậy.

Việt trùm chăn kín đầu. Gió chướng[3] thổi lao rao trên mái nhà. Trời lạnh. Nhưng đừng tưởng Việt ngủ. Việt nằm đó, với cây viết chì mượn của chị hộ lí, một cuốn tập[4] còn cất trong bồng[5]. Việt mò mò viết thử. Nói cái gì, câu đầu đặt làm sao đây, nó mới gay go... Việt rờ rờ từng dòng...

(Lược bỏ một đoạn : *Việt nhớ lại hồi nào ở nhà, cùng chị Chiến, đi theo du kích đánh tàu Mĩ trên sông Định Thủy. Một thằng Mĩ bị bắn chết. Chị Chiến nhường công ấy cho Việt. Tiếp đó, lại nhớ những ngày đầu đi bộ đội, đóng ở rừng cao su, có đường sắt đi qua, cái gì cũng lạ, phải hỏi anh Tánh. Mạch hồi tưởng chuyển tới trận đánh vừa diễn ra còn để lại khói lửa mịt mù và xác giặc ngổn ngang. Một trận đọ lê dữ dội giữa ta và quân Mĩ trong rừng cao su. Việt leo lên được một chiếc xe bọc thép của giặc đang tháo chạy, dùng thủ pháo tiêu diệt được nó. Nhưng Việt cũng bị thương và ngất đi. Anh bị lạc đồng đội giữa chiến trường.*

Tỉnh dậy lần thứ nhất, Việt quyết bò đi tìm đồng đội, tuy bị thương khắp người và mắt không nhìn thấy gì. Tưởng đã bò gần tới nơi đồng đội đang chiến đấu, anh lấy răng, cố giựt mạnh cơ bẩm cho đạn lên nòng. Nhưng vì thế mà anh lại ngất đi.)

Việt tỉnh dậy lần thứ hai lúc trời lất phất mưa. Tiếng máy bay tắt hẳn, chỉ còn hơi gió lạnh đang lùa trên má. Ếch nhái kêu dậy lên. Việt lắng nghe, đúng là những con ếch nái bụng tròn vo[6], mắt thồi lồi, hay ngồi liếm mép kêu uôm uôm. Có ai đi soi ếch gần đây không ? Ở quê Việt, những đêm như đêm nay, đèn soi nhấp nháng đầy đồng. Cứ trời vừa dứt hột, Việt đã cởi trần ra, hai chị em hai cái đèn soi, lóp ngóp đi. Cười từ lúc đi cho tới lúc về. Khi đổ ếch vào thùng, chú Năm thế nào cũng sang. Chú kiếm ít con trọng trọng[7] về nhậu, đôi khi còn phải đứng ra phân xử vì chị Chiến và Việt ai cũng giành phần nhiều là của mình. Chị Chiến bao giờ cũng nhường Việt. Sau này lớn lên, vết đạn bắn thằng Mĩ trên sông Định Thủy, chị cũng nhường. Về việc này, muốn cho công bằng, chú Năm phải ghi cả chiến công của hai chị em vào cuốn sổ của gia đình.

Việt thương chú Năm vì hồi đó chú hay bênh Việt. Chú là người thân gần nhất và lớn nhất còn lại của gia đình. Trong bả vai chú còn một đầu đạn của thằng Tây hồi chín năm. Chú chưa già, nhưng tóc đã đốm bạc. Chú ít nói, nhưng đã nhậu vào ba hột là chú nói tới. Chú nói Việt là một thằng nhỏ gan, chị Chiến là đứa con gái không khác mẹ một chút nào. Chú hay kể sự tích của gia đình và cuối câu chuyện, thế nào chú cũng hò lên mấy câu. Những câu hò chú thuộc từ hồi đi chèo ghe mướn[8] ở Sài Gòn, lục tỉnh[9], những câu nói về cuộc đời cơ cực của chú và những chiến công của đất này. Chú già rồi, giọng hò đã đục và tức như gà gáy. Lúc đó, gân cổ chú nổi đỏ lên, tay chú đặt lên vai Việt, đôi mắt chú mở to, đọng nước,

nhìn thẳng vào mắt Việt, đầu chú lắc lư, nhắn nhủ, làm như Việt chính là nơi cụ thể để chú gửi gắm những câu hò đó, hoặc chính Việt là những câu hò đó. Theo từng câu hò, khi thì Việt biến thành tấm áo vá quàng hoặc con sông dài cá lội của chú, khi thì Việt biến thành người nghĩa quân Trương Định, ngọn đèn biển Gò Công, hoặc ngôi sao sáng ở Tháp Mười. Chị Chiến bịt miệng cười, nhìn chú, Việt cũng vậy. Một lần chú bảo :

– Cười đi con, rán cho mau lớn. Chừng nào bây trọng trọng tao giao cuốn sổ cho chị em bây.

Đó là cuốn sổ gia đình. Chị Chiến đã lôi ra tập đánh vần một lần. Việt cũng có ghé đầu vào đọc ké. Chữ chú viết lòng còng vì hồi đi đánh Tây, chú mới được học.

Mới hay, chú ghi đủ hết : ... Thím Năm bơi xuồng đi rọc lá chuối bị cà-nông Mỏ Cày bắn bể xuồng, chết còn mặc cái quần mới, trong túi còn hai đồng bạc, giỗ nhằm ngày... Ông nội nghe súng nổ, sợ bò đứt dây ra nắm giàm[10] bò, lính tổng Phòng vào nói : "Mày là du kích !" rồi bắn vào giữa bụng ông nội, giỗ nhằm ngày... Ngày hăm chín tháng chạp âm, đại diện Tỏa cho lính đến cắt lúa của bác Hai, nói là ruộng Việt Minh cấp, có chửi "đù mẹ" rồi đập bể cái trã khạp rượu[11]. Ngày... quận Sơn dắt lính Mỏ Cày về bao[12] nhà, nói bà nội rằng chú Năm trốn đâu, bà nội nói không biết, quận Sơn bắt bà nội cúi xuống giữa sân đánh bà nội ba roi... Ngày ba mươi tháng sáu âm nhằm trời tối, tía[13] của Việt ôm đệm[14] đi ngủ ngoài bờ bị lính Tây bót Kinh Ngang bắt chặt đầu, má Việt ôm rổ đi đòi đầu, có lượm được số tiền hai ngàn đồng của chi bộ, tía Việt giấu ở đầu bờ ruộng...

tuongxua.vn

Sau đó, chú Năm có ghi một số công tác của gia đình : ... Ông nội đi đóng đáy[15] ở sông Bình Khánh có mò được hai cây mút mát[16] dưới tàu chìm... Thằng Hai, con chú Năm, đi về phép, lúc ngang lộ Giồng Trôm, thấy cốt[17] Ngã Ba, liền bò vào đặt trái, lấy cốt xong, bó năm cây súng vác về xã nhà... Dưới câu này, chú Năm có ghi : Còn nhiều việc thỏn mỏn[18] tôi ghi không hết, để rồi sắp nhỏ nó ghi thêm. Kế câu đó là chiến công của chị em Việt trên sông Định Thủy.

Có lúc Việt còn bỏ về nhà ăn cơm, nhưng chị Chiến cứ ngồi một góc ván, lông mày cau lại, chéo khăn hờ ngang miệng, đánh vần hoài. Chị đọc tiếng đặng tiếng mất, chữ mẹ đẻ chữ con, từ trưa tới xế, rồi từ xế tới chiều, bỏ ăn, quên cả trời chạng vạng.

Chị Chiến nói, tại chú Năm đi đây đi đó nhiều, nên bây giờ chú mới hay ghi như vậy. Chẳng là trước chú vốn đi bè, cũng ham sông ham bến, nên biết nhiều nơi. Chú thường ví chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó. Chú kể chuyện con sông nào ở nước ta cũng đẹp, lắm nước bạc, nhiều phù sa, vườn ruộng mát mẻ cũng sinh ra từ đó, lòng tốt của con người cũng sinh ra từ đó. Trăm sông đổ về một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm, chị em Việt lớn lên rồi sẽ biết, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta.

*

Việt choàng dậy. Tiếng trực thăng phành phạch bay từng bầy trên đầu. Xa xa, súng nhỏ nổ từng loạt ngắn. Người Việt khô khốc, thèm tấm và rất thèm vào bếp lục cơm nguội. Vậy là ban ngày đã đến. Mùi nắng có thể ngửi thấy được. Hai mắt Việt bị thương thật rồi, nó đang sưng lên cho nên ban ngày rồi mà Việt không thấy gì hết. Nếu giặc tới, làm sao bắn ? Rồi làm sao thấy đường mà tìm các anh ? Sao không bị ở chân mà lại ở mắt ? Nhưng ở chân cũng vậy, nó cũng đang đau điếng và rỏ máu. Hai tay, vai, đầu cũng vậy. Chỗ nào đụng tới, ruồi cũng bay lên như vãi trấu. Lê đi vài bước, Việt tìm được một chỗ mát, đám ruồi cũng vù vù bay theo. Gói cơm đã ăn từ lúc nằm chờ nổ súng rồi. Bình nước hãy còn, nhưng làm sao quẹo tay ra sau mà lấy được ? Phải chờ anh Tánh vậy. Anh Tánh đang kiếm Việt ở đâu, phải anh tới đây là gặp Việt liền thôi. Ở đây hình như có cây thơm[19] rừng. Việt rờ thấy gai, bên cạnh lại có cây trang[20] rừng, Việt đã nhai được một cái bông ngòn ngọt của nó. Anh Tánh cứ dòm nơi nào thấy cây thơm rừng và lùm trang bông đỏ chói là gặp Việt ngay.

Hơi xe bọc thép nghe chạy mỗi lúc một gần. Pháo bầy nổ càng gần hơn, nghe rào rào cành cây đổ. Việt day họng súng về hướng đó. Nếu mày đổ quân thì súng tao còn đạn ! Ba viên còn dưới hộp, một viên đã lên nòng. Việt lần tay vào bao đạn trước bụng. Các ngón tay đều tê nhức, không sao mở được. Lần này về, Việt sẽ mượn kim chỉ của anh Tánh may lại. Sẽ bỏ cái khóa sắt đi, thay hai cái dây vào, muốn mở thì chỉ việc kẹp một đầu dây mà lôi ra. Tiếng xe bọc thép ào ào chạy qua hướng trước mặt Việt. Nghe tiếng cũng biết chúng chạy như biến. Những loạt tiểu liên đâu đây nghe gần lắm, nghe nổ có thể nghĩ tới họng súng nó đang bốc khói. Chúng đến giết mình đây ! Chết là gì nhỉ ? Chắc là đau gấp mấy lần bị thương.

Hay chết tức là người thật thì biến lên trên nóc nhà, còn người giả thì nằm tại đó ? Việt chưa bao giờ nghĩ tới cái chết, mà cũng chưa nghe ai nói rõ nó ra sao, nhưng nếu chết mà không còn được ở chung với anh Tánh và không được đi bộ đội nữa thì buồn lắm. Việt không sợ chết, chỉ sợ cái đó thôi. Bọn giặc đạp cây chạy rầm rập. Tiếng xe bọc thép lại rú lên. Bò đi đâu ? Việt nhướng đôi mắt tối thui lên dòm. Được, Việt cứ nằm đây ! Tao sẽ chờ mày ! Trên trời có mày, dưới đất có mày, cả khu rừng này còn có mình tao. Mày có bắn tao thì tao cũng bắn được mày. Nghe súng nổ, các anh tao sẽ chạy tới đâm mày ! Mày chỉ giỏi giết gia đình tao, còn đối với tao thì mày là thằng chạy. Hôm qua mày đã chạy trước mặt tao mà... Mặt Việt nóng như ngồi bếp. Lại ruồi, ruồi dày đặc bay đập vào mặt vào cổ Việt. Đói, nghe giặc đến gần sao bụng nó bắt đói kì lạ, Việt rờ rờ vào cò súng. Chín ngón tay đã bị thương, chỉ còn một ngón cái hơi nhúc nhích. Phải chi có chị Chiến ở đây chị sẽ bắn thế cho Việt. Chỗ này gác súng thiệt tốt, ngay dưới gốc bông trang, chị cứ đưa Việt giữ giùm cái kiếng[21] trong túi, ngồi hẳn xuống, nhằm thẳng vào ngực nó mà nổ súng.

Việt nằm sấp, má áp vào bá súng như gối đầu trên tay chị, hai cánh mũi phập phồng, đôi mắt thỉnh thoảng lại nhướng lên. Có tiếng chim cu[22] rừng gù gù đâu đây. Những con cu cổ đeo những chấm xanh đỏ óng ánh như cườm, hay đậu trên rặng bần ở sông Định Thủy. Hồi ở nhà, có ngày nào Việt khỏi xách ná thun[23] đi bắn nó. Đó là những buổi trưa, cái nắng ở quê cũng mát mẻ, Việt để đầu trần, mình mẩy tèm lem[24] sình đất từ chỗ móc mương lên, lội tắt trong vườn, đi tìm chim. Chích chòe, hoành hoạch, cò ma, chuột chuyền dừa... không lỏi[25] một con. Sáng đi làm mướn, chiều về một xâu chim treo ở cán cuốc. Cuốc vừa đặt xuống thì xâu chim cũng được thảy[26] ra trước mặt chị Chiến. Lớn lên một chút, xâu chim lại được treo ở đầu cây súng tự tạo, cái ná thun cũng không còn lủng lẳng ở cổ nữa, mà được giắt gọn sau lưng quần. Bây giờ đi bộ đội, cầm súng tự động, bá súng còn thơm gỗ, đánh Mĩ bằng lê, cái ná thun vẫn còn nằm gọn trong túi áo. Dây thun đã mấy lần thay, nhưng cái nạng[27] ổi của nó vẫn như cũ. Nó láng o, lên nước, chú Năm đã làm nó cho Việt nhân việc máy bay ném bom đào mất gốc ổi trong vườn chú.

Việt đi tòng quân cũng chỉ có vậy, một cái võng, một bộ quân phục và cái ná thun. Ngày đó má vừa mới mất. Má đi đấu tranh ở Mỏ Cày về, cà-nông nó bắn đuổi theo. Một trái rơi bịch trên lộ, trước mặt má, không nổ, má đến dòm dòm rồi bỏ luôn vào rổ, cắp về. Một trái khác đã văng

truongxua.vn

miểng trúng má lúc má về tới đầu xóm. Má nằm xuống, trái cà-nông lép trong rổ vẫn còn nóng hổi. Má chết. Việt nhớ hoài câu chuyện má hay kể :

– Tao dạn là nhờ ba mày. Ba mày bị Tây nó chặt đầu, tao cứ đi theo cái thằng nó xách đầu mà đòi. Đi từ ấp trong tới ấp ngoài, nó qua sông tao cũng qua, nó về quận tao cũng tới. Một tay tao bồng em mày, một tay tao cắp rổ. Chị Hai mày đang nấu cơm, cũng mang cả đũa bếp chạy theo, tóc tai xù xuống mặt, chỉ ló có một con mắt ra nước chảy ròng ròng. Mày với con Chiến thì chạy theo sau chị Hai mày mà la : "Trả đầu ba ! Trả đầu ba !". Tao muốn la cho chị em bay ở nhà. Đi mình tao, tao chửi nó, nó có bắn tao thì cũng còn chị em bay để trả thù cho ba mày. Mỗi lần nó bắn đùng đùng trên đầu, chị em bay lại níu chân tao. Lòng dạ tao đâu còn rảnh để mà sợ, mà khóc, chỉ thương con thôi. Rõ là đầu ba mày đó, nó xách mắt trợn trắng đó, mà không sao đòi được. Về tới quận, nó đi rao khắp chợ rồi liệng đầu ba mày vào ngực tao. Quân bất nhân vậy đó, làm máu me văng cùng vào đầu em mày. Phải hồi đó tao không níu lại thì nó đã bắn mày rồi. Đầu ba ở dưới đất không lượm, cứ nhè cái thằng vừa liệng đầu mà đá.

Chiều hôm đó, về tới nhà, má mới khóc. Thím Năm vừa khóc vừa kể thôi là kể. Má chỉ nằm khóc chớ không kể gì hết. Bao nhiêu năm sau đó cũng vậy, lúc nào nói lại chuyện trên má cũng không khóc. Má lúc nào khóc thì má không nói gì hết. Ban ngày, má đi làm, miệng vừa nói : "Việt à, coi chừng nhà nghe con !", chân má đã đẩy xuồng ra tuốt giữa sông. Má bơi xuồng thiệt khỏe, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách mướp để lộ cái gáy đo đỏ và đôi vai lực lưỡng. Chiều về, xuồng còn giữa sông, má đã gọi : "Việt à, ra phụ má nghe con !". Xuồng cặp bến, mặt má vẫn đỏ rực, cái nón rách được ngả ra làm quạt, lưng áo bà ba đẫm mồ hôi đã đen lại không còn thấy bạc nữa. Việt phụ với chị Chiến rinh[28] thúng lúa công gặt mướn của má lên bờ. Rồi má lại bơi đi. Canh hai má mới về. Nghe tiếng xuồng cặp bến khua lọc cọc, rồi tiếng chân má đi bịch bịch vào nhà. Lần này, má rinh thúng lúa lên một mình và đặt ngay trên giường ngủ. Việt nằm đó, ngửi thấy mùi lúa gạo và mùi mồ hôi của má ngay trên đầu mình.

Nhưng cái xuồng rồi cũng không còn. Bọn lính đã đập bể nó trong một buổi má chở bà con lên đấu tranh ở chợ quận. Má trở về, ngày ngày, đôi mắt má mở to như lúc nào cũng phải suy nghĩ, đôi bắp chân má tròn vo lúc nào cũng dính sình đất, má lội hết đồng này sang bưng khác, con mắt tìm việc, bàn chân dọ đường[29]. Má đi xin làm công cấy, công gặt, đi dọ tình thế bọn lằng lính, ôm về khi mớ củi, khi mớ tép. Chị Hai theo má, chị Chiến

thuongmaitr

coi em, Việt xách ná thun đi gác, có lính thì bắn "chóc... bịch !", báo tin cho các cô, các chú cán bộ ở trong nhà xuống hầm. Lâu lắm, mới thấy má khóc. Đó là lúc chị em Việt đã ngủ cả, chỉ còn tiếng chuột chạy trên nóc nhà, tiếng chó sủa ở đầu xóm và tiếng mõ của dân canh trên đồn dân vệ. Má hay nghĩ ngợi lặng lẽ như vậy. Ý nghĩ thường bắt đầu từ cuộc đời còn con gái của má, lúc đó bà ngoại lảng tai[30] còn sống, chiều chiều má đi làm mướn về, vì không tiền đi đò nên vẫn lấy nón làm phao mà lội qua sông. Ba hồi đó còn là trai, cầm tầm vông[31] gác bến đò. Một buổi má xin giang xuồng[32], ba nhứt định không cho, má liền phóng xuống sông, lội. Xuồng ba cặp bến thì má cũng lội tới bờ. Hai bên giáp mặt, ba cười hề hề, nhưng má chẳng thèm dòm, hai mắt hứ một cái "cóc !"[33], rồi đi thẳng. Vậy mà nên vợ nên chồng. Bởi vì chiều hôm đó má gánh cơm đi tặng bộ đội "tầm vông" thì lại gặp ba trong hàng ngũ đó. Lấy chồng rồi, má lại lặn lội thăm chồng. Lên rừng xuống biển má cũng đi, vai gánh chục dừa, một đầu thêm nải chuối, một đầu thêm vài rê[34] thuốc. Sau đó ba bị thương, được chuyển về xã công tác, ở chưa ấm chỗ, đầu còn xanh, ngờ đâu lại chết tức như vậy !

Mỗi lần nghe tiếng ná thun của Việt bắn chim trong vườn, má lại nói :

– Đó, lại giống cái thằng cha nó rồi ! Để má ráng nuôi bay lớn coi bay có làm được gì cho cha mày vui không ?

tuongxua.vn

Việt nghĩ ba chết rồi, biết gì mà vui. Nhưng má tin rằng người chết có cái vui của người chết, nếu không, người ta sanh con ra làm gì ?

Bọn lính tới bao nhà, hỏi : "Vợ Tư Năng đâu ?". Má ra trước cửa, trả lời :

– Vợ Tư Năng đây !

Hai bàn tay to bản của má phủ lên đầu đàn con đang nép dưới chân. Bọn lính bắn vọt qua đầu má, má dùa[35] đàn con lại đằng sau tránh đạn. Má trông ngày trông đêm cho con mau lớn. Dường như cả cuộc đời vất vả của má, mọi ý nghĩ lặng lẽ trong đêm của má, cả những nguy hiểm gian lao mà má đã trải qua một cách không hề sợ hãi đó, tất cả đều được gom lại và dồn vào trong ý nghĩ cuối cùng này. Vì mong cho con mau lớn mà má trông từ cách con làm tới miếng cơm con ăn trong miệng. Mỗi lần bọn lính bắn dọa mẹ con như vậy, mắt má lại sắc ánh lên nhìn lại bọn lính, đôi mắt của người đã từng vượt sông, vượt biển.

Việt tỉnh dậy lần thứ tư, trong đầu còn thoáng qua hình ảnh của người mẹ. Đêm nữa lại đến. Đêm sâu thăm thẳm, bắt đầu từ tiếng dế gáy u u cao

vút mãi lên. Người Việt như đang tan ra nhè nhẹ. Ước gì bây giờ lại được gặp má. Phải, ví như lúc má đang bơi xuồng, má sẽ ghé lại, xoa đầu Việt, đánh thức Việt dậy, rồi lấy xoong cơm đi làm đồng về ở dưới xuồng lên cho Việt ăn... Nhưng mấy giọt mưa lất phất trên cổ làm Việt choàng tỉnh hẳn. Một sự vắng lặng như từ trên trời lao xuống chạy từ cổ Việt, lan dài cho tới ngón chân. Việt có một mình ở đây thôi ư ? Câu hỏi bật ra trong đầu Việt rồi dội lại trong từng chân lông kẽ tóc. Cái cảm giác một mình bật lên một cách rõ ràng nhất, mênh mông nhất, trong đêm thứ hai này, khi Việt cảm thấy không còn bò đi được nữa, khi những hình ảnh thân yêu thường kéo đến rất nhanh rồi cũng vụt tan biến đi rất nhanh chỉ vì một cành cây gãy, một giọt mưa rơi trên mặt, hoặc một tiếng động nhỏ của ban đêm. Việt muốn chạy thật nhanh, thoát khỏi sự vắng lặng này, về với ánh sáng ban ngày, gặp lại anh Tánh, níu chặt lấy các anh mà khóc như thằng Út em vẫn níu chân chị Chiến, nhưng chân tay không nhắc lên được. Bóng đêm vắng lặng và lạnh lẽo bao tròn lấy Việt, kéo theo đến cả con ma cụt đầu vẫn ngồi trên cây xoài mồ côi và thằng chỏng thụt lưỡi hay nhảy nhót trong những đêm mưa ngoài vàm sông[36], cái mà Việt vẫn nghe các chị nói hồi ở nhà, Việt nằm thở dốc...

Một loạt đạn súng lớn văng vẳng dội đến ầm ĩ trên ngọn cây. Rồi loạt thứ hai... Việt ngóc dậy. Rõ ràng không phải tiếng pháo lệnh lăng của giặc. Đó là những tiếng nổ quen thuộc, gom vào một chỗ, lớn nhỏ không đều, chen vào đó là những dây súng nổ vô hồi vô tận. Súng lớn và súng nhỏ quyện vào nhau như tiếng mõ và tiếng trống đình đánh dậy trời dậy đất hồi đồng khởi. Đúng súng của ta rồi ! Việt muốn reo lên. Anh Tánh chắc ở đó, đơn vị mình ở đó. Chà, nổ dữ, phải chuẩn bị lựu đạn xung phong thôi ! Đó, lại tiếng hụp hùm... chắc là một xe bọc thép vừa bị ta bắn cháy. Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ. Những khuôn mặt anh em mình lại hiện ra... Cái cằm nhọn hoắt ra của anh Tánh, nụ cười và cái nheo mắt của anh Công mỗi lần anh động viên Việt tiến lên... Việt vẫn còn đây, nguyên tại vị trí này, đạn đã lên nòng, ngón cái còn lại vẫn sẵn sàng nổ súng. Các anh chờ Việt một chút. Tiếng máy bay vẫn gầm rú hỗn loạn trên cao, nhưng mặc xác chúng. Kèn xung phong của chúng ta đã nổi lên. Lựu đạn ta đang nổ rộ...

Việt đã bò đi được một đoạn, cây súng đẩy đi trước, hai cùi tay lôi người theo. Việt cũng không biết rằng mình đang bò đi nữa, chính trận đánh đang gọi Việt đến. Phía đó là sự sống. Tiếng súng đã đem lại sự sống cho đêm vắng lặng. Ở đó có các anh đang chờ Việt, đạn ta đang đổ lên đầu giặc Mĩ

thuongmaitr

những đám lửa dữ dội, và những mũi lê nhọn hoắt trong đêm đang bắt đầu xung phong...

*

Ngày má chết rồi, ý nghĩ đi bộ đội cũng thôi thúc Việt như vậy. Nhưng hồi đó rắc rối hơn đêm nay bò tới mặt trận nhiều. Việt vừa ngỏ lời ra, chị Chiến đã giành đi trước. Hai đứa lớn đòi đi hết, còn thằng Út em mới mười tuổi, làm sao ? Việt đi đâu chị Chiến cũng dòm chừng, coi Việt có bọc quần áo theo không. Chị nói :

– Tao lớn tao mới đi, mầy còn nhỏ, ở nhà phụ làm với chú Năm, qua năm hãy đi.

Việt đá trái dừa rụng dưới chân xuống mương cái đùng :

– Bộ mình chị biết đi trả thù à ?

– Hồi đó má nói cho tao đi, mầy ở nhà làm ruộng với má, trọng trọng rồi đi sau.

– Má nói hồi nào ?

Má chết rồi, không biết ai mà phân chứng. Nhưng chị Chiến vẫn không chịu, việc này đâu có nhường được, chị sang vận động chú Năm.

Trong đêm mít tinh để ghi tên thanh niên tòng quân, trước mặt bà con cả xã, đèn sáng rực, anh cán bộ của huyện đội vừa dứt lời, cả hai chị em Việt giành nhau chạy lên.

– Tôi tên là Việt, anh cho tôi đi bộ đội với.

Chị Chiến đứng sau Việt, thở :

– Đề nghị mấy anh xét cho. Nó là em tôi mà cái gì nó cũng giành...

Đôi chân mày rộng của anh cán bộ cứ nhướng lên giữa trán, không hiểu chuyện gì. Bà con cô bác ở dưới bàn tán lao xao. Anh cán bộ hỏi Việt :

– Hai em là chị em ruột ?

– Dạ, nhà em ở ấp Một, em mười tám, chị Chiến em mười chín.

Việt dòm chị, mình đứng đâu có thua chị, tuy tóc chị có cao hơn mình một chút thật.

Chị Chiến nói :

– Đến Tết này nó mới được mười tám anh à ! Em nói để em đi trước, nó ở nhà, thủng thẳng để chú Năm em thu xếp rồi hãy đi, mà nó không chịu.

Anh cán bộ nhìn hai bộ mặt bầu bầu cùng một khuôn có hai cái chót mũi hơi hớt lên của chị em Việt, rồi cười :

– Ba má có đi đây không em ?

– Dạ không.

– Ba má em chết rồi. – Chị Chiến nói thêm cho rõ.

Anh cán bộ đã cầm viết[37] rồi lại đặt xuống. Từ dưới sân, chú Năm bước lên. Chú nheo mắt nhìn chị em Việt, rồi nói với anh cán bộ :

– Tôi xin có một câu với đồng chí huyện đội. Hai đứa cháu tôi nó một lòng theo Đảng như vậy, tôi cũng mừng. Vậy xin trên cứ ghi tên cho cả hai. Việc lớn ta tính theo việc lớn, còn việc thỏn mỏn trong nhà tôi thu xếp khắc xong.

Đêm ấy thanh niên ghi tên tòng quân đông lắm.

Cũng ngay đêm ấy, về tới nhà, trước khi ngủ chị Chiến từ trong buồng nói với ra với Việt :

– Chú Năm nói mầy với tao đi kì này là ra chân trời mặt biển, xa nhà thì ráng học chúng học bạn, thù cha mẹ chưa trả mà bỏ về là chú chặt đầu.

Việt lăn kềnh ra ván, cười khì khì :

– Chị có bị chặt đầu thì chặt chớ chừng nào tôi mới bị.

– Tao đã thưa với chú Năm rồi. Đã làm thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu : Nếu giặc còn thì tao mất, vậy à !

Chà, chị Chiến bữa nay nói in như má vậy ! Cũng ở trong buồng mà nói với ra, cũng nằm với thằng Út em ở trên cái giường đó.

thuongmaitr

Việt nói :

– Chị biết vậy sao hồi nãy chị ngăn tôi ? Người ta mười tám rồi mà nói chưa...

– Hồi đó má tính tuổi cho mầy chớ bộ tao tính ha ?

Nhà day cửa ra sông, trong đêm vui náo nức này, đom đóm từ ngoài rặng bần cũng kéo vào đầy nhà. Chúng bay chớp chớp như dò trên nóc rồi sà xuống trước mặt Việt. Chị Chiến cũng không ngủ được. Sắp tới đây biết bao nhiêu chuyện phải lo, ngay bây giờ cũng bao nhiêu chuyện phải nhớ. Cả chị cả em cùng nhớ đến má. Hình như má cũng đã về đâu đây. Má biến theo ánh đom đóm trên nóc nhà hay đang ngồi dựa vào mấy thúng lúa mà cầm nón quạt ? Đêm nay, dễ gì má vắng mặt, má cũng phải về dòm ngó coi chị em Việt tính toán việc nhà làm sao chớ ?

Chị Chiến lại nói với ra, đúng là cái giọng rành rọt tiếng nào ra tiếng nấy :

– Mai mầy viết thư cho chị Hai biết nghen ?

– Sắp đi tới nơi mà còn bắt viết thư.

truongxua.vn

– Thôi tao viết.

Chị Hai là con nuôi của má. Cha mẹ chị cũng vì một tay thằng Tây mà chết. Hồi ba dắt về trao cho má, chị mới chín tuổi, ốm nhom, một mảng tóc bị bom xăng làm cháy còn sém như đuôi bò. Chị lớn tuổi hơn chị Chiến nên má đặt chị là thứ hai. Sống với gia đình được mấy năm thì một người chú bà con của chị xuống xin chị về dưới biển. Rồi chị lớn lên, lấy chồng, công tác luôn dưới đó. Sau này, mỗi năm đôi ba lần, chị lại vượt cánh đồng mấy chục cây số, lội qua mấy chục đồn bót giặc về thăm má, thăm em. Trừ mắc công tác thì thôi, còn thì trời sập chị cũng về, cứ một mình một nón mà đi. Có bữa về, dầm mưa trắng hết mặt mũi, chơi với em được một buổi chiều, ăn bữa cơm, ngủ với má một đêm, hừng đông lại tất tưởi đi sớm.

Chị Chiến lại nói, giọng còn rành rọt hơn cả hồi nãy :

– Bây giờ chị Hai ở xa. Chị em mình đi thì thằng Út sang ở với chú Năm, chú nuôi. Còn cái nhà này ba má làm ra đó thì cho các

anh ở xã mượn mở trường học. Chú Năm nói có con nít học ê a có gì nó quét dọn cho. Thằng Út cũng học ở đây. Mầy chịu không ?

Việt chụp một con đom đóm úp trong lòng tay :

– Sao không chịu ?

– Giường vân cũng cho xã mượn làm ghế học, nghen ?

– Hồi đó má dặn chị làm sao, giờ chị cứ làm y vậy, tôi chịu hết.

– Má dặn tao hồi nào ? Giờ còn có tao với mầy thôi. Nếu đồng ý thì nồi, lu, chén, đĩa, cuốc, vá, đèn soi với nơm để gởi chú Năm. Chừng nào chị Hai ở dưới biển về làm giỗ má, chị có muốn lấy gì thì chị chở về dưới, nghen ?

– Tôi nói chị tính sao cứ tính mà...

Chị Chiến cựa mình, làm như chị nghĩ ngợi lung lắm. Phải chị thở dài rồi kêu thằng Út dậy đi đái nữa thì giống hệt như má vậy. Chị lại nói, lần này không gọi Việt bằng mầy, mà bằng em và xưng chị :

– Còn năm công ruộng hồi trước mấy chú cấp cho ba má, giờ mình đi mình trao lại chi bộ đặng chia cho cô bác khác màn, nghen ? Hai công mía thì chừng nào tới mùa, nhờ chú Năm đốn, để dành đó làm đám giỗ ba má. Em cũng ừ nghen ?

– Ừ !

– Còn bàn thờ má em tính gởi đâu ? Gởi sang chú Năm cho thằng Út nó coi chừng hay là để chị Hai về đem đi ?

Việt khẽ ngóc đầu lên dòm bàn thờ. Từ nãy giờ đang mải với ý nghĩ má đã về, nghe chị hỏi, Việt lại tin má đã về ngồi đâu đó thật. Việt nói :

– Mình đi đâu thì má đi theo đó chớ lo gì ?

– Vậy chớ ba má không theo con thì theo ai, nhưng mà cũng phải tính cho đâu ra đó chớ. Đem bàn thờ sang gởi chú Năm, em có ừ không ?

– Ừ !... Mà hồi đó má dặn chị vậy hả ?

– Má có biết má chết đâu mà dặn.

thuongmaitr

Việt sải chân ra giường :

– Vậy mà nói nghe in như má vậy.

Chị Chiến hứ một cái "cóc" rồi trở mình. May mà chị không bẻ tay rồi đập vào bắp vế than mỏi.

Chị nói :

– Tao cũng lựa ý nếu má còn sống chắc má tính vậy, nên tao cũng tính vậy.

Đúng rồi, hèn chi chị nói nghe thiệt gọn. Vậy mà hồi nãy còn giành đi với mình. Việt nghĩ vậy, rồi ngủ quên lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, nghe chị Chiến nói, chú Năm cứ ngồi y trên ván nhìn hai cháu thiệt lâu. Một lát, chú nói :

– Khôn ! Việc nhà nó thu được gọn thì việc nước nó mở được rộng, gọn bề gia thế, đặng bề nước non. Con nít chúng bây kì đánh giặc này khôn hơn chú hồi trước – Chú cười, đưa mấy ngón tay cứng còng chùi mắt – Đây rồi tao giao cuốn sổ gia đình cho chị em bây. Gọi là giao vậy chớ đưa cho bây rồi bây lội đùng đùng qua sông là ướt hết. Gọi vậy chớ tao vẫn giữ, tao sẽ ghi cho hai đứa bây từng ngày.

Trong lúc chị Chiến xuống bếp nấu cơm, Việt đi câu ít con cá về làm bữa cúng má trước khi dời bàn thờ sang nhà chú, còn một mình ở nhà trên, chú Năm lại cất tiếng hò. Không phải giọng hò trong trẻo trong đêm bay ra hai bên bờ sông, rồi dội lại trên cái ghe heo chèo mướn của chú. Câu hò nổi lên giữa ban ngày, bắt đầu cất lên như một hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, rồi kéo dài, từng tiếng một vỡ ra, nhấn nhủ, tha thiết, cuối cùng ngắt lại như một lời thề dữ dội.

Cúng mẹ và cơm nước xong, mấy chị em, chú cháu thu xếp đồ đạc dời nhà. Chị Chiến ra đứng giữa sân, kéo cái khăn trên cổ xuống, cũng xắn tay áo để lộ hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng, rồi dang cả thân người to và chắc nịch của mình nhấc bổng một đầu bàn thờ má lên. Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về. Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng

bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế. Còn mối thù thằng Mĩ thì có thể rờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai.

Hai chị em khiêng má băng tắt qua dãy đất cày trước cửa, men theo chân vườn thoảng mùi hoa cam, con đường hồi trước má vẫn đi để lội hết đồng này sang bưng khác.

*

Tánh dẫn tiểu đội đi tìm suốt ba ngày, mấy lần đụng địch, lục suốt mặt trận dài dặc mới gặp được "cậu Tư" trong một lùm cây rậm. Và nếu không nhanh miệng lên tiếng trước thì đã bị ăn đạn của cậu rồi. Bởi vì một ngón tay của cậu vẫn còn nhúc nhích, một viên đạn đã lên nòng và chung quanh cậu, dấu xe bọc thép còn hằn ngang dọc. Trong đám ruồi bay rối mù ấy, một cơ thể vẫn sống, vẫn hỏi Tánh bằng cái giọng ngây thơ chưa vỡ tiếng, giống hệt hồi ở nhà :

– Anh Tánh hả ? Thiệt anh hả anh Tánh ?

– Tánh đây ! Tao đây ! Chà, cái thằng...

Tánh vừa trả lời, vừa chùi đất dính trên đôi má bầu của Việt, giọng lạc hẳn đi.

– Mình diệt nó hết rồi hả anh ?

– Ờ, diệt hết rồi, trận đánh xong rồi, xong rồi...

Đôi môi nho nhỏ của Việt khẽ động đậy, hai bên mép hơi nhích lên, đôi mắt nhướng nhướng dòm hoài. Việt cười, tất cả nụ cười đó, tấm lòng của Việt đó, đều gửi cho anh Tánh. Rõ ràng bàn tay của anh đang rờ trên mặt Việt, bàn tay âm ấm và chai sần đụng tới đâu Việt biết tới đó, vậy mà còn tưởng chiêm bao. Khi nghe thấy tiếng động, Việt cứ đinh ninh là giặc, đang chuẩn bị bắn nó và chờ phút quyết liệt nhất của đời mình coi cái chết nó ra sao, thì lại té ra gặp anh Tánh. Việt khóc thật, hay là cảm thấy mình đang khóc thì đúng hơn, ngực Việt nghẹn lại, mắt bị thương nên không có nước mắt, chỉ có hai dòng nước mũi chảy ra, ướt cả đôi môi nho nhỏ đang cười. Việt cũng giống hệt như thằng Út em ở nhà, khóc đó rồi cười đó, mỗi lần níu chân chị Chiến đòi đi bộ đội.

(Lược bỏ đoạn cuối : *Việt được điều trị tại một bệnh viện dã chiến và sức khỏe hồi phục dần. Anh Tánh giục Việt viết thư cho chị Chiến kể chiến*

thuongmaitr

công của mình. Việt nhớ chị Chiến, muốn viết thư mà không biết viết sao. Việt cũng không muốn kể chiến công của mình vì thấy chưa thấm gì với thành tích của đơn vị và chưa đáp ứng được nguyện vọng của má.)

Tháng 2-1966

(*Truyện và kí*. NXB Văn học, Hà Nội, 1978)

Chú thích

(1) *Hồi chín năm* : hồi kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954). (2) *Cười lỏn lẻn* : cười thẹn. (3) *Gió chướng* : gió mạnh thổi từ phía đông bắc. (4) *Cuốn tập* : sổ tay. (5) *Bồng* : ba lô. (6) *Ếch nái bụng to tròn vo* : ếch cái mùa chửa đẻ. (7) *Trọng trọng* : to to. (8) *Chèo ghe mướn* : chèo thuyền thuê. (9) *Lục tỉnh* : sáu tỉnh Nam Bộ (Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) ; ở đây chỉ các tỉnh Nam Bộ nói chung. (10) *Nắm giàm* : dây xỏ mũi bò. (11) *Trã kháp rượu* : nồi cất rượu. (12) *Bao nhà* : vây nhà. (13) *Tía* : cha, bố. (14) *Đệm* : một thứ chiếu đan bằng bàng (một loại cói). (15) *Đóng đáy* : đóng cọc giăng lưới bắt cá - một loại lưới tròn. (16) *Hai cây mút mát* : hai cây súng trường. (17) *Cốt* : chưa rõ là lô cốt hay hài cốt. (18) *Việc thỏn mỏn* : việc nhỏ, lặt vặt. (19) *Cây thơm* : cây dứa. (20) *Cây trang* : ngoài Bắc gọi là cây hoa đơn, có nơi gọi là mẫu đơn. (21) *Kiếng* : gương. (22) *Chim cu* : chim gáy hay chim cu gáy. (23) *Ná thun* : súng (nỏ) cao su. (24) *Tèm lem* : nhem nhuốc. (25) *Không lỏi* : không sót. (26) *Thảy ra* : ném ra, đổ ra. (27) *Cái nạng* : cái chắc. (28) *Rinh* : khiêng, bê, bưng, mang. (29) *Dọ đường* : dò tìm đường. (30) *Lảng tai* : nghễnh ngãng, nghe không rõ. (31) *Tầm vông* : vũ khí bằng thân tre vót nhọn. (32) *Xin giang xuồng* : xin đi nhờ xuồng qua sông. (33) *Hai mắt hú một cái "cóc"* : lườm nguýt. (34) *Rê thuốc* : bó thuốc lá. (35) *Dùa* : lùa, xua. (36) *Vàm sông* : cửa sông. (37) *Cầm viết* : cầm bút (ở miền Nam, cái bút gọi là cái viết).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tác phẩm kể chuyện một gia đình. Gia đình này gồm ba, má Việt, chị Chiến, chú Năm và Việt. Gia đình này gắn bó với nhau trong truyền thống gì, bằng những tình cảm gì ? Phân tích sự gắn bó làm một giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, tình yêu cách mạng, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc được thể hiện sâu sắc và cảm động trong thiên truyện.

2. Chuyện được thuật lại chủ yếu qua dòng hồi tưởng của nhân vật Việt. Lối thuật chuyện qua dòng hồi tưởng và cảm nghĩ của nhân vật Việt bị trọng thương ở chiến trường (nhiều lần ngất đi rồi lại tỉnh lại) có tác dụng như thế nào đối với kết cấu truyện và đối với việc thể hiện các nhân vật, các tình tiết ?

3. Phân tích tính cách các nhân vật : Việt, Chiến. Phân tích những biểu hiện cảm động của tình thương mẹ và tình chị em của Việt và Chiến.

4. Nhận xét những nét chung của các tính cách Việt, Chiến và những nét riêng của mỗi nhân vật.

5. Đối với anh (chị), đoạn văn nào cảm động nhất ? Vì sao ?

SÓNG

XUÂN QUỲNH

Tiểu dẫn

Xuân Quỳnh tên đầy đủ là Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, sinh ngày 6-10-1942, quê ở thôn La Khê, xã Văn Khê, ngoại thị Hà Đông, tỉnh Hà Tây, lớn lên ở Hà Nội. Năm 1955, làm diễn viên múa trong đoàn văn công. Từ năm 1963 làm báo, biên tập viên nhà xuất bản, ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam (khóa III). Xuân Quỳnh làm thơ từ lúc còn là diễn viên. Ngay từ những tác phẩm đầu tay, Xuân Quỳnh đã bộc lộ một hồn thơ phong phú, hồn nhiên, tươi mới và sôi nổi khát vọng.

Tác phẩm chính : các tập thơ : *Tơ tằm - Chồi biếc* (in chung với Cẩm Lai - 1963), *Hoa dọc chiến hào* (1968), *Gió Lào cát trắng* (1974), *Lời ru trên mặt đất* (1978), *Tự hát* (1984), *Sân ga chiều em đi* (1984), *Hoa cỏ may* (1989).

Thơ Xuân Quỳnh thể hiện một trái tim phụ nữ hồn hậu, chân thành, nhiều lo âu và luôn da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường.

Xuân Quỳnh mất đột ngột trong một tai nạn giao thông tại Hải Dương, ngày 29-8-1988.

Bài *Sóng* in dưới đây là một trong những bài tiêu biểu cho hồn thơ Xuân Quỳnh.

*

* *

Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sông[1] không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể

Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ

Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên ?

Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu ?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

ruongxua.vn

Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh - một phương

Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua

Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.

Biển Diêm Điền
29-12-1967

(*Hoa dọc chiến hào*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1968)

Chú thích

(1) Chữ này một số bản in là *Sóng*. Ở đây chép theo văn bản bài thơ trong tập *Hoa dọc chiến hào* và *Sân ga chiều em đi* của Xuân Quỳnh.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ. Giữa "sóng" và "em" trong bài thơ có mối quan hệ như thế nào ?

2. Bài thơ là lời tự bạch của một tâm hồn phụ nữ đang yêu. Phân tích các trạng thái của tâm hồn ấy được biểu hiện trực tiếp qua hình tượng sóng trong bài thơ. Qua đó, anh (chị) cảm nhận được gì về tâm hồn người phụ nữ trong thơ Xuân Quỳnh ?

3. Anh (chị) hiểu như thế nào những câu thơ sau :

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa

4. Nhận xét về thể thơ, nhịp điệu và giọng điệu của bài thơ. Các yếu tố ấy đã có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện nội dung tình cảm, cảm xúc của bài thơ ?

MẢNH TRĂNG CUỐI RỪNG

NGUYỄN MINH CHÂU

Tiểu dẫn

Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989) quê ở làng Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Năm 1950, đang học trường trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng (Nghệ An) ông gia nhập quân đội và chiến đấu ở vùng địch hậu đồng bằng Bắc Bộ. Năm 1954, ông bắt đầu viết truyện ngắn. Một số truyện ngắn đầu tay ấy sau này được tập hợp trong tập *Những vùng trời khác nhau* (1970). Các tiểu thuyết : *Cửa sông* (1967), *Dấu chân người lính* (1972) đã khẳng định tài năng của ông và được người đọc yêu mến.

Tiếp tục gắn bó hết mình với cuộc kháng chiến chống Mĩ ở vùng đất Trị - Thiên, Nguyễn Minh Châu đã có những sáng tạo nghệ thuật thành công khác : các cuốn tiểu thuyết : *Miền cháy* (1977), *Lửa từ những ngôi nhà* (1977), *Những người từ trong rừng ra* (1982).

Từ đầu thập kỉ tám mươi, Nguyễn Minh Châu là một trong những nhà văn đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học.

Hai tập truyện : *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (1983), *Bến quê* (1985) và *Phiên chợ Giát*, *Cỏ lau* (những tác phẩm được in sau khi nhà văn qua đời) có nhiều tìm tòi đổi mới về tư tưởng và nghệ thuật.

truongxua.vn

Ông mất ngày 23-1-1989.

Truyện ngắn *Mảnh trăng cuối rừng* là một trong những tác phẩm Nguyễn Minh Châu viết thời kì đầu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ ở miền Bắc. Năm 1970, ông chọn in trong tập *Những vùng trời khác nhau*. Sau đó truyện được in lại nhiều lần trong các tuyển tập.

*

* *

(Lược bỏ phần đầu : *Một đêm trong thời kì chống Mĩ, sau những ngày rong ruổi trên các ngả đường khác nhau, trung đội lái xe có dịp gặp lại nhau. Họ háo hức kể chuyện cho nhau nghe. Dưới đây là câu chuyện của anh chiến sĩ lái xe Lãm.*)

Hôm đó trời vừa tối, mưa lác đác, tôi ở tiểu đoàn bộ ra đường đứng đợi xe bên đầu dốc bản Vang cháy. Một mảnh ni lông gói chiếc võng dù cặp bên nách, chiếc đèn pin khoác lủng lẳng trước ngực, tôi đứng hút thuốc lá phì phèo với cái vẻ ung dung, thư thái. Phải nói, làm anh lính lái xe suốt

mùa khô sang mùa mưa, con người như đã gắn vào buồng lái, được một phút nhàn rỗi như thế thật hiếm và quý hóa. Tôi đứng chéo chân tựa bên gốc cây bên đường, thở khói thuốc vòng tròn và ngắm vầng trăng khuyết mỏng manh bằng con mắt mơ mộng. Nhưng rồi chẳng được bao lâu. Tôi bắt đầu sốt ruột thấy xe cộ cứ lao qua vun vút trước mặt như ngựa đua, thế mà chẳng thấy đồng chí lái phụ đánh xe lên. Trời tối càng lâu, nỗi sốt ruột của tôi càng tăng. Tôi hết sức lắng tai vẫn chẳng nghe tiếng máy chiếc Gát[1] quen thuộc. Tôi bực quá đỗi ! Giữa thời chiến, xe mình chỉ cần vượt lên thiên hạ nửa vành bánh, khi qua phà qua ngầm[2] đã đủ nhàn. Hơn nữa, chuyến này tôi đã dự định sẽ chạy sớm, giao hàng sớm để kịp quay về giấu xe ở rừng săng lẻ[3]. Giấu xe ở đó thật chắc chắn, lại gần nơi người chị ruột của tôi công tác. Tôi đã xin phép cấp trên, trong chuyến đi hàng này sẽ ghé thăm chị tôi. Chị tôi biên thư cứ phàn nàn : "Đã hơn ba năm chưa được gặp cậu Lãm đấy !". Nhưng dầu sao đó cũng chỉ là một việc riêng.

Tôi đang bực và lo xe không lấy được hàng hay gặp trở ngại gì, thì đồng chí lái phụ đánh xe lên, từ dưới chân dốc đã bóp còi inh ỏi như xe chữa cháy. Mặc tôi gắt, đồng chí lẳng lặng trao phiếu hàng cho tôi, vui vẻ đặt vào trong cốp[4] gói xôi lạc và một bi đông nước đường. "Chúc anh đi may mắn nhé !" – Anh chàng vui tính nháy mắt ranh mãnh, rồi phát mạnh vào vai tôi một cái đau điếng. Xong, anh chàng co chân nhảy xuống đường. Chuyến này, theo phân công của trung đội, chỉ mình tôi đi. Tôi vẫn thường nhận một mình một đầu xe. Đồng chí lái phụ làm việc ở nhà. Từ biệt xong, đồng chí phụ lái vừa đi qua mấy bước đã quay lại nắm tay nện vào cánh cửa xe sầm sầm :

– Anh Lãm này, theo phiếu giao hàng tôi kiểm lại thấy thiếu một chiếc lốp. Tôi đã bắt anh kho kí nhận vào trong phiếu rồi đấy nhé !

– Được. – Tôi trả lời và rất bằng lòng về công việc ấy.

– Còn một cái nữa, cái này có nhưng mà không có ghi trong phiếu...

– Còn gì nữa ?

– Phía sau, có một người ngồi nhờ lên cầu Đá Xanh đấy.

Tôi ngạc nhiên hết sức, hỏi vặn :

– Sao cậu tự động vô nguyên tắc thế hử ?

– Nguyên do thế này, anh ạ... thế này...

Mặc dù những lí do cho đi nhờ xe đồng chí lái phụ trình bày đều hợp lí, tôi vẫn giận đồng chí ấy. Tôi đoán ngay con người đang ngồi sau kia nhất định là một cô gái. Và, trước mặt tôi liền hiện ra cảnh tượng hết sức quen mắt : một bên là cái vẻ nũng nịu của một cô nàng ôm chiếc nón trắng đứng sát cửa xe, một bên là những câu hỏi ỡm ờ của "anh tài phụ" của tôi đang ngồi vắt vẻo trong buồng lái, một nụ cười và một đốm thuốc lá ló ra ngoài. Thế là đủ tai hại cho tôi rồi ! Tàn cho được câu chuyện ấy thì xe lên sớm làm sao được ?

Đồng chí lái phụ đã quay về phía sau từ lúc nào. Tôi vẫn còn ngồi phân vân mấy giây. Xe chạy qua bao nhiêu chặng nguy hiểm mà trong xe lại có người đi nhờ ? Nhưng chẳng lẽ bây giờ bảo người ta xuống đi bộ ? Thôi được. Tôi quyết định đi. Trước lúc mở máy, tôi quay lại nhìn qua tấm lưới sắt gắn sau lưng, chỉ thấy tối mò mò như hũ nút và mùi cao su mới xông sang. Chẳng hiểu người khách đi nhờ ngồi ở góc nào.

– Ai ngồi trong đó ? – Tôi lên tiếng, giọng hỏi chẳng lấy gì làm ôn tồn lắm.

Không có tiếng đáp. Chỉ có tiếng động lịch kịch giữa các chồng lốp ô tô ở phía sau. Rồi lại nghe tiếng kêu lục cục khẽ như gà con cựa trong ổ. Tôi đoán câu chuyện trao đổi giữa tôi và đồng chí lái phụ, người khách đã nghe rõ hết, và bây giờ thấy tôi lên tiếng hỏi, người ấy sợ. Chắc người ấy đang phấp phỏng sợ tôi không cho đi nhờ. Nhưng người đó là ai ?

– Có ai ngồi sau đó ? – Tôi nhắc lại câu hỏi, lần này giọng đỡ gay gắt hơn.

– Tôi đây... Tôi nhờ đồng chí lên cầu Đá Xanh một tẹo.

Quả tôi đoán chẳng sai. Rõ ràng tiếng trả lời của một người đàn bà, một cô gái, tiếng nói trong lắm và rất bình tĩnh, cứng cỏi nữa là khác.

Mặc, tôi vẫn hỏi gặng :

– Đàn ông, hay đàn bà ?

truongxua.vn

– Đàn ông !

– Thôi đi cô, đáng lí tôi đã mời cô xuống đây, đây là xe chở hàng quân sự. Cô lên cầu Đá Xanh có việc gì ?

– Em là công nhân giao thông. Anh gì ban nãy đã xem chứng minh thư rồi. Em về trên đơn vị có chút việc.

Tôi hỏi bừa một câu cho vui :

– Việc gì ? Hay là cô đi thăm chồng hay người yêu ?

– Em đi thăm người yêu đấy !

Tôi vội nổ máy và trong bụng cũng phát hoảng lên vì cái cách con gái ăn nói đối đáp bạo dạn nhường ấy. Nhưng nghe giọng nói, chẳng phải giọng một câu nói đùa. Biết đâu đấy, biết đâu cô ta nói thật ?

*

– Các cậu ơi, hãy chịu khó đợi một chút ! – Đồng chí lái xe đang kể chuyện nằm khuất trong bóng tối lên tiếng kêu gọi. Mọi người đang nóng lòng muốn biết lí lịch cô gái đi nhờ xe. Họ cứ làm ồn ào thúc giục đòi kể tiếp.

thuongmaitr

Ngoài rừng vọng tiếng suối tràn trên đá và tiếng đôi chim kêu rụt rè ở góc rừng. Người kể chuyện khom lưng qua góc ngoài tấm sạp nứa, đôi mắt nheo tít lại vì khói, thổi tắt ngọn lửa xanh cháy loang trong lòng chiếc ống sữa bò. Căn lán xăng dầu phút chốc chìm trong bóng tối đầy tiếng động kì lạ của đêm rừng. Câu chuyện lại được kể tiếp :

– Các đồng chí đừng sốt ruột vì cô gái. Hãy để cô ta ngồi đấy giữa hàng chồng lốp ô tô... Bây giờ, tôi kể xen vào một câu chuyện nhỏ, chuyện riêng của tôi. Tôi có một người chị ruột làm cán bộ ở một hạt giao thông quãng cầu Đá Xanh. Cách đây bốn, năm năm, trong chúng ta có đồng chí nào hay chạy con đường miền Tây X, chắc còn nhớ cảnh tấp nập, đông vui của công trường xây dựng cầu Đá Xanh.

Từ ngày đầu mới mở công trường, chị Tính, chị tôi, đã có mặt. Chị tôi ở tổ đá. Những người con gái làm đá đông lắm, có hàng trăm cô. Trong tổ đá của chị tôi có một cô tên là Nguyệt. Phải, Nguyệt là trăng. Cái tên khá

đẹp ! Đấy là một cô học sinh mới rời ghế nhà trường đi kiến thiết miền Tây. Chị tôi coi Nguyệt như một cô em gái, rất yêu mến Nguyệt, bởi lẽ cô ta rất ngoan ngoãn và tích cực. Bức thư nào gửi về cho tôi, chị Tính cũng nhắc đến tên người con gái ấy, kể lể đủ các đức tính tốt đẹp. Rồi trong một bức thư, chị tôi bảo : "Chị đã tính toán, đã nhắm cô Nguyệt trên này cho cậu. Trên đời khó tìm được một người con gái như thế !". Bức thư sau, chị tôi giục tôi lên "xem mặt", và nói : "Chị cũng đã nói thẳng ý định của chị với cô ấy. Nó cứ đỏ bừng mặt lên không nói gì. Nhưng khi chị kể chuyện về cậu, về cái chuyện cậu trốn nhà đi tuyển bộ đội, cô ta ngồi nghe rất chăm chú. Cậu tranh thủ lên ngay nhé. Nguyệt nó cũng đang muốn gặp cậu. Chỉ cần hai người gặp nhau một lần là xong thôi !". Hồi đó, sau khi đi bộ đội, tôi làm chiến sĩ lái xe phụ thường chạy các tuyến đường ngoài Bắc. Tôi cũng đi vài chuyến miền Tây, có ghé vào công trường thăm chị Tính và cô Nguyệt, nhưng không lần nào gặp hai người. Trong những bức thư gửi cho chị, tôi thường viết thêm đôi câu hỏi thăm Nguyệt và ngụ ý hứa hẹn gặp Nguyệt. Chắc chắn Nguyệt phải được xem tất cả những lá thư của tôi gửi cho chị Tính nên đã hiểu biết về tôi ít nhiều. Các đồng chí cũng biết giữa chốn rừng núi heo hút, một bức thư đến với một người nào đó đều xem như của chung của mọi người.

truongxua.vn

Bẵng đi mấy năm, chị tôi về Hà Nội học. Rồi xảy ra cuộc kháng chiến chống Mĩ ; tôi xuất ngũ rồi tái ngũ. Bao nhiêu đường sá miền Tây và miền Trung, địch bắn phá dữ dội ! Tôi chưa kịp lấy vợ nhưng câu chuyện cô Nguyệt và những bức thư của chị Tính tôi đã quên từ lâu.

Chị Tính đi học gần hai năm lại quay về tuyến đường miền Tây. Từ nơi rừng núi quen thuộc, chị lại biên thư cho tôi, lần này kể chuyện địch bắn phá cầu Đá Xanh, chuyện các đơn vị giao thông quyết bảo vệ đường cho xe chạy. Những chuyện ấy với tôi chẳng có gì lạ. Nhưng lạ lùng và đột ngột đối với tôi, chị tôi nói quả quyết Nguyệt vẫn nhớ và đang chờ tôi. Qua mấy năm, có bao nhiêu người hỏi nhưng cô ta đều trả lời đã trót hẹn với một người rồi. Chị tôi cho biết Nguyệt đang làm ở ngầm, một nơi rất ác liệt, vẫn ở gần chị. Cô ta giờ đã lớn, càng ngoan ngoãn, dũng cảm và lại xinh đẹp hơn trước nữa kia.

Thú thật, lần này cầm lá thư của chị Tính, tôi rất sung sướng và cảm động. Và cũng thật lạ ! Qua bấy nhiêu năm sống giữa bom đạn và tàn phá, mà một người con gái vẫn giữ bên lòng hình ảnh một người con trai chưa

hề gặp và chưa hứa hẹn một điều gì ư ? Trong lòng cô ta, cái sợi chỉ xanh nhỏ bé và óng ánh, qua thời gian và bom đạn, vẫn không phai nhạt, không hề đứt ư ? Hạnh phúc người con gái ấy đem đến cho tôi quá nhiều. Cho nên tôi cảm thấy mình như một kẻ chịu ơn. Tôi phải gặp Nguyệt ! Tôi quyết định biên thư cho chị tôi, hẹn ngày gặp Nguyệt ! Đấy là cái ngày mà tôi đã được đại đội cho phép nghỉ. Sau chuyến xe chở lốp ô tô lên kho tiền tiêu, tôi sẽ quay về cánh rừng săng lẻ giấu xe, rồi ghé vào chỗ chị Tính làm việc. Ở đó, chị Tính sẽ dẫn tôi xuống dưới đội của Nguyệt. Tôi sẽ ở lại chơi một hôm, với tư cách là... khách của đội nữ công nhân giao thông bên ngầm.

Chiếc Gát lăn bánh rất êm trên đường. Đêm rừng thật vắng vẻ và yên tĩnh. Tôi đặt nhẹ mấy ngón tay trên vòng lái, mắt nhìn phóng về phía trước, và hình dung trước lúc tôi đến giữa đám các cô gái nghịch như quỷ sứ. Gặp tôi, Nguyệt sẽ nói rất ít, còn các cô bạn thì sẽ làm loạn lên. Nhưng chẳng hề gì, họ đều là những người bạn của anh em lái xe, đều là những người con dũng cảm, chân thực và mến khách.

Tôi đi được mươi cây số thì gặp một đoàn xe xích kéo pháo kềnh càng xuôi xuống, đành phải đỗ xe bên đường để tránh. Tôi tranh thủ chui xuống gầm xe, soi đèn pin xem lại chiếc bóng đèn. Tôi đang loay hoay vặn chiếc bóng thì nghe tiếng hỏi bên cạnh :

– Anh đi bóng "quả táo" hay "quả dưa"[5] đấy ?

– Ai kia ?

– Em đây mà !

A, cô gái đi nhờ xe. Trong ánh đèn gầm hắt xuống mặt đường hiện ra ngay trước mũi xe một đôi gót chân hồng hồng, sạch sẽ, đôi dép cao su cũng sạch sẽ, gấu quần lụa đen chấm mắt cá. "Ra vẻ cô này không phải người lao động rồi. – Tôi nghĩ – Hay là người ta đi thăm chồng hay đi thăm người yêu thực ?".

Tôi chui từ gầm xe, đưa hai tay dụi mắt :

– Chào cô, lần sau nếu xe dừng, cô đừng nhảy xuống như thế này nhé !

thuongmaitr

– Nhưng mà ngồi trong ấy mùi cao su khét quá, anh cho em đứng ngoài này thở một tí.

Qua làn ánh đèn tù mù của đoàn xe xích lao đi ầm ầm bên cạnh, tôi kịp nhận thấy vẻ xinh đẹp của cô gái, một vẻ đẹp giản dị và mát mẻ như sương núi tỏa ra từ nét mặt, lời nói và tấm thân mảnh dẻ, khác hẳn với nhiều cô gái công trường thường cô nào cũng thấp và đẫy đà. Cô ta mặc áo xanh chít hông vừa khít, mái tóc dày tết thành hai dải. Chiếc làn và chiếc nón mới trắng lóa khoác ở cánh tay một cách nhẹ nhàng.

Tôi hỏi :

– Cô làm ở ngầm Đá Xanh hay chỉ về đấy thăm ai ?

Trên khuôn mặt sáng sủa thoáng một nét e thẹn :

– Em làm ở ngầm...

– À quên, tôi chưa kịp hỏi tên cô đấy nhé.

– Em là... Nguyệt !

– ... À thế !...

truongxua.vn

Tôi vờ như không, vội đưa mắt ngắm cô gái một lần nữa thật kĩ lưỡng. Rồi, tay mở rộng cánh cửa buồng lái, tôi vồn vã mời :

– Sau ấy mùi cao su khét lắm đấy, mời cô lên... Bên cạnh còn chỗ ngồi...

Đoàn xe xích kéo pháo 57 mới khỏe làm sao. Đường sá, núi non cứ rung chuyển ầm ầm. Trái tim tôi cũng muốn nảy lên trong lồng ngực.

Cô gái cố ý ngồi sát mé cửa, chiếc làn cói ôm gọn trong lòng, giữa hai chúng tôi để một quãng cách rộng. Thú thật, trong đời lái xe của tôi, chưa bao giờ tôi mời một cô gái lên ngồi trong buồng lái. Đây là một trường hợp đặc biệt. Tôi với tay bật ngọn đèn nhỏ trước mặt. Cô gái ngắm "cái nhà" cỏn con của tôi bằng cặp mắt tò mò và hơi rụt rè.

Tôi bắt đầu hỏi dò khéo léo :

– Ở đội ngầm của cô, có nhiều cô tên là Nguyệt lắm thì phải ?

– Sao anh biết ?... Đội em có ba Nguyệt. Nhưng một người đã hi sinh rồi. Chỉ còn em và một chị nữa là hai thôi.

– Cô Nguyệt hi sinh bao giờ ? – Tôi vội hỏi, rõ ràng nghe tiếng nói của mình mà như của người khác.

– Cách đây đã ba, bốn tháng. Trong trận địch ném bom đánh sập hẳn cầu Đá Xanh. Chị ấy chiến đấu dũng cảm lắm, mà ngày thường lại hiền lành, ai cũng tiếc !

– Cô ấy có chồng chưa ?

– Chưa. Hình như mới có người yêu.

Tôi nắm vòng lái thật chặt. Mặt đất dưới bánh xe như đang nghiêng ngả, đảo lộn. Tôi cho xe đi chầm chậm và lại hỏi :

– Còn cô Nguyệt thứ hai ?

– Chị ấy đã bốn con rồi ! Chúng em thường gọi đùa là chị "Nguyệt lão". Sao anh hỏi tỉ mỉ vậy ?

Tôi thở phào và nói đùa một câu nhạt thếch.

Lòng tôi rối như tơ vò. Chẳng lẽ lại đi hỏi thăm cô ta có biết chị Tính hay không ? Chỉ cần hỏi thế, mọi sự sẽ vỡ lẽ ngay, nhưng tôi vẫn không muốn hoặc không dám hỏi. Tôi không muốn đi sâu vào câu chuyện riêng giữa chuyến công tác. Thế nhưng rồi tôi vẫn cứ phải phân vân : Trong hai người con gái, một trẻ và xinh đẹp ngồi bên cạnh, và một người đã chết anh dũng, ai là người đã từng mang canh cánh trong trái tim tuổi trẻ mối tình đầu đối với tôi suốt mấy năm, mà tôi lại tỏ ra hờ hững ? Một trong hai người, ai là người tôi sắp tìm đến ? Ai ? Người tôi sắp tìm đến là ai ? Câu hỏi ấy cứ xoáy trong óc tôi như một cái dùi nung đỏ bỏng rát. Nếu Nguyệt đã hi sinh thực thì tôi sẽ mang mối hận mãi mãi.

Xe đang lao qua quãng dốc. Từng mảng rừng, lèn[6] đá, những bãi tranh ngổn ngang hố bom từ trên cao rơi ập xuống tấm kính buồng lái. Tôi đang đi bỗng như có linh tính, vội đạp phanh cho xe đi chậm

thuongmaitr

lại. Qua tấm kính trước mặt, hiện ra một ngọn đèn pháo sáng xanh lét run rẩy soi lòe nhòe ở trên đầu.

– Không nghe tiếng máy bay sao lại có pháo sáng hử ! – Tôi nghe ngóng và thốt lên.

Từ đầu, cô gái vẫn ngồi chống khuỷu tay lên thành cửa nhìn ra ngoài. Cô quay vào, nói :

– Không phải đâu. Trăng đó anh ạ !

Trăng thật. Hôm nay đầu tháng. Từ đầu hôm, tôi đi giữa đêm trăng mà không biết. Cô gái vẫn bình thản ngồi nhìn ra ngoài trời. Tôi quẹt diêm châm một điếu thuốc rồi tăng số cho xe phóng nhanh hơn, trong lòng vẫn không hết ngượng. Già đời trong nghề lái xe, bom đạn nguy hiểm gặp đã nhiều, tôi vốn không phải anh nhút nhát, vậy mà không hiểu sao đêm nay nhìn trăng ra pháo sáng ? Qua tấm kính ướt hơi sương, mảnh trăng nằm giữa những tảng mây hiện ra tái ngắt, ánh sáng lòe nhòe, mỗi lúc xe nảy lên hay vòng qua chỗ lượn, mảnh trăng lại chập chờn lay động, có lúc thấy rơi tõm xuống khoảng tối mịt mù của cánh rừng già như một trò chơi ú tim.

Khoảng gần khuya, trên các chỏm rừng, gió tây nam cuốn mây xám về một góc rồi thổi dạt đi. Gió thổi vào cành lá ngụy trang trên nóc xe ràn rạt. Trên đầu chúng tôi, khoảng trời đêm trên cao trở nên trong vắt, cao lồng lộng, trong khoảng sâu thẳm nổi lên một tiếng chim mơ hồ. Nhưng ở lưng các cánh rừng, sương trắng không biết từ đâu cứ đùn ra mãi. Dòng sông bên trái đường phút chốc biến mất, chỉ còn là sương trắng phủ kín, thảng hoặc mới thấy một chỏm rừng, một ngọn núi đá bên kia sông nhô lên, đen đủi và cô độc giữa một màu trắng xóa.

Xe tôi chạy trên lớp sương bồng bềnh. Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như một mảnh bạc. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trăng. Không hiểu sao, lúc ấy, như có một niềm tin vô cớ nhưng chắc chắn từ trong không gian ùa tới tràn ngập cả lòng tôi. Tôi tin chắc chắn người con gái đang ngồi cạnh mình

chính là Nguyệt, chính người mà chị tôi thường nhắc đến. Chốc chốc, tôi lại đưa mắt liếc về phía Nguyệt, thấy từng sợi tóc của Nguyệt đều sáng lên. Mái tóc thơm ngát, dày và trẻ trung làm sao ! Bất ngờ, Nguyệt quay về phía tôi và hỏi một câu gì đó. Tôi không kịp nghe rõ vì đôi mắt tôi đã choáng ngợp như vừa trông vào ảo ảnh. Trăng sáng soi thẳng vào khuôn mặt Nguyệt làm cho khuôn mặt tươi mát ngời lên đẹp lạ thường !

Tôi vội nhìn thẳng vào đoạn đường đầy ổ gà, không dám nhìn Nguyệt lâu. Từng khúc đường trước mặt cũng thếp[7] từng mảng ánh trăng...

– Anh nhỉ ? Có phải không nhỉ ?

– Cô hỏi gì ?

– Em hỏi, có phải các anh lái xe đi nhiều nơi, chắc hẳn quen biết nhiều người lắm ?

Tôi hiểu cái dụng ý trong câu hỏi. Câu ấy có quan hệ đến tôi nhiều lắm.

thuongmaitr

– Đời lái xe chúng tôi như con vạc ấy, cô ạ ! Nay đỗ rừng này, mai qua suối kia, nhưng tháng này sang tháng khác vẫn làm bạn với đường, với trăng thôi.

Chẳng biết lúc ấy, ai mới móc miệng cho mà tôi bỗng trở nên ăn nói văn vẻ đến thế !

Quá nửa đêm, chúng tôi đến gần cầu Đá Xanh thì trăng lặn. Chúng tôi không nói chuyện nữa. Mảnh trăng đã khuất hẳn xuống khu rừng ở sau lưng. Tôi bật chiếc bóng đèn "quả dưa" cho sáng hơn và bảo Nguyệt : "Cô chú ý nghe hộ, từ đây đường có máy bay" ; Nguyệt vẫn thản nhiên ngồi nhìn ra ngoài : "Anh cứ yên tâm, đoạn này em quen lắm !".

Nguyệt hướng dẫn cho tôi đánh xe rẽ sang con đường xế về phía ngầm. Con đường thấp hẳn xuống, quanh co, sục lên một thứ bùn quánh nhão nhoét quanh những hố bom cũ và mới. Tôi dán mắt vào mặt kính, thận trọng lái hai bánh trước tránh hai vệt bánh xe như hai

cái rãnh thoát nước ở giữa đường. Có đoạn bánh trước sục xuống rãnh sâu quá, Nguyệt phải xuống "xinhan"(8) cho tôi kéo lên. Có đoạn không nhích lên được. Tôi phải cài số phụ, rồi tăng ga mãi. Không khí trong buồng lái nóng sực. Lốp xe quay tròn, xiết trên đá tóe lửa khét lẹt.

Nguyệt nhìn đoạn đường khó đi, nói như thanh minh :

– Chúng nó ném bom luôn, chúng em đã rải bao nhiêu đá mà đường sá còn ra thế !

Tôi vò chiếc mũ vải trong bàn tay, lau mồ hôi rồi tính đến lúc sắp phải từ biệt Nguyệt :

– Cô sắp xuống rồi chứ ? Bao giờ xuống, cô bảo để tôi dừng xe.

Đáng lẽ Nguyệt đã xuống ngang quãng trạm gác bên ngầm ở ngã ba, nhưng cô muốn đưa tôi đi tiếp sang bên kia sông. Cô cười, nói đùa :

– Anh đã cho em đi nhờ xe, lúc khó khăn lại bỏ anh ư ?

ruongxua.vn

Tôi nói rất nghiêm trang :

– Thế nào chúng ta cũng còn gặp nhau. Mà dù cô xuống từ dưới kia, tôi cũng không bao giờ nghĩ cô là một người khi khó khăn thì bỏ người khác.

– Sao vậy, anh ?

– Trông cô, tôi biết...

Một làn nước hiện ra trước mặt. Đoạn ngầm Đá Xanh ngắn thôi, nhưng mấy hôm trước mưa lũ, nước dâng cao trên mặt đá đến hơn một mét. Vừa đánh xe xuống, đã nghe nước tràn vào ống sả hơi ùng ục. Chiếc xe lắc điên đảo, lúc ngoi lên lúc hụp xuống, ánh đèn chiếu sáng mặt nước loang loáng. Ra đến quá nửa ngầm thì nước sâu quá, xe không đi được nữa.

Nguyệt đứng bám bên cánh cửa hướng dẫn cho tôi đi đúng giữa hai hàng cọc tiêu. Cô vội nhảy ùm xuống nước, bảo tôi tắt đèn đi.

– Có máy bay à ?

cũng thấy trước mặt bóng một người con gái mặc áo xanh, một bên cánh tay buộc chiếc mùi xoa của tôi. Với chiếc làn và chiếc nón trắng mới, cô ta đang đi trở lại về phía ngầm. Có lúc, tôi lại thấy cô ta quay lại, khuôn mặt đẹp lộng lẫy đầy ánh trăng.

*

– Thế nào, kể tiếp đi ! Ngày hôm sau sống chết cậu cũng phải mò tới cái đội nữ công nhân ấy chứ ? – Những người nghe chuyện vẫn tỉnh như sáo. Có lẽ đã hai ba giờ sáng.

– Đêm ấy tôi chạy nhanh đến như vậy, nhưng lên đến tiền tiêu giao hàng cho kho xong thì trời đã gần sáng. Thế là không kịp quay về rừng săng lẻ giấu xe nữa, đành đánh đi giấu ngay ở đấy. Vả lại hí húi kiếm lá ngụy trang, tháo xăng, nấu cơm. Thật chán hết sức ! Thế là bay đi một ngày phép !

Đại đội trưởng lại bố trí cho tôi đi một chuyến nữa lên tiền tiêu, vào ngay đêm sau. Lần này, tôi kịp ghé hạt giao thông của chị tôi, cũng đóng không xa đội nữ công nhân phụ trách ngầm.

Lán đội nữ công nhân giữa khu rừng săng lẻ rất đẹp. Con gái bao giờ họ cũng chu đáo và chăm chỉ chứ không tuềnh toàng như chúng mình. Lán họ ở sạch sẽ, ngăn nắp, có nhà ăn, nhà câu lạc bộ. Thấy tôi đến, chẳng phải chỉ một mình chị Tính mà các chị em khác đon đả, mừng rỡ, toàn là những tay ăn nói khiếp cả. Nhưng tôi còn lòng dạ nào mà đối đáp với họ ! Việc đầu tiên tôi quan sát thần sắc chị Tính : hai ngày qua tôi đã tin chắc chắn không thể nào sai được rằng người con gái mình đang tìm gặp thì đã gặp, nhưng đến đây tôi lại nghĩ Nguyệt có thể là người con gái đã anh dũng hi sinh từ cách đây ba, bốn tháng.

Chị Tính dẫn tôi vào nhà, và trách :

– Hôm kia, sao cậu không về ? Nguyệt nó chỉ tranh thủ lên được có một hôm, đợi cậu suốt ngày không thấy, cô ấy lại phải về dưới ti[12] rồi !

Thế là trống ngực tôi không đánh nữa. Tôi tò mò hỏi :

– Cô ấy về dưới ti làm gì ?

– Cô ấy đang dở học lớp đảng viên mới ở dưới đó.

Hai chị em chúng tôi đang dở chuyện thì một chị to béo, ước trạc gần bốn mươi, hai tay cắp hai cái bì đựng măng xồng xộc đi vào :

– Đâu ? Cậu Lãm em trai chị Tính tới mà sao không đến trình diện với tôi hử ? – Chị ta túm lấy tôi trong hai bàn tay hộ pháp – Mặt mũi sáng sủa đấy chứ, lái xe à ? Tôi hỏi thế này nhé, anh đã biết tội của anh chưa ?

Chị Tính cứ ôm miệng cười. Còn tôi thì chẳng hiểu gì cả. Lát sau, mới biết chị làm tổ trưởng tổ nấu ăn của đội, đấy chính là chị "Nguyệt lão", một người bạn thân thiết của chị tôi.

Chị "Nguyệt lão" vui vẻ "mắng" tôi một hồi nữa, đầy những "cớ sao", cớ sao mấy năm trời để cho "cái Nguyệt" nó đợi đỏ mắt, có muốn tìm hiểu người ta hay không thì cũng phải bảo một câu chứ ! Rồi chị kể : Hôm nọ "nó" trở lên đây, đi nhờ xe vận tải của một anh bộ đội, xe bị bom dọc đường, may mà chỉ bị thương rất nhẹ thôi.

Chị hỏi : "Anh vẫn chưa biết mặt nó, hử ?" rồi lại nắm áo tôi kéo tuột đến trước một hàng ảnh nhỏ xíu dán chi chít trên tờ giấy bao xi măng giữa nhà câu lạc bộ.

Chị "Nguyệt lão" chưa kịp trỏ, tôi đã nhận ra tấm ảnh của Nguyệt. Trước đấy mấy năm, trông cô như một con chim non đang tập bay. Nguyệt đang đứng cheo leo giữa vách núi, trên vai vác một chiếc máy khoan, đôi mắt đen láy ngây thơ nhìn ra xa. Nhìn bức ảnh ấy, tôi không khỏi nhớ những ngày hòa bình rộn ràng chúng ta xây dựng những chiếc cầu trên các tuyến đường. Ngọn núi Nguyệt đang đứng chính là một ngọn trong dãy núi đá xanh cao sừng sững nằm bên trái bến ngầm. Ngày khởi công xây dựng chiếc cầu ở đây, đội phá đá của công trường đều toàn là nữ. Tháng này sang tháng khác, với một sợi dây da bảo hiểm buộc ngang lưng, họ dũng cảm trèo lên những tầng đá cao, chọn những vỉa đá xanh đẹp nhất về xây cầu. Chiếc cầu làm trong gần hai năm mới xong, xanh biếc và đẹp như một giấc mộng, nhưng vừa khánh thành được mấy tháng thì máy bay Mĩ đã đem bom tới phá sập.

Buổi chiều hôm đó, chị Tính và chị "Nguyệt lão" tiễn tôi ra đến bờ sông. Chị "Nguyệt lão" giơ nắm tay to lớn ra trước mặt tôi : "Khối anh cán bộ khá hẳn hoi muốn yêu nó. Nó chỉ chờ gặp anh đó thôi. Coi chừng cứ phóng xe chạy biến đi, tôi không có dây tơ hồng nhưng đã có dây trói lợn trói anh lại !". Tôi vội vàng nhét vào trong chiếc túi cấp dưỡng nhọ nhem của chị một chiếc phong bì niêm rất cẩn thận. Suốt buổi trưa, tôi đã mượn giấy bút biên cho Nguyệt lá thư đầu tiên.

truongxua.vn

Ra đến rừng săng lẻ, tôi chưa về chỗ giấu xe vội, mà men bờ sông ra ngoài cầu. Con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẫm, hai bên bờ cỏ lau chen với hố bom. Chiếc cầu bị cắt làm đôi như một nhát rìu phang rất ngọt. Ba nhịp phía bên này đổ sập xuống, những phiến đá xanh lớn rơi ngổn ngang dưới lòng sông, chỉ còn hai hàng trụ đứng chơ vơ giữa trời. Tôi đứng bên sông, giữa cảnh một chiếc cầu đổ và lại tự hỏi : "Qua bấy nhiêu năm tháng sống giữa cảnh bom đạn tàn phá những cái quý giá do chính bàn tay mình xây dựng nên, vậy mà Nguyệt vẫn không quên tôi sao ? Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn giội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư ?".

... Người kể chuyện tự nhiên ngừng bặt, như đang lắng nghe tiếng trả lời đâu từ trong lòng mình. Những người bạn cũng không hỏi, không đòi kể tiếp và nói chuyện ồn ào như những lần trước.

Hẳn đã gần sáng. Ngoài rừng sâu, đôi chim gọi nhau suốt đêm đã im tiếng, có lẽ chúng đã tìm thấy nhau.

thuongmaitr

Chân trời phía rừng tây bỗng ửng sáng. Rồi trăng đội chỏm cây từ từ nhô lên. Từng chiếc lá đùng đình trên nóc lán lóe sáng như những mảnh bạc. Ánh trăng khuya lặng lẽ soi đầy trên mái, và đoạn đường đầy vết xe trước cửa. Người kể chuyện ngửng lên ngắm mảnh trăng vừa lên rồi nằm xuống giữa những người bạn lái xe. Anh giục :

– Ngủ thôi các cậu ? Mai còn chạy.

(Tạp chí *Tác phẩm mới*,
Hội Nhà văn Việt Nam, số 54, tháng 10-1975)

Chú thích

(1) *Gát* : tên một loại xe ô tô vận tải thường dùng thời kì chống Mĩ. (2) *Ngầm* : đoạn đường làm thấp dưới mặt nước để xe vượt sông, vượt suối. (3) *Săng lẻ* : một loại cây cao, to, thường mọc thành rừng, có nhiều ở miền tây Trường Sơn. (4) *Cốp* (tiếng Pháp : *coffre*) : nơi dùng để những đồ lặt vặt trong xe. (5) *Bóng "quả táo", "quả dưa"* : bóng đèn loại nhỏ (như quả táo) hoặc vừa (như quả dưa) bộ đội thường lắp dưới gầm phía đầu xe, để ánh sáng khỏi chiếu xa, tránh sự phát hiện của máy bay địch. (6) *Lèn* : núi đá có vách cao dựng đứng. (7) *Thếp* : dát mỏng.

(8) *Xinhan* (tiếng Pháp : *signal*) : ở đây có nghĩa là ra hiệu để lái xe đi cho đúng, có thể vượt qua những chỗ khó đi. (9) *Đánh tọa độ* : ném bom, bắn phá theo những tọa độ đã xác định trước, không cần quan sát mục tiêu. (10) *Cua* (tiếng Pháp : *cours*) : khúc ngoặt trên đường đi của xe cộ tàu bè. (11) *Taluy* (tiếng Pháp : *talus*) : vách đá (đất) dốc ở bên mép đường. (12) *Ti* : ý nói ti (nay là sở) giao thông tỉnh.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tác giả kể lại một chuyện tình. Hãy tìm hiểu những khía cạnh độc đáo của tình yêu giữa anh chiến sĩ lái xe và cô công nhân giao thông. Qua đó, anh (chị) có nhận xét gì về cách xây dựng tình huống trong truyện ngắn này ?

2. Phân tích vẻ đẹp tâm hồn và tính cách của nhân vật Nguyệt.

3. Tên truyện là ***Mảnh trăng cuối rừng.*** *Thông qua việc tìm hiểu sự ẩn hiện, vận động của "trăng" trong quá trình kể chuyện, anh (chị) có nhận xét gì về giá trị thẩm mĩ, ý nghĩa tượng trưng của hình tượng này ?*

truongxua.vn

4. Truyện ngắn này giàu chất trữ tình và vẻ đẹp lí tưởng. Hãy phân tích đặc điểm ấy trong cốt truyện, trong nhân vật và trong những bức tranh thiên nhiên.

ĐẤT NƯỚC

(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

Tiểu dẫn

Nguyễn Khoa Điềm sinh ngày 15-4-1943 tại thôn Ưu Điềm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế ; trong một gia đình trí thức cách mạng. Sau khi tốt nghiệp Trường đại học Sư phạm Hà Nội năm 1964, Nguyễn Khoa Điềm về miền Nam tham gia cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ ; từ chiến khu Trị - Thiên vào hoạt động trong nội thành Huế, từng bị địch bắt giam. Tổng tiến công Mậu Thân 1968, được giải thoát và lại lên chiến khu. Nguyễn Khoa Điềm bắt đầu làm thơ từ thời kì

này và là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ những năm kháng chiến chống Mĩ. Thơ Nguyễn Khoa Điềm giàu chất suy tư, xúc cảm dồn nén, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu của nhân dân. Sau năm 1975, Nguyễn Khoa Điềm tiếp tục hoạt động văn nghệ và công tác chính trị ở thành phố Huế quê hương, từng là Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam (khóa V). Hiện nay, ông là Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

Tác phẩm chính : *Đất ngoại ô* (tập thơ, 1972), *Mặt đường khát vọng* (trường ca, 1974).

Bài *Đất Nước* trích phần đầu chương V của trường ca *Mặt đường khát vọng*. Bản trường ca viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ các thành thị vùng tạm chiếm miền Nam, nhận rõ bộ mặt xâm lược của đế quốc Mĩ, hướng về nhân dân, đất nước, ý thức được sứ mệnh của thế hệ mình, đứng dậy xuống đường đấu tranh hòa nhịp với cuộc chiến đấu của toàn dân tộc.

Trường ca *Mặt đường khát vọng* được tác giả hoàn thành ở chiến khu Trị - Thiên năm 1971, in lần đầu năm 1974.

*

* *

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..."
mẹ thường hay kể.
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc
Tóc mẹ thì bới sau đầu[1]
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn[2]
Cái kèo, cái cột thành tên
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
Đất Nước có từ ngày đó...

Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất Nước là nơi ta hò hẹn
Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm[3]
Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"[4]
Nước là nơi "con cá ngư ông móng[5] nước biển khơi"[6]

thuongmaitr

Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông
Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ
Đất là nơi *Chim* về
Nước là nơi *Rồng* ở
Lạc Long Quân và Âu Cơ
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng
Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần người đi trước để lại
Dặn dò con cháu chuyện mai sau
Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ[7]
Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
truongxua.vn
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất Nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời...

*

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước
những núi Vọng Phu[8]
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái[9]

Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương[10]
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm
Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút,
non Nghiên[11]
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long
thành thắng cảnh[12]
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang,
Bà Đen, Bà Điểm[13]
Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống
ông cha
Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...

*

Em ơi em
Hãy nhìn rất xa
Vào bốn nghìn năm Đất Nước
Năm tháng nào cũng người người lớp lớp
Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta
Cần cù làm lụng
Khi có giặc người con trai ra trận
Người con gái trở về nuôi cái cùng con
Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh
Nhiều người đã trở thành anh hùng
Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ
Nhưng em biết không
Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm

thuongmaitr

Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước
Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ truyền lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi(14)
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân
Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái
Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm
Có nội thù thì vùng lên đánh bại
Để Đất Nước này là Đất Nước Nhân dân
Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại
Dạy anh biết "yêu em từ thuở trong nôi"(15)
Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội(16)
Biết trồng tre đợi ngày thành gậy
Đi trả thù mà không sợ dài lâu(17)
Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu
Mà khi về Đất Nước mình thì bắt lên câu hát
Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác
Gợi trăm màu trên trăm dáng sông xuôi...
...

12-1971

(*Mặt đường khát vọng*.
NXB Văn nghệ giải phóng, 1974)

Chú thích

(1) Búi tóc thành một cuộn sau gáy, một tập tục cổ truyền của phụ nữ Việt Nam (khác với một số dân tộc, phụ nữ búi tóc thành cuộn trên đỉnh đầu). (2) *Gừng cay muối mặn* : ngạn ngữ dân gian, chỉ những cay đắng gian nan đã gắn bó tình nghĩa vợ chồng (ca dao : *Tay nâng chén muối đĩa gừng - Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau*). (3) *Khăn thương nhớ ai - Khăn rơi xuống đất - Khăn thương nhớ ai - Khăn vắt lên vai - Khăn thương nhớ ai - Khăn chùi nước mắt*... (ca dao). (4) Một câu trong ca dao miền Trung. (5) *Móng* : cá đớp trên mặt nước tạo thành những bong bóng nhỏ. (6) Một câu trong ca dao miền Trung. (7) *Giỗ Tổ* : theo tục truyền, ngày 10 tháng 3 (âm lịch) hằng năm là ngày giỗ Tổ Hùng Vương để tưởng nhớ các vua Hùng đã có công dựng nước. (8) *Núi Vọng Phu* : ở nhiều nơi trên đất nước ta có những tảng đá lớn (núi đá) trông như hình người đàn bà bồng con, thường gắn với sự tích về người vợ ngóng trông chồng. (9) *Hòn Trống Mái* : một cảnh đẹp ở gần

truongxua.vn

bãi biển Sầm Sơn (Thanh Hóa) có hai tảng đá lớn hình thù ngộ nghĩnh xếp chồng trên một nền đá chênh vênh. Người ta hình dung đây là biểu tượng đôi lứa. Hòn Trống Mái có gắn với một sự tích dân gian về tình yêu lưu truyền ở địa phương. (10) Từ núi Hi Cương, nơi có đền thờ các vua Hùng, nhìn ra xung quanh có nhiều đồi núi thấp hơn bao quanh. Truyền thuyết nói đó là đàn voi 99 con quây quần thần phục. (11) *Núi Bút, non Nghiên* : tên những hòn núi đẹp ở vùng Quảng Ngãi. (12) *Con cóc, con gà* : những đảo đá ở vịnh Hạ Long có hình thù kì thú trông xa như con cóc, con gà. (13) *Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm* : những địa danh ở Nam Bộ. (14) *Con cúi* : vật dụng bện bằng rơm, đặt một hòn than hồng vào để giữ lửa âm ỉ, dùng trong nhà hay mang theo ra đồng. *(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu : *Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia).* (15) *Yêu em từ thuở trong nôi - Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru* (ca dao). (16) *Cầm vàng mà lội qua sông - Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng* (ca dao). (17) *Thù này ắt hẳn còn lâu - Trồng tre nên gậy, gặp đâu đánh què* (ca dao).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đoạn thơ chính luận - trữ tình này trình bày sự cảm nhận và lí giải của tác giả về đất nước. Tìm hiểu trình tự triển khai những mạch suy nghĩ và cảm xúc của tác giả trong đoạn thơ.

2. Trong phần đầu của đoạn thơ, tác giả đã cảm nhận đất nước về những phương diện nào ? Vì sao có thể nói qua cách cảm nhận ấy, đất nước vừa thiêng liêng, sâu xa, lớn lao, vừa gần gũi thân thiết với sự sống của mỗi người ?

3. Phần sau của đoạn thơ (từ "Những người vợ nhớ chồng..." đến hết đoạn trích) tập trung làm nổi bật tư tưởng : "Đất Nước của Nhân dân". Tư tưởng ấy đã quy tụ mọi cách nhìn nhận và đưa đến những phát hiện sâu và mới của tác giả về địa lí, lịch sử và văn hóa... của đất nước như thế nào ?

Tư tưởng ấy nổi bật trong đoạn thơ này, cũng như ở nhiều bài thơ thời chống Mĩ, vì sao ?

4. Trong đoạn thơ có sử dụng nhiều chất liệu văn học và văn hóa dân gian (ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, phong tục...). Hãy nêu những ví dụ cụ thể và nhận xét về cách sử dụng chất liệu dân gian của tác giả. Vì sao có thể nói chất liệu dân gian ở đoạn thơ này vừa quen thuộc lại vừa mới lạ ?

thuongmaitr

ĐỌC THÊM

TIN THẮNG TRẬN
(Báo tiệp)

HỒ CHÍ MINH

Tiểu dẫn

Bài *Tin thắng trận* (Báo tiệp), bài *Tặng cụ Bùi* (Tặng Bùi công), bài *Lên núi* (Đăng sơn) là ba bài thơ Hồ Chí Minh viết trong thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Ba bài thơ này, cũng như các bài thơ thường gọi là "thơ kháng chiến" khác của Người là những sáng tác đặc sắc, có địa vị đặc biệt trong nền văn học kháng chiến.

Các bài thơ kháng chiến của Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn cái *riêng* và cái *chung*, những cảm xúc của cá nhân và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của toàn quân toàn dân ta.

Phong thái ung dung, lạc quan trong thơ kháng chiến của Hồ Chí Minh biểu thị cái thế chủ động đứng trên đầu thù, làm cơ sở cho tinh thần quyết chiến quyết thắng.

truongxua.vn

*

* *

Phiên âm :

Nguyệt thôi song vấn : – Thi thành vị ?
– Quân vụ nhưng mang vị tố thi.
Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng,
Chính thị Liên khu báo tiệp thì.

1948

Dịch nghĩa :

Trăng đẩy cửa sổ hỏi : – Thơ xong chưa ?
– Vẫn còn bận việc quân, chưa làm thơ được.
Bỗng tiếng chuông ở lầu trên núi khua tỉnh giấc mộng đêm thu,
Vừa hay là lúc có tin thắng trận ở Liên khu báo về.

Dịch thơ :

Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
– Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu[1],
Ấy tin thắng trận Liên khu[2] *báo về.*

HUY CẬN dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 5, Sđd)

Chú thích

(1) *Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu* : (*chuông lầu* : chuông treo ở nhà sàn của Hồ Chí Minh để các chiến sĩ bảo vệ báo tin khi có người đến) câu thơ ý nói tiếng chuông đã khuấy động cái yên tĩnh của cảnh vật (cảnh vật như đang chìm trong giấc mộng đêm thu), nơi Hồ Chí Minh làm việc. (2) *Liên khu* : thời kì kháng chiến chống Pháp, ở những vùng đất quân Pháp không chiếm được, ta thành lập các liên khu (ví dụ : Liên khu Việt Bắc, Liên khu IV, Liên khu V...).

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Các anh (chị) cần chú ý khai thác chất thơ tự nhiên, phóng khoáng và mối quan hệ giữa cảnh và người trong bài thơ.

2. Mối quan hệ giữa chủ thể (nhà thơ) và khách thể (tin thắng trận) hòa hợp với nhau trong bài thơ đã làm cho tiếng thơ vút lên bay bổng (tin thắng trận đã làm nhà thơ vui mừng phấn chấn). Anh (chị) hãy tìm hiểu sự hòa hợp này qua các hình ảnh trong bài thơ.

3. Một trong những thủ pháp nghệ thuật của thơ cổ điển là mượn cảnh thiên nhiên để diễn tả nội tâm. Anh (chị) hãy tìm hiểu điều đó qua hai câu thơ đầu.

thuongmaitr

TẶNG CỤ BÙI[1]
(Tặng Bùi công)

HỒ CHÍ MINH

Phiên âm :

Khán thư sơn điểu thê song hãn,
Phê trát xuân hoa chiếu nghiễn trì.
Tiệp báo tần lai lao dịch mã,
Tư công tức cảnh tặng tân thi.

1948

Dịch nghĩa :

Khi xem sách, chim rừng đậu ở song cửa sổ,
Lúc phê công văn, đóa hoa xuân soi bóng trong nghiên mực.
Luôn luôn phải về báo tin thắng trận, con ngựa trạm cũng vất vả,
Nhớ cụ, vừa tức cảnh thành bài thơ gửi tặng cụ.

Dịch thơ :

Xem sách, chim rừng vào cửa đậu,
Phê văn, hoa núi ghé nghiên soi.
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa,
Nhớ cụ thơ xuân tặng một bài.

NAM TRÂN dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 5, Sđd)

Chú thích

(1) *Bùi công* : tức Bùi Bằng Đoàn, một nhân sĩ kháng chiến.

uongxua.vn

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Trong bài thơ này, cảnh và tình đều rất đẹp. Hai câu thơ đầu tạo ra một khung cảnh nên thơ và cũng nói lên lòng yêu thiên nhiên của tác giả (hãy chú ý đến những hình ảnh miêu tả cụ thể, sinh động ; mặc dù nhà thơ không miêu tả âm thanh, màu sắc, hương thơm nhưng người đọc vẫn như thấy tiếng chim, màu sắc và hương thơm của hoa).

Hãy phân tích hai câu thơ đầu để thấy phong thái ung dung của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh kháng chiến gian khổ.

2. Thơ Hồ Chí Minh sáng tác theo phong cách cổ điển (thất ngôn tứ tuyệt) nhưng bao giờ tác giả cũng có ý thức đưa vào thơ những chi tiết dẫn dắt người đọc trở về với hoàn cảnh thực tại của dân tộc (đang kháng chiến chống Pháp). Hãy chứng minh.

3. Bài thơ này ghi nhận một nét trong tính cách của Hồ Chí Minh là sống chân thật và tình cảm. Được tin vui, Người nhớ đến người bạn già và làm ngay một bài thơ để báo tin vui cho bạn.

LÊN NÚI
(Đăng sơn)

HỒ CHÍ MINH

Phiên âm :

Huề trượng đăng sơn quan trận địa,
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân.
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu Đẩu,
Thệ diệt sài lang xâm lược quân.

1950

Dịch nghĩa :

Chống gậy lên núi xem trận địa,
Muôn trùng núi nâng đỡ muôn trùng mây.
Khí mạnh của nghĩa quân ta muốn nuốt cả sao Ngưu,
sao Đẩu,
Thề diệt hết quân xâm lược sói lang.

Dịch thơ :

Chống gậy lên non xem trận địa(1),
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu(2),
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.

XUÂN DIỆU dịch
(*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Tập 6, Sđd)

Chú thích

(1) *Trận địa* : chỉ vùng Cao - Bắc - Lạng, nơi quân ta dự định mở chiến dịch Biên giới (1950). (2) *Ngưu Đẩu* : tên hai ngôi sao Khiên Ngưu và Bắc Đẩu. Ý câu này muốn nói : khí thế quân ta rất hùng dũng tưởng chừng át cả các ngôi sao trên trời.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài thơ sáng tác năm 1950, vào thời gian quân ta mở chiến dịch Biên giới (ở vùng Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn). Mở đầu chiến dịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh thân hành lên núi để quan sát trận địa.

Anh (chị) hãy nghiên cứu những hình ảnh trong bài thơ nói về thiên nhiên đất nước và quân đội ta để thấy tinh thần lạc quan tin tưởng vào thắng lợi của Hồ Chí Minh.

2. Ý chí quyết chiến quyết thắng của quân dân ta được tập trung thể hiện qua những hình ảnh, chi tiết nào trong bài thơ ?

3. Chứng minh rằng bài thơ này biểu hiện sự hòa quyện giữa chất hiện thực và chất lãng mạn (một đặc điểm của phong cách thơ Hồ Chí Minh).

ĐỒNG CHÍ

CHÍNH HỮU

Tiểu dẫn

Chính Hữu tên khai sinh là Trần Đình Đắc, sinh ngày 15-11-1928, quê ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Năm 1946, Chính Hữu gia nhập quân đội trong trung đoàn Thủ đô là một đơn vị nổi tiếng thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông làm công tác chính trị (chính trị viên đại đội) và văn nghệ trong quân đội. Từ năm 1983, ông chuyển sang công tác tại Hội Nhà văn Việt Nam.

Chính Hữu chỉ cho in một tập thơ : *Đầu súng trăng treo* (1960) nhưng thơ ông với bút pháp độc đáo, nhiều hình ảnh sáng tạo, lời thơ súc tích, đã được nhiều độc giả ưa thích và coi như một nhà thơ có phong cách riêng, đặc sắc.

*

* *

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi, đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn, thành đôi tri kỉ[1].
Đồng chí !
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối[2]
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

1948

(*Đầu súng trăng treo*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1966)

Chú thích

(1) *Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá* : những vùng đất cày cấy không tốt vì độ chua mặn cao và nhiều sỏi đá. (2) *Sương muối* : sương giá lạnh đóng thành những hạt băng nhỏ giống hạt muối ; những ngày có sương muối, trời rất rét.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

*1. Bài thơ **Đồng chí** rút trong tập thơ **Đầu súng trăng treo** của Chính Hữu. Bài thơ đã được phổ nhạc và được nhiều người, nhất là các chiến sĩ và cán bộ quân đội yêu thích và truyền tụng.*

Khi nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954), đông đảo thanh niên, học sinh, sinh viên ở thành thị cũng như thanh niên nông dân ở làng quê đã hăng hái tòng quân.

Cuộc chiến đấu gian khổ, thiếu thốn, hiểm nguy làm họ cảm thông, gắn bó với nhau. Tình bạn, tình đồng chí chiến đấu đã nảy sinh giữa những người cùng có chung mục đích sống cao đẹp. Họ yêu thiết tha làng xóm quê hương nhưng khi Tổ quốc cần thì sẵn sàng lên đường đánh giặc.

Chính Hữu khi nhập ngũ là một thanh niên học sinh. Bài thơ này là một trong số sáng tác đầu tiên của ông thể hiện chân thành tình cảm và nhận thức về những người chiến sĩ trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất của dân tộc ta.

2. Bài thơ có sức thuyết phục đối với người đọc bởi tác giả đã phát hiện ra cái đẹp và chất thơ trong những biểu hiện mộc mạc, bình thường, trong

sự gian khổ thiếu thốn của người chiến sĩ (thời kì kháng chiến chống Pháp). Anh (chị) hãy tìm những hình ảnh, những chi tiết để minh họa.

3. Tác giả đã thể hiện chân thật và cảm động mối tình đồng chí chiến đấu, một quan hệ tình cảm sâu sắc, bền chặt của chiến sĩ ta trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Hãy tìm những hình ảnh, chi tiết diễn tả tình cảm ấy.

NGƯỜI ĐI TÌM HÌNH CỦA NƯỚC

CHẾ LAN VIÊN

Tiểu dẫn

Về Chế Lan Viên : xem Tiểu dẫn bài *Tiếng hát con tàu* cũng ở sách này.

Năm 1960 là năm có nhiều ngày kỉ niệm lớn của lịch sử cách mạng và dân tộc ta : 15 năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 30 năm Đảng Cộng sản, 70 tuổi Bác Hồ. Không khí tinh thần ấy của toàn xã hội đã khơi gợi cảm hứng sáng tác về lịch sử cách mạng, về Bác Hồ và Đảng cho nhiều nhà văn, nhà thơ.

tuongxua.vn

Bài thơ *Người đi tìm hình của nước* được Chế Lan Viên viết trong dịp chuẩn bị kỉ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 năm ấy. Bài thơ được đưa vào tập *Ánh sáng và phù sa* (1960) của tác giả.

*
* *

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sóng dưới con tàu đưa tiễn Bác
Khi bờ bãi dần lui làng xóm khuất
Bốn phía nhìn không bóng một hàng tre.

Đêm xa nước đầu tiên, ai nỡ ngủ
Sóng vỗ dưới thân tàu đâu phải sóng quê hương
Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương.

Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp
Giấc mơ con đè nát cuộc đời con
Hạnh phúc đựng trong một tà áo đẹp
Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn.

Trầm cơn mơ không chống nổi một đêm dày
Ta lại mặc cho mưa tuôn và gió thổi
Lòng ta thành con rối
Cho cuộc đời giật dây.

Quanh Hồ Gươm không ai bàn chuyện vua Lê
Lòng ta đã thành rêu phong chuyện cũ
Hiểu sao hết những tấm lòng lãnh tụ
Tìm đường đi cho dân tộc theo đi.

Hiểu sao hết "Người đi tìm Hình của nước"
Không phải hình một bài thơ đá tạc nên người
Một góc quê hương nửa đời quen thuộc
Hay một dáng vô hình sương khói xa xôi.

Mà hình đất nước hoặc còn hoặc mất
Sắc vàng nghìn xưa, sắc đỏ tương lai
Thế đi đứng của toàn dân tộc
Một cách vin[1] hoa cho hai mươi lăm triệu con người[2].

Có nhớ chăng hỡi gió rét thành Ba Lê[3]
Một viên gạch hồng Bác chống lại cả một mùa băng giá[4]
Và sương mù thành Luân Đôn, ngươi có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya[5].

Đời bồi tàu[6] lênh đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mĩ châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi.

Đêm mơ nước, ngày thấy hình của nước
Cây cỏ trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa.

Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây
Sông Hồng chảy về đâu ? Và lịch sử ?
Bao giờ dải Trường Sơn bừng giấc ngủ
Cánh tay thần Phù Đổng sẽ vươn mây ?

thuongmaitr

Rồi cờ sẽ ra sao ? Tiếng hát sẽ ra sao ?
Nụ cười sẽ ra sao ?
Ơi độc lập
Xanh biết mấy là trời xanh Tổ quốc
Khi tự do về chói ở trên đầu.

Kìa mặt trời Nga bừng chói ở phương Đông
Cây cay đắng đã ra mùa quả ngọt
Người cay đắng đã chia phần hạnh phúc
Sao vàng bay theo liềm búa công nông.

Luận cương[7] đến Bác Hồ. Và Người đã khóc,
Lệ Bác Hồ rơi trên chữ Lênin
Bốn bức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tưởng bên ngoài, đất nước đợi mong tin.

Bác reo lên một mình như nói cùng dân tộc
"Cơm áo là đây ! Hạnh phúc đây rồi"
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước
Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười.

tuongxua.vn

Bác thấy :
dân ta bưng bát cơm mồ hôi nước mắt
Ruộng theo trâu về lại với người cày
Mỏ thiếc, hầm than, rừng vàng, bể bạc
Không còn người bỏ xác bên đường ray.

Giặc nước đuổi xong rồi. Trời xanh thành tiếng hát
Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân
Những kẻ quê mùa đã thành trí thức
Tăm tối cần lao nay hóa những anh hùng.

Nước Việt Nam nghìn năm Đinh Lí Trần Lê
Thành nước Việt nhân dân trong mát suối
Mái rạ nghìn năm hồng thay sắc ngói
Những đời thường cũng có bóng hoa che.

Ôi ! Đường đến với Lênin là đường về Tổ quốc...
Tuyết Matxcơva sáng ấy lạnh trăm lần :
Trong tuyết trắng như đọng nhiều nước mắt
Lênin mất rồi[8]. Nhưng Bác chẳng dừng chân.

Luận cương của Lênin theo Người về quê Việt
Biên giới còn xa. Nhưng Bác thấy đã đến rồi
Kìa, bóng Bác đang hôn lên hòn đất(9)
Lắng nghe trong màu hồng, hình đất nước phôi thai.

(*Ánh sáng và phù sa.*
NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

Chú thích

(1) *Vin* : với tay níu cành xuống. *Vin hoa* ở đây tượng trưng cho việc đem lại hạnh phúc cho mọi người. (2) Dân số nước ta trước Cách mạng tháng Tám ước chừng 25 triệu người. (3) *Ba Lê* : Pari (*Paris*), thủ đô nước Pháp, phiên âm qua chữ Hán, cũng như Luân Đôn (*London*), thủ đô nước Anh. (4) Theo Trần Dân Tiên trong sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, hồi Nguyễn Ái Quốc ở Pari, phòng trọ không có lò sưởi, mùa đông Người thường đặt một viên gạch vào lò nhà bếp, khi đi làm về lấy ra, đặt dưới đệm để sưởi ấm. (5) Khi ở Luân Đôn, có lúc Nguyễn Ái Quốc làm việc dọn tuyết ở một trường học, công việc rất vất vả và phải làm từ đêm khuya (theo Trần Dân Tiên, sđd). (6) *Bồi tàu* : *bồi* là từ gọi những người đàn ông phục dịch trong khách sạn hoặc nhà riêng, thời trước Cách mạng tháng Tám. Nguyễn Ái Quốc khi ra đi tìm đường cứu nước đã làm phụ bếp trên tàu buôn của hãng Vận tải hợp nhất của Pháp. (7) *Luận cương* : *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin dịch đăng trên báo *Nhân đạo* (Pháp) mà Nguyễn Ái Quốc đọc được ở Pari năm 1920. Trong hồi kí *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin* viết năm 1960, nhân kỉ niệm 90 năm ngày sinh Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kể lại : "Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao. Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như nói trước quần chúng đông đảo : Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ, đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta". (8) Lênin mất ngày 24-1-1924, lúc ấy Nguyễn Ái Quốc đã đến Matxcơva nhưng chưa được gặp Lênin. (9) Có người kể lại : mùa xuân năm 1941, sau 30 năm xa Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về nước qua biên giới Việt - Trung ở Cao Bằng, Người đã cầm một nắm đất lên hôn.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài thơ này sử dụng nhiều chất liệu tự sự. Hãy tìm hiểu mối quan hệ giữa tự sự và trữ tình, giữa cái tôi trữ tình và nhân vật trữ tình trong bài thơ.

2. Qua bài thơ, anh (chị) hiểu hình của nước là gì ? Nói "Người đi tìm hình của nước" có khác gì với cách nói "Hồ Chí Minh đi tìm đường cứu nước" ?

Trong bài thơ, hình của nước đã có một quá trình vận động đi tới xác định cụ thể, rõ ràng và sâu sắc. Hãy nêu lên từng bước của sự vận động ấy, căn cứ vào bố cục của bài thơ.

3. Hãy phân tích việc sử dụng thủ pháp đối lập trong đoạn đầu bài thơ (từ đầu đến "Một cách vịn hoa cho hai mươi lăm triệu con người"), nêu giá trị của việc khai thác những tương quan đối lập ấy.

4. Nhà thơ đã miêu tả tâm trạng của Bác Hồ trên con đường "đi tìm hình của nước" như thế nào ? Hãy bình giảng hai khổ thơ diễn tả lúc Người đọc Luận cương của Lênin. So sánh đoạn thơ này với đoạn trong hồi kí ***Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*** *(xem chú thích số 7), nhà thơ có gì sáng tạo ?*

5. Nhận xét về nghệ thuật sáng tạo hình ảnh, sử dụng ngôn ngữ của Chế Lan Viên ở bài thơ này.

QUÊ MẸ

TỐ HỮU

truongxua.vn

Tiểu dẫn

Tố Hữu sáng tác *Quê mẹ* vào đầu năm 1955, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa kết thúc thắng lợi nhưng đất nước lại phải tạm thời chia làm hai miền, nhân dân ta bước vào cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ để thống nhất Tổ quốc. Huế, quê hương của nhà thơ, nằm trong vùng kiểm soát của chính quyền tay sai Mĩ ở miền Nam. Nhà thơ đã xa Huế từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp và phải sau đại thắng mùa xuân 1975 mới có dịp trở về thăm quê hương. Cũng như nhiều nhà thơ quê ở miền Nam, lúc này, Tố Hữu nói về quê hương cũng là thể hiện tình cảm thiết tha với miền Nam và ý chí thống nhất đất nước.

*

* *

Gởi Huế yêu

Huế ơi, quê mẹ của ta ơi !
Nhớ tự ngày xưa, tuổi chín mười
Mây núi hiu hiu, chiều lặng lặng
Mưa nguồn gió biển, nắng xa khơi...

Tiếng hát đâu mà nghe nhớ thương !
Mái nhì[1] man mác nước sông Hương
Hà ơi, tiếng mẹ ru nhè nhẹ
Cay đắng bao nhiêu nỗi đoạn trường[2] !

Ôi những đêm xưa, tối mịt mùng
Con nằm bên mẹ, ấm tròn lưng
Ngoài hiên nghe tiếng giày đi rỏn[3]
Mẹ bấm con im : chúng nó lùng[4]

Con hỏi vì sao chúng nó tìm
Tìm ai, con hỏi, mẹ rằng : im !
Mẹ ơi, đời mẹ buồn lo mãi
Thắt ruột mòn gan, héo cả tim !

*

Mẹ không còn nữa, còn đây Huế
Con lớn lên, con biết lẽ rồi :
Nước mất nhà tan, đời khổ thế
Không làm nô lệ, đứng lên thôi !

Con lớn lên con tìm Cách mạng
Anh Lưu, anh Diểu[5] dạy con đi
Mẹ không còn nữa, con còn Đảng
Dìu dắt khi con chửa biết gì

Huế không buồn nữa, Huế ta ơi
Mắt ướt trăm năm đã hé cười
Nghìn mảnh tương lai[6] về phấp phới
Truyền đơn cờ đỏ gió tung trời

Roi điện cùm xai tóc máu tươi
Xà lim[7] không thể khóa hồn người
Bừng bừng tiếng hát rung song sắt
Tiếng hát ta bay lộng giữa đời...

Tháng Tám vùng lên Huế của ta
Quảng, Phong ơi, Hương Thủy, Hương Trà
Phú Vang, Phú Lộc[8] đỏ lên Huế
Đỏ ngập dòng sông rộn tiếng ca

*

thuongmaitr

Từ ấy, xa quê mẹ đến rày
Lắng nghe từng buổi, nhớ từng ngày
Giặc về giặc chiếm đau xương máu
Đau cả lòng sông, đau cỏ cây !

Cắn răng gian khổ tám năm trời
Huế của ta không một bước lùi
Huế của ta đây cầm vững súng
Chúng bay không thể có đường vui[9]

Chúng bay không thể có ngày mai
Chết dưới chân bay vạn bẫy gài
Chết xuống đầu bay từng hốc núi
Hải Vân[10] thăm thẳm huyệt đêm ngày !

Làng ta giặc đốt mấy lần qua
Mà đất Phù Lai[11] vẫn tốt cà
Mà quýt Hương Cần[12] ta vẫn ngọt
Nhớ anh du kích trấn Dương Hòa[13]

ruongxua.vn

Chí ta như núi Thiên Thai[14] ấy
Đỏ rực chiều hôm dậy cánh đồng
Lòng ta như nước Hương Giang[15] ấy
Xanh biếc lòng sông những bóng thông...

*

Lửa chiến tranh nay đã tắt rồi
Mà lòng ta vẫn cháy không nguôi
Mẹ ơi dưới đất còn chua xót
Những tiếng giày đinh đạp núi đồi !

Ôi Huế ngàn năm, Huế của ta
Đường vào sẽ nối lại đường ra
Như con của mẹ về quê mẹ
Huế lại về vui giữa Cộng hòa.

6-2-1955

(*Gió lộng*. NXB Văn học, Hà Nội, 1961)

Chú thích

(1) *Mái nhì* : một điệu hò trên sông nước ở vùng Thừa Thiên - Huế : âm điệu trải dài man mác, êm dịu. (2) *Đoạn trường* : đau xót như đứt từng khúc ruột. (3) *Đi rỏn* : đi tuần tra. (4) Năm 1930, thực dân Pháp khủng bố phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương phát động. (5) *Anh Lưu, anh Diểu* : Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu, hai chiến sĩ cộng sản thế hệ tiền bối của Tố Hữu, những năm 30 hoạt động ở Huế, đã trực tiếp dìu dắt Tố Hữu vào con đường cách mạng. (6) *Nghìn mảnh tương lai* : một cách nói (ẩn dụ) chỉ truyền đơn cách mạng. (7) *Xà lim* (phiên âm từ tiếng Pháp : *cellule*) : phòng giam một người, kín và hẹp ; thường dùng để giam giữ những tù nhân bị coi là nguy hiểm. (8) Tên các huyện của tỉnh Thừa Thiên cũ (Quảng Điền, Phong Điền, Hương Thủy, Hương Trà, Phú Vang, Phú Lộc). (9) Con đường từ Huế ra Quảng Trị giặc Pháp gọi là "Con đường không vui" *(Route sans joie)* vì luôn bị lực lượng kháng chiến phục kích. (10) *Hải Vân* : đèo cao và hiểm trở trên đường từ Huế đi vào Đà Nẵng, một bên là núi cao, một bên là biển. (11) *Phù Lai* : làng quê của Tố Hữu, một làng nghèo, trồng nhiều cà nên còn gọi là Phù Lai Cà. (12) *Hương Cần* : một làng có quýt ngọt nổi tiếng ở Thừa Thiên. (13) *Dương Hòa* : chiến khu ở miền tây Thừa Thiên trong cuộc kháng chiến chống Pháp. (14) *Thiên Thai* : núi ở huyện Hương Thủy, nay thuộc thành phố Huế, cao 118 m. (15) *Hương Giang* : sông Hương, thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đoạn hạ lưu chảy qua vùng đồng bằng và thành phố Huế, nước trong xanh và êm đềm.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hình ảnh Huế quê mẹ trong nỗi nhớ của nhà thơ đã được tái hiện qua các chặng đường lịch sử nào ? Hãy nhận xét sự biến đổi về cảm xúc và nhịp điệu của bài thơ qua các đoạn.

2. Phân tích hình ảnh Huế trong kí ức tuổi thơ của tác giả ở hai khổ thơ đầu. (Chú ý đến những hình ảnh thiên nhiên, không gian, không khí lịch sử, âm thanh, nhịp điệu, những từ láy có giá trị gợi cảm).

3. Sự thống nhất riêng - chung trong tình cảm quê hương của nhà thơ đã được thể hiện như thế nào trong bài thơ ? Qua đó anh (chị) có nhận xét gì về cái "tôi" trữ tình trong thơ Tố Hữu.

4. Trong các chặng đường thơ của mình, Tố Hữu đã viết nhiều bài thơ về Huế (như ***Dửng dưng*** *và* ***Huế, tháng Tám*** *trong tập* ***Từ ấy ; Bài ca quê hương*** *trong tập* ***Máu và Hoa****). Hãy so sánh bài* ***Quê mẹ*** *với một trong những bài thơ trên, nhận xét về sự thống nhất và biến đổi trong tình cảm quê hương của tác giả ở những hoàn cảnh và thời điểm khác nhau.*

MẸ TƠM

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

"Sau 19 năm đi xa, tôi lại về Hanh Cù, Hanh Cát - làng ven biển Hậu Lộc, Thanh Hóa - nơi ngày xưa có bà mẹ Tơm rất nghèo đã nuôi giấu chúng tôi, mấy anh em trốn tù về hoạt động. Mẹ Tơm có hai người con trai đều là đảng viên cộng sản, ngày ngày đi cúp tóc để nuôi nhà và nuôi đồng chí ; về sau cả hai anh đều bị (giặc) bắt và tra tấn, nhưng đều một mực không khai cơ quan và cán bộ Đảng" (chú thích của Tố Hữu ở bài *Mẹ Tơm* in trong tập *Gió lộng*, 1961).

Bài thơ *Mẹ Tơm* được sáng tác sau chuyến về thăm quê mẹ Tơm năm 1961. *Mẹ Tơm* là bài kết thúc tập *Gió lộng*.

*

* *

Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa
Một buổi trưa, nắng dài bãi cát
Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa
Mát rượi lòng ta ngân nga tiếng hát...

truongxua.vn

Mười chín năm rồi. Hôm nay lại bước
Đoạn đường xưa, cát bỏng lưng đồi
Ôi có phải sóng bồi thêm bãi trước
Hay biển đau xưa rút nước xa rồi ?

Hòn Nẹ[1] ta ơi ! Mảng[2] về chưa đó
Có nhiều không con nục con thu ?
Chào những buồm nâu thuyền câu Diêm Phố[3] !
Nhớ nhau chăng, hỡi Hanh Cát-Hanh Cù[4] ?

Tôi lại về đây, hỡi các anh :
Hỡi rừng sa mộc[5], khóm dừa xanh
Hỡi đồi cát trắng rung rinh nắng
Hỡi những vườn dưa đỏ ngọt lành !

Như đứa con đi, biệt xóm làng
Nửa đời bỗng nhớ bóng quê hương
Nhớ lều rơm ướt sương khuya sớm
Bãi vắng đìu hiu[6] lạc dấu đường...

Con đã về đây, ơi mẹ Tơm
Hỡi người mẹ khổ đã dành cơm
Cho con, cho Đảng ngày xưa ấy
Không sợ tù gông, chấp súng gươm !

*

Nhà ai mới nhỉ, tường vôi trắng
Thơm phức mùi tôm nặng mấy nong
Ngồn ngộn sân phơi khoai dát nắng
Giếng vườn ai vậy, nước khơi trong ?

Ngơ ngác trông quanh, lạ mấy lần
Hỏi thăm cô gái má bồ quân[7]
Mái đầu tóc xõa xanh bên giếng
– Vâng, đúng nhà em, bác nghỉ chân

– Ô kìa, cô bé nói hay sao !
Nhà của tôi, ai lại hỏi chào
Như thể khách đường xa ghé lại
Bố đi đâu, hĩm[8], mẹ đâu nào ?

Nhiều[9] đấy ư em, mấy tuổi rồi ?
– Hai mươi
  – Ờ nhỉ, tháng năm trôi
Sóng bồi thêm bãi, thuyền thêm bến
Gió lộng đường khơi, rộng đất trời !

– Ông mất năm nao, ngày độc lập
Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao
Bà "về"[10] năm đói, làng treo lưới
Biển động : Hòn Mê[11], giặc bắn vào...

*

Bâng khuâng chuyện cũ : một chiều thu
Mười chín năm xưa, mấy bạn tù
Vượt ngục, băng rừng, tìm mối Đảng
Duyên may, dây nối, đất Hanh Cù

thuongmaitr

Đầu thôn, cồn vắng, túp lều rơm :
Tổ ấm chim về. Có mẹ Tơm
Hai đứa trai ngày đi cúp dạo(12)
Nồi khoai sớm tối lót thay cơm

Thương người cộng sản, căm Tây - Nhật
Buồng Mẹ - buồng tim - giấu chúng con
Đêm đêm chó sủa... Làng bên động
Bóng Mẹ ngồi canh lẫn bóng cồn...

Chợ xa, Mẹ gánh mớ rau xanh
Thêm bó truyền đơn gọi đấu tranh
Bãi cát vàng thau in bóng Mẹ
Chiều về... Hòn Nẹ... biển reo quanh !

Sóng hãy gầm lên, gió thét lên !
Triều dâng. Chèo mạnh, thuyền ơi thuyền !
Vui chăng, hỡi Mẹ, đời vui đó :
Cờ đỏ ta lay động mọi miền !

Nhưng một đêm mưa, ướt bãi cồn
Lính về, lính trói cả hai con
Máu con đỏ cát đường thôn lạnh
Bóng Mẹ ngồi trông, vọng nước non !

*

Ôi bóng người xưa, đã khuất rồi
Tròn đôi nấm đất trắng chân đồi
Sống trong cát, chết vùi trong cát(13)
Những trái tim như ngọc sáng ngời !

Đốt nén hương thơm, mát dạ Người
Hãy về vui chút, mẹ Tơm ơi !
Nắng tươi xóm ngói, tường vôi mới
Phấp phới buồm dong, nắng biển khơi...

7-1961

(*Gió lộng*. NXB Văn học, Hà Nội, 1961)

truongxua.vn

Chú thích

(1) *Hòn Nẹ* : một đảo nhỏ cách bờ biển huyện Kim Sơn, Ninh Bình chừng 2 km. (2) *Mảng* : bè nhỏ dùng để chuyên chở. Dân chài Thanh Hóa hay dùng mảng đi đánh cá ở vùng biển gần. (3) *Diêm Phố* : làng làm muối ở vùng ven biển thuộc huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa. (4) *Hanh Cát, Hanh Cù* : xem Tiểu dẫn. (5) *Sa mộc* : cũng gọi là phi lao ; cây thân gỗ, thuộc họ thông, lá kim, thường trồng ở vùng cát. (6) *Đìu hiu* : (phong cảnh) vắng vẻ và buồn bã. (7) *Má bồ quân* : má đỏ như màu quả bồ quân chín (*bồ quân* là loại cây có gai mập, quả chín có màu đỏ tím, ăn được). (8) *Hĩm* : cô bé (tiếng địa phương Thanh Hóa gọi con gái nhỏ tuổi). (9) *Nhiều* : tên cô gái, cháu nội của bà mẹ Tơm. (10) *"Về"* : chết - nói về người già đã mất một cách tôn trọng (theo quan niệm dân gian, chết là về với tổ tiên). (11) *Hòn Mê* : một đảo nhỏ ở ven biển Thanh Hóa, cách đất liền 13 km. (12) *Cúp dạo* : đi cắt tóc rong. (13) Câu này khi in ở tập *Gió lộng* là *Sống trong cát chết hòa trong cát*. Ở đây lấy theo bản đăng báo đầu tiên và các bản in sau này trong các tuyển tập thơ Tố Hữu.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài thơ được kết cấu theo diễn biến tâm trạng của tác giả trong chuyến về thăm quê mẹ Tơm : những cảm xúc trên đường về, nỗi ngỡ ngàng trước quê hương đổi mới, hồi tưởng về mẹ Tơm và hai người con trong những ngày được mẹ nuôi giấu, cảm nghĩ trước nấm mộ người đã khuất. Anh (chị) hãy nhận xét về cách kết cấu ấy của bài thơ.

2. Tâm trạng tác giả trên đường về thăm quê mẹ Tơm được biểu hiện trực tiếp và qua những cảnh vật thiên nhiên như thế nào ? Hãy phân tích nhạc điệu đặc biệt của khổ thơ đầu, những hình ảnh thiên nhiên trong cái nhìn thân thiết của tác giả, các từ hô gọi và lời trò chuyện với cảnh vật...

3. Phân tích hình tượng mẹ Tơm qua hồi tưởng của nhà thơ. Tác giả đã sử dụng những thủ pháp nghệ thuật gì để khắc họa hình ảnh bà mẹ vừa bình dị vừa lớn lao ?

4. Bình giảng hai câu thơ :

Sống trong cát, chết vùi trong cát
Những trái tim như ngọc sáng ngời

Trong lần in ở tập ***Gió lộng*** *(1961) chữ thứ năm của dòng thơ trên là "hòa". Theo anh (chị), sự thay từ "hòa" bằng từ "vùi" của tác giả có ý nghĩa gì ?*

thuongmaitr

TỜ HOA

NGUYỄN TUÂN

Tiểu dẫn

Tờ hoa được đăng trên tuần báo *Văn nghệ*, số 143, Tết Bính Ngọ, 1966. Đây là một trong những bài tùy bút nổi tiếng của Nguyễn Tuân viết trong những năm cả nước chống Mĩ. Cùng với bài này, ông còn có tùy bút *Trang hoa*.

Tờ hoa hay *Trang hoa* đều hàm chứa hai nghĩa. Một là nói về hoa, nghĩa là nói về cái đẹp. Vì thế mọi sự vật, hiện tượng đều được tác giả nhìn nhận từ góc độ thẩm mĩ. Hai là, những trang viết đẹp, văn trau chuốt đầy màu sắc và hương thơm.

Cũng như nhiều tác phẩm khác của cùng tác giả, *Tờ hoa* thể hiện những nét tiêu biểu của phong cách nghệ thuật tùy bút Nguyễn Tuân : uyên bác, tài hoa, ý tưởng sâu sắc, diễn đạt độc đáo, chữ nghĩa giàu có và giàu sức biểu cảm.

*

* *

Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966.

Tôi nhìn ra cái tàu lăn nghiến đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhộn nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng, chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và ngửi thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lăn ra chết, tinh hồn[1] xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tính lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bổn mạng[2] ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, về chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số[3].

Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là mặc dầu không được một chuyến đi bằng một đời ong,

truongxua.vn

mình cũng là một con sinh vật đang nung một thứ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống[4]. Đối hoa xuân lắng ong mật mà thêm ngẫm tới đàn bướm tốt mã[5] chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ[6] ồn ào. Bướm phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.

Người ta hay nhắc đến mang nặng đẻ đau. Có những quá trình không phải là hoài thai, không đẻ gì (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa đen sinh học) nhưng rất khổ đau và nặng nhọc đèo bòng. Ngọc trai nguyên chỉ là một hạt cát, một hạt bụi biển xâm lăng vào vỏ trai, lòng trai. Cái bụi bặm khách quan nơi rốn bể lẻn vào cửa trai. Trai xót lòng. Máu trai liền tiết ra một thứ nước rãi bọc lấy cái hạt buốt sắc. Có những cơ thể trai đã chết ngay vì hạt cát từ đâu bên ngoài gieo vào giữa lòng mình (và vì trai chết nên cát bụi kia vẫn chỉ là hạt cát). Nhưng có những cơ thể trai vẫn sống, sống lấy máu lấy rãi mình ra mà bao phủ lấy hạt đau hạt xót. Tới một thời gian nào đó, hạt cát *khối tình con*[7], cộng với nước mắt hạch trai, đã trở thành lõi sáng của một hạt ngọc tròn trặn ánh ngời.

Buổi ban đầu vào nghề viết cách đây vài chục năm, khi nhìn chuỗi ngọc trên cổ người "con hát" một thời Thăng Long tôi mới chỉ liên hệ nhân cát ngọc với mảy bụi cát kiếp người nơi thập điều Kinh Thánh[8]. Cho tới gần đây tôi mới biết nhìn rõ thân thể của ngọc trai. Biết nhìn nó không phải chỉ ở chặng *thành tựu* chót cùng nơi cổ nơi ngón con người ta, mà là nhìn thấy được nó ở một quá trình dài, đầu kia quá trình là một vết thương lòng và đầu này quá trình là một niềm vui. Đầu kia quá trình là một cơn giận dữ tự vệ, đầu này quá trình là một giọt tài nguyên Tổ quốc ta bao la cát bãi.

Tôi đã lấy cách nhìn hạt ngọc mà nhìn vào sự biểu dương một công tác, một công trạng, một công trình. Cũng bằng cái cách đó mà tìm hiểu bước sinh trưởng của một đóa hoa thơm, trước khi nó được làm cái nụ đầu thai vào vườn người. Nhìn ngọn hoa sáng chói công khai giữa bầu giời mà không khỏi không bận lòng vì lũ rễ cái rễ con trong bóng tối lòng đất kín : rễ trong kia chỉ liên lạc được với hoa ngoài đây bằng con đường nhựa đắng duy nhất của ruột mình. Nhìn bông hoa nở tập kết trên đất Bắc (1963) càng thấy bồi hồi vì cái rễ máu mình đang thọc sâu rừng Tây Nguyên, rừng U Minh, thọc sâu và đội lên cả gạch đá phố Sài Gòn.

Phát xít Đức làm cỏ tất cả trai gái trẻ già một vùng Liđixê[9] nước Tiệp. Khu ấy nay khoanh lại thành khu căm thù chiến tranh. Quanh chốn lịch sử này, trồng toàn hồng. Và lừng thơm lên những bài thơ hoa hồng trong đó có một cành của Randall Swingler :

Nơi miếng đất cày nát bởi thù hằn
Tình yêu đã gieo mầm
Đúng cái chỗ mà gót giày lũ giết người
Giẫm phọt mắt các em kim đồng
Ngón tay người làm vườn
Cho nở lên những bông hồng

Lại nhớ đến tấm tranh hoa hồng thiếu nhi của một cô mẫu giáo Nga tại một vườn trẻ lập lên ngay sau Cách mạng tháng Mười. Cô giáo bảo vẽ một cái hoa hồng. Một em nhỏ liền vẽ lên giấy một cái hình vuông biếc màu da trời. Thấy cái hình vuông lạ mắt, cô mẫu giáo liền tìm đến hẳn gia đình họa sĩ "lập thể"(10) tí hon này. Ra ở đây chẳng có cây có hoa gì cả. Nhà kín bưng chỉ có một khúc cửa sổ nhìn hếch lên trời. Em nhỏ sống nhiều ngày tha thẩn với cái màu xanh sau cửa sổ, cho đó là đẹp lắm và đối với em, cái xa xanh kia đích thị đấy là hoa hồng. Một thứ hoa hồng xanh biếc, vuông vắn. Chuyện hoa hồng xanh đến tai Lênin. Lênin khóc và Lênin của chúng ta đã ra lệnh cho Xô viết khu phố đó phải tìm căn nhà khác tươi tốt hơn cho gia đình "họa sĩ" tí hon của đóa hồng siêu thực(11) kia.

tuongxua.vn

Về sự lòng sự đời, một triết gia đã phát biểu gần như thế này : "Thường người ta nói hoa hồng nào cũng đều có gai. Nhưng cũng không nên quên rằng vô khối loại gai mà không có hoa gì".

Tôi nhìn trân trân đồng hồ ở cổ tay chị Hoài Nam đang phiên dịch lời tôi ra tiếng Anh cho một người Mĩ nghe về việc tôi đánh giá Hoa Kì sa lầy : "... Quân Hoa Kì càng tới đông bộ máy chúng càng nặng, chúng càng thụt chìm sâu hơn nữa...". Cái đồng hồ mỏng tang bé xíu ở cổ tay xinh xắn chị Hoài Nam thật là hiện đại văn minh, làm cho tôi đãng trí một lúc mà nghĩ giật lùi về những thứ đồng hồ thô lậu cổ lỗ cồng kềnh của nhân loại ở những thời cổ đại... Đo lường thời gian, người xưa đảo đi đảo lại một cái bình cát(12), hoặc nhìn lửa bấc vạc dần thân cây nến đã sẵn nấc giờ khắc, hoặc theo dõi cái đồng hồ bằng đồng thánh thót những giọt rồng đều đặn(13). Những đêm lạnh, thuyền đuôi én cặp bến thượng nguồn sông Đà, tôi còn biết được cái bu gà sống treo ở sau cuống lái kia chính là cái đồng hồ của ông Thái trắng đấy. Và những bộ hương vòng tỏa khói xoáy ốc treo thõng ở đình chùa miếu, cũng chỉ là một kiểu đồng hồ cổ, nó là một thứ đồng hồ lửa, ra đời sau thứ đồng hồ nước. Bộ hương vòng đường kính có thể một thước (thước ta) hai thước ba thước. Có thứ hương vòng thắp một tuần, có thứ cháy ròng hàng tháng mới tắt hết. Hương vòng ngự dụng(14) của vua

nhà Lí xưa đọc kinh Phật có hạt ngọc đính vào từng vòng hương, lửa hương cháy đến cữ ấy thì hạt ngọc lại đứt rơi xuống ; và nghe ngọc gieo mình lanh lảnh vào một cái bình hồ kim ngân[15] người đọc kinh biết là đêm đã vợi đi một canh nữa. Vòng hương đính ngọc kia nói bằng hiện tượng ngày nay thì là một cái đồng hồ báo thức mà chuông báo thức lại được "lên dây" bằng lửa thắp vào vòng hương đượm một mùi trầm.

Cách đây khoảng nửa thế kỉ, tôi còn được thấy các cụ ta đo thời giờ bằng hoa. Hồi ấy, thời gian quả là có mùi. Củ thủy tiên[16] ấy gọt vào hôm nào tháng chạp, hãm nắng phơi sương, áp đèn như thế nào thì nó sẽ mãn khai[17] đúng lúc giao thừa. Như kim giờ kim phút báo đúng năm hết, nụ và hoa nở rộ cả bấy nhiêu rò[18] để chào năm mới đang he hé chờ cửa đình. Đình Bạch Mã[19] năm nào cũng tất niên bằng cuộc thi thủy tiên, hoa của ai nở đúng giao thừa thì lĩnh thưởng mười vuông[20] vóc hồng, năm cối pháo, một thạp chè bao thiếc. Đồng hồ hoa của cụ Lang đối chướng và cụ Huyện thường là nở đúng vào cái phút không giờ của hai năm cũ mới. Có lần cha tôi dẫn tôi từ Hàng Bạc ra đình Bạch Mã Hàng Buồm xem hội thi hoa đêm cuối năm. Sau này có lúc tôi nghĩ rằng đồng hồ quả quýt mình cần lấy lại giờ, cứ đến hội hoa giao thừa, nhìn củ hoa trúng giải mà vặn lại kim cho đồng hồ năm mới thì không còn chếch với thời gian nữa. Và thời gian của đồng hồ thủy tiên đêm Tết xa như không ngớt thánh thót vương hương. Nhịp thời gian hôm nay đã hoàn toàn khác hẳn cái nhịp sống của những thời kì đồng hồ cát, đồng hồ nước, đồng hồ gà, đồng hồ hương, đồng hồ nến, đồng hồ hoa. Nay là đồng hồ dây cót, răng cưa, bánh xe.

... Và bánh xe thời gian không bao giờ quay ngược trở lại để... ủng hộ đế quốc Mĩ. Đế quốc Hoa Kì rất nhiều âm mưu đối với không gian toàn cầu và đối với không gian Việt Nam, nhưng thời gian thì lại đứng hẳn về phía chúng ta. Tôi cảm thấy hình như nhiều chiếc đồng hồ thượng hảo hạng trên thế giới đang vặn lại theo giờ Hà Nội[21]. Và máy móc Hoa Kì mặc dù là tinh xảo, cái đồng hồ Hoa Kì kia đứng rồi. Giônxơn hàng ngày đang cố lên dây cót cho một cái đồng hồ rối chân tóc và kim giờ kim phút toàn quay ngược với cái chiều của lịch sử.

Chị phiên dịch Hoài Nam xem giờ một cách kín đáo. Tôi kết thúc đêm nói chuyện tất niên[22] với một người Mĩ đi đạo Tin Lành vừa được ta tổ chức cho ăn lễ Nôen một cách ngon lành. Người phi công Mĩ đó ra về, buồn như một người vừa thấy được "thiên cổ"[23]. Và hiểu là thời gian không bao giờ ủng hộ quân dữ Mĩ. Tôi về nhà nhìn một cành mai trắng : bạn thân tới chúc Tết nhưng không gặp thì để hoa lại. Chào 1966 nụ mai xòe cho hết

bấy nhiêu cái tầng cánh trắng. Tàn một nén hương vòng nữa rồi mà tôi vẫn còn thức. Lắng nghe cái bước tới của năm mới 1966 mà càng thêm nhận rõ là thời gian ra chỉ có ủng hộ mình.

(*Văn nghệ*, số 143, Tết Bính Ngọ, 1966)

Chú thích

(1) *Tinh hồn* : ý nói phần tinh túy, như mạng hồn cốt của loài ong. (2) *Bổn mạng* (hay *bản mệnh*) : mạng sống của mình. (3) Những con số này không rõ nhà văn căn cứ vào tài liệu khoa học nào. (4) Ý nói về nghề viết văn của mình. (5) *Tốt mã* : hình thức bên ngoài đẹp đẽ, màu mè (hàm ý chê). (6) *Sáo ngữ* : từ ngữ đã thành nhàm vì dùng quá nhiều lần và rỗng tuếch. (7) *Khối tình con* : Nguyễn Tuân chơi chữ. Ông mượn tên một tác phẩm của Tản Đà. (8) Kinh Thánh (của Thiên Chúa giáo) coi kiếp người là "thân cát bụi", khi chết "lại trở về với cát bụi". (9) *Liđixê* : một làng ở phía tây bắc thủ đô Praha, thuộc nước Tiệp Khắc (cũ) nơi phát xít Đức tiến hành một vụ tàn sát đẫm máu trong Đại chiến II (ngày 9-6-1942). (10) *Họa sĩ lập thể* : họa sĩ theo chủ nghĩa lập thể. Đây là một trường phái hội họa xuất hiện ở phương Tây khoảng năm 1910, chủ trương thể hiện các sự vật thành những hình khối hình học. (11) *Siêu thực* (hay *siêu hiện thực*) : một quan niệm nghệ thuật của phương Tây hiện đại, chủ trương thoát li hiện thực vượt lên cái duy lí, cái lôgic của đời sống thực tại để miêu tả những điều tưởng tượng chủ quan của mình theo cách ngẫu hứng phi lí tính, phi lôgic. (12) *Bình cát* : một loại đồng hồ thời cổ. Một cái bình đựng cát, có lỗ nhỏ cho cát rơi dần dần, xem mực cát thì biết thời gian. (13) Một loại đồng hồ cổ khác (người Trung Quốc xưa gọi là *khắc lậu*). Bình không đựng cát mà đựng nước. Nguyễn Tuân sử dụng mĩ từ : giọt nước rơi đều đặn, tác giả gọi là "giọt rồng". Cũng có thể đồng hồ đúc hình con rồng, nước từ miệng rồng chảy ra chậm rãi, nên tác giả dùng hình ảnh "giọt rồng". (14) *Ngự dụng* : (những thứ để) vua dùng. (15) *Kim ngân* : vàng bạc. (16) *Thủy tiên* : loại hoa quý, thân củ trắng, cùng họ với huệ, hoa có cuống dài, cánh hoa màu trắng, nhị vàng rất thơm. Ở ta, hoa thủy tiên phải nhập từ Trung Quốc, vào dịp gần Tết Nguyên đán. (17) *Mãn khai* : (hoa) nở hẳn, nở hoàn toàn ở độ đẹp nhất. (18) *Rò* (hay *dò*) : một nhánh của cây hoa, cây cảnh. (19) *Đình Bạch Mã* : một ngôi đình nổi tiếng ở phố Hàng Buồm, Hà Nội. (20) *Vuông* : đơn vị đo lường phổ biến ngày xưa, dùng để đo chiều dài của vải. Mỗi đoạn chiều dài bằng bề ngang của tấm vải là một vuông. (21) *Vặn lại theo giờ Hà Nội* : ý nói thế giới trong thời kì chống Mĩ đều hướng về Việt Nam như chân lí của thời đại. (22) *Tất niên* : lúc hết năm. (23) *Thấy được "thiên cổ"* : ý nói thấy cõi chết.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài tùy bút này Nguyễn Tuân viết trong dịp Tết đến xuân về. Nhưng đây là mùa xuân đặc biệt - xuân 1966, năm đế quốc Mĩ mới bắt đầu tiến hành chiến tranh phá hoại ác liệt ở miền Bắc và đang đổ quân ào ạt vào miền Nam. Kẻ thù mạnh và hung ác, vũ khí của chúng hiện đại và dư thừa.

tuongxua.vn

Nhân dân ta sống khá căng thẳng trong những ngày này. Cuối chân trời, đích thắng lợi còn xa. Chính vì vậy chúng ta càng quý cái tư thế ung dung, tinh thần lạc quan kiên định của Nguyễn Tuân. Ông nghĩ đến tính chất chính nghĩa của sự nghiệp chống Mĩ cứu nước được nhân loại tiến bộ đồng tình, ủng hộ. Vì thế "hình như nhiều chiếc đồng hồ thượng hảo hạng trên thế giới đang vặn lại theo giờ Hà Nội". Ông tin vào chiến thắng tất yếu của dân tộc, cho nên "lắng nghe cái bước tới của năm mới 1966 mà càng thêm nhận rõ là thời gian ra chỉ có ủng hộ mình".

2. Chủ đề trên đã được thể hiện một cách nghệ thuật và "rất Nguyễn Tuân". Nhà văn đã để cho dòng suy tưởng thả sức tung hoành. Ông nghĩ đến "công trạng, công trình" của con ong công phu làm ra mật ngọt, của con trai đau xé lòng để tạo ra ngọc quý, của rễ cây âm thầm góp phần sinh thành ra hoa tươi.

Thời gian chậm rãi trôi. Và nhà văn đã nhớ lại biết bao cách đo, cách đếm thời gian của hôm qua và hôm nay, có khi rất thô sơ nhưng lắm lúc cũng rất tinh tế, trữ tình. Nhà văn tưởng như sa đà, vòng vo, lạc nẻo. Nhưng không, ông đã đưa bạn đọc thời chống Mĩ đến và đồng tình với chủ đích của mình : hãy tin vào công sức lao động bền bỉ, ngoan cường của bản thân ; cũng như hãy tin vào sự ủng hộ của thời gian.

3. Suy nghĩ, tìm hiểu thêm mấy ý sau đây :

– Có nhà phê bình nhận xét, dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, dân tộc ta đánh Mĩ và thắng Mĩ không phải chỉ có chính nghĩa và lòng dũng cảm, mà còn thể hiện tư thế đường hoàng, sang trọng của một dân tộc có văn hóa. Hãy chứng minh ý đó qua tùy bút ***Tờ hoa.***

– Qua tác phẩm này, anh (chị) hiểu thế nào là thể văn tùy bút và phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân ?

thuongmaitr

MŨI CÀ MAU

XUÂN DIỆU

Tiểu dẫn

Tiểu sử và tác phẩm của **Xuân Diệu** : xem SGK *Văn học 11, Tập một, Phần văn học Việt Nam* (NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000).

Xuân Diệu sáng tác bài thơ *Mũi Cà Mau* tháng 10-1960. Bài thơ tìm cảm hứng trong cuộc đấu tranh thống nhất Tổ quốc.

Mũi Cà Mau : mầm đất tươi non
Mấy trăm đời lấn luôn ra biển ;
Phù sa vạn dặm tới đây tuôn,
Lắng lại ; và chân người bước đến.

Tổ quốc tôi như một con tàu,
Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.

Những dòng sông rộng hơn ngàn thước,
Trùng điệp một màu xanh lá đước.
Đước thân cao vút, rễ ngang mình
Trổ xuống nghìn tay, ôm đất nước !

Tổ quốc tôi như một con tàu,
Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.

Lạ thay tình với đất quê hương,
Chưa thấy, chưa thăm mà đã nhớ.
Ai hay mỏm đất mấy năm trường
Đêm ngủ hồn tôi bay tới đó.

luongxua.vn

Đầu sao cháy bỏng, ruột sao đau,
Vết thương lòng - ở mũi Cà Mau.

Nơi xa nhất là nơi gần nhất :
Mũi Cà Mau, mũi Cà Mau trước mắt !
Đôi bên Bến Hải nước non nhà
Đâu cũng là Nam, đâu cũng Bắc !

Nắng mưa có thể đổi trăm màu,
Lòng không rời hướng mũi Cà Mau.

Ở đầu sóng gió, mỏm non sông
Như ngực anh hùng Lí Tự Trọng.
Cao hơn sóng gió một Thành đồng,
Đây chốn đi về, nơi ước vọng.

Tổ quốc tôi như một con tàu,
Đêm ngày tôi nhớ mũi Cà Mau.

Như dòng máu khỏe thấm đầu tay,
Như ở đầu cây dòng nhựa trút,
Như sức cung dồn ở mũi tên,
Như sức bút ở đầu ngọn bút :

Tổ quốc tôi như một con tàu,
Mũi thuyền xé sóng - mũi Cà Mau.

10-1960

(*Mũi Cà Mau với Cầm tay*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1962)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Xuân Diệu có một tứ thơ rất độc đáo. Mũi Cà Mau là miền đất cuối cùng của miền Nam, cũng là miền đất xa xôi nhất của Tổ quốc. Từ hình thể địa lí : mũi đất đâm ra biển, tác giả nảy ra một sự so sánh : "Tổ quốc tôi như một con tàu - Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau". Anh (chị) hãy nghiên cứu kĩ từng hình ảnh trong bài thơ để thấy sự so sánh ấy quán triệt từ đầu đến cuối bài thơ, rất đúng, rất hay, không gượng ép. Có những hình ảnh so sánh táo bạo, sáng tạo, đầy ý nghĩa, mang giá trị tư tưởng cao.

2. Tình cảm của tác giả đối với miền Nam qua bài thơ này là tình cảm yêu mến, nhớ thương chân thành tha thiết, là niềm tin son sắt, điều này nhà thơ không nói lên mà từ những cảm xúc của ông đối với đất, với người miền Nam mà ta thấy rõ. Đó chính là giá trị của bài thơ trữ tình này.

BẮT SẤU RỪNG U MINH HẠ[1]

SƠN NAM

Tiểu dẫn

Sơn Nam tên khai sinh là Phạm Minh Tài. Ông sinh ngày 11-12-1926 tại làng Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá (nay là tỉnh Kiên Giang).

Những năm kháng chiến chống Pháp, Sơn Nam làm công tác văn nghệ tại khu IX Nam Bộ do đó có điều kiện hiểu biết kĩ về thiên nhiên, lịch sử, con người của vùng

thuongmaitr

Cà Mau - đất mũi. Hai truyện vừa *Bến rừng Cù lao Dung* và *Tây đầu đỏ* của ông được giải thưởng văn nghệ Cửu Long của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ năm 1952.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Sơn Nam được phân công ở lại Sài Gòn. Hoạt động trên lĩnh vực báo chí và văn chương, ông có nhiều tác phẩm đặc sắc như *Bà chúa Hòn* (truyện), *Chuyện xưa tích cũ* (truyện), *Hương rừng Cà Mau* (tập truyện), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* (biên khảo), *Tìm hiểu đất Hậu Giang* (biên khảo).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Sơn Nam tiếp tục có những tập biên khảo có giá trị : *Bến Nghé xưa, Đất Gia Định xưa, Đồng bằng sông Cửu Long - nét sinh hoạt xưa, v.v...*

Sơn Nam là nhà văn và nhà biên khảo đầy tâm huyết về Nam Bộ. Tất cả các tác phẩm của ông đều tập trung về đề tài này.

Bắt sấu rừng U Minh Hạ là một truyện ngắn đăng trên tuần báo *Nhân loại* (1957), sau in trong tập truyện *Hương rừng Cà Mau* (NXB Phù sa, Sài Gòn, 1962). Toàn tập gồm 18 truyện, thể hiện sinh động cảnh quan, đời sống, truyền thống lịch sử và phẩm chất tính cách con người ở mảnh đất cực nam của chúng ta. Tác giả giúp người đọc hiểu và yêu Hòn Cổ Tron, sông Gành Hào, đàn ong mật, những đêm hát bội giữa rừng, cuộc đua ghe ngo, v.v... Nổi bật trên bức tranh dân dã quê hương đó là những người nông dân đôn hậu, chất phác, trung thực, dũng cảm ; những người đổ mồ hôi và đổ máu để khai phá và gìn giữ từng tấc đất cho gia đình và cho Tổ quốc.

ruongxua.vn

*

* *

Nơi sông rạch, cá sấu là giống hung hăng nhứt. Có điều đáng chú ý là chúng không thích những chốn sông nước chảy, có sóng gió. Chúng lên tận ngọn cùng, tìm nơi yên tịnh, chật hẹp. Vùng U Minh Hạ, sấu thường đi ngược sông Ông Dốc, rạch[2] Cái Tàu vào giữa rừng tràm[3].

Tại sao vậy ?

Tuy là thích ăn thịt người, loại sấu vẫn tìm cá làm món ăn chánh. Rừng U Minh Hạ thuộc về loại trầm thủy[4], cá sanh sôi nẩy nở rất nhanh chóng ; lên đó, tha hồ mà ăn.

Đến mùa nắng hạn rừng khô, sấu khỏi phải trở về sông Cái. Trong rừng có sẵn nhiều ao, nhiều lung[5], sấu cứ gom vào đó mà lập căn cứ, sanh con đẻ cháu, năm này qua năm khác, cứ như vậy cho tới khi người Việt Nam ta đổ tràn xuống rạch Cái Tàu mà lập nghiệp. Ban đầu, họ ngỡ rằng sấu chỉ ở dưới sông, sau khi câu được chừng năm mươi con sấu ở ngọn rạch, họ

đinh ninh cho là sấu đã giảm bớt... mười phần chết bảy còn ba. Mãi đến khi có người lên rừng ăn ong[6] chạy về loan báo :

– Sấu ở giữa rừng nhiều như trái mù u[7] chín rụng !

So sánh như vậy, không phải là quá đáng ! Dân làng xúm nhau lên rừng để nhìn tận nơi. Cái ao lớn ước một công[8] đất, bên bờ, dưới nước, toàn là lau sậy, dây cóc kèn[9]. Sấu nổi lên, chen vào bức tranh màu xanh ấy những vệt đen chi chít : con thì nằm dài như chiếc xuồng lường[10], con thì dùng hai chân trước mà vạch sậy, ngóng mỏ xéo lên trời như họng súng thần công đại bác. Biết có loài người đến quan sát, chúng vẫn điềm nhiên sưởi nắng, bắt cá. Duy có con sấu già trợn mắt hướng về lũ người rồi bò thối lui. Nghi ngờ gì nữa ! Con sấu nọ có đốm đỏ ngay giữa tam tinh[11]. Nó là "sấu chúa" sống lâu đời, nhiều phen kịch chiến với loài người. Khi ở trên cạn, sấu không nguy hiểm bằng một cọn rắn hổ. Sấu chúa khôn lắm, nó toàn dụ địch thủ vào hang của nó nơi nước sâu. Trong số người khi nãy, có kẻ cẩn thận mang theo mác thông[12], lao, ná lẫy[13], nhưng họ dư hiểu rằng mớ khí giới ấy chỉ có hiệu lực đối với cọp, heo rừng. Đằng này, sấu lại là loài ở nước, ở bùn lầy. Chống xuồng vào thì ao quá cạn còn đi bộ xuống thì lún ngập gối.

Cái ao sấu ở ngọn rạch Cái Tàu đã bị phát giác. Tin ấy đồn đãi lần lần, thấu đến tai ông Năm Hên, người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên Giang đạo[14], tức là vùng Rạch Giá ngày nay. Ông bơi chiếc xuồng ba lá[15] nhỏ đến địa phận làng Khánh Lâm, ngọn rạch Cái Tàu. Trong xuồng, có vỏn vẹn một lọn nhang trần[16] và một hũ rượu.

Từ sớm tới chiều, ông bơi xuồng tới lui theo rạch mà hát :

– Hồn ở đâu đây ?
Hồn ơi ! Hồn hỡi !
Xa cây xa cối,
Xa cội xa nhành,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc !
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...

Giọng nghe ảo não, rùng rợn. Dân làng thấy chuyện kì lạ, xuống đứng dưới bến để nhìn kĩ. Đoán chừng ông lão nọ là người có kì tài, họ mời ông lên nhà, làm thịt gà, mua rượu thết đãi.

Sau khi tự xưng danh tánh, ông bảo :

– Nghe đồn có ao sấu, tôi chẳng nệ[17] đường xa để tới xứ Khánh Lâm này...

– Té ra ông là thợ câu sấu !

Ông Năm Hên lắc đầu :

– Thợ bắt sấu chớ không phải thợ câu. Hai nghề đó khác nhau. Câu thì dùng lưỡi sắt, móc mồi bằng con vịt sống. Đó là ở dưới nước. Đằng này tôi chuyên bắt sấu trên khô, không cần lưỡi.

– Vậy chớ ông bắt bằng gì ?

– Tôi bắt bằng... hai tay không.

Ai nấy ngạc nhiên. Ông Năm Hên cười giòn :

– Bà con cô bác không tin sao ?

Ai nấy nửa tin nửa nghi. Họ cố nhớ lại cách bắt sấu của mấy người thợ nào đến giờ. Bắt sấu bằng hai tay không quả là phi phàm[18], thế gian hi hữu[19]. Không lẽ ông Năm Hên này lại nói láo để lường gạt, ổng[20] nào đã mở miệng xin tiền bạc cơm gạo gì của xóm này ! Ai nấy nôn nao, thiếu điều muốn năn nỉ ông đi bắt sấu tức thì để coi thử cách thức.

– Thưa ông, chừng nào ông ra nghề để cho dân làng chúng tôi được mừng ? Nếu cần tiếp giúp chuyện chi, chúng tôi sẵn sàng. Ở xóm này, thiếu gì trai lực lưỡng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng.

Ông Năm Hên đáp :

– Sáng mai sớm, đi cũng không muộn. Tôi cần một người dẫn đường đến ao cá sấu đó. Có vậy thôi ! Chừng một giờ đồng hồ sau là xong chuyện ! Sấu ở ao giữa rừng, tôi bắt nhiều lần rồi. Bà con cứ tin tôi. Xưa nay, bị sấu bắt là người đi ghe xuồng hoặc ngồi rửa chén dưới bến, có bao giờ sấu rượt người ta giữa rừng mà ăn thịt ? Tôi đây không tài giỏi gì hết, chẳng qua là biết mưu mẹo chút ít, theo như người khác thì họ nói đó là bùa phép để kiếm tiền. Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không mang thứ phú quới[21] đó. Nói thiệt với bà con : cha mẹ tôi sanh ra chỉ có hai anh em tụi tôi. Anh tôi xuống miệt[22] Gò Quao phá rừng lập rẫy hồi mười hai năm về trước. Sau được tin cho hay : ảnh bị sấu ở Ngã Ba Đình bắt mất. Tôi thề

quyết trả thù cho anh. Cực lòng biết bao nhiêu khi nghe ở miền Rạch Giá, Cà Mau này có nhiều con rạch, ngã ba, mang tên Dầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, sau này hỏi lại tôi mới biết đó là nơi ghê gớm, hồi xưa lúc đất còn hoang. Rạch Cà Bơ He, đó là chỗ sấu lội nhiều, người Miên sợ sấu không dám đi qua nên đặt tên như vậy, cũng như phá Tam Giang[23], truông nhà Hồ[24] của mình ngoài Huế.

Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu dẫn đường. Nhiều người nài nỉ xin đi theo. Ông Năm Hên cản lại:

– Đi nhiều chộn rộn[25] lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu. Có Tư Hoạch đi theo coi mà.

Đã quá giờ ngọ.

Ngóng về phía ao sấu U Minh Hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chập sau, khói lụn xuống. Trong lúc đó bà con xóm Cái Tàu lo nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên làm sao, trời vừa xế, lúc ai nấy đang nghỉ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi :

– Bà con ơi ! Ra coi sấu... Bốn mươi lăm con còn sống nhăn.

thuongmaitr

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

– Diệu kế[26] ! Diệu kế ! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lội có hàng dưới sông mình nè ! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông, Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhè nhẹ như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc ké[27] trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao ? Người thì đứng há miệng sửng sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị sự trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuồng ra giữa sông, nhìn bầy sấu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rối rít.

Đại khái, Tư Hoạch trình bày :

– Tới ao sấu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung[28] rượu. Kế đó ổng với tôi lấy xuổng[29] đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ bờ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ổng

biểu tôi bứt cho ổng một nắm dây cóc kèn. Phần ổng thì lo đốn một đống cây mốp[30] tươi, chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa châm vô sậy đế[31], cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sấu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sấu há miệng hung hăng đòi táp[32] ổng. Ổng đút vô miệng sấu một khúc mốp. Sấu táp lại, dính chặt hai hàm răng : như mình ngậm một cục mạch nha[33] quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sấu bị khúc mốp khóa miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm xách cây mác nhắm ngay sau lưng sấu mà xắn nhè nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sấu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó lại, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

– Thực là bực thánh của xứ này rồi ! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ổng đâu rồi ? Sao không thấy ổng về ? Xóm mình nhất định đền ơn ổng một số tiền, nuôi ổng cho tới già, ở xóm này. Bà con tính sao ?

Tư Hoạch nói :

– Mà quên ! Ổng biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ổng mắc ở lại cúng "đất đai vương trạch"[34] rồi đi bộ về sau.

uongxua.vn

Chưa dứt lời, bên sông nghe tiếng hát của ông Năm Hên, ngày một rõ :

Hồn ở đâu đây ?
Hồn ơi ! Hồn hỡi !
Xa cây xa cối,
Xa cội xa nhành,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Bởi vì thất ngặt,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc !
Ta thương ta tiếc
Lập đàn giải oan...

Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bi ai. Ghê rợn nhứt là khi thấy ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối nùi[35], mắt đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ qua quơ lại trên tay.

– Coi tướng của ổng ghê như tướng thầy pháp[36] ! Một người thốt lên như vậy.

Nhưng có tiếng khóc sụt sùi đâu đây. Đó là vài cụ già, bà lão chạnh nhớ đến tổ tiên, đến bạn bè của mình, biết đâu trên bước đường sanh nhai giữa chốn nước đỏ rừng xanh, có thân nhân[37] của họ đã bỏ thân vì đàn sấu này. Bó nhang đang cháy kia có giải oan được cái chết của họ không chớ ?

(*Hương rừng Cà Mau*,
NXB Phù sa, Sài Gòn, 1962)

Chú giải

(1) *U Minh Hạ* : Cà Mau có rừng U Minh rộng lớn (khoảng 2000 km^2) bạt ngàn tràm và đước. Sông Trẹm và sông Cái Tàu chia U Minh thành hai phần : U Minh Thượng phía bắc và U Minh Hạ phía nam. Sản vật trong rừng U Minh rất phong phú, đặc biệt là những "vườn chim" và những đầm lầy, kênh rạch nhiều tôm cá. (2) *Rạch* : đường dẫn nước từ sông vào đồng ruộng, thuyền bè có thể đi lại. (3) *Tràm* : cây to, cùng họ với ổi, vỏ xốp, lá hình bầu dục nhọn, có mùi thơm, dùng để cất tinh dầu, làm thuốc, vỏ cây dùng để xảm thuyền, phấn hoa là món ăn quý của ong. Mật ong bông tràm rất quý. (4) *Trầm thủy* : vùng đất thấp ngập nước. (5) *Lung* : đầm nhỏ, sình lầy. (6) *Ăn ong* : lấy mật ong trong rừng. (7) *Mù u* : cây to, lá dày, hoa màu trắng, quả tròn, hạt có thể ép lấy dầu để thắp hay làm thuốc. (8) *Công* : đơn vị đo diện tích đất quen dùng ở miền Nam rộng khoảng $1000m^2$. (9) *Dây cóc kèn* : loại dây rừng vùng nước mặn, dùng để buộc, trói rất chắc. (10) *Xuồng lường* : xuồng được làm bằng cách đục một thân cây (xuồng độc mộc). (11) *Tam tinh* : điểm ở trán, giữa hai mắt. (12) *Mác thông* : loại vũ khí có cán dài, lưỡi rộng bản, mũi nhọn. (13) *Ná lẫy* : nỏ (bắn tên). (14) *Kiên Giang đạo* : đạo là đơn vị hành chính thời xưa, tương đương châu, quận. (15) *Xuồng ba lá* : xuồng làm bằng ba tấm ván ghép lại. (16) *Lọn nhang trần* : bó (lọn) hương không có bao (trần). Thứ này thích hợp với người nghèo, vì giá rẻ. (17) *Chẳng nệ* : chẳng ngại. (18) *Phi phàm* : khác thường. (19) *Hi hữu* : hiếm có. (20) *Ổng* : ông ấy (cách gọi ở Nam Bộ). (21) *Phú quới* : phú quý. (22) *Miệt* : miền, vùng. (23) *Phá Tam Giang* : phá là vùng nước mặn, có dải đất, cát ngăn cách với biển, thông ra biển bằng một dòng nước ; phá Tam Giang ở huyện Quảng Điền (tỉnh Thừa Thiên - Huế) có ba con sông chảy vào, rồi đổ ra cửa Thuận An, nơi sông rộng, sóng dữ, thuyền bè dễ bị đắm. (24) *Truông nhà Hồ* : rừng nhà Hồ, ở Hồ Xá (huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị). Thời xưa có nhiều giặc cướp. "Thương em, anh cũng muốn vô - Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang" (ca dao). (25) *Chộn rộn* : nhốn nháo, lộn xộn. (26) *Diệu kế* : mưu kế tài tình. (27) *Thúc ké* (phương ngữ) : trói ngoặt chân ra sau lưng. (28) *Chung* : chén uống rượu, uống trà. (29) *Xuổng* (phương ngữ) : thuổng. (30) *Mốp* : một loại cây, giống cây vông, ruột mềm, rất dẻo, dính, có

thể dùng làm nút chai. (31) *Sậy đế* : một loại sậy to. (32) *Táp* : ngoạm, đớp mạnh, nhanh bằng miệng há rộng. (33) *Mạch nha* : thứ kẹo rất quánh, dẻo, nấu bằng mầm thóc. (34) *Cúng "đất đai vương trạch"* : cúng thần cai quản đất đai. (35) *Tóc rối nùi* : tóc cuộn, vướng vào nhau như búi chỉ rối. (36) *Thầy pháp* : phù thủy, người có pháp thuật trừ được ma quỷ (theo quan niệm mê tín). (37) *Thân nhân* : người nhà, người thân.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Mỗi vùng đất của Tổ quốc ta có những nét đặc sắc, kì thú riêng. Vốn gắn bó quen thuộc với đất rừng phương Nam, qua truyện ngắn này, nhà văn Sơn Nam đã đem đến cho người đọc một bức tranh độc đáo : vùng rừng tràm xanh ngắt những lau sậy, mốp, cóc kèn... Và thật lạ lùng "sấu ở giữa rừng nhiều như trái mù u chín rụng !". Người nông dân rạch Cái Tàu đã phải tạo dựng cơ đồ trên vùng đất hoang vu, dữ dội đó. Chính vì thế người đọc (nhất là ở miền Bắc, miền Trung và những người sống ở thành thị) như được thám hiểm những vùng đất mới với biết bao điều bí ẩn của thiên nhiên và con người.

Chú ý tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện của tác giả, qua đó làm cho người đọc hiểu được đặc điểm trong sinh hoạt cũng như trong lao động để làm chủ thiên nhiên của bà con nông dân. Cách bắt sấu của ông già Năm Hên đơn giản đến khó tin nhưng mới thông minh làm sao !

2. Truyện mang phong vị Nam Bộ rất đậm đà. Sắc thái độc đáo này được tạo nên bởi những yếu tố nghệ thuật đặc sắc : những phương ngữ được dùng vừa phải và thích hợp, cách kể chuyện gọn và sáng, tính cách nhân vật được thể hiện sinh động mà chỉ bằng vài chi tiết đơn sơ... Chính vì thế truyện này cũng như tập ***Hương rừng Cà Mau*** *nói chung có dáng dấp riêng, khó lẫn.*

3. Để hiểu thêm tác phẩm, nên suy nghĩ thêm :

– Đặc điểm của thiên nhiên vùng U Minh Hạ và cuộc sống của những người dân ở đây như thế nào ?

– Tính cách nhân vật Năm Hên.

– Cảm nghĩ của anh (chị) về đất và người ở cực nam Tổ quốc ta.

BỨC THƯ CÀ MAU

ANH ĐỨC

Tiểu dẫn

Anh Đức tên khai sinh là Bùi Đức Ái. Ông sinh ngày 5-5-1935, quê ở xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Trong kháng chiến chống Pháp, đang là học sinh trung học, Anh Đức được đưa vào làm việc tại các tạp chí *Lá lúa, Văn nghệ miền Nam*. Tác phẩm đầu tay của ông - tập truyện ngắn *Biển động* - được giải thưởng văn nghệ Cửu Long (1952). Năm 1954, ông tập kết ra Bắc và trở nên quen thuộc với người đọc qua tiểu thuyết *Một truyện chép ở bệnh viện* (1958).

Năm 1962, ông trở về miền Nam tham gia chống Mĩ với bút danh Anh Đức. Những tác phẩm chính thời kì này : *Bức thư Cà Mau* (tập truyện ngắn, bút kí, 1965), *Hòn Đất* (tiểu thuyết, hoàn thành 1965, xuất bản 1966), *Giấc mơ ông lão vườn chim* (tập truyện ngắn, bút kí, 1970).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, ông viết không nhiều. Tác phẩm chính : *Đứa con của đất* (tiểu thuyết, 1976), *Miền sóng vỗ* (tập truyện, 1985).

Tác phẩm của Anh Đức tập trung mô tả cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ với phong cách đậm chất trữ tình và màu sắc lãng mạn.

Anh Đức viết bút kí *Bức thư Cà Mau* dưới hình thức thư gửi nhà văn Nguyễn Tuân, sau khi đọc bài tùy bút của ông (*Khi nào Bắc Nam đã được quan hệ bình thường, anh sẽ vô thăm đâu trước hết ?*) đăng trên tuần báo *Văn nghệ* số 12, năm 1963.

Bút kí *Bức thư Cà Mau* Anh Đức viết cuối năm 1963, được in trong tập truyện ngắn và bút kí cùng tên. Cùng với tiểu thuyết *Hòn Đất*, tập *Bức thư Cà Mau* được giải thưởng văn nghệ Nguyễn Đình Chiểu (1965) của Hội Văn nghệ giải phóng.

*

* *

Anh Nguyễn Tuân,

Anh mà nhận lá thơ này của tôi được phát qua Đài phát thanh Giải phóng, chắc anh sẽ ngạc nhiên rồi sẽ thốt lên :

– Kì lạ quá !

Tôi đọc bài của anh trong một đêm tối giữa rừng đước, dưới ánh sáng của ngọn nến trắng. Và biển ở gần sát đó cứ ầm ĩ như có trận giông lớn đang đi tới. Biển của mũi đất mà anh đã ví như "ngón chân cái chưa khô bùn vạn dặm" ấy.

thuongmaitr

Anh Tuân ạ ! Sau lúc đọc xong bài của anh, tôi đã đặt tờ báo *Văn nghệ* số 12 năm 1963 đó lên ngực mà suy tưởng, mà ngẫm nghĩ, mà cảm động vô hồi. Chẳng là anh nói với nhân vật Lí, Trần, Lê của anh rằng : anh chưa hề đặt chân tới Cà Mau bao giờ. Nhờ địa lí và lịch sử, nhờ tiếp xúc với những anh như Lí, nhứt là nhờ tình yêu của anh dành cho mũi Cà Mau mà anh viết lên những chữ nói về đất về nước, về lò than, về cây đước[1], về những con người cầm súng đứng dậy ở đây. Anh nói khá sát, khá đúng. Lâu nay tôi tưởng chẳng có anh nào ở miền Bắc hiểu nổi giá trị của một ca nước ngọt ngày nắng hạn ở nơi đây. Tôi cứ tưởng các anh chỉ có thể nghe nói cái địa danh Thới Bình, chớ không thể nào biết ở đó có một ngã ba sông đâu. Với lại các anh thì làm sao mà biết được cái trời ong ong tai tái chỉ có ở chốn cuối đất này mới có. Tôi cảm động chính là vì anh đã nói đến mọi thứ đó, những cái mà ở đây hầu như chúng tôi nghĩ tới nó hàng ngày, là mùi bùn bốc lên từ các bãi bồi, là vị muối trong hơi thở của các con kinh[2] mới ăn ra biển cả, là vị ngọt của ca nước ngọt từ sông Hậu chở đến trong tháng nắng, là đất phân[3] U Minh dày hai, ba thước, mùa khô thường cháy rỗng bên dưới. Tôi cảm động hơn nữa vì nhận ra sức mạnh của văn học với tình yêu không nén nổi nó đã cất lên các tiếng nói ứng nghiệm lạ thường. Anh Tuân ! Anh đã nghe nói tới cái lò than Năm Căn và cũng đã hình dung ra làn khói thoát ra từ các lò than ấy. Xin báo thêm cho anh biết : ngay bây giờ trong cuộc chiến đấu, các dãy nhà lò ở Năm Căn ngày đêm vẫn đỏ hồng củi đước. Muốn cho cây đước trở thành than đã dành cho công việc đầu tiên là chuyển cây đước ở rừng về, rồi cưa thành khúc, rồi chất những khúc đước dài chừng non một thước đó vào lò. Lò than hình bán cầu tợ[4] như cái chén úp, cuối bờ có lỗ thông hơi. Người thợ lò than sẽ gầy lửa[5] đốt suốt ngày đêm, rồi anh ta ngửi mùi coi là than đã chín chưa. Công việc đại để là như vậy. Nhưng trong những dãy lò ấy, con người thì thế nào ? Phải nói là con người vừa đốt than vừa đánh giặc. Có lần tôi đã trông thấy một anh thợ đốt lò chiến đấu với khẩu súng tự tạo, lấy lò than của mình làm công sự. Sau khi cùng toàn đội đẩy lui cuộc càn, anh bị thương nặng từ trong lò bò ra, người anh bám đầy than đen, ngực anh đầm đìa những máu. Trước lúc chết, anh ta bảo vợ bồng đứa con gái nhỏ lại gần, anh kề miệng hôn đứa con mình lần cuối, một vệt than in lên má của con anh, sau đó anh chết. Kỉ niệm cuối cùng của anh để lại trên đời là vết than trên má đứa bé. Những cái chết tương tự như vậy có rất nhiều. Hồi năm

truongxua.vn

cả, chẳng qua là vì lẽ sống ở đây đòi đổi lấy bằng máu, không thể kì kèo tiếng một tiếng hai với kẻ thù được. Trong trận tiêu diệt chi khu[14] Cái Nước tôi có tham dự, chiến sĩ giải phóng quân ở nhà anh nào anh nấy coi hiền lành, củ mỉ lắm ; đóng quân trong xóm, các anh bị các cô trêu cứ đỏ mặt lên hết. Thế mà ở mặt trận thì họ khác hẳn, anh nào coi cũng dữ, cũng quyết liệt, họ thét, họ tuốt lê lao lên, họ dồn từng tên địch vào góc tường rồi xốc tới trói nghiến hắn. Trận tấn công Cái Nước hôm đó mau lẹ đến nỗi điện đài địch không kịp kêu cứu về Cà Mau. Theo dõi rađiôphôni[15], nghe thấy một cái đồn lân cận đấy là đồn Rau Dừa kêu về Cà Mau báo tin chi khu Cái Nước bị tấn công dữ dội, bọn Cà Mau điện trả lời :

– Hiện thời mọi chi khu đều biến động, chỗ nào nấy lo, không thể tiếp cứu được.

Chi khu Cái Nước vừa bị hạ thì xuồng của đồng bào dân công đã bơi ào ào xông ra chở tù binh, chở chiến lợi phẩm. Con rạch dẫn ra Cái Nước, xuồng ghe chật cứng như nêm. Bà con gặp bộ đội, câu hỏi đầu tiên là :

– Sao ? Anh em mình có sao không ?

Một số tù binh nghe các câu hỏi như thế cúi gằm mặt xuống. Suốt cuộc đời đi lính cho Mĩ - Diệm, họ không sao kiếm ra một câu hỏi như vậy. Tất nhiên một trận đánh diệt ngót 200 địch ở Cái Nước, ta hi sinh năm chiến sĩ thì không có gì đáng kể. Thế nhưng có cái gì rất xót lòng, anh Tuân ạ ! Tôi có đến nơi tẩm liệm[16] năm chiến sĩ ấy. Lúc đó lối chừng hai giờ khuya. Dưới ánh sáng của những ngọn nến trắng cỡ lớn, năm anh chiến sĩ nằm gần nhau, mặt anh nào cũng phủ lá cờ Mặt trận. Xung quanh là các má, các chị, người lo thay quần áo cho anh em, người xé vải liệm. Một bà má ngồi bên nhẹ tay vén lá cờ nhìn mặt từng anh. Má lắc đầu, nước mắt lã chã. Má thương các anh quá. Tôi trông dáng bà má lúc ấy như đang tìm kiếm cái gì trên nét mặt của những đứa con mình. Có một anh chừng hai mươi tuổi chết rồi mà mắt cứ mở. Bà má vuốt mắt anh nhưng mí mắt anh vẫn không khép lại. Má đưa tay vuốt mặt lần nữa. Vừa vuốt má vừa thì thầm câu gì. Tôi đoán hình như má nói :

– Ngủ đi, ngủ đi con !

Cặp mắt anh chiến sĩ cuối cùng khép lại. Các má các chị lần lượt nâng con em mình đặt vào hòm[17], tiếng khóc nấc lên giữa đêm sắp hầu tàn. Tôi cùng các má lội nước đưa các anh ấy ra nghĩa trang, và tôi giã từ những

mộ phần mới đó ra đi trong đêm tối lợt dần. Sáng ra rồi, tôi vẫn thấy ánh nến chập chờn, thấy đôi mắt của các chiến sĩ họ muốn nhìn cuộc sống, thấy các má các chị tới lui tất tưởi.

Đêm miền Nam là như vậy. Lứa tuổi trẻ ở miền Nam ngã xuống, có anh chưa biết tình yêu là gì, chưa biết cái hơi thở ấm áp của một cô gái phả vào mặt mình, chưa hề cầm nắm một bàn tay khác lạ, nói chi đến chuyện hẹn hò nhau vào những chiều thứ bảy, nói chi đến chuyện dắt nhau đi dạo chơi trong công viên ngày chủ nhật. Sau những đêm như thế, khi ngày rạng tôi thấy thiên nhiên cũng đổi khác. Nhìn sang dãy đước tôi thấy dường như nó cắm sâu xuống lòng đất hơn, con rạch, vầng lá hình như cũng nhuộm thấm thêm hơn cái màu sắc lãng mạn của cuộc chiến đấu.

(...) Tính tới năm 1963 này, người dân Cà Mau đã trải qua ngót 20 năm đánh giặc rồi anh Tuân ạ. Nếu không có thằng Mĩ, thì cuộc đời đã vui tươi sung túc bằng mấy. Nhưng từ nay bước vào cuộc kháng chiến gian khổ lâu dài, dân Cà Mau vẫn lạc quan theo đuổi tới cùng. Ngày ngày những cơn gió bão lớn nhứt thổi bắt vào mặt họ, nhưng tay cầm tay, họ đứng vững chắc trên đất hệt như cây đước. Ở Cà Mau đã lâu, tôi chưa hề gặp một cây đước nào bị dông gió thổi bật, cho dù là một trận dông lớn nhứt, sức gió cũng không thể nhổ bật được hàng trăm rễ đước cắm sâu xuống lòng đất. Vả chăng có cây đước nào đứng riêng lẻ đâu ? Nó đứng cạnh nhau, che chở cho nhau. Chỗ đứng đầu sóng ngọn gió sản sinh ra loại cây khả dĩ có thể chống chọi được sóng gió. Con người sinh ra ở đây cũng vậy. Theo tôi, họ là những người Việt Nam thống khổ nhứt, bị áp bức giai cấp mà vẫn riết cái chỗ hết đất hết trời. Tôi cả tin ở lời anh nói rằng : những người tới đất Cà Mau sớm nhứt có thể là một anh lính thú Côn Lôn, một cung nữ thất thểu, hoặc là những kẻ tội đồ xổng ngục, nói tóm lại là những kẻ bất hạnh. Tôi lại xin nói thêm là gần đây vào thời lịch sử nước ta bị chia cắt lần thứ hai, tại mũi đất cuối cùng này lại đến thêm những con người bất hạnh mới. Đó là những bà con miền Bắc trong cuộc di cư cưỡng ép cuối năm 1954. Sau khi trải qua không biết bao nhiêu cảnh khổ, họ đã trôi dạt tới đây. Bà con này bị Mĩ - Diệm tập trung trong các khu dinh điền[18], nhờ lực lượng võ trang ta đánh vào và bà con tự phá ra chạy vô vùng giải phóng. Bà con ấy đã định cư làm ăn, tham gia cách mạng. Bà con lại đi bộ đội, du kích. Có người được kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng, được cử vào Mặt

trận ở địa phương. Lá nào rụng về cội[19] ấy. Người Cà Mau giúp đỡ đùm bọc những người trước kia sống ở đồng bằng sông Nhị, sông Chu, hoặc ở những nơi đồng chiêm trắng nước tỉnh Hà Nam. Bà con miền Bắc này vẫn hay nhắc tới cái cổng xây, cái đình làng họ, cái giếng nước làng họ. Cho dù gặp con cá con tôm béo mập ở xứ đất màu mỡ, họ vẫn nhớ con cua con cáy. Tại Sào Lưới, một xóm nhỏ của Cà Mau nằm bên vịnh biển Thái Lan ầm ầm sóng vỗ, một hôm tôi đã nghe một ông cụ người quê Kẻ Sặt (Hải Dương) nói :

– Chiều chiều tôi chỉ nhìn những đám mây mà nhớ làng nhớ quê quá cậu ạ.

Tôi hỏi :

– Thưa cụ, cụ nói những đám mây kia ?

Ông cụ gật đầu, đáp giọng như lạc đi :

– Phải. Những đám mây ấy, tôi gửi về xứ quê tôi đấy, cậu ạ.

Chiều hôm đó, tôi mới vỡ lẽ ra ông cụ Kẻ Sặt có rất nhiều buổi chiều ngồi nhìn lên như thế. Ông cụ nhìn lên trông về phương Bắc... Anh Tuân ạ ! Mà thôi, tôi chẳng nói về ông già Kẻ Sặt ấy nữa. Nói ra thì có khác. Nhưng những bè bạn đồng hương của tôi ngoài ấy viết thơ về cho những người thân thường bảo rằng *ngày Bắc đêm Nam*. Cũng đều giống nhau cả, kẻ đàng trong nhớ ra đàng ngoài, kẻ đàng ngoài nhớ vọng vô trong.

Thơ này tôi viết cho anh đã dài, mà những điều muốn nói về Cà Mau thì lại càng dài hơn. Có lẽ tôi tạm ngưng ở đây chăng ? Một dịp khác tôi sẽ viết tiếp cho anh, giờ đây đêm đã khuya, mưa đang đổ lớn, biển động dữ dội. Dạo này, đêm Cà Mau, gió mưa cứ tầm tã. Ở ngoài đó chắc đã lập đông rồi, phải không anh ? Mặt nước Hồ Gươm mùa đông có đẹp không anh ? Lát nữa trời rạng sáng. Dù chưa biết Hồ Gươm, tôi vẫn nhớ Hồ Gươm và đoán rằng lúc ấy Hồ Gươm sẽ đẹp hơn cả mọi lúc, vì khi ấy Tháp Rùa sẽ hiện ra trong sương sớm như xuất hiện từ trong câu chuyện thần thoại của bản thân nó. Cây đước của bà má Năm Căn có ở đó không anh nhỉ ? Chừng nào thì xuất hiện cây đước với vòm lá xanh rì của nó, chừng nào thì rễ đước bắt đầu bén đất bệ tháp Hồ Gươm ?

Chừng nào ? Cái câu hỏi ấy, mỗi người đều phải đặt lấy, định lấy. Ở tôi, ở anh, ở tất thảy chúng ta trên hai miền Nam Bắc. Tin rằng : Thời gian

sẽ ủng hộ chúng ta. Để anh có thể thăm Cà Mau sớm hơn. Và tôi có thể ra viếng Tháp Rùa một thể cùng một chuyến với các bà má Năm Căn, vai đeo *bị bàng*[20] đựng những trái đước.

Chúc anh sức khỏe.

Cà Mau, tháng 11-1963

(*Bức thư Cà Mau*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

Chú thích

(1) *Cây đước* : cây cao, thân cứng, mọc ở rừng nước mặn, hoa vàng. Rừng đước có tác dụng ngăn sóng, bồi đắp cho bờ biển. Thân cây đước đốt để lấy than hoặc dùng trong xây dựng. (2) *Con kinh* (kênh) : công trình dẫn nước, đào đắp hoặc xây trên mặt đất, phục vụ thủy lợi, giao thông. (3) *Đất phân* : đất giàu chất dinh dưỡng, do xác động vật và các lớp lá rừng rụng xuống, mục ra. (4) *Tợ như* (tựa như) : giống như. (5) *Gầy lửa* : nhóm lửa. (6) *Rốc-kết* (tiếng Anh : *rocket*) : tên lửa. (7) *Phi tang* : làm cho mất tang chứng. (8) *Tùy thân* : thường mang theo người. (9) *Đình huỳnh* (khẩu ngữ) : đàng hoàng. (10) *Trại đáy* : nhà sàn dựng ven sông kề bên nơi đóng đáy. (11) *Lui* : nướng. (12) *Rượu anít* (tiếng Pháp : *anis*) : rượu có hương hồi, thơm và nóng. (13) *Trầm mình* : ngâm mình, làm cho người mình chìm dưới nước. (14) *Chi khu* : đơn vị hành chính - quân sự của chính quyền Sài Gòn trước ngày giải phóng, tương đương với quận, huyện. (15) *Rađiôphôni* (tiếng Pháp : *radiophonie*) : liên lạc bằng máy vô tuyến. (16) *Tẩm liệm* (khâm liệm) : bọc thi thể người chết bằng vải để chôn cất. (17) *Hòm* (phương ngữ) : áo quan. (18) *Khu dinh điền* : khu tập trung dân đi khai hoang nhằm xây dựng cơ sở phục vụ chiến tranh xâm lược của Mĩ và chính quyền Sài Gòn trước đây. (19) *Cội* : gốc. (20) *Bị bàng* : bị cói, bao cói.

tuongxua.vn

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hình thức là một bức thư riêng của bạn văn gửi cho nhau, nhưng thực chất ***Bức thư Cà Mau*** *là lời tâm sự Anh Đức muốn gửi đến đông đảo đồng bào miền Bắc. Nhà văn đã kể cho chúng ta rõ về những chặng đường phát triển của cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam - mà một trong những vùng tiêu biểu là Cà Mau, cực nam của Tổ quốc. Nơi đây "ngày nào cũng có máu chan hòa vào các lòng kinh nước mặn" nơi "lẽ sống ở đây đòi đổi lấy bằng máu, không thể kì kèo tiếng một tiếng hai với kẻ thù được" và có*

những bọn ác ôn như bọn ở chi khu quân sự Bình Hưng "ăn thịt người đã biết ngon, biết cho lỗ tai và bàn tay người là ngon nhứt".

2. Bằng những nét phác thảo, Anh Đức đã thể hiện sinh động hình ảnh cuộc chiến tranh nhân dân - cuộc đấu tranh vũ trang và đặc biệt đấu tranh chính trị hết sức mưu trí và ngoan cường. Cuộc đấu tranh này đã động viên được tối đa nhiệt tình và lực lượng nhân dân, nhất là nữ giới : "khí thế chính trị của ta là ở cái mái chèo vỗ sóng vỗ nước, ở rừng xuồng ghe lao mũi tới như tên bắn, ở sự ung dung tự tin của các bà mẹ ngồi trên xuồng đi đấu tranh vẫn điềm nhiên ngoáy trầu ăn, và các cô gái vừa bơi vừa sửa lại khăn đội đầu cho ngay ngắn".

Bài bút kí đem lại cho người đọc một niềm hứng khởi, mến yêu đất nước và con người miền Nam, tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cuộc chiến tranh giải phóng dù trước mắt còn cực kì gian khổ.

3. Suy nghĩ thêm :

– Qua tác phẩm, thiên nhiên và con người Cà Mau hiện ra với những nét đặc sắc, độc đáo như thế nào ?

– Cùng với sức hấp dẫn của sự kiện, tư liệu chọn lọc, tác giả còn rất chú ý đến tâm trạng con người. Ông bày tỏ những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng trước những sự kiện đó. Hãy tìm hiểu và phân tích.

thuongmaitr

QUÁN RƯỢU NGƯỜI CÂM

NGUYỄN QUANG SÁNG

Tiểu dẫn

Nguyễn Quang Sáng sinh ngày 12-1-1932, quê ở làng Mĩ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nguyễn Quang Sáng gia nhập quân đội khi mới 14 tuổi. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Tác phẩm đầu tay của ông : *Con chim vàng* (tập truyện, 1958) được người đọc chú ý vì cách viết tự nhiên, giản dị, tình cảm chân thành xúc động. Những tác phẩm khác : *Người quê hương* (tập truyện, 1960), *Nhật kí người ở lại* (tiểu thuyết, 1962), *Đất lửa* (tiểu thuyết, 1963), *Câu chuyện bên trận địa pháo* (truyện vừa, 1966).

Năm 1966, ông trở lại chiến trường miền Nam với bút danh Nguyễn Sáng. Những tác phẩm chính thời kì này : *Chiếc lược ngà* (tập truyện, 1969), *Bông cẩm thạch* (tập truyện, 1971), *Cái áo thằng hình rơm* (truyện vừa, 1973), *Mùa gió chướng* (tiểu thuyết, 1975).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Nguyễn Quang Sáng viết nhiều thể loại hơn và có những thành tựu mới :

– Tập truyện : *Người con đi xa* (1977), *Bàn thờ tổ của một cô đào* (1985), *Tôi thích làm vua* (1988)...

– Tiểu thuyết : *Mùa gió chướng* (1975), *Dòng sông thơ ấu* (1985).

– Kịch bản phim truyện : *Mùa gió chướng* (1977), *Cánh đồng hoang* (1978), *Pho tượng* (1981), v.v...

Nguyễn Quang Sáng thành công hơn cả trong thể loại truyện ngắn. Tác phẩm của ông thường giàu kịch tính, cốt truyện có nhiều tình huống bất ngờ hoặc dữ dội, lời văn giản dị, mộc mạc.

Truyện ngắn *Quán rượu người câm*, được viết tại Tháp Mười, tháng 5-1967, in trong tập *Chiếc lược ngà*.

*

* *

uongxua.vn

(Lược bỏ vài lời vào truyện)... Trong một nhà tù - trong hàng trăm nhà tù ở miền Nam - khoảng năm 1956, có một người bị tra tấn đến đứt cả dây nói, thành một người câm. Đó là anh Ba Hoành hơn bốn mươi tuổi. Trong kháng chiến đánh Tây, anh là đảng viên cộng sản, là ủy viên nông hội xã. Giặc bắt anh vì cái tội đi đo đất tạm chia cho dân cày và bản thân anh được lãnh ba công. Qua ba tháng tù, chịu mọi thứ cực hình, anh chưa bị câm và vẫn không khai. Một hôm, trong nhà tù, có một tên phản bội đã khai cho một cô gái mười sáu tuổi, cô làm liên lạc riêng cho hắn ta, gọi hắn ta bằng chú. Cháu gái ấy bị bắt, cũng như một số đông anh em, cháu nhận mọi thứ tra tấn. Cháu bị đưa đến nhà tù đàn ông để mặt đối mặt. Tên địch chỉ mặt tên phản bội, hỏi cháu :

– Mày có biết người này không ?

Cháu gái lắc đầu :

– Không !

Tên địch trợn mắt, đưa chân đá khe khẽ vào cằm tên phản bội :

– Con nhỏ này nói vậy mày thấy sao ? – Tên phản bội không dám nhìn cô gái nhỏ. Hắn gục đầu, lầm bầm trong miệng, không biết hắn nói gì. Tên địch lại đưa mũi giày vào cằm hắn - lúc đó hắn ngồi - hất cái mặt hắn lên :

– Sao ! Mày muốn tao chơi lại cái món ngày hôm qua hả ?

Ngày hôm qua, bọn địch đem nhét anh ta vào cái cống vừa chỉ ló cái đầu và hai cái chân. Bọn địch bảo :

– Tao sẽ nuôi mày như nuôi vịt trong ống tre. Người sẽ tóp lại, đùi sẽ lớn ra. Mày khai không ?

Hắn gật đầu. Bọn địch lấy búa tạ đập vỡ cái cống và cho hắn trở lại nhà tù. Nghe nhắc đến cảnh tra tấn đó, hắn toát mồ hôi, hắn ngước nhìn cô gái nhỏ và lắp bắp nói :

– Nhận... nhận đi cháu ! – Hắn vừa nói thì một chuyện bất ngờ không ai đón được. Cô gái nhỏ mười sáu tuổi ấy, tóc đang rũ xuống, bỗng hất tóc ra sau và nói như nghiến :

– Chú Hai ! Chú sợ chết hả ! Chú hãy nhìn tôi đây này.

Đứa cháu gái liền thè lưỡi, mắt long lên, đưa quả đấm đánh vào cằm mình. "Bực", đầu lưỡi cháu rơi xuống, cháu ngã ngửa ra sau và máu vọt ra. Cái chết của cháu gái quyết liệt quá khiến cho tất cả anh em tù liên nhỏm dậy. Nhưng chân của họ bị còng, còng bị kéo tới, tay họ vỗ vào kẻ thù. Bọn địch bỏ xác người con gái nhỏ lại, chen nhau tuôn ra, đập song sắt và rút súng ngắn chĩa vào tù nhân.

thuongmaitr

Anh Ba Hoành chụp lấy cái đầu lưỡi của cháu gái và nhổ một bãi nước miếng vào mặt tên phản bội, anh để cái đầu lưỡi nhỏ lên bàn tay, bàn tay xòe ra, anh đưa chầm chậm qua mắt anh em, tay anh lẩy bẩy run, và nước mắt anh cứ xối xả.

Sau đó ba ngày, trong một trận tra tấn, khi một tên địch dùng bù loong đập lên cổ anh, anh ngã quỵ xuống, giãy một lúc, miệng há ra, rồi ú ớ.

... Bọn địch trả anh lại nhà tù và cho người rình. Đối với anh em, anh cũng ú ớ và ngơ ngác như vậy. Bọn địch lại tra cái bệnh câm của anh. Chúng bắt anh phải nói. Qua ba trận tra tấn, anh câm luôn, cả cái tiếng ú ớ anh cũng không ú ớ được nữa. Bọn địch đưa anh vào nhà thương để xét nghiệm. Sau nhiều lần tra tấn bằng các thứ thuốc, bác sĩ kết luận : "Tên tù này câm thật !". Chúng đánh người cốt để moi lấy lời khai, người tù này

câm rồi, đánh nữa chỉ mệt xác, bỏ tù cho tốn cơm, chúng thả anh ra. Anh Ba Hoành vốn là con người lực lưỡng, một tay phát thế[1] nổi tiếng. Ở nhà tù về anh chỉ còn bộ xương, lại câm. Anh không thể cầm nổi cái phảng[2] được nữa. Nhưng nếu còn sức cầm phảng thì anh cầm phảng nữa làm gì, ba công đất của anh bị giật mất rồi.

Anh câm, anh hết cả sức lực, nhưng anh còn sống, anh sống vì người vợ, vì ba đứa con, và vì cái gì nữa ai mà biết được.

(...) Mãi đến năm 1950 anh mới cưới vợ. Đó là một cô gái dở dang, ba mươi tuổi mà chưa chồng. Chị bị dở dang không phải vì hư hỏng, vì xấu hay vô duyên. Chị bị dở dang vì người yêu của chị là một anh vệ quốc đoàn bị hi sinh. Ba mươi sáu tuổi anh mới lấy vợ. Năm năm, đẻ liền ba cháu. Đứa lớn nhất năm tuổi, đứa nhỏ nhất vừa sanh thì anh bị đi tù. Vợ anh đi làm mướn, đi cấy, đi gặt để lấy công. Một mình chị làm chị không nuôi nổi ba đứa con, lại còn tiền thuốc tiền men cho chồng nữa. Sống làm sao nổi... Ở nhà tù ra, trở về với bệnh tật nhưng anh không thể nào nghỉ được. Nhưng sức của anh còn làm gì nổi nữa ! Anh nghĩ đến chuyện buôn vặt. Anh đi mượn tiền mở một quán rượu. Buôn bán mà câm thật khó !

ruongxua.vn

Tạo hóa sanh ra con người, nếu tạo hóa muốn ở ác với con người thì cái ác cũng rất phải chăng. Nếu tạo hóa muốn cho một người nào đó phải câm, câm khổ lắm ! Để cho người câm ấy đỡ khổ, tạo hóa cho người câm ấy điếc luôn. Đã câm thì phải điếc, bởi vì nếu không nói được mà phải nghe, nghe mà không nói thì ức chết thôi. Còn anh Ba Hoành, anh câm không phải do tạo hóa mà do con người, do kẻ thù. Con người khi trở thành kẻ thù thì họ ác hơn tạo hóa. Bọn giặc đánh anh đến câm, nhưng lại để cho anh nghe được. Khổ thân cho anh quá ! Những chuyện xung quanh toàn những chuyện bất bình nên anh không phải nghe nhiều, chỉ cần nghe vài ngày thôi, chuyện này, chuyện nọ cứ dồn ép vào, đến mức anh không còn sức chứa nữa, ngực anh sẽ vỡ tung ra.

Kẻ thù ác với anh nhưng đời lại thương anh, thật may ! Trong thời kháng chiến lúc làm ủy viên nông hội xã, anh có học được vài chữ, anh đọc được và viết được. Thằng địch gian ác và xảo trá, nhưng nó lại quên cái điều ấy. Anh câm, anh không nói bằng miệng được nhưng nói bằng tay.

(Lược bỏ một đoạn : *Ba Hoành mở quán rượu ven sông. Địch cho người rình mò và chúng tin là anh câm thật, nên không theo dõi gắt gao nữa.*)

(...) Ông chủ quán câm nhưng lại lịch sự, và tiền nong rất rõ ràng. Nếu cần chủ quán sẽ mời anh một li[3] nhỏ không lấy tiền và nếu vui chủ quán sẽ sẵn sàng chạm một li. Trên quầy có một xấp giấy nhỏ, có khi là một xấp lịch cũ, có khi là xấp giấy cũ của một cuốn sổ tay nào đó và một cây viết "Bic". Khách nào đến ngồi lâu, uống nhiều li, mua nhiều đồ nhậu, chủ quán câm không nói được, chủ quán tính tiền trong cái giấy. Khách cứ coi theo đó mà trả. Rất tiện khỏi phải cãi cọ nhiều lời. Ông chủ quán này lại có cái lạ là không tham bán nhiều, thấy khách vừa say thì một cách lịch sự, lịch sự theo kiểu người câm, nhe răng cười ú ớ mấy cái rồi đưa giấy cho khách. Vậy là khách biết mình sắp say rồi. Chỉ phiền có một điều, có lẽ vì chủ quán ít chữ nghĩa quá, viết không được mạch lạc, hoặc nguệch ngoạc cho nên khách phải đọc rất lâu, có khi tiền thì cứ trả mà giấy thì mang về đọc lại.

Khách rượu ở quán này thường hay ngồi lâu, có khi đến hàng giờ. Ông chủ quán câm kể loại biết điệu đời[4], ông xếp ghế ngồi để cho khách nhìn ra sông : sông Cửu Long. Khách có thể ngắm rặng cây xa mờ, ngắm những cánh buồm, vừa ngắm vừa nhìn vừa nghe tiếng sóng. Sóng bạc đầu[5], bỏ vòi, tràn lên nhau, sóng bủa ầm ầm. Sóng lưỡi búa[6], lách chách từng đợt nhỏ và đều, lấp lánh khắp mặt sông. Sóng nhỏ nhưng lại thường hay nhận chìm[7] xuồng ghe. Xuồng ghe tấp[8] vào bờ. Sóng vẳng rì rầm, buồn và mênh mông.

Vì rượu ngon, hay vì có chỗ ngồi nhìn ngắm cảnh hay vì cái vẻ lịch sự câm của ông chủ quán ? Chẳng rõ, chẳng biết, chỉ biết trong làng, hầu như người uống rượu nào cũng đến. Trong làng, dân làng không được hội họp, ba người đàn ông gặp nhau cũng không được, những cuộc gặp gỡ từ ba người trở lên, nếu nhà cầm quyền biết sẽ bị nghi là họp cộng sản, sẽ bị đi tù. Còn ở cái quán rượu này, ba người, hay bốn người cũng được. Cái thời thế này buồn đến nỗi đàn bà cũng uống rượu nữa. Con gái thì chưa uống ghiền[9] nhưng cũng đến mua. "Rượu vào thì lời ra !". Bọn xâm lược Mĩ và tay sai không cấm được điều đó. Thật tội nghiệp cho ông chủ quán câm, ông phải nghe chuyện của những thằng uống rượu, chuyện của những thằng say. Nhưng cũng thật hạnh phúc cho ông, ông toàn nghe những chuyện thật. Bởi vì không ai dám nói thật bằng những thằng uống rượu, những thằng say. Lúc bình thường giận đời, giận người, họ không dám chửi, uống rượu vào, họ chửi chẳng sợ ai. Lúc bình thường có những sự thật vì lẽ gì đó mà

không dám nói, uống rượu vào họ nói tất. Những người khách rượu này, họ nói tất cả những sự thật của làng.

(...) Chuyện trong làng, trong huyện, trong tỉnh và chuyện của cả miền Nam toàn những chuyện đau thương, ngày nào cũng có. Mỗi ngày một chuyện, có khi hàng chục chuyện...

Ông chủ quán câm : đầu tóc bùm sùm, mặt hốc hác, người gầy gò, mặc bộ bà ba rách, ngả màu cháo lòng.

Ông lắng nghe chuyện, mặt hơi nhếch lên, ngơ ngác như một người điếc. Những người khách vừa nói vừa uống, vừa chửi, vừa nắm quả đấm muốn đập nát cái vạc[10] tre để đồ nhắm, hoặc thở dài hoặc đang nói thì bị nghẹn. Còn ông chủ quán câm, ông nghe mà như điếc, chẳng ai thấy ông bị xúc động, mặt cứ trơ. Hay là tạo hóa thương ông, cho ông điếc luôn ? Chẳng biết nữa. Lâu lâu, ông cúi xuống, rút giấy ra ghi. Ông ghi tiền rượu cho khách, hay ghi những chuyện đáng cười, đáng giận đó. Chẳng ai hiểu nổi. Mà hiểu để làm gì mới được chớ ! Từ câm đến ngớ ngẩn có khó gì. Lúc ông ta cúi cái đầu bùm sùm xuống quầy, hai tay khuỳnh ra, mặt nghiêng nghiêng, tay ghi ghi, miệng há hốc, dáng điệu của ông ta đúng là dáng điệu của một thằng ngớ ngẩn, lúc ghi, lúc viết, miệng ông ta như không ngậm lại được.

tuongxua.vn

Khi khách hàng ra về, và quán vắng, ông rót li rượu kính ông Kho, rót đầy, có khi rót mà không nhìn li, tràn ra quầy vì ông là chủ quán nên ông không uống từng ngụm như khách, ông uống cạn một hơi. Nói cho đúng thì ông không uống mà ông đổ. Uống thì phải nhấp, phải chén, phải khà, phải thưởng thức cho hết chất cay, chất nồng của rượu. Còn ông, với cái miệng vốn há hốc của ông, ông ngước mặt rồi cầm li rượu, đưa cao lên, đổ xuống. Hình như rượu không đụng đến lưỡi, rượu đổ ngay vào đốc họng rồi tuôn thẳng vào lòng ông. Ông uống rượu mà như uống thuốc độc vậy.

Uống xong mặt ông không đỏ, mà tái, ông ngồi im, miệng há hốc, mắt lờ đờ. Đừng thấy dòng sông lặng lẽ mà bảo dòng sông không có sóng. Sóng đang nổi lên từ dưới đáy, người ta gọi đó là sóng ngầm. Nhìn sông đến chán, ông gục đầu xuống quầy. Như một ông chủ quán bán khuya đến lúc phải ngủ gục. Khách rượu đến bất ngờ thấy ông gục đầu, hai vai run run, khách rượu tưởng ông khóc. Khách rượu vỗ vai ông, ông giật mình lật đật đứng dậy, khách rượu hỏi :

– Sao ông khóc ?

Ông lắc đầu ú ớ, đưa tay chỉ vào mắt, con mắt khô quánh. Ý ông muốn nói : Tôi khóc hồi nào ?

Nhưng khách rượu không tin, thấy đôi vai run của ông, khách rượu đoán là ông khóc. Có điều là người khách có thể tin, là con mắt của ông không ướt. Con mắt khô, nhưng miệng chảy nước dãi. Khách rượu ấy kết luận : Ông khóc thật, nhưng không phải khóc bằng nước mắt mà khóc bằng nước miếng, đó là kiểu khóc đặc biệt của người câm.

*

(...) Bỗng một ngày, không một khách rượu nào đến, ngoài đường cũng chẳng thấy ai đi. Dưới bến, chẳng có một chiếc xuồng, ghe nào qua lại. Người chủ quán câm chỉ còn biết ú ớ, cũng chẳng có ai để cho ông ta ú ớ nữa, trong làng chỉ còn nghe có tiếng sóng. Sự im lặng của mọi người đang nín thở ấy kéo dài gần nửa đêm. Như một hơi thở dài bị đè ép bỗng trút ra, bất thần, cả làng bỗng dấy lên. Nhà thờ kéo chuông, nhà chùa nện đại đồng chung(11), người ta đánh trống, người ta đánh mõ, người ta đánh thùng thiếc, người ta đánh xoong, đánh bất cứ cái gì gây ra tiếng động. Người ta hò hét, người ta vác cái gì như súng người ta đi. Người ta gọi nhau, kêu rủ nhau, người ta gọi cả ông câm chủ quán rượu. Người ta báo cho nhau một cái tin lạ "đồng khởi". Người ở tất cả các ngả xóm, các con đường làng cứ đổ ra. Người trong làng cũng bấy nhiêu đó, nhưng đêm đó lại đông hơn, đông hơn gấp mười, gấp trăm. Người kéo đi cuồn cuộn, kéo tràn đến đồn bót giặc. Người ta cho nổ những tiếng nổ lớn.

Bọn giặc trong đồn, trong bót hoảng hốt. Nghe những tiếng nổ, tiếng trống, và mọi thứ tiếng vang dội lên mỗi lúc một dữ dội, chúng thấy cái đồn, cái bót của chúng như những chiếc xuồng con đang bị sóng của một cơn bão đang bủa tới, chúng nhớ những người chúng giết, nhớ những người chúng bắt, nhớ những người chúng đánh, nhớ những gia đình do bàn tay chúng phá tan nát, chúng thấy những người đó đang tràn tới. Đông quá ! Chúng không thể biết được bao nhiêu. Với súng, với đạn của chúng, chúng có thể giết được hàng trăm, nhưng khi hết cả đạn, chúng không thể sống được. Vậy là chúng nó lần lượt vứt súng đưa hai tay lên trời, có đứa vứt súng tìm cách thoát thân.

thuongmaitr

Thế là dân làng san bằng tất cả đồn bót, bằng tiếng trống, tiếng mõ, bằng những tiếng nổ lớn của pháo tre, của khí đá[12].

Sau khi san bằng hết đồn bót, dân làng đốt đuốc, kéo nhau ra đồng, dựng lên một khán đài cao.

Cả làng mỗi người một ngọn đuốc, người ta nhìn về phía lễ đài, chờ một người mà người ta muốn biết : người chỉ huy ngày đồng khởi.

Người ta đứng im. Chỉ còn nghe có tiếng lửa cháy rần rật. Tiếng nổ đều đều của tàn đuốc. Tiếng lửa cháy nghe thật trang nghiêm. Hầu hết người làng đều không biết người chỉ huy. Khi người ta không biết thì người ta đoán và tưởng tượng. Con người trong tưởng tượng thì không thể nào giống con người thật. Người ta chờ đợi người chỉ huy theo ý tưởng riêng của mình. Người ta hồi hộp chờ một người chỉ huy thật.

Người chỉ huy ấy xuất hiện, đứng trên lễ đài, hoàn toàn không giống như ý tưởng của họ. Người ta kinh ngạc nhưng người ta không thất vọng. Con người thật không giống như trong tưởng tượng nhưng phong phú hơn, và gần gũi hơn. Qua một thoáng kinh ngạc, người ta liền dậy lên. Người ta hoan hô, người ta kêu nhau, người ta chen nhau tràn về phía trước. Trong ánh lửa hồng của hàng ngàn ngọn đuốc, người chỉ huy hiện lên trước khán đài. Người ấy, một con người cao, gày gò, mặc bộ bà ba màu cháo lòng, tóc bùm sùm. Đó là người câm của quán rượu. Anh Ba Hoành !

tuongxua.vn

Anh mọp đầu[13] chào dân làng, rồi nhón chân, đưa hai tay chào, rồi đưa tay vuốt ngực và cất tiếng :

– ... Bốn năm nay tôi không nói, không phải tôi câm. Mà tôi im lặng. Đã đến lúc chúng ta không im lặng được nữa. Đã đến lúc chúng ta phải...

Tiếng nói của bốn năm câm lặng, tiếng nói không cần phải qua máy móc của các thứ loa, tiếng nói của anh vang lên đến từng người, vang dội cả trong lòng họ...

(*25 truyện ngắn*, NXB Thông tin, Hà Nội, 1990)

Chú thích

(1) *Phát thể* : phạt cỏ một cách có kĩ thuật. (2) *Phảng* : dụng cụ có lưỡi bằng sắt to bản, bén, cán dài, dùng để phát cỏ. (3) *Li* : cốc uống rượu loại nhỏ. (4) *Điệu đời* : duyên dáng, lịch sự. (5) *Sóng bạc đầu* : sóng lớn, ngọn sóng có màu trắng. (6) *Sóng*

lưỡi búa : sóng nhỏ. (7) *Nhận chìm* (hay : nhấn chìm) : dìm cho ngập vào nước. (8) *Tấp vào* : dạt vào, ghé vào. (9) *Ghiền* (phương ngữ) : nghiện. (10) *Vạc* : giường, chõng có giát tre. (11) *Đại đồng chung* : chuông lớn bằng đồng. (12) *Khí đá* : đất đèn, chất rắn, màu xám, gặp nước cho khí axêtilen dùng để thắp sáng. (13) *Mọp đầu* : cúi đầu xuống thật thấp.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nhà văn đã dựng lên một bức tranh bi tráng. Cảnh sống ngột ngạt của nhân dân miền Nam thời kì đen tối và những ngày đồng khởi khí thế ngất trời. Hai mảng hiện thực này có quan hệ nhân quả sâu sắc. Quân thù tàn bạo độc ác đã dồn nhân dân ta đến tình thế buộc phải cầm vũ khí đứng lên để tự cứu. "Sức đè càng nặng, sức vùng càng cao". Chính vì chính quyền Ngô Đình Diệm quá man rợ nên sự quật khởi của nhân dân mãnh liệt phi thường.

Thế nhưng cuộc đấu tranh ở đây không dừng ở mức tự phát, "tức nước vỡ bờ". Tác giả cho ta rõ : nhân dân lao động miền Nam đã được tôi luyện trong kháng chiến, họ là những con người cách mạng. Nhân vật Ba Hoành có một vị trí đặc biệt trong truyện. Người chiến sĩ cách mạng đó bất chấp mọi thử thách khắc nghiệt, trụ vững ở vị trí chiến đấu của mình, lãnh đạo thành công cuộc đồng khởi ở quê hương.

2. Nên chú ý đến những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết truyện của Nguyễn Quang Sáng : nhiều cảnh dữ dội, căng thẳng, hằn nổi lên như những trường đoạn phim (cái chết quyết liệt của cháu gái ; cảnh các cô dì, các chị đi đấu tranh ; cảnh bà con tụ hội mừng đồng khởi thắng lợi...). Cách dẫn dắt chuyện, tạo không khí thích hợp cho những tình huống nghẹt thở. Nghệ thuật khắc họa nhân vật - mà nổi bật hơn cả là Ba Hoành. Nhà văn đã chọn lựa những chi tiết đắt giá : cảm xúc của Ba Hoành khi cháu gái hi sinh ; những giọt nước mắt lặng lẽ trước cảnh nhân dân bị đau khổ ; câu nói đầu tiên đầy ý nghĩa sau bốn năm im lặng...

3. Suy nghĩ thêm về mấy ý sau đây :

– Câu chuyện anh Ba Hoành giả câm để chuẩn bị quật khởi có ý nghĩa tượng trưng sâu sắc. Hãy nêu ý nghĩa tượng trưng đó.

– Nhận xét và phân tích chất Nam Bộ trong tác phẩm này.

thuongmaitr

TRỞ VỀ QUÊ NỘI

LÊ ANH XUÂN

Tiểu dẫn

Lê Anh Xuân tên khai sinh là Ca Lê Hiến, sinh ngày 5-6-1940 tại Châu Thành, tỉnh Bến Tre, trong một gia đình nhà giáo yêu nước. Năm 1952, Lê Anh Xuân vừa học vừa làm việc ở nhà in trong chiến khu kháng chiến chống Pháp. Năm 1954, Lê Anh Xuân theo gia đình tập kết ra Bắc.

Sau khi tốt nghiệp khoa Sử, Trường đại học Tổng hợp Hà Nội và sau một thời gian ngắn làm phụ giảng tại trường, Lê Anh Xuân trở về chiến trường miền Nam công tác trong ngành giáo dục rồi chuyển sang Hội Văn nghệ giải phóng.

Lê Anh Xuân hi sinh ngày 24-5-1968 ở vùng phụ cận Sài Gòn trong chiến dịch Xuân Mậu Thân.

Tác phẩm chính : *Tiếng gà gáy* (thơ), *Hoa dừa* (thơ), *Nguyễn Văn Trỗi* (trường ca).

*

*   *

uongxua.vn

Ôi quê hương xanh biếc bóng dừa
Có ngờ đâu hôm nay ta trở lại
Quê hương ta tất cả vẫn còn đây
Dù người thân đã ngã xuống đất này
Ta lại gặp những mặt người ta yêu biết mấy
Ta nhìn, ta ngắm, ta say
Ta run run nắm những bàn tay
Thương nhớ dồn trong tay ta nóng bỏng.

Đây rồi đoạn đường xưa
Nơi ta vẫn thường đi trong mộng
Kẽo kẹt nhà ai tiếng võng đưa
Ầu ơ... thương nhớ lắm
Ơi những bông trang trắng, những bông trang hồng
Như tấm lòng em trong trắng thủy chung
Như trái tim em đẹp màu đỏ thắm
Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm

Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng
Hoa lục bình[1] tím cả bờ sông.

Mẹ lưng còng tóc bạc
Ngậm ngùi kể chuyện ta nghe
Tám em bé chết vì bom xăng đặc
Trên đường đi học trở về
Giặc giết mười người trong một ấp
Bà con khiêng xác chất đầy ghe
Chở lên Bến Tre đấu tranh với giặc
Làng ta mấy lần bom giội nát
Dừa ngã ngổn ngang, xơ xác bờ tre
Mẹ dựng tạm mái lều che mưa gió
Ta có ngờ đâu mái lều của mẹ
Dưới lớp đất kia ngọn lửa vẫn còn
Mẹ ta tần tảo sớm hôm
Nuôi các anh dưới hầm bí mật
Cả đời mẹ hi sinh gan góc
Hai mươi năm giữ đất, giữ làng
Ôi mẹ là bà mẹ miền Nam.

thuongmaitr

Ta có ngờ đâu em ta đấy
Dưới mái lều kia em đã lớn lên
Em đẹp lắm như mùa xuân bừng dậy
Súng trên vai cũng đẹp như em
Em ơi ! Sao tóc em thơm vậy
Hay em vừa đi qua vườn sầu riêng
Ta yêu giọng em cười trong trẻo
Ngọt ngào như nước dừa xiêm[2]
Yêu dáng em đi qua cầu tre lắt lẻo
Dịu dàng như những nàng tiên
Em là du kích, em là giao liên
Em chính là quê hương ta đó
Mười một năm rồi ta nhớ, ta thương.

Đêm đầu tiên ta ngủ giữa quê hương
Sao thấy lòng ấm lạ

Dù ngoài trời tầm tã mưa tuôn
Tiếng đại bác gầm rung vách lá
Ôi quê hương ta đẹp quá !
Dù trên đường còn những hố bom
Dù áo em vẫn còn mảnh vá
Ta về đây chẳng mang gì cho em cả
Chỉ có trái tim chung thủy, sắt son
Và khẩu súng trong tay cháy bỏng căm hờn.

9-1965

(*Hoa dừa*. NXB Giải phóng, 1969)

Chú thích

(1) *Hoa lục bình* : hoa của cây bèo Nhật Bản, miền Bắc gọi là bèo tây. (2) *Dừa xiêm* : một loài dừa thân lùn, quả nhỏ, nước rất ngọt.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

tuongxua.vn

1. Lê Anh Xuân xa quê hương từ hồi còn nhỏ (theo gia đình vào chiến khu kháng chiến chống Pháp, tập kết ra Bắc), nay trở lại quê hương chiến đấu (về quê nội là Bến Tre, nơi xuất phát của phong trào đồng khởi), được gặp lại những người thân, nhớ lại những kỉ niệm thời thơ ấu ; nghe kể lại những tội ác của giặc, những thành tích chiến đấu anh dũng và hi sinh thầm lặng của nhân dân, lòng tác giả trào lên tình cảm yêu thương và tự hào về quê hương. Anh (chị) hãy phát hiện và phân tích những câu thơ, những đoạn thơ diễn tả những tình cảm đó.

2. Tìm hiểu sự hòa hợp giữa chất hiện thực và lãng mạn trong bài thơ. Chính sự hòa hợp ấy khiến cho thơ Lê Anh Xuân chân chất, hồn nhiên mà trữ tình đằm thắm.

Những dòng thơ này để lại những ấn tượng sâu trong lòng người đọc, vì chính cuộc đời của Lê Anh Xuân là như vậy.

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

(Văn học Việt Nam trong chương trình lớp 12)

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 (tiếp theo chương trình lớp 11)

1. Quan điểm sáng tác văn học của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Chứng minh mối quan hệ có tính nhất quán của quan điểm sáng tác với sự nghiệp văn học của Người.

2. Truyện *"Vi hành"* và *Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu* được viết với mục đích gì ? Đối tượng vận động, thuyết phục của các tác phẩm ấy là ai ? Từ việc tự giải đáp đúng đắn hai câu hỏi đó, giải thích nội dung và hình thức nghệ thuật của mỗi thiên truyện. Chú ý phân tích nghệ thuật châm biếm sắc sảo, độc đáo của mỗi tác phẩm.

3. Hoàn cảnh ra đời của *Nhật kí trong tù*. Hình tượng Hồ Chí Minh trong *Nhật kí trong tù*. Phân tích và miêu tả phong cách nghệ thuật của thơ Chủ tịch Hồ Chí Minh qua những tác phẩm đã học.

4. Hoàn cảnh sáng tác của bài *Tâm tư trong tù* của Tố Hữu. Phân tích diễn biến tâm trạng và ý chí cách mạng của nhà thơ trẻ trong hoàn cảnh nhà tù.

thuongmaitr

Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975

1. Hãy nêu những tiền đề chung cho sự phát triển của văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975.

2. Đánh giá thành tựu của văn học 1945 - 1975 và những hạn chế của văn học giai đoạn này. Phân tích nguyên nhân của những thành tựu và những hạn chế ấy.

Hãy nêu những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975.

3. Xác định mục đích và đối tượng của bản *Tuyên ngôn Độc lập* - căn cứ vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể khi Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn. *Tuyên ngôn Độc lập* là một bài văn chính luận mẫu mực. Hãy phân tích nội dung và hình thức của bản tuyên ngôn để chứng minh nhận định đó.

4. Vì sao người ta thường nói truyện *Đôi mắt* của Nam Cao là một tuyên ngôn nghệ thuật của lớp nhà văn "tiền chiến" đi theo cách mạng ? Phân tích những đặc sắc của ngòi bút Nam Cao trong việc xây dựng hình tượng nhân vật Hoàng.

5. Phân tích vẻ đẹp khác nhau của hai hình tượng người lính trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng và bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu.

6. So sánh các bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, trích đoạn *Đất Nước* trong trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, tìm hiểu những khám phá riêng của mỗi nhà thơ về đất nước quê hương mình và sắc thái tình cảm riêng của mỗi tác giả đối với Tổ quốc.

7. Những phá hiện khác nhau về số phận người dân lao động, khát vọng và vẻ đẹp tâm hồn của họ qua các tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân, *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, *Mùa lạc* của Nguyễn Khải.

8. Hình ảnh con tàu trong bài thơ *Tiếng hát con tàu* (của Chế Lan Viên) có ý nghĩa gì ? Hãy giải thích nhan đề bài thơ. Phân tích sự gắn bó và niềm biết ơn với nhân dân, đất nước của tác giả thể hiện trong bài thơ qua những kỉ niệm sâu nặng thời kháng chiến chống Pháp. Nhận xét về nghệ thuật sáng tạo hình ảnh của Chế Lan Viên trong bài thơ này.

uongxua.vn

9. Phân tích sức mạnh tạo hình của ngòi bút Huy Cận trong 8 khổ đầu của bài thơ *Các vị La Hán chùa Tây Phương*. Giữa tác giả *Tràng giang* và tác giả *Các vị La Hán chùa Tây Phương* có nét gì chung, có nét gì đã biến đổi ? Nhận xét chỗ hay và chỗ chưa hay của bài thơ.

10. Vì sao nói Tố Hữu là nhà thơ trữ tình - chính trị ? Phân tích và chứng minh mối quan hệ thống nhất giữa hoạt động cách mạng và sáng tác thơ của Tố Hữu. Nhận xét những chuyển biến của thơ Tố Hữu từ nội dung đến hình thức qua các chặng đường thơ (vận dụng những hiểu biết về thơ Tố Hữu tiếp thu được ở chương trình THCS và THPT : *Từ ấy, Tâm tư trong tù, Tiếng hát đi đày* trong tập ***Từ ấy*** ; *Phá đường, Lượm, Ta đi tới, Việt Bắc* trong tập ***Việt Bắc*** ; *Quê mẹ, Mẹ Tơm* trong tập ***Gió lộng*** ; *Bác ơi, Theo chân Bác, Kính gửi cụ*

Nguyễn Du trong tập ***Ra trận*** và những bài thơ khác ngoài chương trình mà anh (chị) biết). Những nét cơ bản của phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

11. Đặc điểm con người Nguyễn Tuân. Những nét cơ bản của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân. Bài tùy bút *Người lái đò Sông Đà* thể hiện đậm nét phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân như thế nào ? Phân tích những nét độc đáo của hai hình tượng trong bài tùy bút : sông Đà và người lái đò sông Đà. So sánh *Chữ người tử tù* (chương trình lớp 11) với *Người lái đò Sông Đà,* nhận xét những chỗ thống nhất và những chỗ khác biệt về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám.

12. Chủ nghĩa nhân đạo của Nguyên Hồng thể hiện trong đoạn "Huệ Chi trước lễ cưới" (trích tiểu thuyết *Cửa biển*). Nghệ thuật phân tích, diễn tả tâm lí của Nguyên Hồng qua đoạn văn trên.

13. Các tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi, *Mảnh trăng cuối rừng* của Nguyễn Minh Châu, *Quán rượu người câm* của Nguyễn Quang Sáng đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để rút ra nhận xét về những tìm tòi sáng tạo có đặc sắc riêng của mỗi tác phẩm trong việc xây dựng tình huống truyện và thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

14. Sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của Xuân Quỳnh qua bài thơ *Sóng*. Đặc sắc về mặt nghệ thuật của bài thơ này.

15. Dựng thư mục những tác phẩm văn học Việt Nam đã học (và đọc thêm) ở chương trình lớp 12. Sắp xếp theo hai thể loại (thơ ; truyện, kí) và theo trật tự thời gian. Mỗi tác phẩm đều cần ghi rõ : tên tác phẩm, tên tác giả, thời điểm ra đời, nội dung chính.

16. Học xong chương trình văn học Việt Nam lớp 12, anh (chị) thấy thích nhà văn nào nhất, thích bài văn, bài thơ, đoạn văn, đoạn thơ nào nhất ? Vì sao ?

thuongmaitr

MỤC LỤC

Tên bài	Người biên soạn	Trang
PHẦN BA		
Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 *(tiếp theo chương trình lớp 11)*		
– Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh	Hà Minh Đức	3
– "Vi hành" (*Nguyễn Ái Quốc*)	Hoàng Như Mai	13
– Nhật kí trong tù (*Hồ Chí Minh*)	Nguyễn Đăng Mạnh	18
+ Chiều tối	Hoàng Như Mai	20
+ Giải đi sớm	–	21
+ Cảnh chiều hôm	Nguyễn Đăng Mạnh	23
+ Mới ra tù, tập leo núi	Hoàng Như Mai	24
– Tâm tư trong tù (*Tố Hữu*)	Nguyễn Đăng Mạnh	26
* ĐỌC THÊM		
– Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu (*Nguyễn Ái Quốc*)	Hoàng Như Mai	29
– Đi đường (*Hồ Chí Minh*)	–	34
– Tiếng hát đi đày (*Tố Hữu*)	Nguyễn Đăng Mạnh	35

uongxua.vn

Tên bài	Người biên soạn	Trang
PHẦN BỐN		
Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975		
– Khái quát về văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến 1975	Hà Minh Đức	38
– Tuyên ngôn Độc lập (*Hồ Chí Minh*)	Nguyễn Đăng Mạnh	56
– Đôi mắt (*Nam Cao*)	–	61
– Tây Tiến (*Quang Dũng*)	Hoàng Như Mai	75
– Bên kia sông Đuống (*Hoàng Cầm*)	Nguyễn Đăng Mạnh	78
– Đất nước (*Nguyễn Đình Thi*)	Hoàng Như Mai	85
– Vợ chồng A Phủ (*Tô Hoài*)	Trần Hữu Tá	89
– Vợ nhặt (*Kim Lân*)	–	103
– Tiếng hát con tàu (*Chế Lan Viên*)	Nguyễn Văn Long	118
– Các vị La Hán chùa Tây Phương (*Huy Cận*)	–	123
– Mùa lạc (*Nguyễn Khải*)	–	127
– Tố Hữu	–	143
– Việt Bắc (*Tố Hữu*)	–	154
– Kính gửi cụ Nguyễn Du (*Tố Hữu*)	–	159
– Nguyễn Tuân	Nguyễn Đăng Mạnh	162
– Người lái đò Sông Đà (*Nguyễn Tuân*)	Trần Hữu Tá	168
– Thời và thơ Tú Xương (*Nguyễn Tuân*)	Nguyễn Đăng Mạnh	181
– Huệ Chi trước lễ cưới (*Nguyên Hồng*)	–	190
– Rừng xà nu (*Nguyễn Trung Thành*)	Trần Hữu Tá	197
– Những đứa con trong gia đình (*Nguyễn Thi*)	Nguyễn Đăng Mạnh	212
– Sóng (*Xuân Quỳnh*)	Nguyễn Văn Long	228
– Mảnh trăng cuối rừng (*Nguyễn Minh Châu*)	Trần Hữu Tá	231
– Đất Nước (*Nguyễn Khoa Điềm*)	Nguyễn Văn Long	247

thuongmaitr

Tên bài	Người biên soạn	Trang
* ĐỌC THÊM		
– Tin thắng trận (*Hồ Chí Minh*)	Hoàng Như Mai	253
– Tặng cụ Bùi (*Hồ Chí Minh*)	–	254
– Lên núi (*Hồ Chí Minh*)	–	256
– Đồng chí (*Chính Hữu*)	–	257
– Người đi tìm hình của nước (*Chế Lan Viên*)	Nguyễn Văn Long	259
– Quê mẹ (*Tố Hữu*)	–	263
– Mẹ Tơm (*Tố Hữu*)	–	267
– Tờ hoa (*Nguyễn Tuân*)	Trần Hữu Tá	271
– Mũi Cà Mau (*Xuân Diệu*)	Hoàng Như Mai	276
– Bắt sấu rừng U Minh Hạ (*Sơn Nam*)	Trần Hữu Tá	278
– Bức thư Cà Mau (*Anh Đức*)	–	286
– Quán rượu người câm (*Nguyễn Quang Sáng*)	–	294
– Trở về quê nội (*Lê Anh Xuân*)	Hoàng Như Mai	303
HƯỚNG DẪN ÔN TẬP	Nguyễn Đăng Mạnh	306

ruongxua.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGÔ TRẦN ÁI
VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập :

TRẦN THỊ PHÚ BÌNH
NGUYỄN NGỌC KHANH

Biên tập kĩ - mĩ thuật :

LƯU CHÍ ĐỒNG

Trình bày bìa :

TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in :

PHÒNG SỬA BÀI (NXB GIÁO DỤC)

Chế bản :

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

Thiềm

thuongmaitr

BẢN ĐÍNH CHÍNH

VĂN HỌC 12 – TẬP MỘT

TRANG	DÒNG	ĐÃ IN LÀ	XIN SỬA LÀ
39	2	Từ trái sang phải	Từ phải sang trái

ruongxua.vn

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12

1.	Văn học 12, tập một	*Chỉnh lí hợp nhất*
2.	Văn học 12, tập hai	*Chỉnh lí hợp nhất*
3.	Làm văn 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
4.	Dàn bài Tập làm văn 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
5.	Giải tích 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
6.	Bài tập Giải tích 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
7.	Hình học 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
8.	Bài tập Hình học 12	*Chỉnh lí hợp nhất*
9.	Lịch sử 12, tập một	*Tái bản*
10.	Lịch sử 12, tập hai	*Tái bản*
11.	Địa lí 12	*Tái bản*
12.	Tài liệu Giáo dục công dân 12	*Tái bản*
13.	Sinh học 12	*Tái bản*
14.	Vật lí 12	*Tái bản*
15.	Hóa học 12	*Tái bản*
16.	Kĩ thuật 12 (Kĩ thuật điện)	*Tái bản*
17.	Kĩ thuật 12 (Chăn nuôi)	*Tái bản*
18.	English 12	*Tái bản*
19.	Tiếng Anh 12 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
20.	Tiếng Pháp 12 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
21.	Tiếng Pháp 12 (Hệ 7 năm)	*Tái bản*
22.	Tiếng Nga 12 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
23.	Bài tập Vật lí 12	*Tái bản*
24.	Bài tập Hóa học 12	*Tái bản*
25.	Bài tập Sinh học 12	*Tái bản*
26.	Bài tập thực hành Kĩ thuật 12 (Kĩ thuật điện)	*Tái bản*
27.	Bài tập thực hành Kĩ thuật 12 (Chăn nuôi)	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

VĂN HỌC 12, tập một

In 100.000 bản, khổ 14,3 x 20,3 cm. Tại Nhà máy in Báo QĐND2 - 65 Hồ Văn Huê - Quận Phú Nhuận - TP.HCM. Số in: 859/00. SXB: 831/232-99. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2000.

MS: 3H201m0

Giá: 7.000 đ